

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH KỸ THUẬT

TẬP II: BẢN VẼ

DỰ ÁN: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.759B ĐOẠN TỪ KM21+000 ĐẾN KM24+000

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:

XÃ THIỆN HƯNG, TỈNH ĐỒNG NAI

SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ
THẨM TRA
Theo văn bản số:...../TTQHKĐXD&BTĐB-TVĐT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ:

TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ.

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ

Địa chỉ: Tổ 2, Khu phố Tiến Thành 5, Phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH KỸ THUẬT
TẬP II: BẢN VẼ

DỰ ÁN: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.759B ĐOẠN TỪ KM21+000 ĐẾN KM24+000

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ THIỆN HƯNG, TỈNH ĐỒNG NAI

CHỦ ĐẦU TƯ :

TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ.

CHỦ ĐẦU TƯ
TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC


HOÀNG MẠNH

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ
GIÁM ĐỐC


HÀ CÔNG ĐỊNH

SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ
THẨM TRA
Theo văn bản số:...../ITQH-KĐXD&BTĐB-TVĐT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

THUYẾT MINH

CÔNG TY TNHH
TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ
-----o☆o-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----o☆o-----

Đồng Nai, ngày tháng 03 năm 2026

THUYẾT MINH
HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT
DỰ ÁN: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.759B ĐOẠN TỪ KM21+000
ĐẾN KM24+000.

ĐỊA ĐIỂM: XÃ THIÊN HƯNG, TỈNH ĐỒNG NAI.

Chương I:

CÁC CĂN CỨ LẬP DỰ ÁN

I. CÁC ĐƠN VỊ THỰC HIỆN

1. Chủ đầu tư: Trung tâm Quy hoạch, kiểm định xây dựng và bảo trì đường bộ.

- Địa chỉ: Số 2233/1, Khu phố Cây Chàm, đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai.

- Điện thoại: (0251) 3842322.

2. Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH tư vấn xây dựng AZ.

- Địa chỉ: Tổ 2, Khu phố Tiến Thành 5, Phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai.

- Điện thoại: 0915.627.784.

II. CÁC CĂN CỨ LẬP DỰ ÁN

- Luật đường bộ số 35/2024/QH15 ngày 27/06/2024;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14, ngày 17/6/2020;

- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 26/06/2023; Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/ 11/2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật đấu thầu;

- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính Phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc, bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

- Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

- Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

- Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội;

- Thông tư số 10/2021/TT-BXD ngày 25/08/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 và Nghị định số 44/2016/ NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ;

- Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021;

- Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng Ban hành định mức xây dựng;

- Thông tư số 09/2024/TT-BXD ngày 30/08/2024 sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021;

- Thông tư số 08/2025/TT-BXD ngày 30/05/2025 Sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng Ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

- Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

- Thông tư số 01/2025/TT-BXD ngày 22/01/2025 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình, Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

- Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

- Thông tư số 60/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số nội dung các Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng

8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình và Thông tư số 14/2021/TT-BXD ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng;

- Quyết định số 38/2021/QĐ-UBND ngày 29/9/2021 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quy định về quản lý chất lượng, thi công xây dựng, bảo trì và sự cố công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

- Quyết định số 22/2025/QĐ-UBND ngày 09/05/2025 của UBND tỉnh Bình Phước Ban hành quy định một số nội dung về quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

- Quyết định số 875/QĐ-UBND ngày 26/05/2023 của UBND tỉnh Bình Phước về việc công bố Bộ đơn giá xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Bình Phước – Đơn giá khảo sát xây dựng công trình – Vùng IV;

- Quyết định số 1768/QĐ-UBND ngày 20/12/2025 của UBND tỉnh về việc phê duyệt bổ sung Kế hoạch quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ năm 2026 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai do Sở Xây dựng quản lý;

- Quyết định số 624/QĐ-SoXD ngày 30/12/2025 của Sở Xây dựng về việc công bố Đơn giá nhân công xây dựng; đơn giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Quyết định số 21/QĐ-TTQHKĐXD&BTĐB ngày 13/01/2026 của Trung tâm Quy hoạch, kiểm định xây dựng và Bảo trì đường bộ về việc phê duyệt nhiệm vụ khảo sát để lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật Dự án: Sửa chữa tuyến ĐT.759B đoạn từ Km21+000 đến Km24+000;

- Quyết định số 22/QĐ-TTQHKĐXD&BTĐB ngày 13/01/2026 của Trung tâm Quy hoạch, kiểm định xây dựng và Bảo trì đường bộ về việc phê duyệt nhiệm vụ thiết kế bước lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án: Sửa chữa tuyến ĐT.759B đoạn từ Km21+000 đến Km24+000;

- Quyết định số 60/QĐ-TTQHKĐXD&BTĐB ngày 27/01/2026 của Trung tâm Quy hoạch, kiểm định xây dựng và bảo trì đường bộ về việc phê duyệt dự toán chi phí chuẩn bị đầu tư dự án Sửa chữa tuyến ĐT.759B đoạn từ Km21+000 đến Km24+000;

- Quyết định số 64/QĐ-TTQHKĐXD&BTĐB ngày 28/01/2026 của Trung tâm Quy hoạch, kiểm định xây dựng và bảo trì đường bộ về việc Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án Sửa chữa tuyến ĐT.759B đoạn từ Km21+000 đến Km24+000;

- Quyết định số 70/QĐ-TTQHKĐXD&BTĐB ngày 29/01/2026 của Trung tâm Quy hoạch, kiểm định xây dựng và bảo trì đường bộ về việc phê duyệt kết quả chỉ định thầu Gói thầu số 01 (tư vấn): Khảo sát địa hình, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật Dự án: Sửa chữa tuyến ĐT.759B đoạn từ Km21+000 đến Km24+000;

- Công bố Giá các loại vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai Quý IV năm 2025; Công bố Giá các loại vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai tháng 01, tháng 02 năm 2026;

- Giá nhiên liệu theo công bố của Petrolimex ngày 25/03/2026;

Chương II: Ngày.....tháng.....năm 20.....

VỊ TRÍ, HIỆN TRẠNG TUYẾN ĐƯỜNG

I. VỊ TRÍ, HIỆN TRẠNG TUYẾN.

1. Vị trí

Dự án: Sửa chữa tuyến ĐT.759B đoạn từ Km21+000 đến Km24+000.

- Tổng chiều dài tuyến L=3.162 m, trong đó:

- Hệ cao độ được lập hiện trong hồ sơ là cao độ Hòn Dấu.

- Hệ tọa độ được lập trong hồ sơ là tọa độ VN2000.

II. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN.

1. Địa hình:

- Dọc theo tuyến hầu hết là các công trình kiên cố, chủ yếu là nhà dân và tường rào phân bố rải rác trên tuyến,...vv.

- Bề rộng mặt đường hiện hữu từ là 18,07-20,18m (trung bình 19m), loại mặt đường bê tông nhựa hiện hữu.

- Nhìn chung địa hình tương đối thuận lợi cho việc thi công xây dựng công trình.

2. Địa chất:

- Tình hình địa chất của khu vực tuyến đi qua có thể tham khảo hồ khoan địa chất của các công trình lân cận và tóm tắt về tình hình địa chất khu vực tuyến đi qua như sau:

+ Địa chất công trình theo các tham khảo tài liệu địa chất của khu vực lân cận tương đối thuận lợi cho công tác xây dựng, cấu tạo địa chất ổn định, khả năng chịu lực tương đối tốt, Nhìn chung toàn tuyến có địa chất tương đối ổn định, không có những vị trí bùn hoặc nền đất yếu cần phải xử lý.

+ Đặc điểm chung địa chất khu vực tuyến tương đối đồng nhất về mặt địa tầng và điều kiện chịu tải tương đối ổn định thuận lợi cho việc xây dựng công trình.

3. Khí hậu:

- Khu vực Bắc Đồng Nai nói chung và khu vực tuyến đi qua nói riêng nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa cận xích đạo quanh năm nóng ẩm, lượng mưa phong phú.

Mùa mưa bắt đầu từ tháng 4 đến tháng 11 trùng với gió mùa Tây Nam, mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4

- Nhiệt độ trung bình hàng năm là 29.3°C, cực đại là 38°C, cực tiểu là 18°C.
- Độ ẩm tương đối trung bình hàng năm là 81%.
- Chế độ gió: Chủ yếu là gió mùa Tây Nam. Tốc độ gió khoảng 2-2,5m/s. Gió luân phiên đổi theo mùa, có hai mùa gió trong năm là gió mùa Đông Bắc từ tháng 11 đến tháng 4 và gió Tây Nam từ tháng 5 đến tháng 10 mang nhiều hơi nước dễ gây mưa.

4. Thủy văn:

- Theo số liệu khảo sát và điều tra do Công ty thu thập ngoài thực địa khu vực dọc theo suốt chiều dài tuyến thì mực nước không xuất hiện thường xuyên, trên cơ sở đó chúng ta có thể khẳng định rằng tuyến đường chuẩn bị xây dựng không chịu ảnh hưởng của thủy triều cũng như mực nước ngầm và đây cũng là điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng tuyến đường.

III. SỰ CẦN THIẾT ĐẦU TƯ, MỤC TIÊU.

1. Sự cần thiết đầu tư :

- Dự án Sửa chữa tuyến ĐT.759B đoạn từ Km21+000 đến Km24+000 là các tuyến đường giao thông quan trọng nối các vùng kinh tế trong khu vực, các trung tâm xã Thiện Hưng, Tân Tiến... với nhau. Hiện trạng đoạn tuyến hiện hữu được đầu tư xây dựng kết cấu mặt đường bê tông nhựa rộng trung bình 18,07-20,18m.
- Dựa trên nhu cầu đi lại hiện tại của nhân dân, nhu cầu vận tải hàng hóa và tạo điều kiện phát triển kinh tế liên vùng nên việc đầu tư xây dựng Dự án Sửa chữa tuyến ĐT.759B đoạn từ Km21+000 đến Km24+000 là hết sức cần thiết. Khi dự án sẽ đem lại những hiệu quả về kinh tế xã hội to lớn. Từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng, đáp ứng nhu cầu lưu thông, vận chuyển hàng hoá, góp phần đảm bảo an ninh Quốc phòng. Đáp ứng nhu cầu phát triển KT-XH của toàn khu vực.

2. Mục tiêu đầu tư:

- Sửa chữa tuyến ĐT.759B đoạn từ Km21+000 đến Km24+000 đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội - văn hóa.
- Việc đầu tư sửa chữa đoạn tuyến đảm bảo nhu cầu đi lại, giao thương của nhân dân trong vùng, đảm bảo ATGT, tăng tính cơ động kết nối giữa tuyến đường các xã Thiện Hưng, Thiện Hưng, Tân Tiến..., dần hoàn thiện mạng lưới giao thông liên hoàn và đồng bộ cho các tuyến, đặc biệt góp phần quan trọng trong việc phát triển kinh tế xã hội, nâng cao trình độ dân trí cho các xã trên địa bàn.
- Từng bước hoàn thiện mạng lưới giao thông của huyện theo quy hoạch được duyệt, từ đó thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội, góp phần đảm bảo an ninh Quốc phòng trong toàn xã nói riêng và của tỉnh Đồng Nai nói chung.

IV. QUY CHUẨN, TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG :

1. Tiêu chuẩn áp dụng cho công tác khảo sát, thiết kế.

- Quy trình khảo sát xây dựng – Nguyên tắc cơ bản TCVN4419:1987;
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng lưới độ cao QCVN 11:2008/BTNMT.
- Công tác trắc địa trong xây dựng - Yêu cầu chung TCVN 9398:2012;
- TCCS 31:2020/TCĐBVN: Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát;
- Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô TCVN 4054-2005;
- TCCS 38:2022/TCĐBVN: Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế;
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ: QCVN41:2024/BGTVT;
- Gờ giảm tốc, gờ giảm tốc trên đường bộ - Yêu cầu thiết kế TCCS 34:2020/TCĐBVN;
- Nền đường ô tô - Thi công và nghiệm thu TCVN 9436:2012;

2. Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu.

- Công tác nền móng - thi công và nghiệm thu TCVN9361:2012;
- Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu nền đường ô tô TCVN 9436:2012;
- TCVN 13567-1:2022 Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng – Thi công và nghiệm thu – Phần 1: Bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường thông thường;
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ: QCVN41:2024/BGTVT;
- Sơn tín hiệu giao thông - Vật liệu kẻ đường phản quang nhiệt dẻo - Yêu cầu kỹ thuật, phương pháp thử, thi công và nghiệm thu TCVN 8791:2018;
- Sơn tín hiệu giao thông - Sơn vạch đường hệ dung môi - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử TCVN 8787:2011;
- TCCS 14:2016/TCĐBVN: Tiêu chuẩn về tổ chức giao thông và bố trí phòng hộ khi thi công trên đường bộ đang khai thác;

Và các tiêu chuẩn, quy trình hiện hành có liên quan.

3. Yêu cầu về độ chặt:

- Tuân theo các tiêu chuẩn hiện hành.

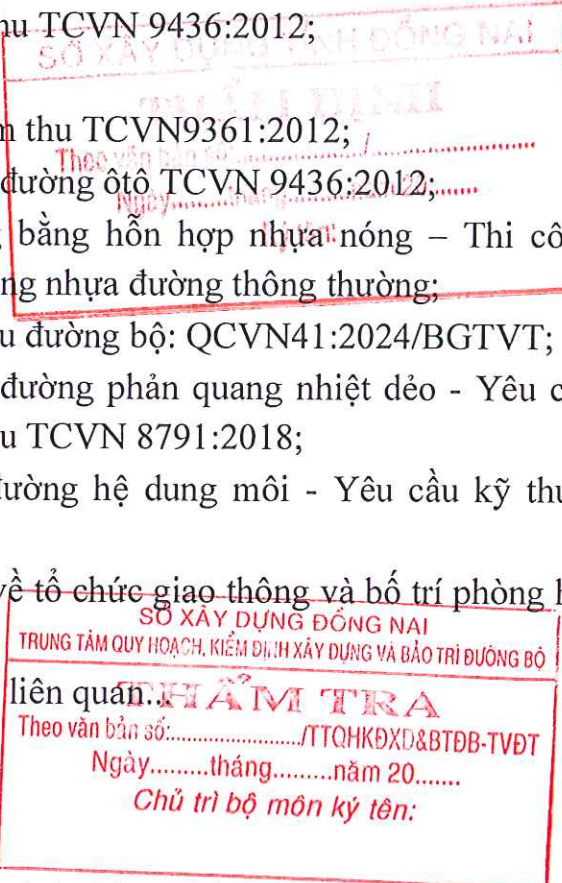
4. Điều kiện thi công:

- Phải tuân thủ theo đúng tiêu chuẩn, quy trình, các văn bản hiện hành và đảm bảo an toàn giao thông trong quá trình thi công.

5. Hiện trạng hư hỏng mặt đường:

BẢNG THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG HƯ HỎNG TRÊN MẶT ĐƯỜNG HIỆN HỮU

STT	LÝ TRÌNH		HƯ HỎNG BONG TRóc VẬT LIỆU, RẠN NÚT MẶT ĐƯỜNG		GHI CHÚ
	TỪ	ĐẾN	DÀI (M)	RỘNG (TRUNG BÌNH) (M)	



1	Km21+000	Km24+000	3.161,53	19,00	Toàn mặt
TỔNG CỘNG			3.161,53		

BẢNG KHỐI LƯỢNG HƯ HỎNG CỤC BỘ.

STT	Từ	Đến	Làn	Dài (m)	Rộng (m)	Chu vi (m)	Diện tích (m2)	Phân loại hư hỏng	Ghi chú
1	Km21+176,81	Km21+178,68	1	1,87	1,90	7,54	3,55	Hư hỏng nặng xình lún đến nền đường	Bên trái
2	Km21+214,56	Km21+243,41	1+2	28,85	6,29		181,47	Bong tróc, rạn nứt, hằn lún mặt đường	Bên phải, sát tim
3	Km21+260,91	Km21+290,00	1+2	29,09	4,19		121,89	Bong tróc, rạn nứt, hằn lún mặt đường	Bên phải, sát tim
4	Km21+341,45	Km21+417,28	1+2	75,83	4,68		354,88	Bong tróc, rạn nứt, hằn lún mặt đường	Bên phải, sát tim
5	Km21+594,47	Km21+703,39	1+2	108,92	4,75		517,37	Bong tróc, rạn nứt, hằn lún mặt đường	Bên phải, sát tim
6	Km21+856,78	Km22+004,55	1+2	147,77	4,30		635,41	Bong tróc, rạn nứt, hằn lún mặt đường	Bên phải, sát tim
7	Km22+004,55	Km22+131,01	1+2	126,46	5,90		746,11	Bong tróc, rạn nứt, hằn lún mặt đường	Bên phải, sát tim
8	Km22+080,88	Km22+085,64	1	4,76	1,77	13,06	8,43	Hư hỏng nặng xình lún đến nền đường	Bên trái
9	Km22+085,38	Km22+088,19	1	2,81	1,88	9,38	5,28	Hư hỏng nặng xình lún đến nền đường	Bên phải, sát tim
10	Km22+093,25	Km22+094,89	1	1,64	1,48	6,24	2,43	Hư hỏng nặng xình lún đến nền đường	Bên phải, sát tim
11	Km22+810,12	Km22+812,94	1	2,82	3,50	12,64	9,87	Hư hỏng nặng xình lún đến nền đường	Bên phải, sát tim
12	Km22+938,23	Km23+195,00	1+2	24,50	7,60	64,2	186,20	Hư hỏng nặng xình lún đến nền đường	Bên phải, sát tim
13	Km22+947,75	Km23+332,00	1	7,60	2,34	19,88	17,78	Hư hỏng nặng	Bên trái,

STT	Từ	Đến	Làn	Dài (m)	Rộng (m)	Chu vi (m)	Diện tích (m2)	Phân loại hư hỏng	Ghi chú
								xình lún đến nền đường	sát tim
14	Km23+175,31	Km23+866,00	1	9,80	2,70	25	26,46	Hư hỏng nặng xình lún đến nền đường	Bên phải, sát tim
15	Km23+249,76	Km23+857,00	1	6,60	3,00	19,2	19,80	Hư hỏng nặng xình lún đến nền đường	Bên phải, sát tim
16	Km23+253,78	Km23+857,00	1	4,05	3,85	15,8	15,59	Hư hỏng nặng xình lún đến nền đường	Bên trái, sát tim
17	Km23+263,55	Km23+857,00	1	7,50	2,70	20,4	20,25	Hư hỏng nặng xình lún đến nền đường	Bên trái, sát tim
18	Km23+782,93	Km23+857,00	1	23,85	3,80	55,3	90,63	Hư hỏng nặng xình lún đến nền đường	Bên phải, sát tim

- Hệ thống vạch sơn trên đoạn tuyến từ Km21+000 - Km24+161,53 được xây dựng theo QCVN 41:2012/BGTVT đã không còn phù hợp với quy định hiện hành; đồng thời vạch sơn; biển báo đã bị mờ, hư hỏng không thể tận dụng lại.

Chương III:
QUY MÔ VÀ TIẾN ĐỘ DỰ ÁN

I. Quy mô công trình:

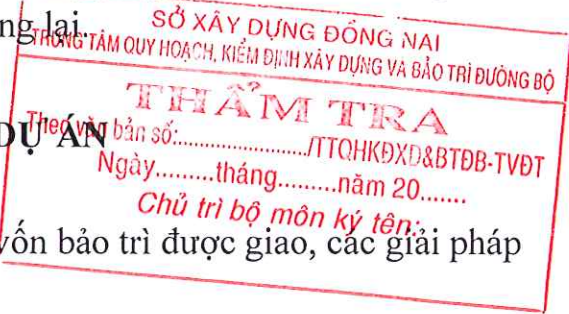
Trên cơ sở nền, mặt đường hiện hữu và kế hoạch vốn bảo trì được giao, các giải pháp sửa chữa được áp dụng như sau:

- Tuyến ĐT.759B.
- Điểm đầu tuyến: Km21+00 – Trên tuyến ĐT.759B – xã Thiện Hưng.
- Điểm cuối: Km24+161,53 – Trên tuyến ĐT.759B – Vòng Xoay Thiện Hưng.
- Chiều dài tuyến nghiên cứu khoảng: Khoảng 3.161,53 m.
- Cấp công trình chính: Công trình giao thông; Công trình cấp III (Mục 1.4.1.2 Theo TT 06-2021/TT-BXD), vận tốc thiết kế 60Km/h.

* Quy mô mặt cắt ngang như sau:

- Chiều rộng mặt đường trung bình : 19,0 m;
- Chiều rộng lề đường trung bình : 1,50m x 2 bên = 3m;
- Chiều rộng nền đường tối thiểu trung bình : 22,0m;
- Độ dốc ngang mặt đường : Theo mặt cắt ngang chi tiết;

II. Giải pháp thiết kế.



1. Bình đồ, trắc dọc và trắc ngang tuyến:

- Bình đồ: Tuyến đường được thiết kế chủ yếu bám theo hiện trạng tuyến; Tại các vị trí chuyển hướng đều được bố trí bán kính đường cong (ngoại trừ các vị trí có góc chuyển hướng nhỏ) đảm bảo tiêu chuẩn đường.

- Trắc dọc tuyến: Trắc dọc tuyến đường thiết kế chủ yếu bám theo hiện trạng đường hiện hữu. Trên tuyến có điểm khống chế là điểm đầu tuyến lấy theo cao độ khống chế tuyến đường nhựa. Cao độ thiết kế trên trắc dọc là cao độ tại tim mặt đường và là cao độ hoàn thiện, đảm bảo nền đường êm thuận và chiều dày kết cấu tối thiểu.

- Trắc ngang tuyến:

- + Bề rộng mặt đường : 18,07 - 20,18m;
- + Độ dốc ngang mặt đường (dốc 2 mái) bám theo độ dốc ngang hiện hữu mặt đường.

2. Giải pháp thiết kế sửa chữa:

- *Kết cấu sửa chữa đối với các vị trí hư hỏng cục bộ rạn nứt, hàn lún nhẹ mặt đường từ trên xuống như sau (KC – I):*

- Cào bóc lớp kết bê tông nhựa đã bị hư hỏng dày trung bình 5cm.
- Tưới lớp thấm bám bằng nhũ tương, lượng nhũ tương 1,0 kg/m².
- Hoàn trả lớp bê tông nhựa C19 dày 5cm, lu lèn đạt K ≥ 0,98.
- *Kết cấu sửa chữa đối với các vị trí hư hỏng cục bộ nặng xình lún đến nền đường từ trên xuống như sau (KC – II):*

+ Nền đường sau khi cắt, đào lớp kết cấu đã bị hư hỏng và lu lèn lại nền đường nguyên thổ đạt K ≥ 0,95.

- + Lớp cấp phối đá dăm dày 35cm, lu lèn đạt K ≥ 0,98.
- + Tưới lớp thấm bám bằng nhũ tương, lượng nhũ tương 1,0 kg/m².
- + Hoàn trả lớp bê tông nhựa C19 dày 5cm, lu lèn đạt K ≥ 0,98.

- *Kết cấu sửa chữa tăng cường toàn diện mặt đường như sau:*

+ Sau khi thi công sửa chữa các hư hỏng nền, mặt đường bằng các giải pháp trên. Tiến hành vệ sinh và tưới lớp dính bám bằng nhũ tương, lượng nhũ tương 0,5 kg/m².

+ Thảm bù vênh tạo phẳng bằng lớp BTN C12.5 dày trung bình 1,6cm (đối với các vị trí mặt đường hiện hữu).

+ Thảm lớp bê tông nhựa C12.5 dày trung bình 5cm đến cao độ thiết kế, lu lèn đạt K ≥ 0,98.

- *Kết cấu sửa chữa đối với các vị trí vuốt nối như sau:*

- + Thảm lớp bê tông nhựa C12.5 dày trung bình 2,5cm, lu lèn đạt K ≥ 0,98.
- + Tưới lớp dính bám bằng nhũ tương, lượng nhũ tương 0,5 kg/m².
- + Vệ sinh mặt đường cũ.

- *Hệ thống thoát nước dọc:* Tận dụng lại hệ thống thoát nước dọc hiện hữu.

- *Hệ thống thoát nước ngang:* Tận dụng lại hệ thống thoát nước ngang hiện hữu.

- *Hệ thống an toàn giao thông:* Tận dụng lại hệ thống an toàn giao thông hiện hữu. Đồng thời, điều chỉnh, bổ sung thiết kế hệ thống an toàn giao thông đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định tại QCVN41:2024/BGTVT.

Chi tiết theo hồ sơ bản vẽ thiết kế.

III. GIẢI PHÁP KỸ THUẬT CHUNG:

1. Yêu cầu kỹ thuật:

- Biện pháp thi công: Cơ giới kết hợp với thủ công.
- Vật tư thi công phải có phiếu kiểm nghiệm.
- Đơn vị thi công phải thực hiện các quy định bảo vệ môi trường trong thi công xây dựng công trình và chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường ngành xây dựng ban hành kèm theo Thông tư số 01/2023/TT-BXD ngày 16/01/2023 của Bộ Xây dựng.

2. Tổ chức thi công:

- Yêu cầu cơ bản về tổ chức thi công là phải lập sơ đồ bố trí thi công và tổ chức đảm bảo giao thông một cách chặt chẽ, bố trí biển báo, rào cản... Để đảm bảo an toàn và thuận tiện cho thi công, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các ban, ngành chức năng trong việc quy định trình tự và biện pháp thi công. Để tổ chức và điều hành được thuận tiện, nên tổ chức một ban điều hành chung dưới sự chỉ đạo của Chủ đầu tư.

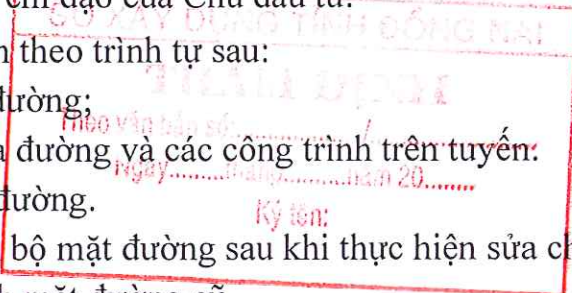
- Các bước thi công được thực hiện theo trình tự sau:
- + Cắm các cọc mốc, cọc đỉnh tim đường;
- + Xác định ranh giới định dạng của đường và các công trình trên tuyến;
- + Xác định các vị trí hư hỏng trên đường.
- + Đối với kết cấu thảm bảo trì toàn bộ mặt đường sau khi thực hiện sửa chữa:

. Tiến hành quét dọn đất, vệ sinh sạch mặt đường cũ.
. Tưới lớp dính bám bằng nhũ tương, lượng nhũ tương 0,5 kg/m².
. Thảm bù vênh tạo phẳng bằng lớp BTN C12.5 dày trung bình 1,6cm (đối với các vị trí mặt đường hiện hữu).

- . Thảm lớp bê tông nhựa C12.5 dày trung bình 5cm, lu lèn đạt K ≥ 0,98.
- + Đối với các vị trí mặt đường sửa chữa theo KC-I:
. Thi công cào bóc phần kết cấu mặt đường đã bị hư hỏng.
. Tưới lớp thấm bám bằng nhũ tương, lượng nhũ tương 1,0 kg/m².
. Hoàn trả lớp bê tông nhựa C19 dày 5cm, lu lèn đạt K ≥ 0,98.

+ Đối với các vị trí mặt đường sửa chữa theo KC-II:
. Thi công cắt, đào bỏ phần kết cấu mặt đường đã bị hư hỏng và lu lèn lại nền đường nguyên thổ.

- . Lớp cấp phối đá dăm dày 35cm, lu lèn đạt K ≥ 0,98.
- . Tưới lớp thấm bám bằng nhũ tương, lượng nhũ tương 1,0 kg/m².



- Hoàn trả lớp bê tông nhựa C19 dày 5cm, lu lèn đạt $K \geq 0,98$.
- + Sơn vạch kẻ đường, hoàn thiện bàn giao chủ đầu tư, đưa công trình vào sử dụng.
- Các lưu ý trong quá trình thi công: Trong quá trình thi công cần thường xuyên theo dõi, nếu phát hiện vướng mắc với các công trình kỹ thuật khác cần thông báo ngay cho tư vấn giám sát, Ban quản lý dự án và Tư vấn thiết kế để kịp thời xử lý.
- + Khi thi công và vận chuyển vật liệu phải có biện pháp che chắn chống bụi (phủ bạt khi chờ vật liệu).
- + Thu gom và vận chuyển các chất thải công trường đến nơi được phép đổ.
- + Đậu xe nơi an toàn, không gây cản trở cho quá trình lưu thông.
- + Khi san mặt bằng, phải có biện pháp tiêu nước. Không để nước tràn qua mặt bằng và không để hình thành vũng đọng trong quá trình thi công.
- + Trong quá trình thi công đối với các công nhân lưu trú trên địa bàn phải có danh sách thông báo cho địa phương được biết và quản lý.

3. Công tác hoàn thiện:

- Sau khi thi công xong một hạng mục công trình thì cần phải thu dọn mặt bằng, nhằm đảm bảo cho việc mỹ quan và vệ sinh môi trường. Toàn bộ vật liệu, đất đào, khối lượng nạo vét phải vận chuyển ra khỏi công trình.
- Thường xuyên kiểm tra và có kế hoạch sửa chữa nhỏ để kéo dài tuổi thọ công trình.
- Công trình dự kiến hoàn thành 90 ngày sau khi được bàn giao mặt bằng thi công.

4. Giải pháp phòng chống cháy nổ :

- Trong quá trình thi công các thiết bị cơ giới phải được kiểm tra kỹ thuật trước khi thi công để đảm bảo an toàn lao động và phòng chống cháy nổ.
- Việc sử dụng và vận chuyển, tồn trữ xăng dầu phục vụ quá trình thi công phải được quản lý chặt chẽ, có thùng chứa an toàn.
- Khi khai thác, chính quyền địa phương cần tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân về các quy tắc an toàn phòng chống cháy nổ trong sinh hoạt.
- Khi xảy ra sự cố cháy nổ thì phải báo cho lực lượng chữa cháy gần nhất và tự chữa cháy tại chỗ. Nguồn nước được lấy từ các sông rạch hiện hữu hoặc từ các nguồn nước sinh hoạt trong khu vực

IV. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN VÀ HÌNH THỨC QUẢN LÝ DỰ ÁN:

1. Tổ chức thực hiện:

- Chủ đầu tư: Trung tâm Quy hoạch, kiểm định xây dựng và bảo trì đường bộ.
- Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án hoặc thuê tư vấn.
- Thiết kế: thiết kế 1 bước: Thiết kế hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật.
- Đơn vị thiết kế BCKTKT: lựa chọn theo quy định hiện hành.

- Đơn vị thi công: Lựa chọn theo quy định hiện hành.

2. Tiến độ thực hiện dự án:

- Dự kiến tiến độ thực hiện dự án: Năm 2026.
- Hoàn thành và phê duyệt dự án: tháng 04/2026.
- Tổ chức đầu thầu thi công: 05/2026.
- Thi công công trình: 90 ngày.

V. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN.

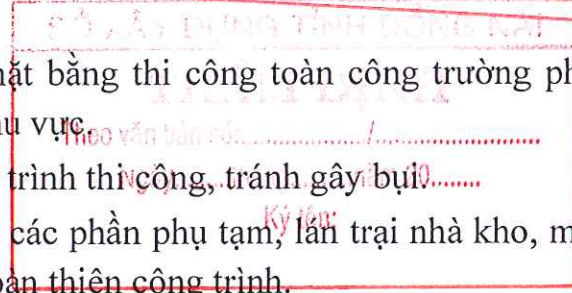
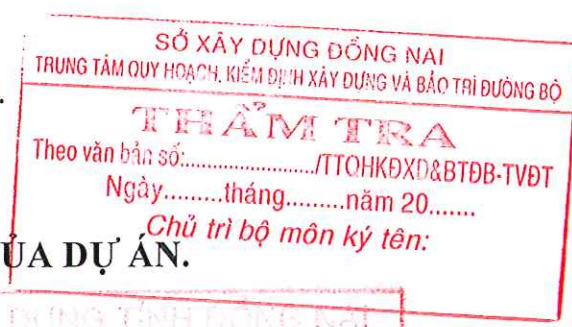
1. Bảo vệ môi trường.

- Bảo vệ cảnh quang môi trường, mặt bằng thi công toàn công trường phải luôn được tổ chức thu xếp gọn gàng theo từng khu vực.
- Tưới ẩm vật liệu, tuân thủ theo quy trình thi công, tránh gây bụi.
- Hoàn trả lại mặt bằng xây dựng và các phần phụ tạm, lán trại nhà kho, mặt bằng tại vị trí khai thác vật liệu đã thi công khi hoàn thiện công trình.
- Giải phóng và san bằng những ụ đất thừa trong quá trình thi công.
- Tuyệt đối không để các chất thải làm ảnh hưởng xấu đến cây trồng như: Xăng, dầu, nhớt xả,... xâm nhập vào nguồn nước tưới, ao hồ, sông, suối trong khu vực. Khoảng cách bố trí lán trại, xe máy và vật liệu đến nguồn nước tối thiểu là 50m.
- Khi tập kết vật liệu đến chân công trình bằng xe ô tô thì phải phủ bạt che kín thùng, không để vật liệu rơi vãi dọc đường vận chuyển. Tại khu vực đông dân cư phải hạn chế tốc độ xe thi công chạy đến mức thấp nhất để hạn chế việc gây bụi, ô nhiễm môi trường.
- Sau khi thi công xong công trình, cùng với việc hoàn thiện tạo dáng cho công trình, mặt bằng thi công phải được dọn dẹp gọn gàng, hoàn trả lại tốt hơn so với ban đầu đảm bảo sự phát triển bình thường trong khu vực.
- Khi chuyển quân, lán trại tạm được làm theo kiểu lắp ráp dễ di chuyển, biện pháp thi công đơn giản. Trước khi chuyển đi nơi khác lán trại nhà kho phải được dỡ dọn cùng với việc làm vệ sinh trong khu vực, xử lý rác thải trong quá trình thi công để lại.

2. Ảnh hưởng môi trường trong quá trình thi công dự.

a. Bụi và tiếng ồn:

- Trong quá trình thi công tuyến đường sẽ có bụi, tiếng ồn do máy móc thi công và các thiết bị chuyên dụng, vận chuyển vật liệu gây ra nên ít nhiều cũng làm ảnh hưởng đến không khí và sinh hoạt của người dân. Để giảm tối thiểu tác động bất lợi trên đơn vị thi công nhất thiết phải có biện pháp thi công phù hợp như vận chuyển đất, đá các loại bằng ô tô phải phun nước cho ẩm, đồng thời phải dùng bạt che phủ để tránh bụi khuếch tán ra ngoài không khí khi vận chuyển vật liệu. Khi thời tiết hanh khô phải tiến hành phun nước



ảm mắt đường thường xuyên. Đối với các công việc gây nên tiếng ồn chỉ được thi công vào ban ngày. Công nhân trực tiếp thi công cần cấp phát trang thiết bị bảo hộ lao động.

b. Ách tắc giao thông:

- Việc tập kết vật liệu xây dựng dọc theo tuyến đường có thể xảy ra ách tắc giao thông cục bộ. Do vậy, cần đảm bảo tập kết vật liệu và tiến trình thi công, tránh ách tắc có thể xảy ra.

c. Hư hỏng hoa màu thiệt hại về nông nghiệp:

- Trong quá trình thi công đất, đá, sỏi đỏ, nhựa đường, vật liệu, BTXM... có thể tràn xuống kênh mương, ao đầm ... dọc tuyến đường có thể gây thiệt hại đến sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản (nếu có). Do đó, trong quá trình thi công cần phải lưu ý trước và giáo dục công nhân trực tiếp thi công tránh những hành động vô ý và bất cẩn để có thể làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh, cũng như đảm bảo giao thông trên đường.

d. Ảnh hưởng sinh hoạt nhân dân:

- Trong quá trình thi công xây dựng đường và các công trình trên đường ảnh hưởng ít nhiều tới sinh hoạt hàng ngày của nhân dân trong vùng như trẻ em đến lớp học, người đi đường. Vì vậy, đơn vị thi công cần tổ chức thi công theo phương pháp cuốn chiếu dứt điểm từng hạng mục công trình để hạn chế việc gây trở ngại cho nhân dân. Những đoạn tuyến qua vùng dân cư đông đúc cần có biện pháp thi công hợp lý như cấm biển báo hiệu, bố trí người canh gác.

e. Vấn đề giao tiếp với nhân dân:

- Đơn vị thi công cần lưu ý đến vấn đề nơi ăn chốn ở của công nhân, việc đi lại giao tiếp của cán bộ công nhân viên với nhân dân, phải giữ gìn tình đoàn kết với nhân dân trong vùng và chính quyền địa phương, đồng thời phải giữ gìn an ninh trật tự trong suốt quá trình thi công.

3. Mặt tích cực của dự án.

- Sau khi dự án hoàn thành, sẽ tác động tích cực đến môi trường xã hội trong khu vực về mọi lĩnh vực, đời sống nhân dân sẽ được nâng cao, cảnh quan khu vực thông thoáng sinh động văn minh, lịch sự, tiềm năng khu vực có điều kiện khai thác đúng mức tạo cơ hội đẩy mạnh phát triển ...

- Tóm lại, tác động xấu với môi trường hoàn toàn có thể khắc phục, các biện pháp giảm nhẹ trong khi thi công đều có thể thực hiện được. So với hiệu quả lớn lao dự án mang lại thì các tác động tiêu cực nói trên không đáng kể.

Chương IV:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Địa điểm đầu tư: xã Thiện Hưng, tỉnh Đồng Nai.
- Nguồn vốn: Sự nghiệp giao thông.
- Hình thức quản lý thực hiện dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý hoặc thuê tư vấn.

- Chủ đầu tư: Trung tâm Quy hoạch, kiểm định xây dựng và bảo trì đường bộ.
- Đơn vị khảo sát thiết kế: Công ty TNHH tư vấn xây dựng AZ.

Chương IV:

TỔNG DỰ TOÁN

Tổng giá trị dự toán: **29.078.530.507** đồng. (Bằng chữ: Hai mươi chín tỷ, không trăm bảy mươi tám triệu, năm trăm ba mươi nghìn, năm trăm linh bảy đồng).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	25.437.483.970	đồng
- Chi phí quản lý dự án:	477.470.995	đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	1.266.979.791	đồng
- Chi phí khác:	511.903.822	đồng
- Chi phí dự phòng:	1.384.691.929	đồng

Chương V:

KIẾN NGHỊ VÀ KẾT LUẬN Ký tên:

I. KẾT LUẬN

- Việc đầu tư dự án: **Sửa chữa tuyến ĐT.759B đoạn từ Km21+000 đến Km24+000** là nhu cầu cấp bách và cần thiết nhằm đáp ứng nhu cầu lưu thông, từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng của khu vực đáp ứng nhu cầu phát triển KT-XH của huyện.

II. KIẾN NGHỊ

- Qua những phân tích, đánh giá đã nêu, Đơn vị Tư vấn Thiết kế kính trình các cấp có thẩm quyền sớm xem xét và phê duyệt dự án để tạo điều kiện thuận lợi triển khai các công tác tiếp theo.

Người lập



KS. Võ Minh Tâm

Số chứng chỉ: BIP-00033096 - Hạng 2

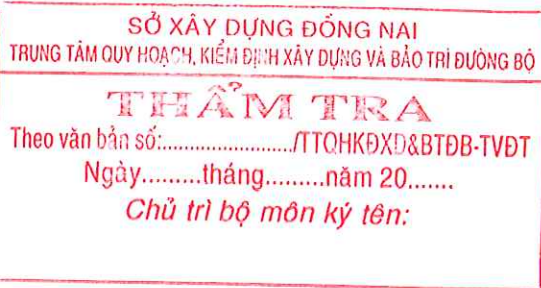
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY

DỰNG AZ

Giám đốc



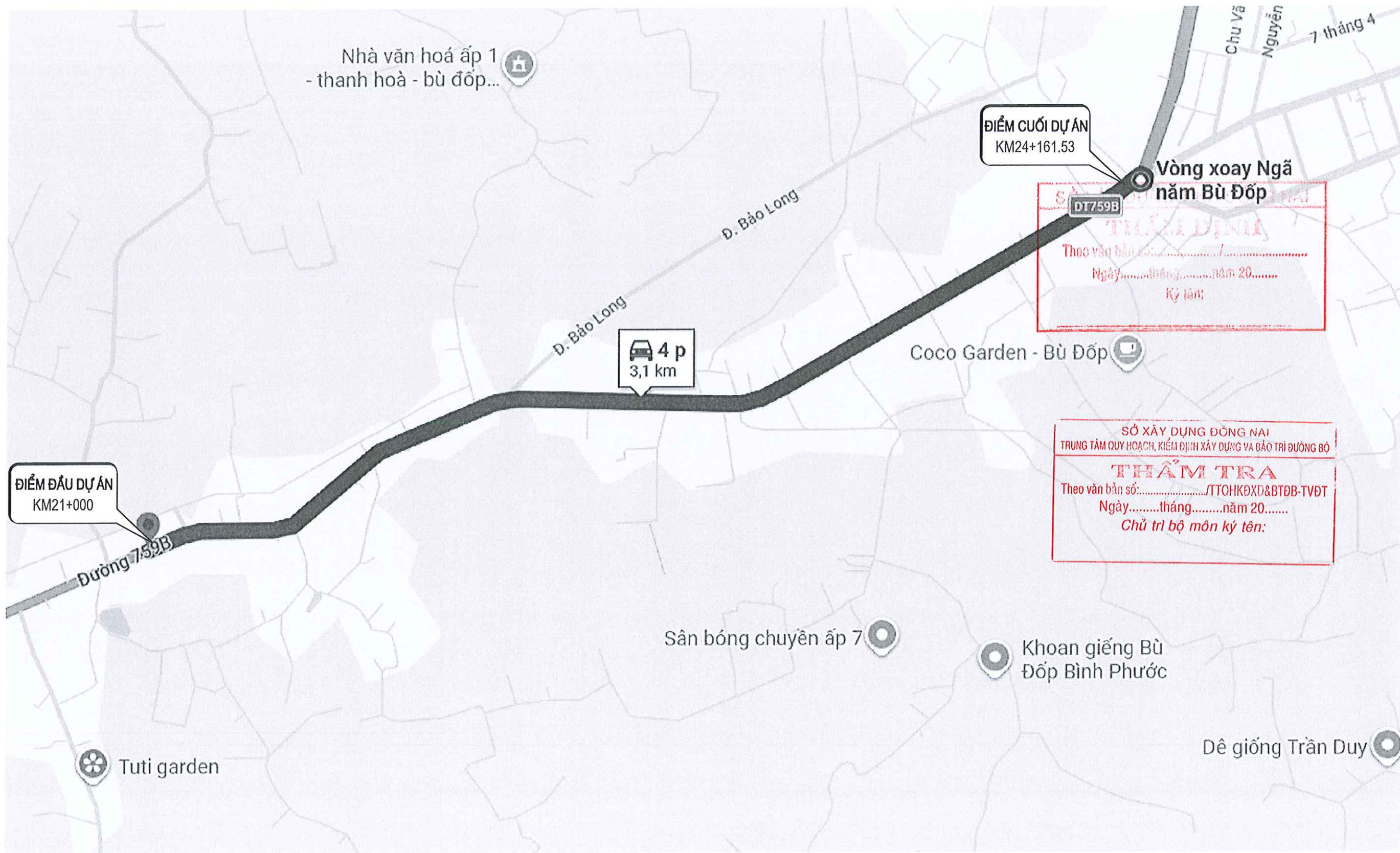
Hà Công Định



SỞ XÂY DỰNG TỈNH DỒNG NAI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

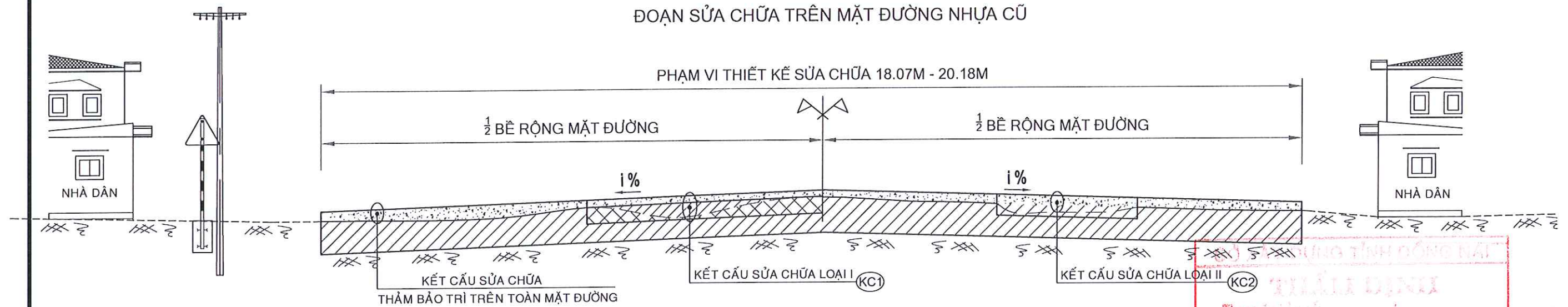
BẢN VẼ CHUNG

HỌA ĐỒ VỊ TRÍ TUYẾN

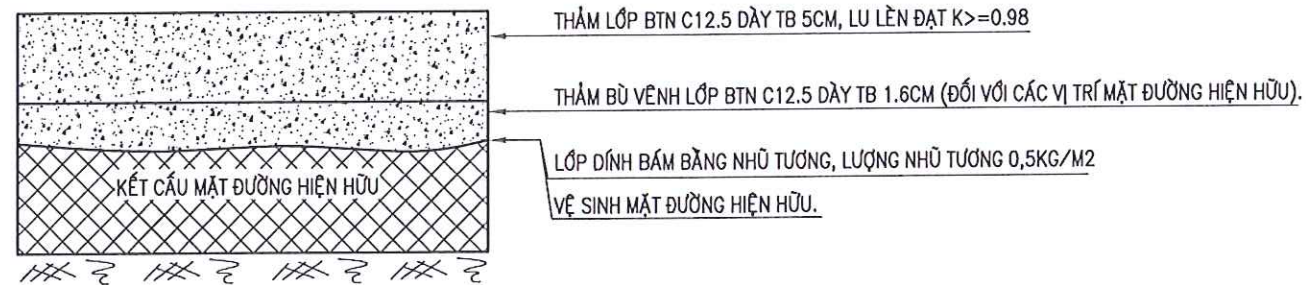


TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ	HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.759B ĐOẠN TỪ KM21+000 ĐẾN KM24+000 ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIỆN HƯNG, TỈNH ĐỒNG NAI	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	ĐỒNG NAI, THÁNG NĂM 2026 ĐƠN VỊ TƯ VẤN	BẢN VẼ THIẾT KẾ	
		CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. VÕ MINH TÂM			HỌA ĐỒ VỊ TRÍ TUYẾN	
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ TRỤ SỞ: TỐ 2, KHU PHỐ TIẾN THÀNH B, P. ĐỒNG XOÀI, TỈNH ĐỒNG NAI		THỰC HIỆN	KS. HÂN VĂN TỬ				
		KIỂM TRA	KS. VÕ MINH TÂM			TỶ LỆ:	BẢN VẼ SỐ:

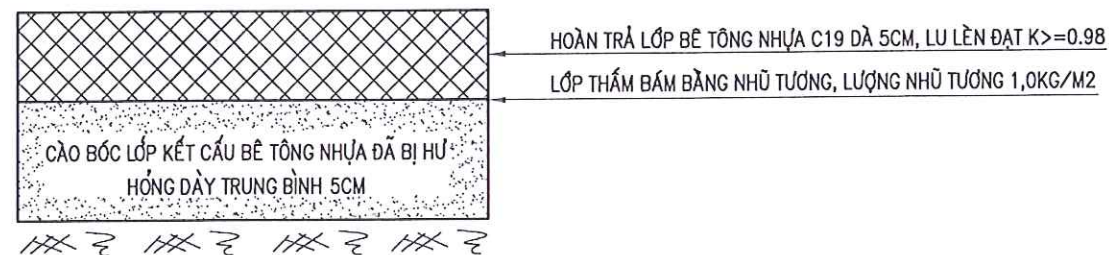
MẶT CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH
ĐOẠN SỬA CHỮA TRÊN MẶT ĐƯỜNG NHỰA CŨ



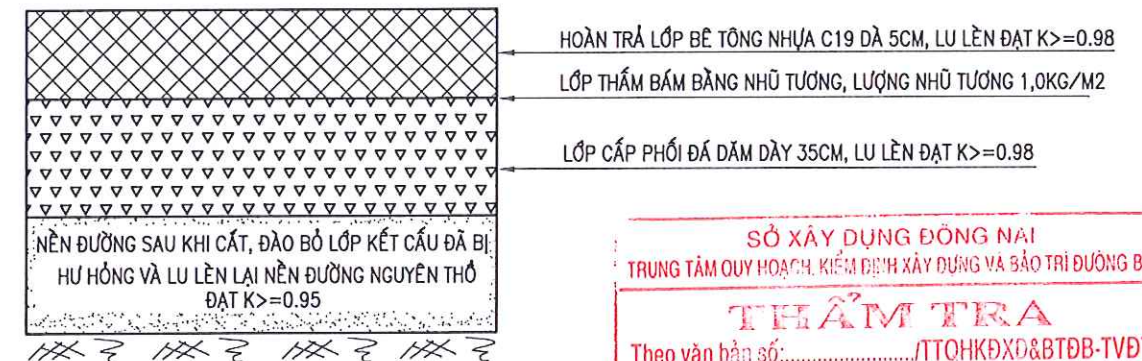
KẾT CẤU THẨM BẢO TRÌ TOÀN BỘ MẶT ĐƯỜNG
(ÁP DỤNG TOÀN BỘ MẶT ĐƯỜNG SAU KHI ĐÃ THỰC HIỆN
SỬA CHỮA THEO KC-I VÀ KC-II)



KẾT CẤU SỬA CHỮA MẶT ĐƯỜNG HƯ HỎNG LOẠI I (KC-I)
(ÁP DỤNG CHO CÁC HƯ HỎNG DẠNG RẠN NỨT, HẦN LÚN MẶT ĐƯỜNG)

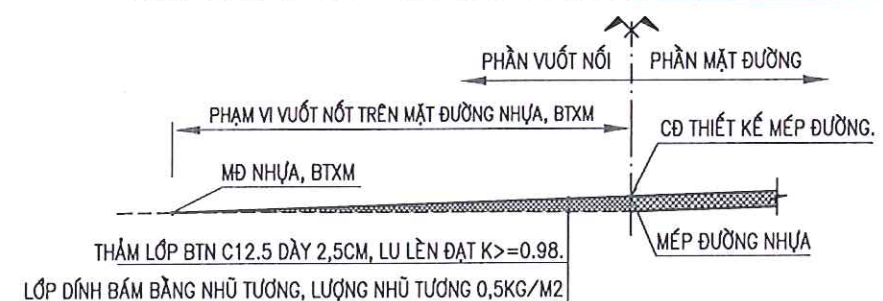


KẾT CẤU SỬA CHỮA MẶT ĐƯỜNG HƯ HỎNG LOẠI II (KC-II)
(ÁP DỤNG CHO CÁC HƯ HỎNG NẶNG XÌNH LÚN ĐẾN NỀN ĐƯỜNG)



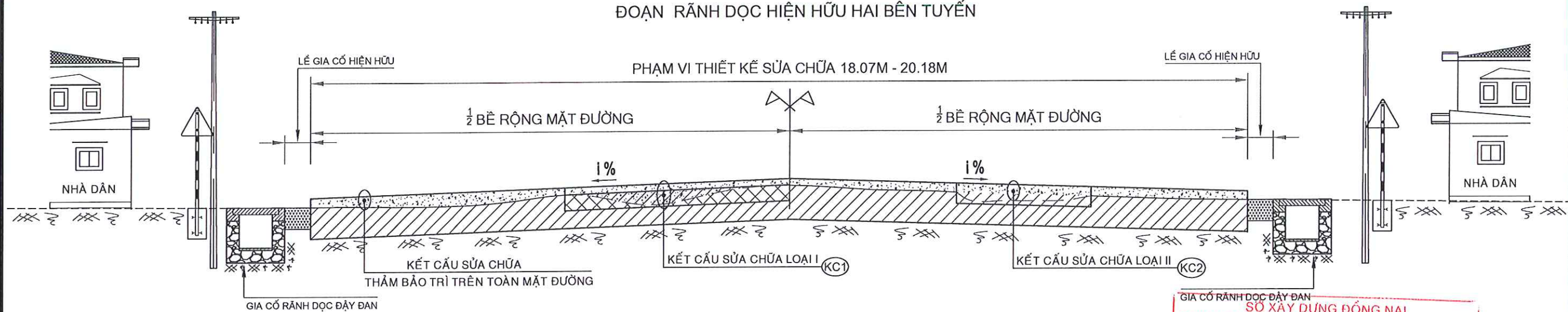
SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ
THẨM TRA
Theo văn bản số:...../TQHKĐXD&BTĐB-TVĐT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

CHI TIẾT VUỐT NỐI MẶT ĐƯỜNG NHỰA, BTXM



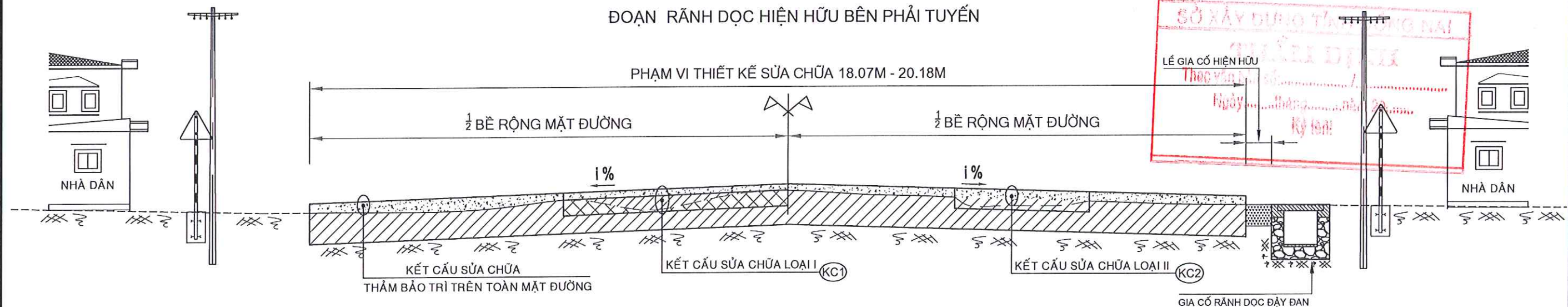
TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ TRỤ SỞ: TỐ 2, KHU PHỐ TIẾN THÀNH B, P. ĐỒNG XOÀI, TỈNH ĐỒNG NAI	HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.759B ĐOẠN TỪ KM21+000 ĐẾN KM24+000 ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIÊN HƯNG, TỈNH ĐỒNG NAI	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	ĐỒNG NAI, THÁNG NĂM 2026 CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ QUẢN LÝ CÔNG TRÌNH	BẢN VẼ THIẾT KẾ	
		CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. VÕ MINH TÂM			TRẮC NGANG ĐIỂN HÌNH	
		THỰC HIỆN	KS. HÂN VĂN TỬ			TỶ LỆ:	BẢN VẼ SỐ:
		KIỂM TRA	KS. VÕ MINH TÂM				

MẶT CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH
ĐOẠN RÃNH DỌC HIỆN HỮU HAI BÊN TUYẾN



GIA CỐ RÃNH DỌC ĐẬY ĐÀN
SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ
THẨM TRA
Theo văn bản số:...../TTQH-KĐXD&BTĐB-TVĐT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

MẶT CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH
ĐOẠN RÃNH DỌC HIỆN HỮU BÊN PHẢI TUYẾN



SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
THẨM TRA
Theo văn bản số:...../TTQH-KĐXD&BTĐB-TVĐT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ TRỤ SỞ: TỔ 2, KHU PHỐ TIẾN THÁNH B, P. ĐỒNG XOÀI, TỈNH ĐỒNG NAI	HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.759B ĐOẠN TỪ KM21+000 ĐẾN KM24+000 ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIÊN HƯNG, TỈNH ĐỒNG NAI	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	ĐỒNG NAI, THÁNG..... NĂM 2026 TNHH ĐƠN VỊ TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ P. ĐỒNG XOÀI - T. BÌNH PHƯỚC HÀ CÔNG ĐỊNH	BẢN VẼ THIẾT KẾ	
		CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. VÕ MINH TÂM			TRẮC NGANG ĐIỂN HÌNH	
		THỰC HIỆN	KS. HÂN VĂN TỬ				
		KIỂM TRA	KS. VÕ MINH TÂM				

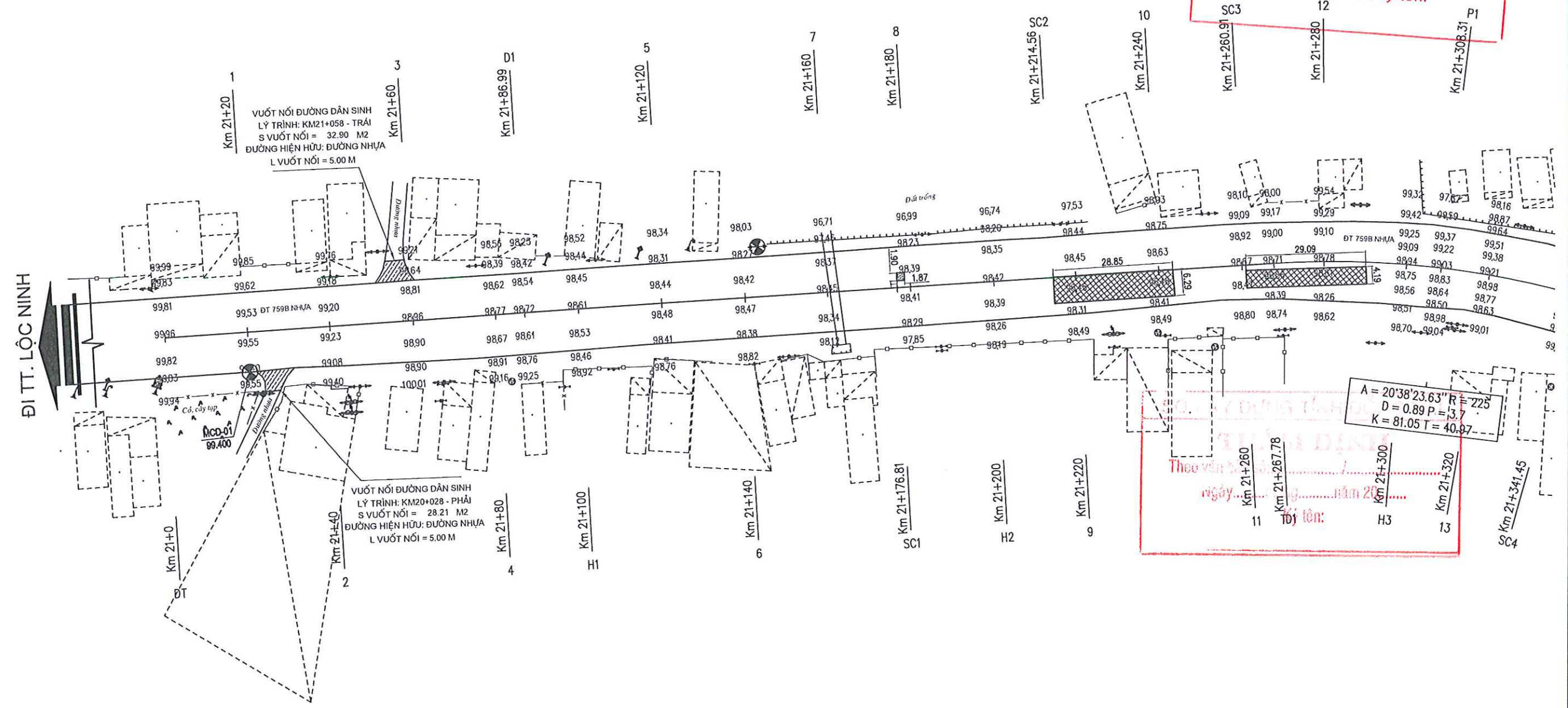
BÌNH ĐỒ TUYẾN

ĐI TT LỘC NINH

BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ
TỶ LỆ 1:1000

ĐI TT XÃ HƯNG PHƯỚC

SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ
THẨM TRA
Theo văn bản số:...../TTQHKĐXD&BTĐB-TVĐT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:



XXXX MẶT ĐƯỜNG HIỆN HỮU BỊ HƯ HỎNG DẠNG RẠN NỨT, HẦN LÚN MẶT ĐƯỜNG - SỬA CHỮA KC LOẠI I. XXXXXX MẶT ĐƯỜNG HIỆN HỮU BỊ HƯ HỎNG NẶNG XÌNH LÚN ĐẾN NỀN ĐƯỜNG - SỬA CHỮA KẾT CẤU LOẠI II.

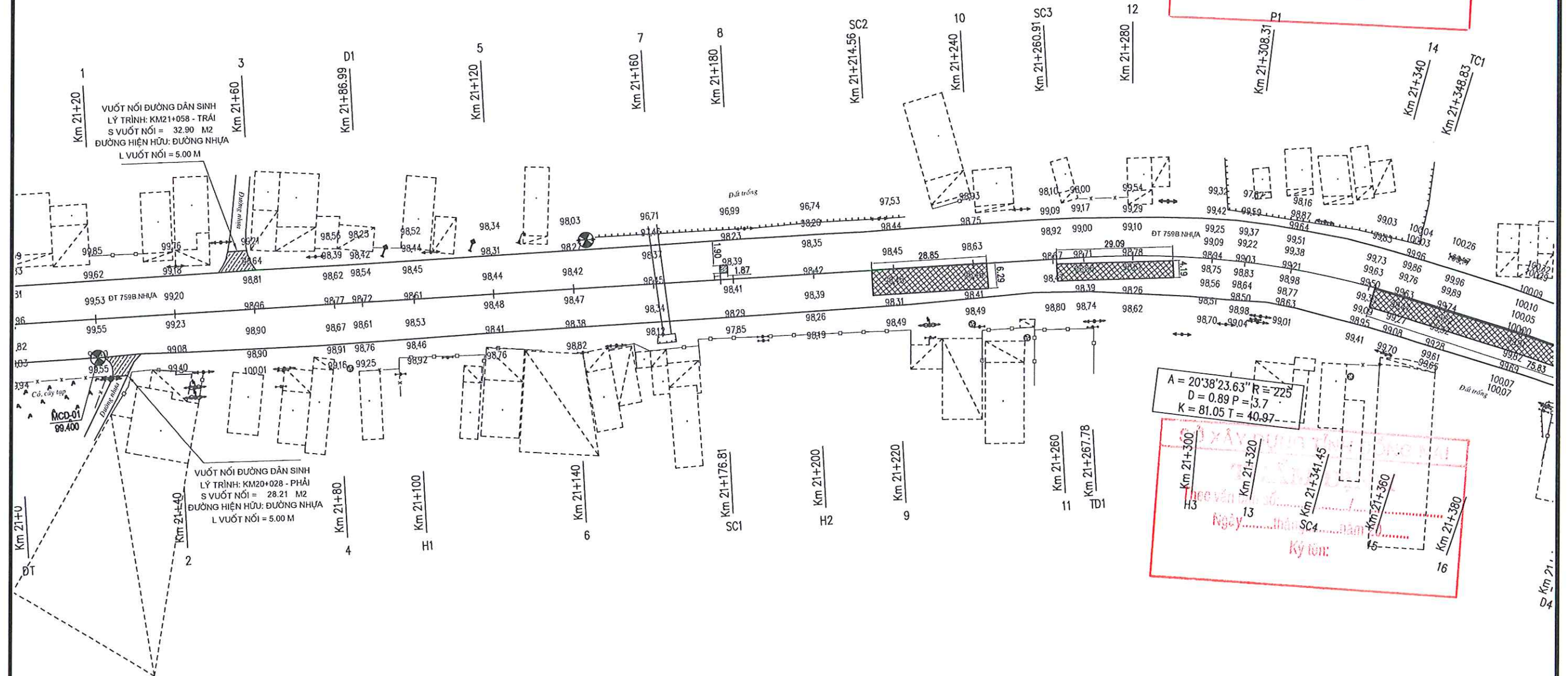
TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ TRỤ SỞ: TỐ 2, KHU PHỐ TIẾN THÀNH B, P. BÓNG XOÀI, TỈNH ĐỒNG NAI	HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.759B ĐOẠN TỪ KM21+000 ĐẾN KM24+000 ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIÊN HƯNG, TỈNH ĐỒNG NAI	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	ĐỒNG NAI, THÁNG NĂM 2026 CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ XOÀI-T. BÌNH CÔNG ĐỊNH	BẢN VẼ THIẾT KẾ	
		CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. VÕ MINH TÂM			BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ	
		THỰC HIỆN	KS. HÀN VĂN TỬ			TỶ LỆ:	BẢN VẼ SỐ:
		KIỂM TRA	KS. VÕ MINH TÂM				

BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ
TỶ LỆ 1:1000

ĐI TỈ LỘC NINH

ĐI TỈ XÃ HƯNG PHƯỚC

SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ
THẨM TRA
Theo văn bản số:/TTQH&XD&BT&DB-TV&DT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:



XXXX MẶT ĐƯỜNG HIỆN HỮU BỊ HƯ HỒNG DẠNG RẠN NỨT, HẦN LÚN MẶT ĐƯỜNG - SỬA CHỮA KC LOẠI I.

XXXX MẶT ĐƯỜNG HIỆN HỮU BỊ HƯ HỒNG NẶNG XÌNH LÚN ĐẾN NỀN ĐƯỜNG - SỬA CHỮA KẾT CẤU LOẠI II.

TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ TRỤ SỞ: TỐ 2, KHU PHỐ TIẾN THÀNH B, P. ĐỒNG XỎAI, TỈNH ĐỒNG NAI	HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.759B ĐOẠN TỪ KM21+000 ĐẾN KM24+000 ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIỆN HƯNG, TỈNH ĐỒNG NAI	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	CỘNG NAI, THÁNG NĂM 2026 ĐƠN VỊ TƯ VẤN TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ HÀ CÔNG ĐỊNH	BẢN VẼ THIẾT KẾ BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TỶ LỆ: BẢN VẼ SỐ:
		CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. VÕ MINH TÂM			
		THỰC HIỆN	KS. HÂN VĂN TỬ			
		KIỂM TRA	KS. VÕ MINH TÂM			

BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ
TỶ LỆ 1:1000

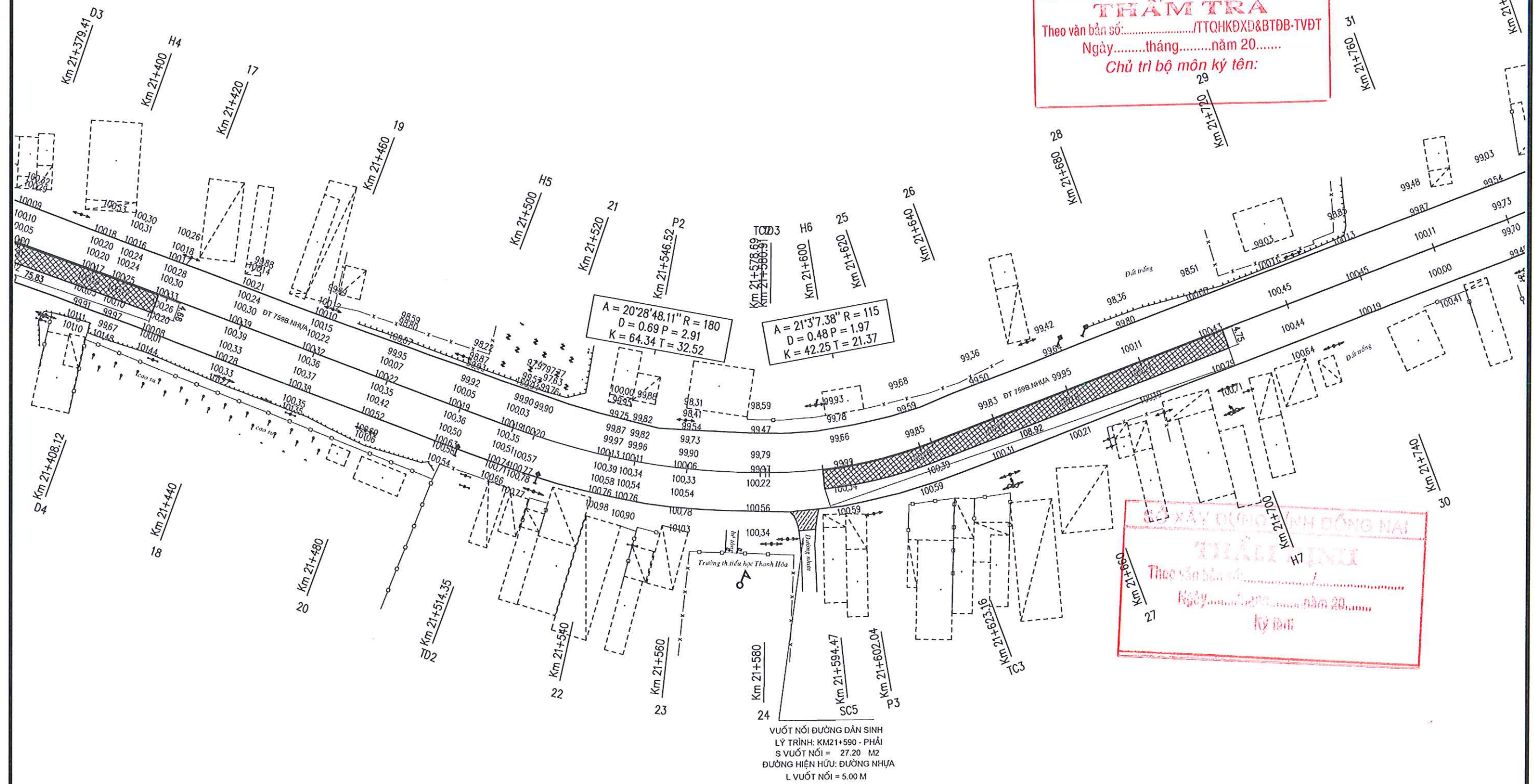
ĐI TT LỘC NINH

ĐI TT XÃ HƯNG PHƯỚC

SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ

THẨM TRA

Theo văn bản số:/TTQH&XD&BT&DB-TV&DT
Ngày:thángnăm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:



A = 20°28'48.11" R = 180
D = 0.69 P = 2.91
K = 64.34 T = 32.52

A = 21°3'7.38" R = 115
D = 0.48 P = 1.97
K = 42.25 T = 21.37

SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ

THẨM TRA

Theo văn bản số:/TTQH&XD&BT&DB-TV&DT
Ngày:thángnăm 20.....
Ký tên:

VUỐT NỐI ĐƯỜNG DẪN SINH
LÝ TRÌNH: KM21+590 - PHẢI
S VUỐT NỐI = 27.20 M2
ĐƯỜNG HIỆN HỮU: ĐƯỜNG NHỰA
L VUỐT NỐI = 5.00 M

XXXX MẶT ĐƯỜNG HIỆN HỮU BỊ HƯ HỎNG DẠNG RẠN NỨT, HẦN LÚN MẶT ĐƯỜNG - SỬA CHỮA KC LOẠI I. XXXX MẶT ĐƯỜNG HIỆN HỮU BỊ HƯ HỎNG NẶNG XÌNH LÚN ĐẾN NỀN ĐƯỜNG - SỬA CHỮA KẾT CẤU LOẠI II.

TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ	HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.750B ĐOẠN TỪ KM21+000 ĐẾN KM24+000 ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIỆN HƯNG, TỈNH ĐỒNG NAI	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	ĐỒNG NAI, THÁNG NĂM 2026 CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ TÀI-T. BÌNH PHƯỚC HÀ CÔNG ĐỊNH	BẢN VẼ THIẾT KẾ	
		CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. VÕ MINH TÂM			BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ	
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ TRỤ SỞ: TỔ 2, KHU PHỐ TIẾN THẠNH B, P. BÓNH XOÀI, TỈNH ĐỒNG NAI		THỰC HIỆN	KS. HÀN VĂN TỬ			TỶ LỆ:	BẢN VẼ SỐ:
		KIỂM TRA	KS. VÕ MINH TÂM				

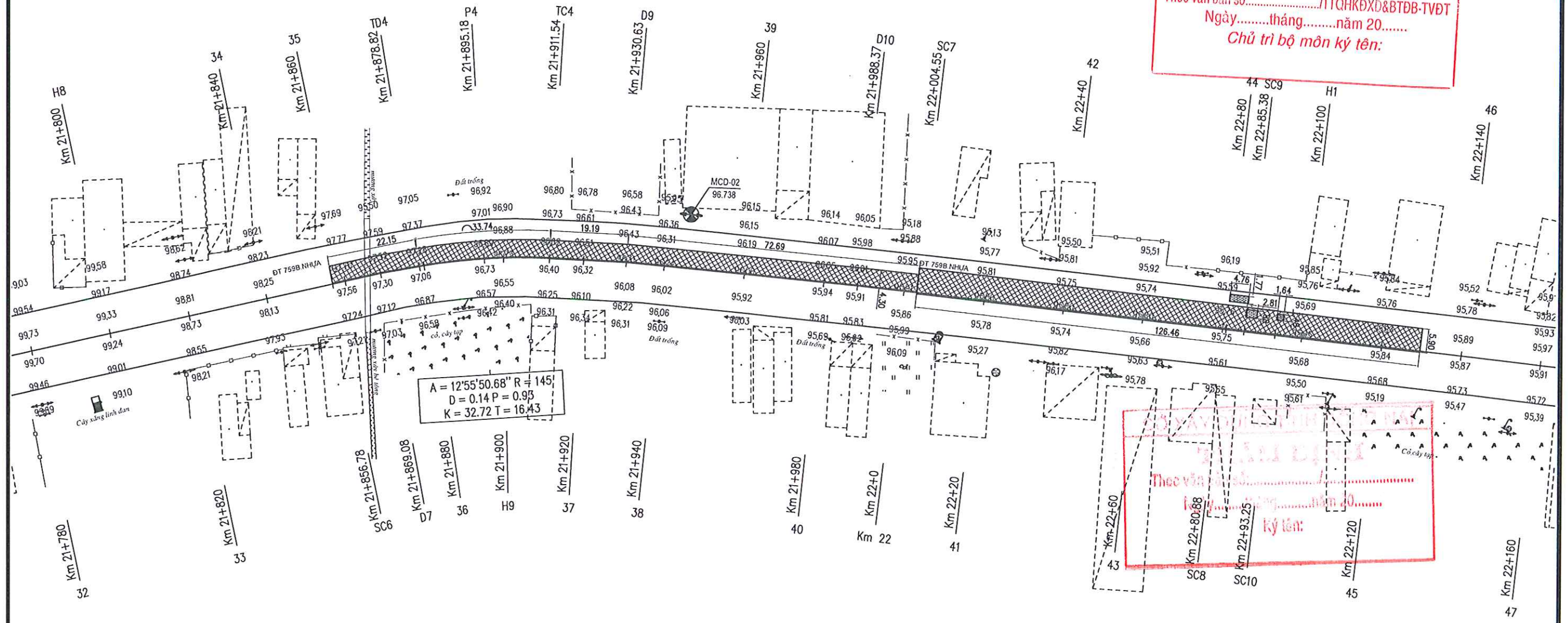
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ
TỶ LỆ 1:1000

ĐI TT LỘC NINH

ĐI TT XÃ HƯNG PHƯỚC

SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ
THẨM TRA
Theo văn bản số:/TTQHKĐXD&BTĐB-TVĐT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ
Theo văn bản số:/TTQHKĐXD&BTĐB-TVĐT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

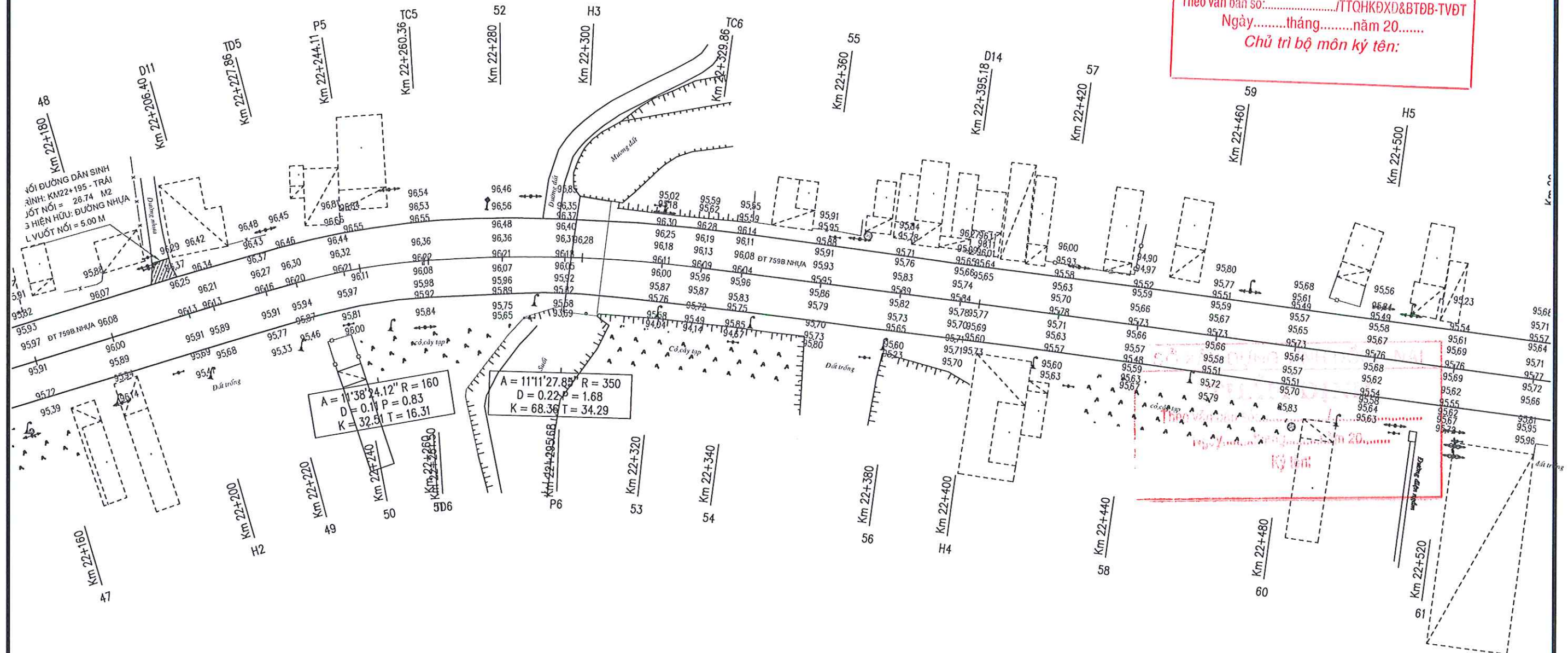
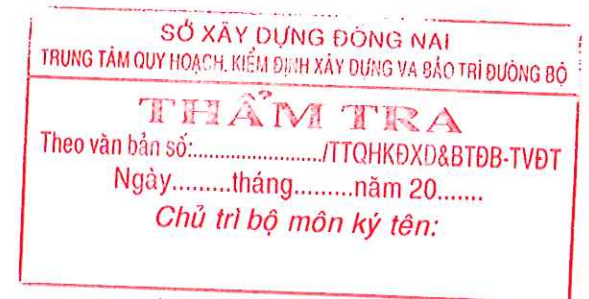


XXXX MẶT ĐƯỜNG HIỆN HỮU BỊ HƯ HỎNG DẠNG RẠN NÚT, HẦN LÚN MẶT ĐƯỜNG - SỬA CHỮA KC LOẠI I.

XXXX MẶT ĐƯỜNG HIỆN HỮU BỊ HƯ HỎNG NẶNG XÌNH LÚN ĐẾN NỀN ĐƯỜNG - SỬA CHỮA KẾT CẤU LOẠI II.

TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ TRỤ SỞ: TỐ 2, KHU PHỐ TIẾN THÀNH B, P. BẾN XÔI, TỈNH ĐỒNG NAI	HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.759B ĐOẠN TỪ KM21+000 ĐẾN KM24+000 ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIỆN HƯNG, TỈNH ĐỒNG NAI	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	BẢN VẼ THIẾT KẾ BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TỶ LỆ: BẢN VẼ SỐ:
		CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. VÕ MINH TÂM	CHỮ KÝ	
		THỰC HIỆN	KS. HÀN VĂN TỬ	CHỮ KÝ	
		KIỂM TRA	KS. VÕ MINH TÂM	CHỮ KÝ	

ĐI TT XÃ HUNG PHƯỚC >



MẶT ĐƯỜNG HIỆN HỮU BỊ HƯ HỎNG NẶNG XÌNH LÚN ĐẾN NỀN ĐƯỜNG - SỬA CHỮA KẾT CẤU LOẠI II.

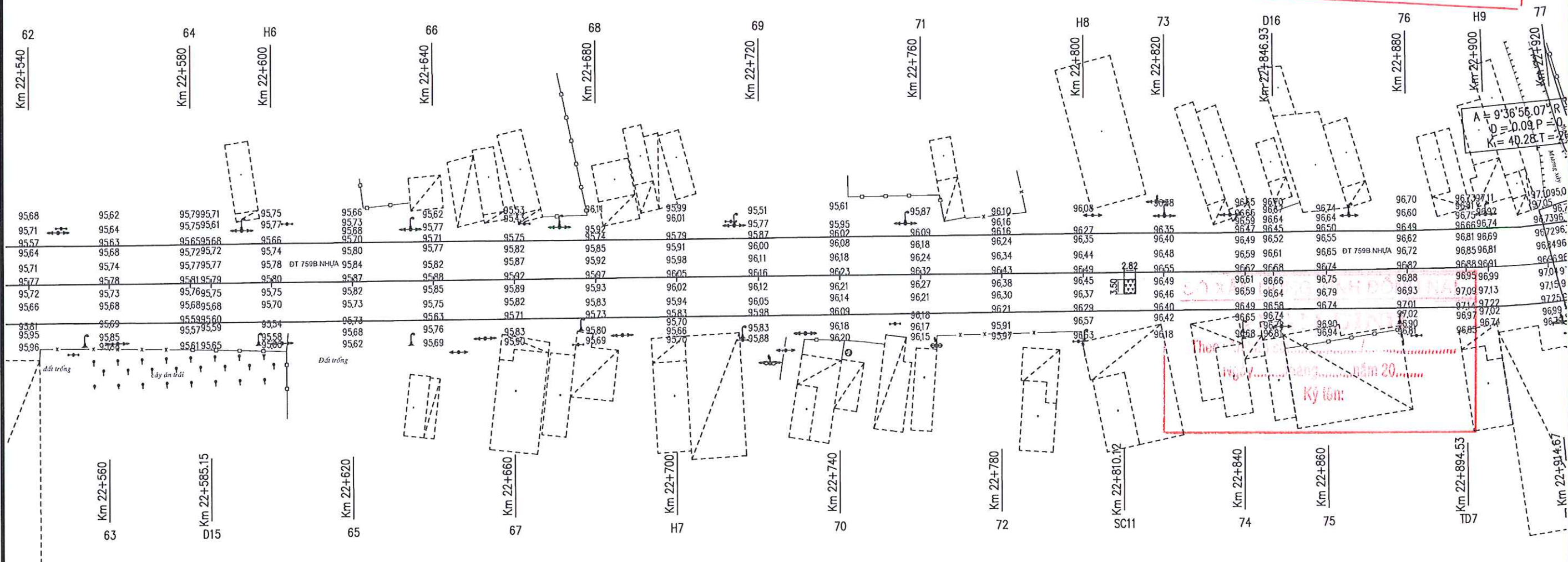
TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ TRỤ SỞ: TỐ 2, KHU PHỐ TIẾN THÁNH B, P. ĐÔNG XÁI, TỈNH ĐỒNG NAI	HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.750B ĐOẠN TỪ KM21+000 ĐẾN KM24+000 ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIÊN HƯNG, TỈNH ĐỒNG NAI	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	ĐỒNG NAI, THÁNG NĂM 2026 ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ HÀ CÔNG ĐỊNH	BẢN VẼ THIẾT KẾ	
		CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. VÕ MINH TÂM			BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ	
		THỰC HIỆN	KS. HÀN VĂN TÚ				
		KIỂM TRA	KS. VÕ MINH TÂM				

BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ
TỶ LỆ 1:1000

ĐI TT LỘC NINH

ĐI TT XÃ HƯNG PHƯỚC

SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ
THẨM TRA
Theo văn bản số:/TTQHKBXD&BTĐB-TVĐT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn kỹ tên:



XXXX MẶT ĐƯỜNG HIỆN HỮU BỊ HƯ HỎNG DẠNG RẠN NỨT, HẦN LÚN MẶT ĐƯỜNG - SỬA CHỮA KC LOẠI I.

XXXX MẶT ĐƯỜNG HIỆN HỮU BỊ HƯ HỎNG NẶNG XÌNH LÚN ĐẾN NỀN ĐƯỜNG - SỬA CHỮA KẾT CẤU LOẠI II.

TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ TRỤ SỞ: TỐ 2, KHU PHỐ TIẾN THÀNH B, P. ĐỒNG XOÀI, TỈNH ĐỒNG NAI	HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.759B ĐOẠN TỪ KM21+000 ĐẾN KM24+000 ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIỆN HƯNG, TỈNH ĐỒNG NAI	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	ĐỒNG NAI, THÁNG NĂM 2026 CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ ĐƠN VỊ TƯ VẤN	BẢN VẼ THIẾT KẾ	
		CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. VÕ MINH TÂM			BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ	
		THỰC HIỆN	KS. HÀN VĂN TÚ			TỶ LỆ:	BẢN VẼ SỐ:
		KIỂM TRA	KS. VÕ MINH TÂM				

BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ
TỶ LỆ 1:1000

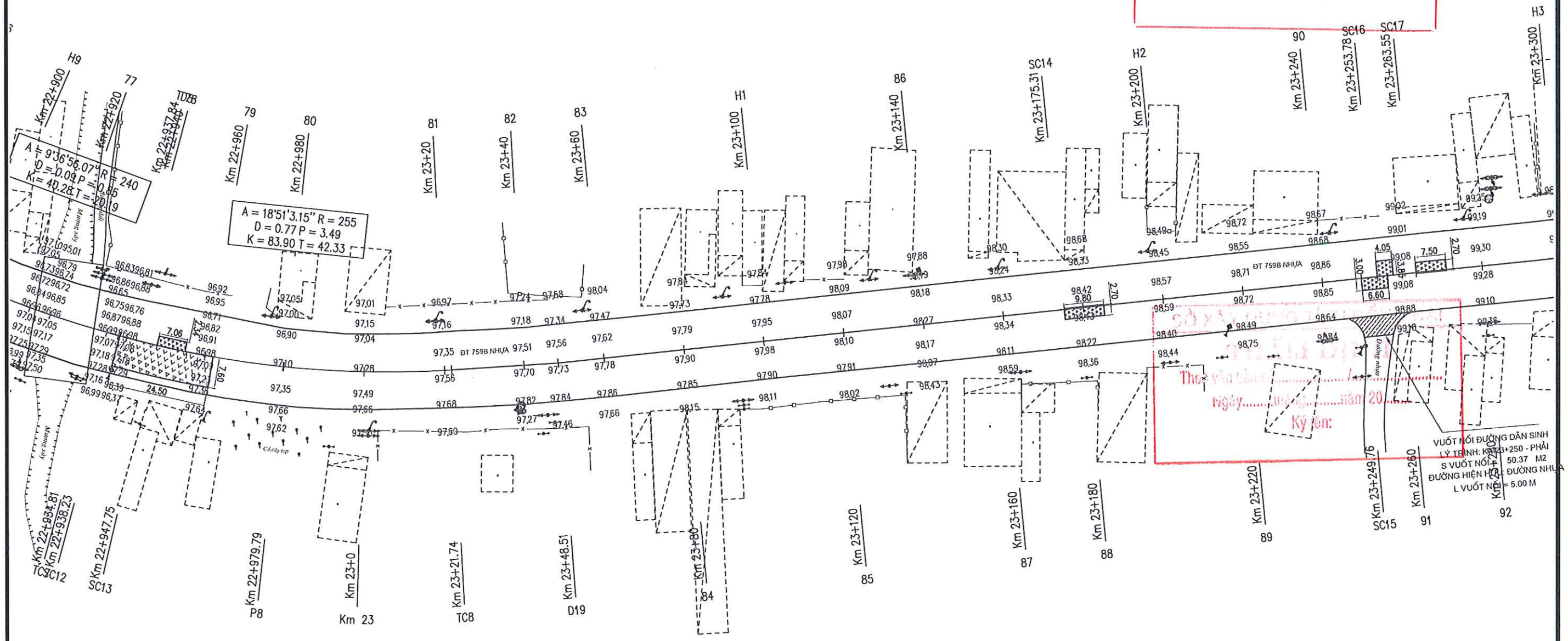
ĐI TT LỘC NINH

ĐI TT XÃ HƯNG PHƯỚC

SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ

THẨM TRA

Theo văn bản số:/TTQH-KĐXD&BTĐB-TVĐT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:



XXXX MẶT ĐƯỜNG HIỆN HỮU BỊ HƯ HỎNG DẠNG RẠN NÚT, HẦN LÚN MẶT ĐƯỜNG - SỬA CHỮA KC LOẠI I.

XXXX MẶT ĐƯỜNG HIỆN HỮU BỊ HƯ HỎNG NẶNG XÌNH LÚN ĐẾN NỀN ĐƯỜNG - SỬA CHỮA KẾT CẤU LOẠI II.

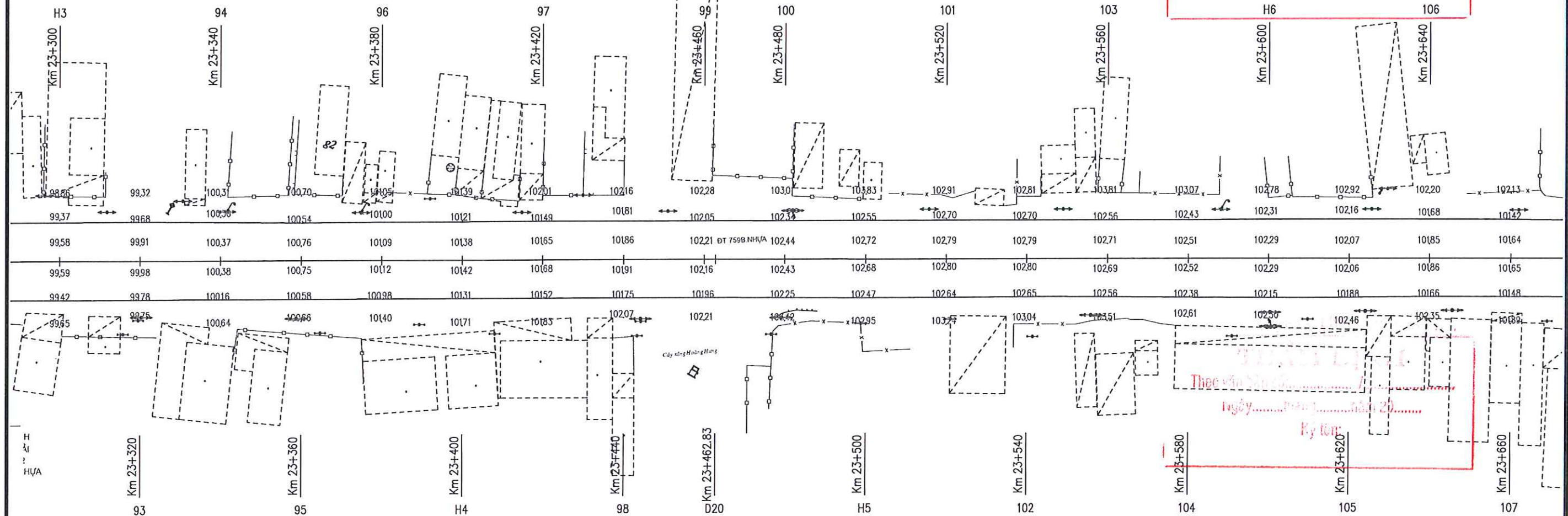
TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ	HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.759B ĐOẠN TỪ KM21+000 ĐẾN KM24+000 ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIỆN HƯNG, TỈNH ĐỒNG NAI	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	BẢN VẼ THIẾT KẾ
		CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. VÕ MINH TÂM		
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ TRỤ SỞ: TỐ 2, KHU PHỐ TIẾN THÀNH B, P. BỐNH XOÀI, TỈNH ĐỒNG NAI		THỰC HIỆN	KS. HÀN VĂN TỬ		BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ
		KIỂM TRA	KS. VÕ MINH TÂM		
		TỶ LỆ:			BẢN VẼ SỐ:

BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ
TỶ LỆ 1:1000

ĐIỂM LỘC NINH

ĐIỂM XÃ HƯNG PHƯỚC

SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ
THẨM TRA
Theo văn bản số:...../TTQH&XD&BT&DB-TV&DT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:



XXXX MẶT ĐƯỜNG HIỆN HỮU BỊ HƯ HỒNG DẠNG RẠN NỨT, HẦN LÚN MẶT ĐƯỜNG - SỬA CHỮA KC LOẠI I.

XXXX MẶT ĐƯỜNG HIỆN HỮU BỊ HƯ HỒNG NẶNG XÌNH LÚN ĐẾN NỀN ĐƯỜNG - SỬA CHỮA KẾT CẤU LOẠI II.

TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO
TRÌ ĐƯỜNG BỘ

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ
TRỤ SỞ: TỐ 2, KHU PHỐ TIẾN THÀNH B, P. ĐỒNG
XOÀI, TỈNH ĐỒNG NAI

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT
CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.759B ĐOẠN TỪ
KM21+000 ĐẾN KM24+000
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIỆN HƯNG, TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. VÕ MINH TÂM	
THỰC HIỆN	KS. HÂN VĂN TỬ	
KIỂM TRA	KS. VÕ MINH TÂM	

ĐỒNG NAI, THÁNG NĂM 2026
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG
AZ
HÀ CÔNG ĐỊNH

BẢN VẼ THIẾT KẾ

BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ

TỶ LỆ:

BẢN VẼ SỐ:

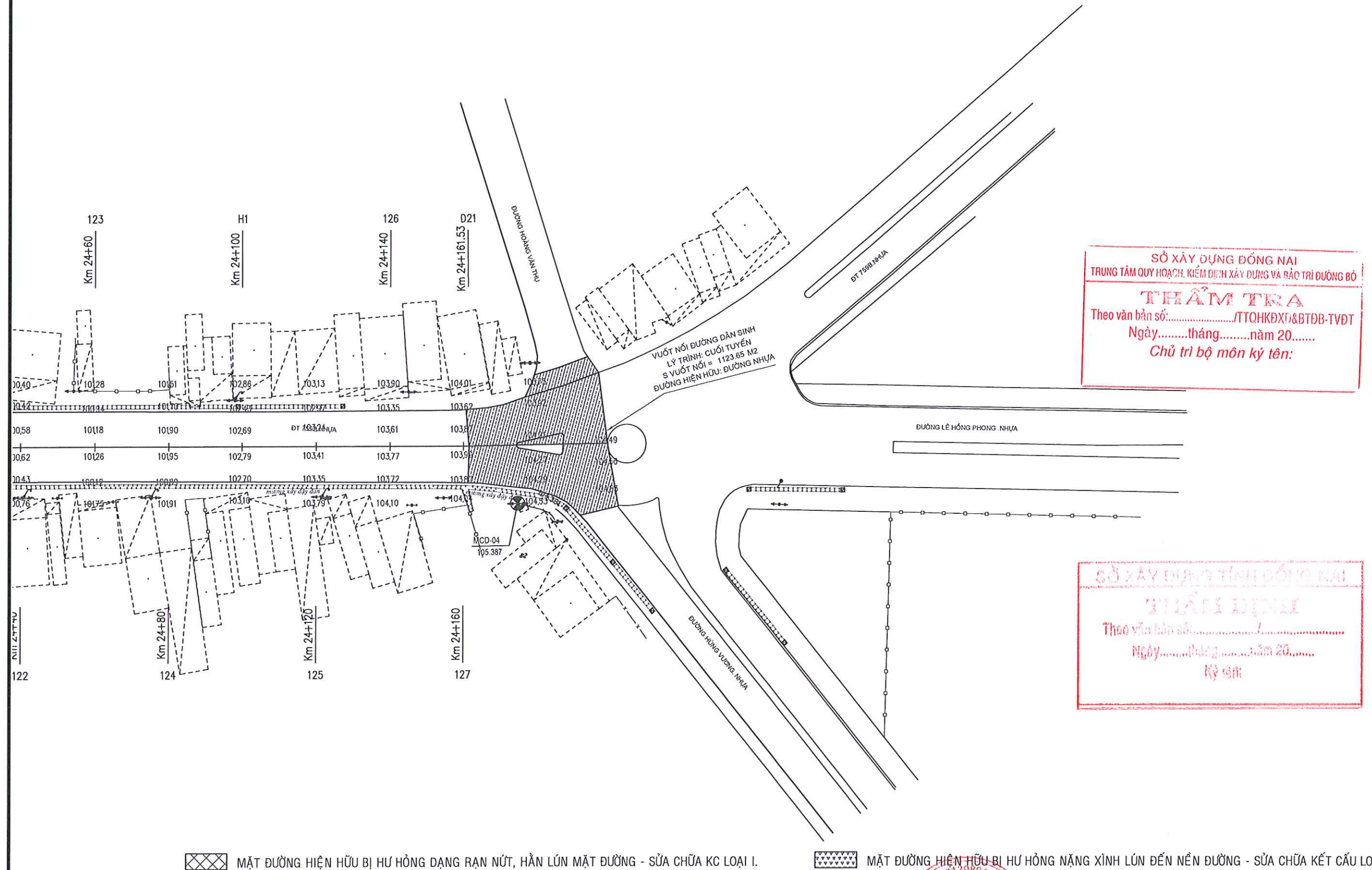


TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ TRỤ SỞ: TỔ 2, KHU PHỐ TIẾN THÁNH B, P. BÔNG XỎA, TỈNH ĐỒNG NAI	HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.759B ĐOẠN TỪ KM21+000 ĐẾN KM24+000 ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIỆN HƯNG, TỈNH ĐỒNG NAI	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN		BẢN VẼ THIẾT KẾ BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TỶ LỆ: BẢN VẼ SỐ:	
		CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. VÕ MINH TÂM			
		THỰC HIỆN	KS. HÀN VĂN TỬ			
		KIỂM TRA	KS. VÕ MINH TÂM			

BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ
TỶ LỆ 1:1000

ĐI TT LỘC NINH

ĐI TT XÃ HƯNG PHƯỚC



SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ
THẨM TRA
Theo văn bản số:...../TTQHKĐXD&BTĐB-TVĐT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

SỞ XÂY DỰNG TỈNH ĐỒNG NAI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

XXXX MẶT ĐƯỜNG HIỆN HỮU BỊ HƯ HỎNG DẠNG RẠN NỨT, HẦM LÚN MẶT ĐƯỜNG - SỬA CHỮA KC LOẠI I. XXXX MẶT ĐƯỜNG HIỆN HỮU BỊ HƯ HỎNG NẶNG XÌNH LÚN ĐẾN NỀN ĐƯỜNG - SỬA CHỮA KẾT CẤU LOẠI II.

TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ	HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.759B ĐOẠN TỪ KM21+000 ĐẾN KM24+000 ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIỆN HƯNG, TỈNH ĐỒNG NAI	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	ĐỒNG NAI, THÁNG NĂM 2026 BỘ TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ HÀ CÔNG ĐỊNH	BẢN VẼ THIẾT KẾ	
		CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. VÕ MINH TÂM			BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ	
		THỰC HIỆN	KS. HÂN VĂN TỬ				
		KIỂM TRA	KS. VÕ MINH TÂM				
						TỶ LỆ:	BẢN VẼ SỐ:
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ TRỤ SỞ: TỔ 2, KHU PHỐ TIẾN THÀNH B, P. BỐNH XỎAI, TỈNH ĐỒNG NAI							

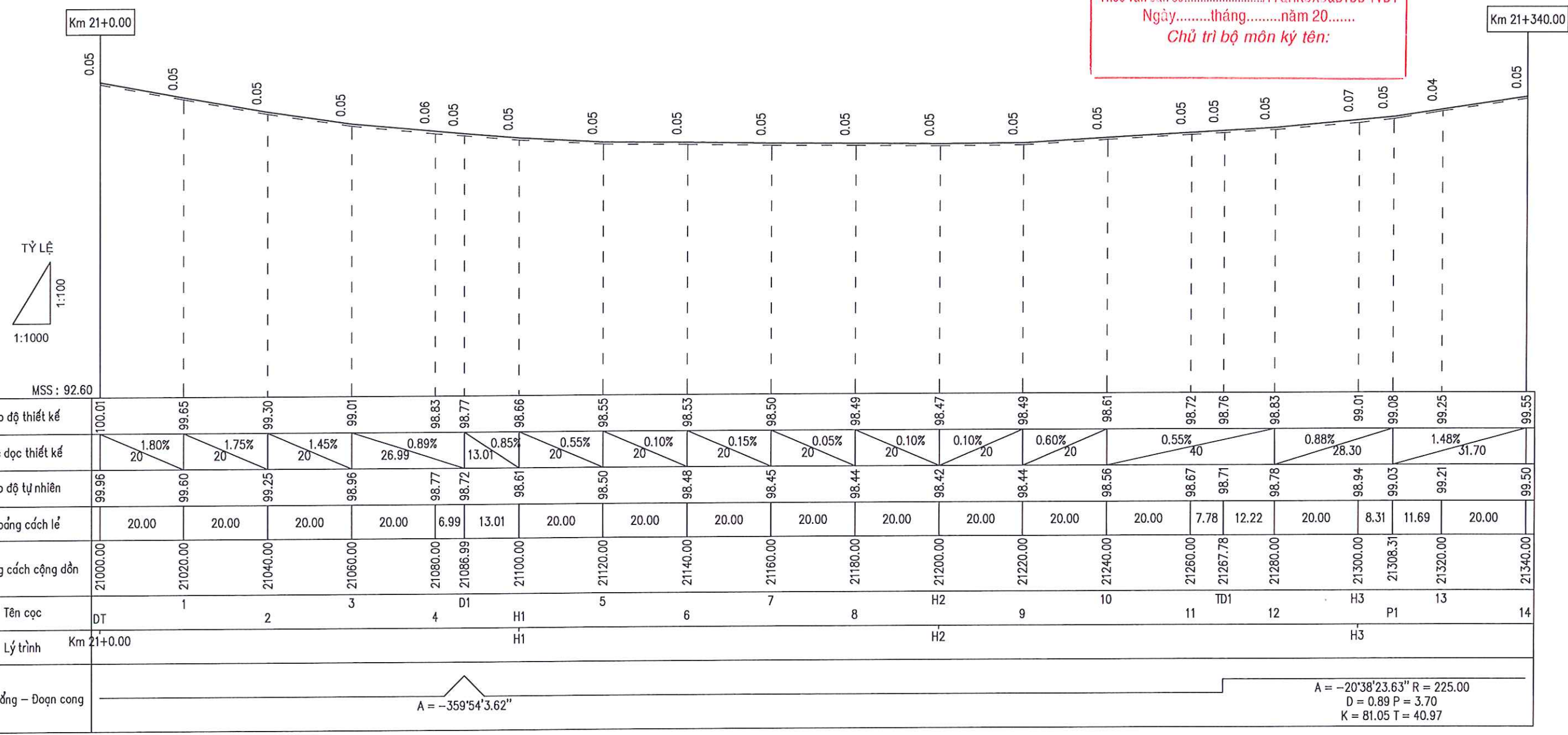
ĐI TT LỘC NINH

TRẮC DỌC THIẾT KẾ

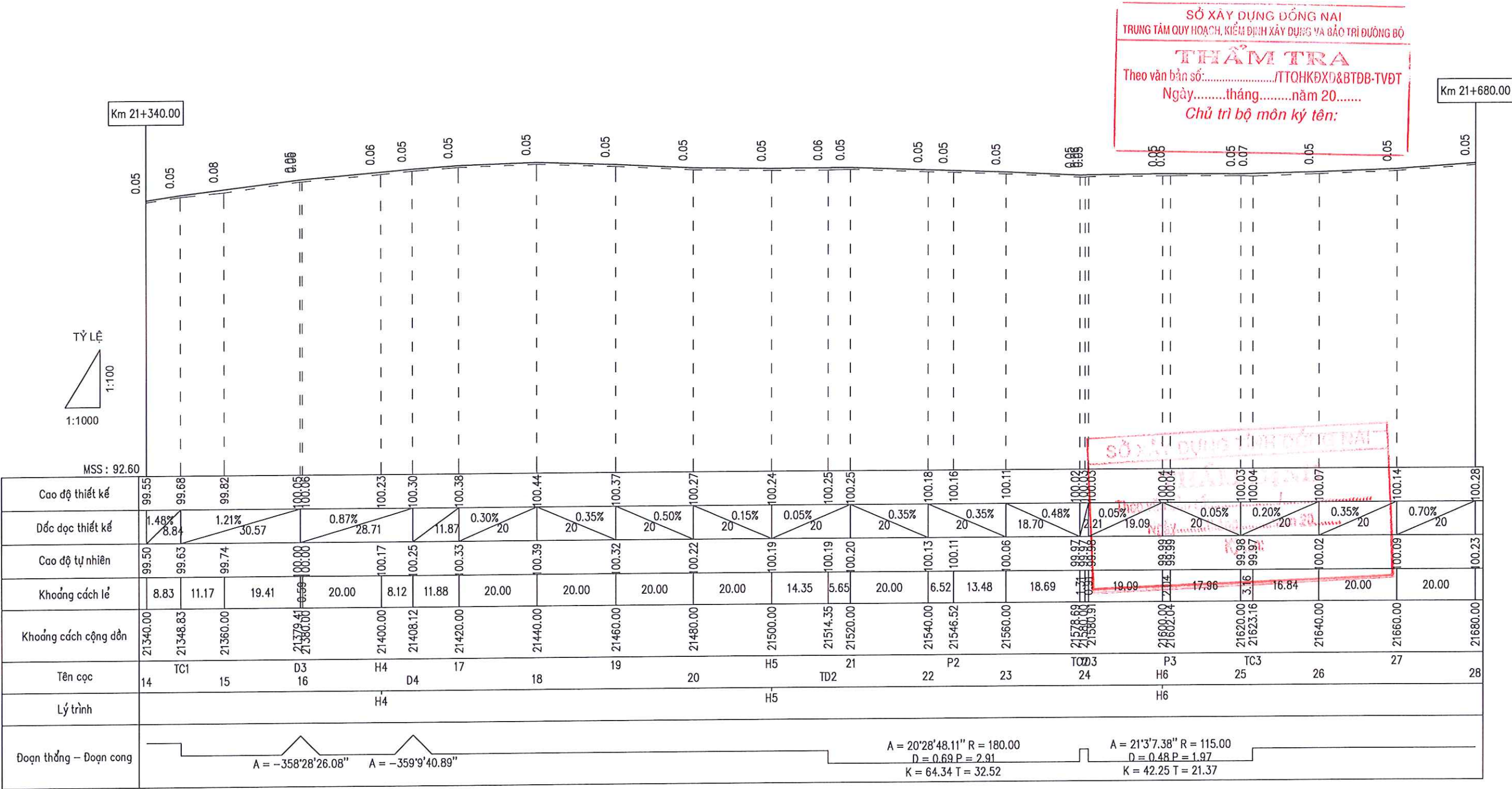
ĐI TT XÃ HƯNG PHƯỚC

SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ

THẨM TRA
Theo văn bản số:...../TTQH-KĐXD&BTĐB-TVĐT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:



TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ	HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.759B ĐOẠN TỪ KM21+000 ĐẾN KM24+000 ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIỆN HƯNG, TỈNH ĐỒNG NAI	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	ĐỒNG NAI, THÁNG NĂM 2026	BẢN VẼ THIẾT KẾ	
		CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. VÕ MINH TÂM		CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ	ĐƠN VỊ TƯ VẤN	TRẮC DỌC THIẾT KẾ
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ TRỤ SỞ: TỐ 2, KHU PHỐ TIẾN THÀNH B, P. BỜM XOÀI, TỈNH ĐỒNG NAI		THỰC HIỆN	KS. HÂN VĂN TỬ		HA CÔNG ĐỊNH	TỶ LỆ:	
		KIỂM TRA	KS. VÕ MINH TÂM				

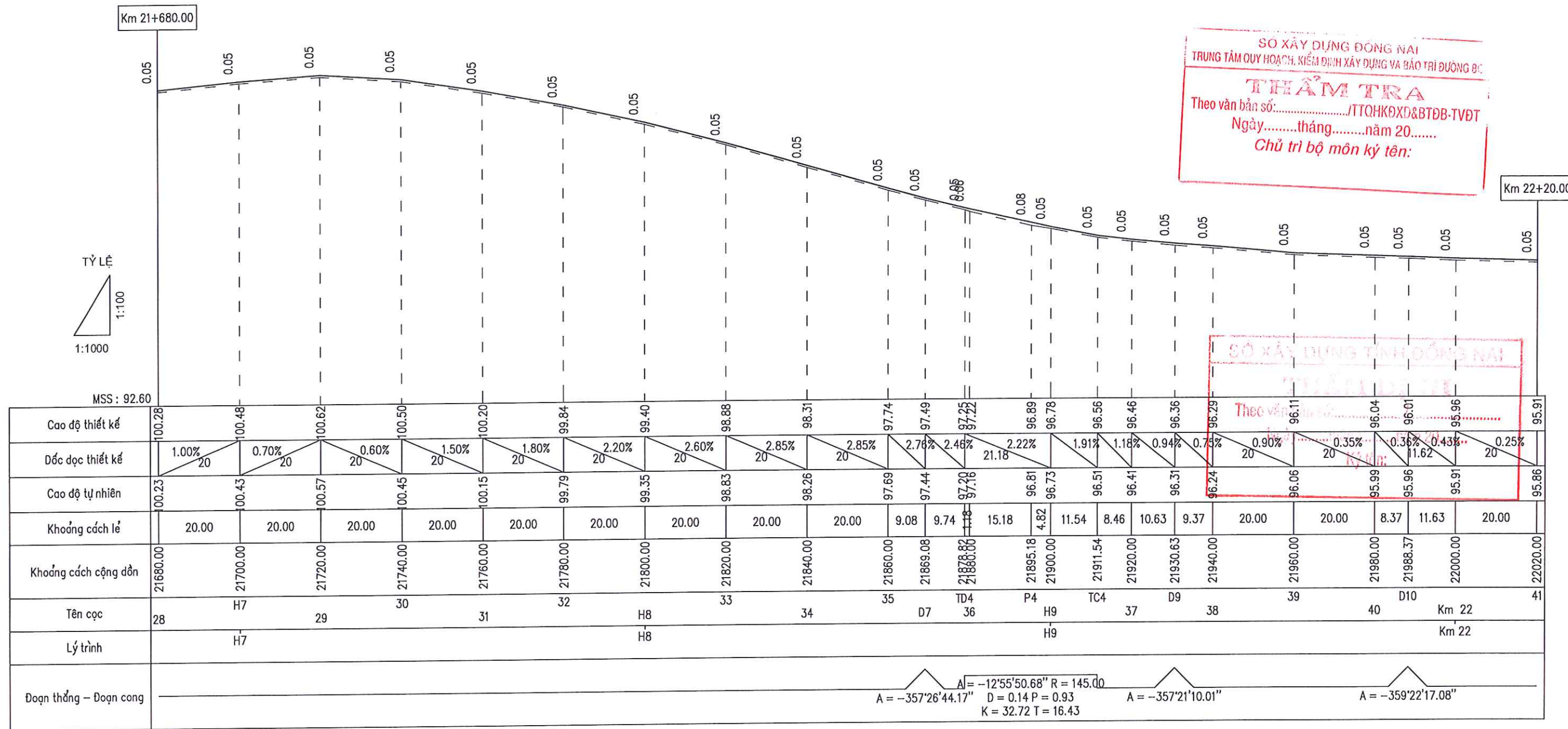


TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ TRỤ SỞ: TỐ 2, KHU PHỐ TIẾN THÁNH B, P. BÔNG XỎI, TỈNH BẾN LÚC	HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.759B ĐOẠN TỪ KM21+000 ĐẾN KM24+000 ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIỆN HƯNG, TỈNH BẾN LÚC	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỖ CHỮA SỬA ĐƯỜNG BỘ, THÁNG NĂM 2026	BẢN VẼ THIẾT KẾ TRẮC DỌC THIẾT KẾ TỶ LỆ: BẢN VẼ SỐ:
		CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. VÕ MINH TÂM	ĐƠN VỊ TƯ VẤN	
		THỰC HIỆN	KS. HÀN VĂN TỬ	HA CÔNG ĐỊNH	
		KIỂM TRA	KS. VÕ MINH TÂM		

TRẮC DỌC THIẾT KẾ

ĐI TT LỘC NINH

ĐI TT XÃ HƯNG PHƯỚC

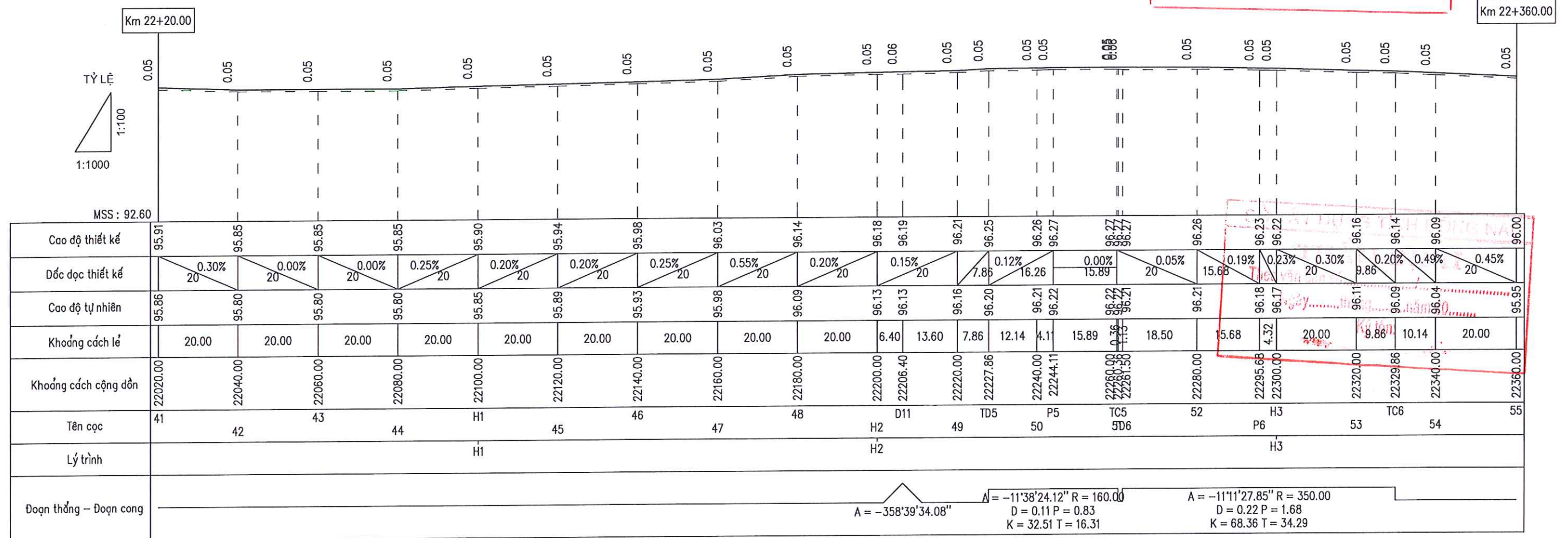


TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ TRỤ SỞ: TỐ 2, KHU PHỐ TIẾN THÁNH B, P. ĐỒNG XOÀI, TỈNH ĐỒNG NAI	HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.759B ĐOẠN TỪ KM21+000 ĐẾN KM24+000 ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIỆN HƯNG, TỈNH ĐỒNG NAI	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỖ KÝ CÔNG TRÌNH THÁNG NĂM 2026 ĐƠN VỊ TƯ VẤN AZ HÀ CÔNG ĐỊNH	BẢN VẼ THIẾT KẾ TRẮC DỌC THIẾT KẾ TỶ LỆ: BẢN VẼ SỐ:
		CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. VÕ MINH TÂM		
		THỰC HIỆN	KS. HÀN VĂN TỬ		
		KIỂM TRA	KS. VÕ MINH TÂM		

SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ

THẨM TRA

Theo văn bản số:/TTQH&XD&BT&ĐB-TV&ĐT
 Ngàythángnăm 20.....
 Chủ trì bộ môn ký tên:



TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ TRỤ SỞ: TỐ 2, KHU PHỐ TIẾN THẠNH B, P. ĐÔNG XOÀI, TỈNH BẮC NAI	HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.750B ĐOẠN TỪ KM21+000 ĐẾN KM24+000 ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIỆN HƯNG, TỈNH BẮC NAI	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐÔNG NAI, THÁNG NĂM 2026 BỐN VỊ TƯ VẤN AZ XOÀI-T. BÌNH PHƯỚC HÀ CÔNG ĐỊNH	BẢN VẼ THIẾT KẾ	
		CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. VÕ MINH TÂM			TRẮC DỌC THIẾT KẾ	
		THỰC HIỆN	KS. HÀN VĂN TÚ				
		KIỂM TRA	KS. VÕ MINH TÂM				
						TỶ LỆ:	BẢN VẼ SỐ:

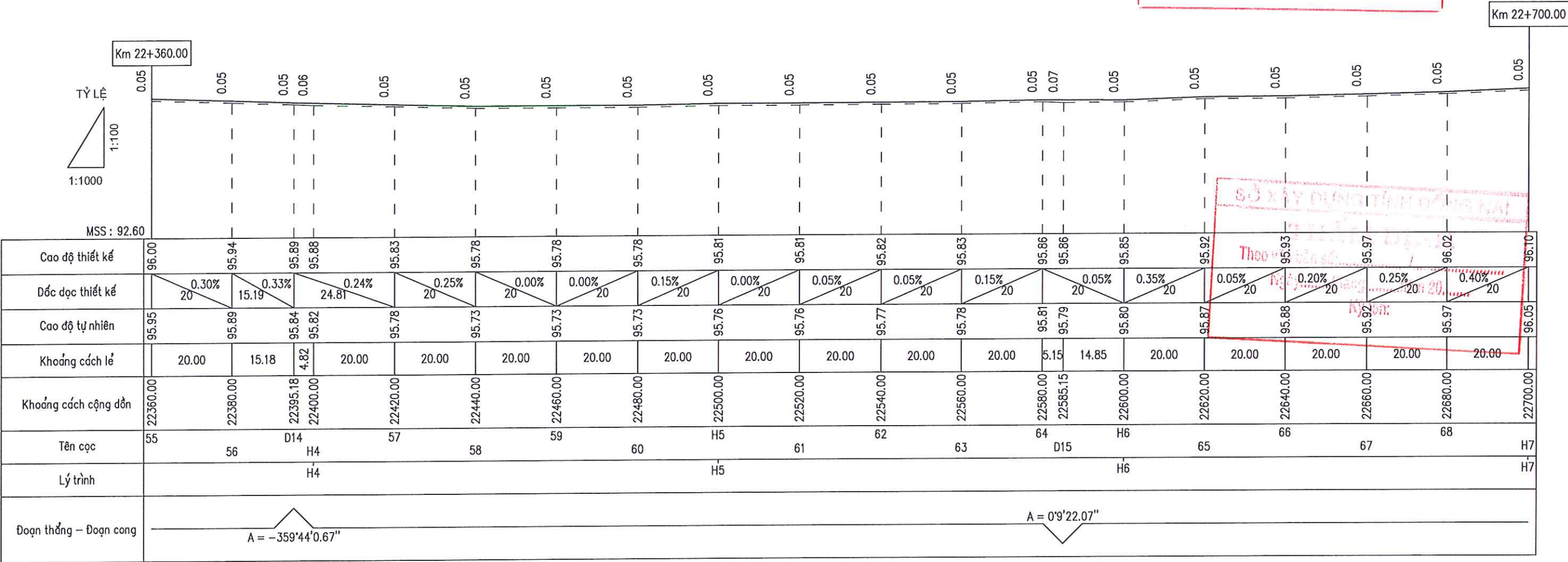
ĐI TT LỘC NINH

TRẮC DỌC THIẾT KẾ

ĐI TT XÃ HƯNG PHƯỚC

SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ

THẨM TRA
Theo văn bản số:...../TTQH-KĐXD&BTĐB-TVĐT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:



TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ
TRỤ SỞ: TỐ 2, KHU PHỐ TIẾN THÁNH B, P. ĐỒNG XOÀI, TỈNH ĐỒNG NAI

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT
CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.759B ĐOẠN TỪ KM21+000 ĐẾN KM24+000
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIỆN HƯNG, TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. VÕ MINH TÂM
THỰC HIỆN	KS. HÀN VĂN TÚ
KIỂM TRA	KS. VÕ MINH TÂM

CHỮ KÝ
ĐỒNG NAI, THÁNG NĂM 2028
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ
ĐƠN VỊ TƯ VẤN
HÀ CÔNG ĐỊNH

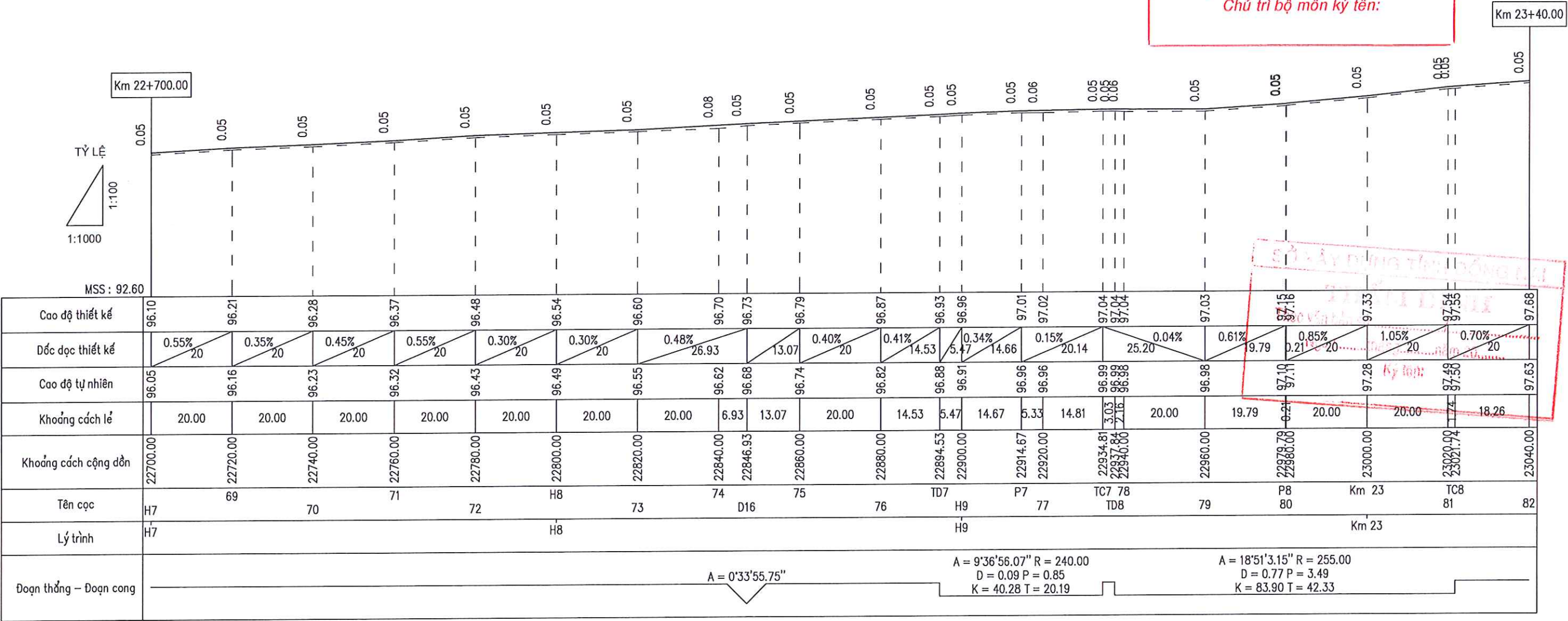
BẢN VẼ THIẾT KẾ

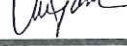
TRẮC DỌC THIẾT KẾ

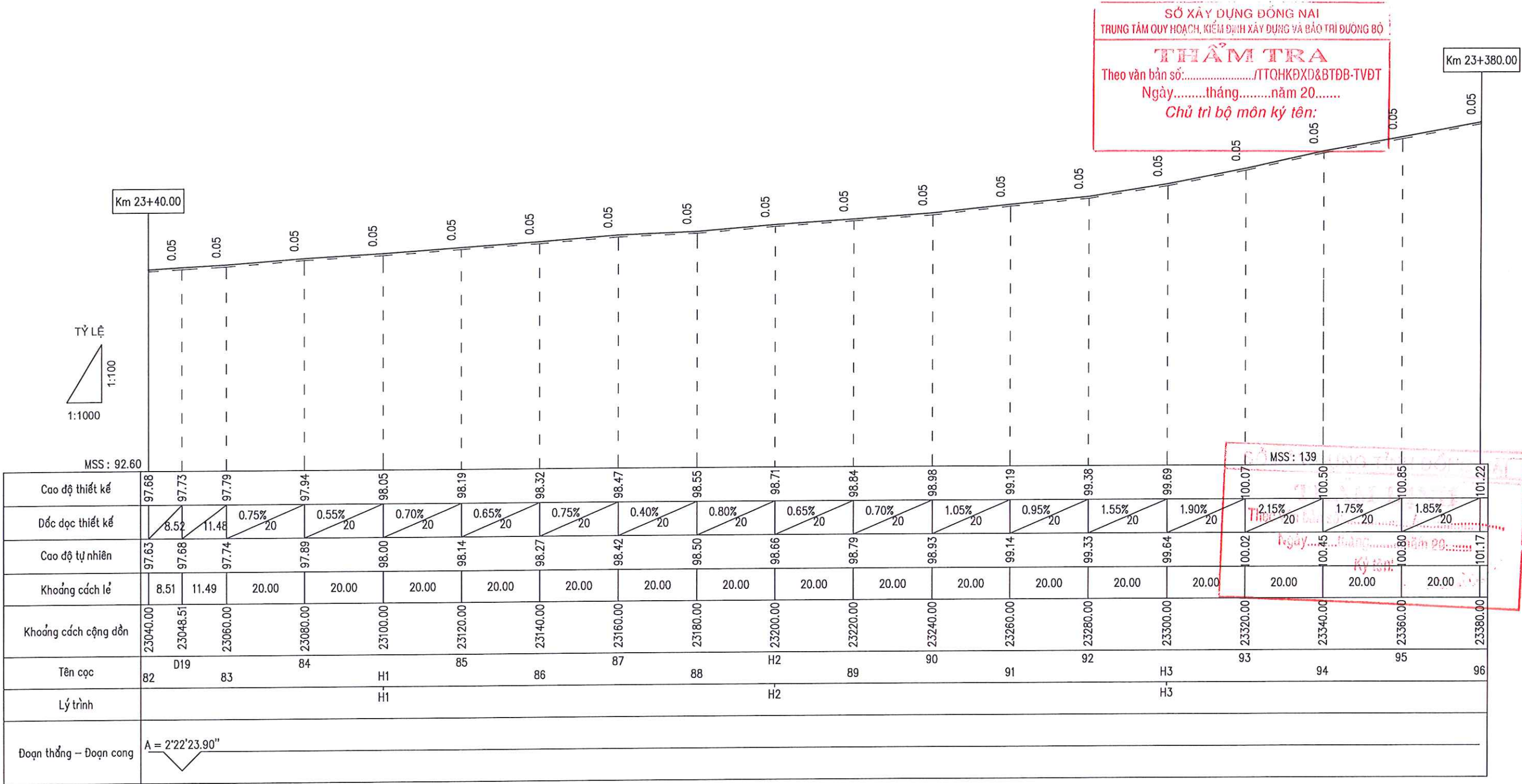
TỶ LỆ: BẢN VẼ SỐ:

SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ

THẨM TRA
Theo văn bản số:...../TTQH-KĐXD&BTĐB-TVĐT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

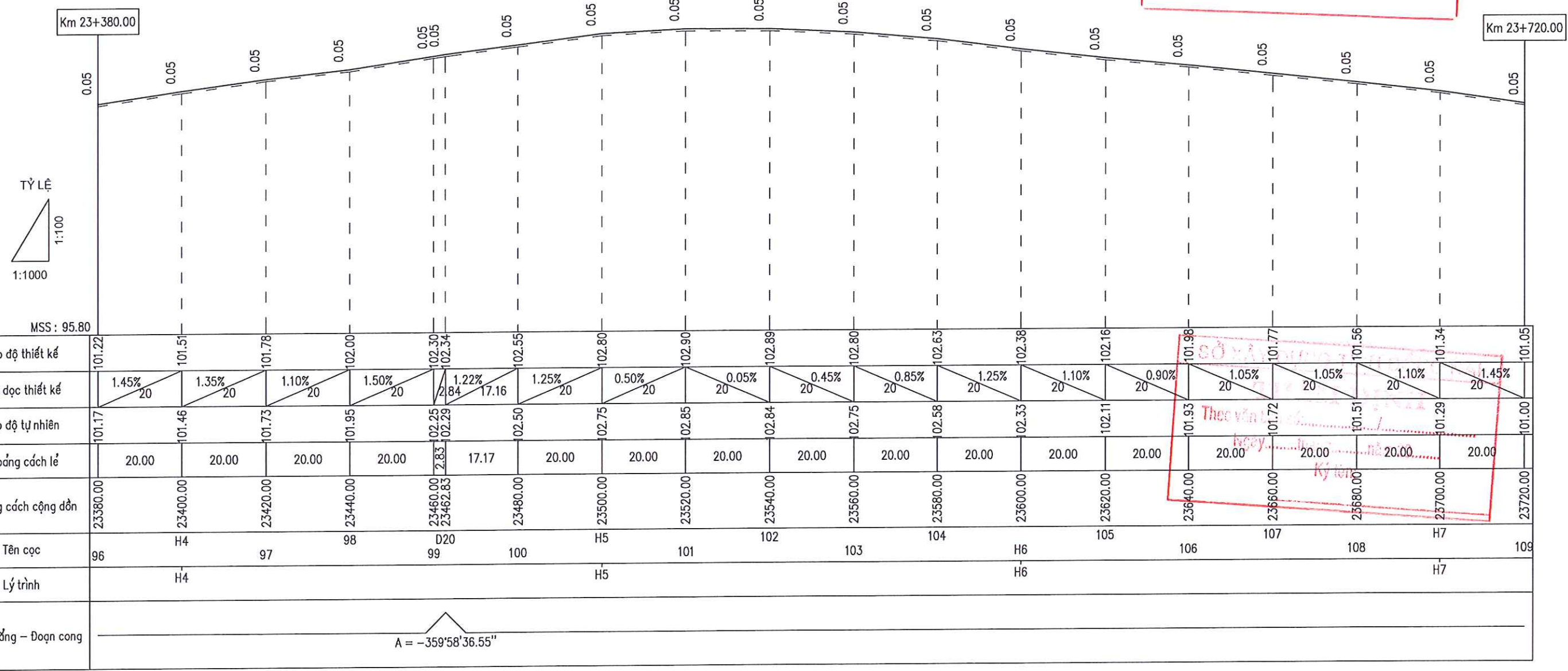


TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ	CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ TRỤ SỞ: TỐ 2, KHU PHỐ TIẾN THÀNH B, P. BẾN XÁI, TỈNH ĐỒNG NAI	HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.759B ĐOẠN TỪ KM21+000 ĐẾN KM24+000 ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIỆN HƯNG, TỈNH ĐỒNG NAI	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	ĐỒNG NAI, THÁNG..... NĂM 2028 TƯ VẤN XÂY DỰNG HÀ CÔNG ĐỊNH	BẢN VẼ THIẾT KẾ
			CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. VÕ MINH TÂM			
			THỰC HIỆN	KS. HÀN VĂN TỬ			TRẮC DỌC THIẾT KẾ
			KIỂM TRA	KS. VÕ MINH TÂM			TỶ LỆ: BẢN VẼ SỐ:



TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ	HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.759B ĐOẠN TỪ KM21+000 ĐẾN KM24+000 ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIỆN HƯNG, TỈNH BẾN LÊ	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	ĐỒNG NAI THÁNG..... NĂM 2026 TRƯỜNG ĐẠI HỌC
---	---	-----------	-----------	--------	---

SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ
THẨM TRA
Theo văn bản số:...../TTQHKĐXD&BTĐB-TVĐT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:



TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ TRỤ SỞ: TỐ 2, KHU PHỐ TIẾN THÀNH B, P. BÔNG XỎAI, TỈNH BẾN LÚC	HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.759B ĐOẠN TỪ KM21+000 ĐẾN KM24+000 ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIỆN HƯNG, TỈNH BẾN LÚC	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	ĐỒNG NAI, THÁNG NĂM 2026 BỘ MÔN TƯ VẤN CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ XÃOAI-T.BÌNH PHƯỚC	BẢN VẼ THIẾT KẾ	
		CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. VÕ MINH TÂM			TRẮC DỌC THIẾT KẾ	
		THỰC HIỆN	KS. HÂN VĂN TỬ			TỶ LỆ:	BẢN VẼ SỐ:
		KIỂM TRA	KS. VÕ MINH TÂM				

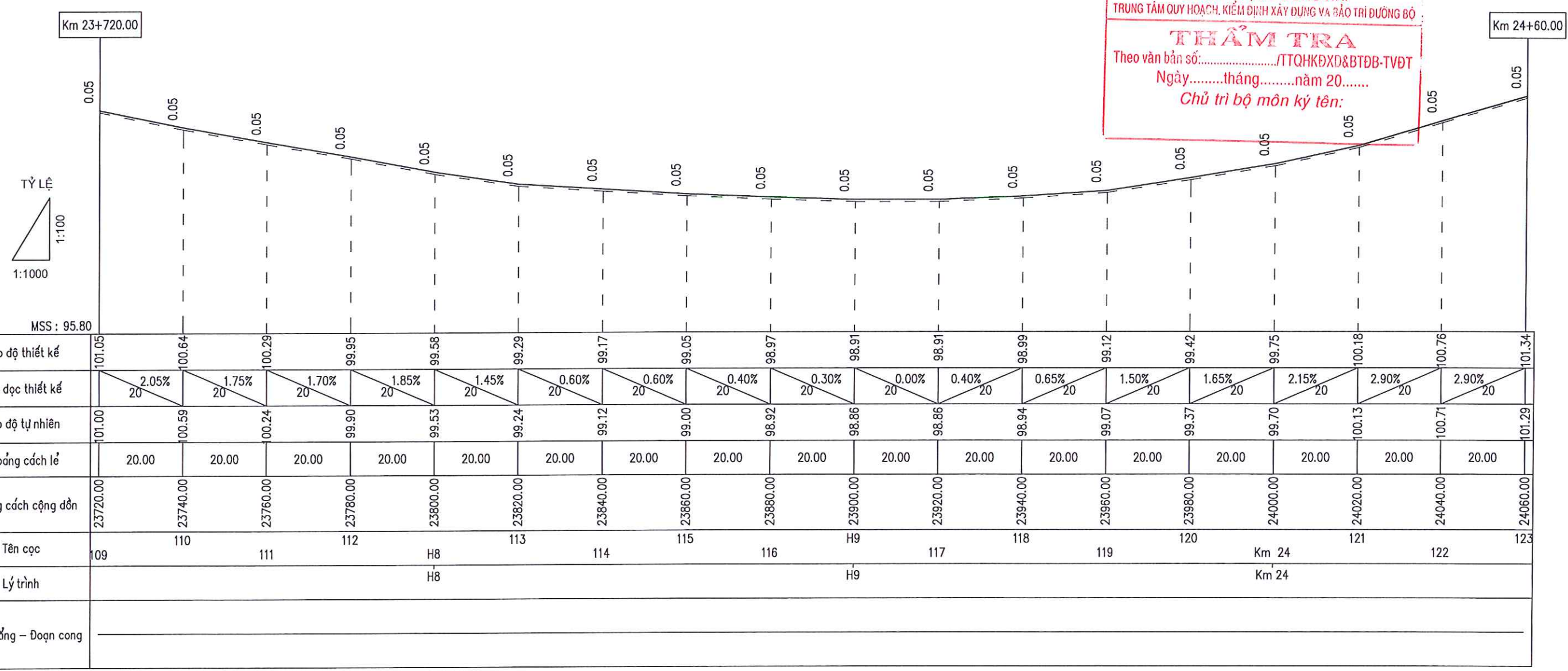
ĐI TT LỘC NINH

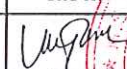
TRẮC DỤC THIẾT KẾ

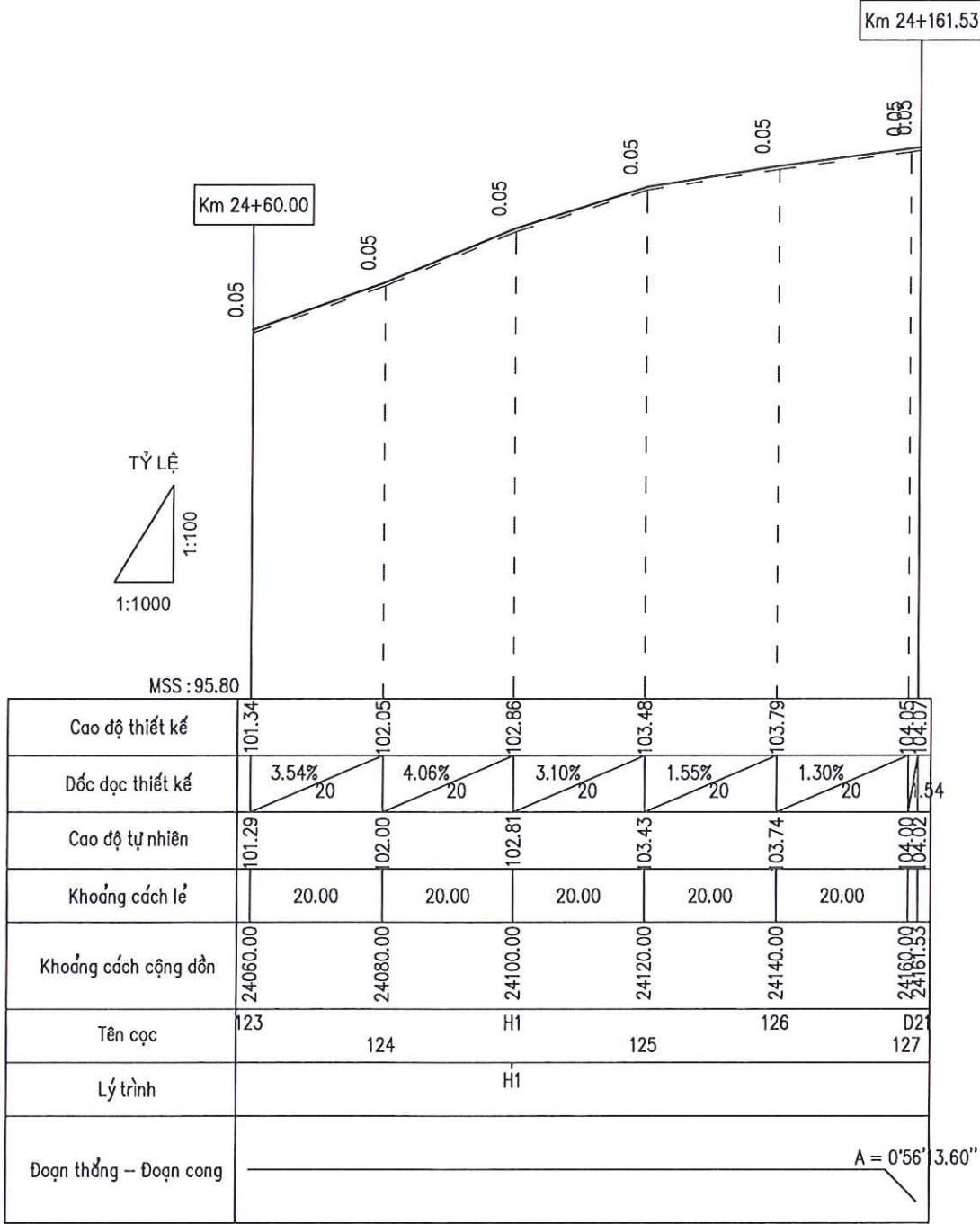
ĐI TT XÃ HƯNG PHƯỚC

SỞ XÂY DỰNG TỈNH ĐỒNG NAI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:
Ngày: tháng năm 20.....
Ký tên:

SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ
THẨM TRA
Theo văn bản số:/TTQHKĐXD&BTĐB-TVĐT
Ngày: tháng năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:



TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ TRỤ SỞ: TỐ 2, KHU PHỐ TIẾN THÀNH B, P. BÓNH XỎAI, TỈNH ĐỒNG NAI	HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.759B ĐOẠN TỪ KM21+000 ĐẾN KM24+000 ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIỆN HƯNG, TỈNH ĐỒNG NAI	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	ĐỒNG NAI, THÁNG NĂM 2026 BỘ TƯ VẤN TỈNH ĐỒNG NAI TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ XOÀI-T.BÌNH PHƯỚC HÀ CÔNG ĐỊNH	BẢN VẼ THIẾT KẾ TRẮC DỤC THIẾT KẾ TỶ LỆ: BẢN VẼ SỐ:	
		CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. VÕ MINH TÂM				
		THỰC HIỆN	KS. HÀN VĂN TỬ				
		KIỂM TRA	KS. VÕ MINH TÂM				



CƠ XÂY DỰNG TỈNH ĐỒNG NAI
THẨM TRA
Theo văn bản số:
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ
THẨM TRA
Theo văn bản số:/TTQHKĐXD&BTĐB-TVĐT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ TRỤ SỞ: TỶ 2, KHU PHỐ TIẾN THÁNH B, P. ĐỒNG XÃI, TỈNH ĐỒNG NAI	HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.759B ĐOẠN TỪ KM21+000 ĐẾN KM24+000 ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIỆN HƯNG, TỈNH ĐỒNG NAI	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	ĐỒNG NAI, THÁNG NĂM 2026 CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ ĐƠN VỊ TƯ VẤN	BẢN VẼ THIẾT KẾ	
		CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. VÕ MINH TÂM			TRẮC DỤC THIẾT KẾ	
		THỰC HIỆN	KS. HÀN VĂN TÚ			TỶ LỆ:	BẢN VẼ SỐ:
		KIỂM TRA	KS. VÕ MINH TÂM				

TRẮC NGANG TUYỂN

TRẮC NGANG THIẾT KẾ
TỶ LỆ 1:200

Cọc DT
Km 21 + 0.00

BTN C12.5 0.95 m2
Bù vênh 0.52 m2
B bv 12.15 m
B mặt đường 19.05 m

MSS 96

Cao độ thiết kế												
Khoảng cách lề thiết kế												
Cao độ tự nhiên	99.99	99.83	99.72	99.81	99.90	99.96	99.91	99.82	99.73	99.83	99.82	99.94
Khoảng cách mìa		3.71	2.82	2.93	3.05	3.48	3.42	3.01	3.15	0.97	2.07	3.38

Cọc 1
Km 21 + 20.00

BTN C12.5 0.95 m2
Bù vênh 0.18 m2
B bv 15.66 m
B mặt đường 19.06 m

MSS 96

Cao độ thiết kế												
Khoảng cách lề thiết kế												
Cao độ tự nhiên	99.85	99.73	99.62	99.44	99.48	99.53	99.60	99.55	99.49	99.40	99.53	99.55
Khoảng cách mìa		3.26	2.59	0.66	2.68	3.13	3.69	3.40	3.18	2.98	0.54	2.77

Cọc 2
Km 21 + 40.00

BTN C12.5 0.95 m2
Bù vênh 0.46 m2
B bv 12.03 m
B mặt đường 19.05 m

MSS 96

Cao độ thiết kế												
Khoảng cách lề thiết kế												
Cao độ tự nhiên	99.76	99.56	99.41	99.18	99.13	99.20	99.25	99.23	99.16	99.08	99.40	99.42
Khoảng cách mìa		0.75	2.45	2.88	2.83	3.07	3.62	3.39	3.19	2.94	1.82	

Cọc 3
Km 21 + 60.00

BTN C12.5 0.97 m2
Bù vênh 0.50 m2
B bv 12.50 m
B mặt đường 19.45 m

MSS 95

Cao độ thiết kế												
Khoảng cách lề thiết kế												
Cao độ tự nhiên	99.21	99.14	98.65	98.64	98.71	98.81	98.90	98.96	98.95	98.90	98.88	98.90
Khoảng cách mìa		2.23	0.73	1.97	1.47	3.17	2.89	3.54	3.41	2.76	3.68	2.11

SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ
THẨM TRA
Theo bản số:/TTQH-KĐXD&BTĐB-TVĐT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ THỤ SỞ: TỔ 2, KHU PHỐ TIẾN THÀNH B, P. BÓNG XỎA, TỈNH ĐỒNG NAI	HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.759B ĐOẠN TỪ KM21+000 ĐẾN KM24+000 ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIỆN HƯNG, TỈNH ĐỒNG NAI	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	ĐỒNG NAI, THÁNG..... NĂM 2026 BỘ VỊ TƯ VẤN CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ HÀNG CÔNG ĐỊNH	BẢN VẼ THIẾT KẾ	
		CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. VÕ MINH TÂM			TRẮC NGANG THIẾT KẾ	
		THỰC HIỆN	KS. HÀN VĂN TỬ			TỶ LỆ:	BẢN VẼ SỐ:

TRẮC NGANG THIẾT KẾ
TỶ LỆ 1:200

Cọc 4
Km 21 + 80.00

BTN C12.5 0.98 m2
Bù vênh 0.70 m2
B bv 19.50 m
B mặt đường 19.50 m

MSS 95

Cao độ thiết kế	98.52 98.54 98.83 98.73													
Khoảng cách lẻ thiết kế	0.00 9.48 10.03 0.00													
Cao độ tự nhiên	98.56	98.52	98.39	98.71	98.52	98.62	98.70	98.77	98.74	98.67	98.58	98.91	99.02	99.16
Khoảng cách chia	2.63	2.11	1.10	0.68	3.33	2.78	3.37	3.46	3.21	3.35	0.00	2.17	1.64	2.16

Cọc D1
Km 21 + 86.99

BTN C12.5 0.97 m2
Bù vênh 0.39 m2
B bv 12.53 m
B mặt đường 19.40 m

MSS 95

Cao độ thiết kế	98.45 98.77 98.68													
Khoảng cách lẻ thiết kế	0.00 9.45 9.95 0.00													
Cao độ tự nhiên	98.25	98.21	98.42	98.54	98.46	98.54	98.64	98.72	98.69	98.61	98.59	98.76	98.99	99.25
Khoảng cách chia	2.34	2.79	0.91	0.51	2.92	3.10	3.43	3.44	2.93	3.59	0.00	2.21	2.00	1.84

Cọc H1
Km 21 + 100.00

BTN C12.5 0.96 m2
Bù vênh 0.10 m2
B bv 12.71 m
B mặt đường 19.29 m

MSS 95

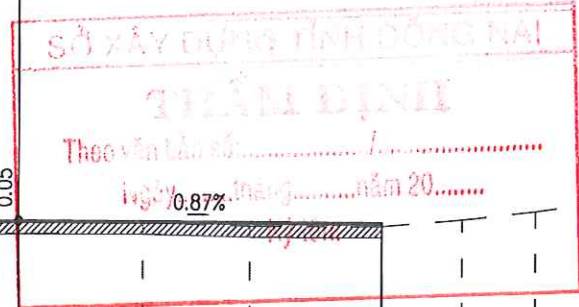
Cao độ thiết kế	98.32 98.66 98.55													
Khoảng cách lẻ thiết kế	0.00 9.50 9.78 0.00													
Cao độ tự nhiên	98.52	98.50	98.44	98.44	98.45	98.52	98.61	98.57	98.53	98.45	98.46	98.77	98.88	98.92
Khoảng cách chia	0.90	3.30	1.95	0.55	3.06	3.05	3.40	3.45	3.18	3.15	2.45	0.49	0.48	2.10

Cọc 5
Km 21 + 120.00

BTN C12.5 0.96 m2
Bù vênh 0.28 m2
B bv 12.02 m
B mặt đường 19.11 m

MSS 95

Cao độ thiết kế	98.39 98.55 98.54													
Khoảng cách lẻ thiết kế	0.00 9.54 9.57 0.00													
Cao độ tự nhiên	98.34	98.31	98.29	98.35	98.44	98.50	98.48	98.45	98.41	98.72	98.76			
Khoảng cách chia	6.14	0.32	3.00	2.96	3.58	3.51	3.03	3.02	3.51	2.92				



TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ TRỤ SỞ: TỔ 2, KHU PHỐ TIẾN THÀNH B, P. ĐỒNG XOÀI, TỈNH ĐỒNG NAI	HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.750B ĐOẠN TỪ KM21+000 ĐẾN KM24+000 ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIỆN HƯNG, TỈNH ĐỒNG NAI	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	ĐỒNG NAI, THÁNG NĂM 2026 CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ HÀ CÔNG ĐỊNH	BẢN VẼ THIẾT KẾ	
		CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. VÕ MINH TÂM			TRẮC NGANG THIẾT KẾ	
		THỰC HIỆN	KS. HÂN VĂN TỬ			TỶ LỆ:	BẢN VẼ SỐ:
		KIỂM TRA	KS. VÕ MINH TÂM				

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

TỶ LỆ 1:200

Cọc 6
Km 21 + 140.00

BTN C12.5 0.95 m²
Bù vênh 0.33 m²
B bv 12.02 m
B mặt đường 19.04 m

MSS 95

Cao độ thiết kế			98.27		98.53		98.58					
Khoảng cách lề thiết kế			0.00	9.53		9.51	0.00					
Cao độ tự nhiên	98.03	98.17	98.27	98.36	98.42	98.48	98.47	98.39	98.38	98.61	98.82	98.85
Khoảng cách mìa		3.32	3.16	3.34	2.76	3.42	3.59	2.71	3.21	0.00	2.20	3.22

Cọc 7
Km 21 + 160.00

BTN C12.5 0.95 m²
Bù vênh 0.61 m²
B bv 12.26 m
B mặt đường 19.04 m

MSS 93

			98.24		98.50		98.42					
			0.00	9.60		9.45	0.00					
	96.71	97.46	97.99	98.27	98.37	98.43	98.45	98.42	98.34	98.26	98.23	98.12
		4.03	1.77	0.61	3.29	2.95	3.36	3.42	3.55	2.47	0.58	2.58

Cọc 8
Km 21 + 180.00

BTN C12.5 0.95 m²
Bù vênh 0.32 m²
B bv 15.70 m
B mặt đường 19.09 m

MSS 93

Cao độ thiết kế			98.23		98.49		98.41					
Khoảng cách lề thiết kế			0.00	9.73		9.36	0.00					
Cao độ tự nhiên	96.99	97.11	97.96	98.00	98.23	98.35	98.39	98.44	98.41	98.36	98.29	98.25
Khoảng cách mìa		1.25	1.97	0.47	2.58	3.07	3.18	3.48	3.39	2.83	3.14	1.65

Cọc H2
Km 21 + 200.00

BTN C12.5 0.95 m²
Bù vênh 0.30 m²
B bv 11.88 m
B mặt đường 18.92 m

MSS 93

			98.28		98.47		98.44					
			0.00	9.74		9.18	0.00					
	96.74	97.23	98.03	98.20	98.28	98.35	98.39	98.42	98.41	98.39	98.31	98.26
		2.18	1.08	0.91	2.09	2.97	3.21	3.56	3.47	2.57	3.14	2.37

SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ
THẨM TRA
Theo văn bản số:/TTQH&XD&BT&B-TV&DT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ

TRỤ SỞ: TỐ 2, KHU PHỐ TIẾN THÀNH B, P. ĐỒNG XOÀI, TỈNH ĐỒNG NAI

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT
CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.759B ĐOẠN TỪ
KM21+000 ĐẾN KM24+000
ĐỊA BIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIỆN HƯNG, TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨC DANH

HỌ VÀ TÊN

CHỮ KÝ

ĐỒNG NAI, THÁNG NĂM 2026

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

KS. VÕ MINH TÂM

THỰC HIỆN

KS. HÂN VĂN TỬ

KIỂM TRA

KS. VÕ MINH TÂM

TƯ VẤN XÂY DỰNG

AZ

XOÀI-T. BÌNH PHƯỚC

BẢN VẼ THIẾT KẾ

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

TỶ LỆ:

BẢN VẼ SỐ:

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

TỶ LỆ 1:200

Cọc 9
Km 21 + 220.00

BTN C12.5 0.94 m²
Bù vênh 0.33 m²
B bv 15.13 m
B mặt đường 18.74 m

MSS 94

Cao độ thiết kế	98.44											
Khoảng cách lề thiết kế	9.75											
Cao độ tự nhiên	97.53	98.21	98.44	98.48	98.45	98.44	98.45	98.37	98.40	98.41	98.49	99.47
Khoảng cách mìa	3.31	2.93	0.00	2.98	3.21	3.55	3.62	2.66	2.72	1.66	3.39	1.01

Cọc 10
Km 21 + 240.00

BTN C12.5 0.92 m²
Bù vênh 0.03 m²
B bv 11.45 m
B mặt đường 18.33 m

MSS 95

Cao độ thiết kế	98.61											
Khoảng cách lề thiết kế	9.91											
Cao độ tự nhiên	98.93	98.90	98.75	98.69	98.63	98.56	98.48	98.42	98.41	98.40	98.49	98.60
Khoảng cách mìa	3.08	3.00	3.33	3.03	3.56	3.49	2.84	2.09	1.11	2.91	2.43	1.12

Cọc 11
Km 21 + 260.00

BTN C12.5 0.90 m²
Bù vênh 0.34 m²
B bv 18.07 m
B mặt đường 18.07 m

MSS 95

Cao độ thiết kế	98.72											
Khoảng cách lề thiết kế	9.93											
Cao độ tự nhiên	98.10	99.09	99.06	98.92	98.78	98.67	98.54	98.47	98.47	98.80	98.98	98.98
Khoảng cách mìa	4.82	1.25	3.76	3.06	3.11	3.54	2.00	2.61	0.51	4.11	3.23	0.00

Cọc TD1
Km 21 + 267.78

BTN C12.5 0.91 m²
Bù vênh 0.25 m²
B bv 18.25 m
B mặt đường 18.25 m

MSS 95

Cao độ thiết kế	98.76											
Khoảng cách lề thiết kế	9.76											
Cao độ tự nhiên	98.00	98.91	99.17	99.16	99.00	98.83	98.71	98.56	98.43	98.39	98.37	98.48
Khoảng cách mìa	2.58	1.99	1.68	3.39	3.12	3.25	3.73	2.39	2.37	1.25	2.29	0.91

TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ BƯỜNG BỘ

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ

TRỤ SỞ: TỐ 2, KHU PHỐ TIẾN THÁNH B, P. BÌNH XÁI, TỈNH BÌNH DƯƠNG

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT
CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.759B ĐOẠN TỪ
KM21+000 ĐẾN KM24+000
BỊA BIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIỆN HƯNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

CHỨC DANH

HỌ VÀ TÊN

CHỮ KÝ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

KS. VÕ MINH TÂM

THỰC HIỆN

KS. HÂN VĂN TỬ

KIỂM TRA

KS. VÕ MINH TÂM

CHỮ KÝ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CHỮ KÝ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CHỮ KÝ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐƠN VỊ TƯ VẤN

BẢN VẼ THIẾT KẾ

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

TỶ LỆ:

BẢN VẼ SỐ:

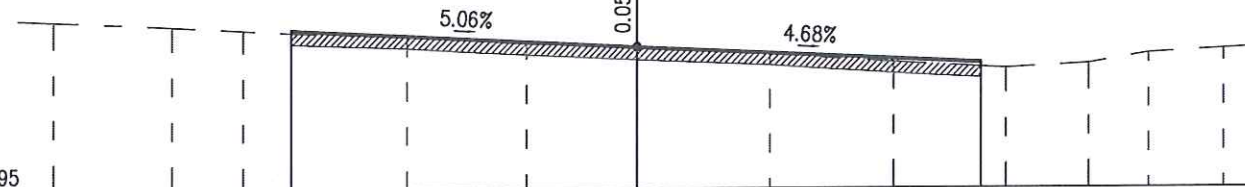
TRẮC NGANG THIẾT KẾ

TỶ LỆ 1:200

Cọc 12
Km 21 + 280.00

$R = 225.00$
 $i_t = 5.06\%$
 $i_p = -4.68\%$
 $w = 0.00$

BTN C12.5 0.94 m²
Bù vênh 0.39 m²
B bv 15.20 m
B mặt đường 18.84 m

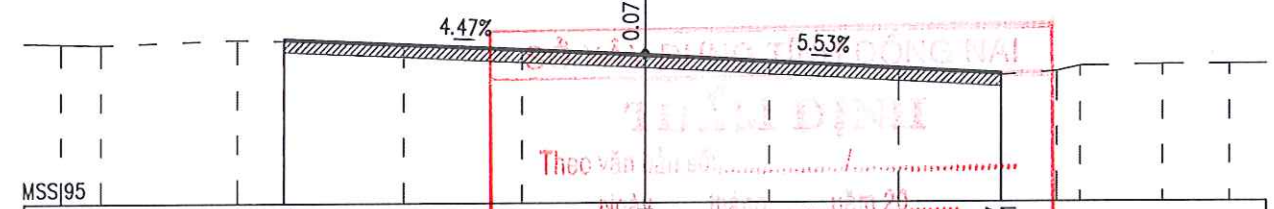


Cao độ thiết kế	99.22													
Khoảng cách lề thiết kế	9.47													
Cao độ tự nhiên	99.54	99.40	99.29	99.22	99.10	98.92	98.78	98.61	98.39	98.26	98.22	98.34	98.62	98.73
Khoảng cách mìa	3.27	1.94	1.32	3.16	3.27	3.05	3.63	3.34	2.39	0.68	2.29	1.63	2.05	

Cọc H3
Km 21 + 300.00

$R = 225.00$
 $i_t = 4.47\%$
 $i_p = -5.53\%$
 $w = 0.00$

BTN C12.5 0.98 m²
Bù vênh 0.23 m²
B bv 19.62 m
B mặt đường 19.62 m

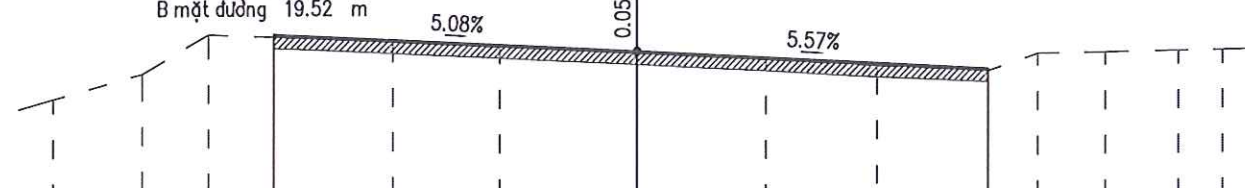


Cao độ thiết kế	99.01													
Khoảng cách lề thiết kế	9.86													
Cao độ tự nhiên	99.32	99.29	99.42	99.39	99.25	99.09	98.94	98.75	98.56	98.41	98.51	98.65	98.69	98.70
Khoảng cách mìa	1.10	3.76	1.28	3.27	3.23	3.36	3.43	3.52	2.80	1.52	0.65	2.26	1.82	

Cọc P1
Km 21 + 308.31

$R = 225.00$
 $i_t = 5.08\%$
 $i_p = -5.57\%$
 $w = 0.00$

BTN C12.5 0.98 m²
Bù vênh 0.12 m²
B bv 19.52 m
B mặt đường 19.52 m

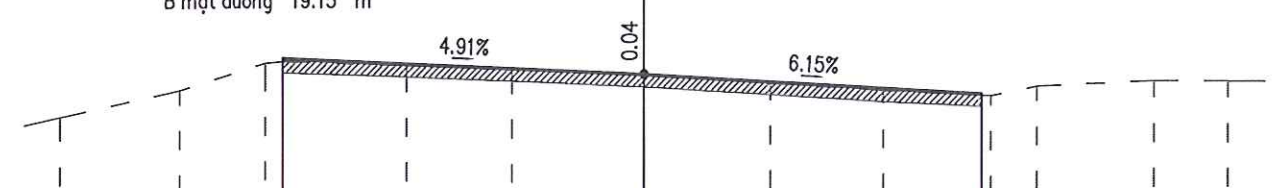


Cao độ thiết kế	99.52													
Khoảng cách lề thiết kế	9.95													
Cao độ tự nhiên	97.87	98.54	99.59	99.52	99.37	99.22	99.03	98.83	98.64	98.50	98.95	98.98	99.02	99.04
Khoảng cách mìa	2.46	1.80	1.79	3.25	2.91	3.78	3.53	3.02	3.02	1.38	1.85	1.99	1.21	

Cọc 13
Km 21 + 320.00

$R = 225.00$
 $i_t = 4.91\%$
 $i_p = -6.15\%$
 $w = 0.00$

BTN C12.5 0.89 m²
Bù vênh 0.26 m²
B bv 19.15 m
B mặt đường 19.15 m



Cao độ thiết kế	99.25													
Khoảng cách lề thiết kế	9.87													
Cao độ tự nhiên	98.16	98.87	99.60	99.64	99.51	99.38	99.21	98.98	98.77	98.62	98.87	99.01	98.99	
Khoảng cách mìa	3.29	2.37	0.47	3.40	2.88	3.60	3.49	3.08	2.70	1.26	3.20	2.01		

SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ

THẨM TRA
Theo văn bản số:/TTQHKĐXD&BTĐB-TVĐT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ

TRỤ SỞ: TỐ 2, KHU PHỐ TIẾN THÁNH B, P. ĐỒNG XÁI, TỈNH ĐỒNG NAI

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT
CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.759B ĐOẠN TỪ KM21+000 ĐẾN KM24+000
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIỆN HƯNG, TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨC DANH

HỌ VÀ TÊN

CHỮ KÝ

ĐỒNG NAI, THÁNG NĂM 2026

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

KS. VÕ MINH TÂM

THỰC HIỆN

KS. HÀN VĂN TỬ

KIỂM TRA

KS. VÕ MINH TÂM

HÀ CÔNG ĐỊNH

BẢN VẼ THIẾT KẾ

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

TỶ LỆ:

BẢN VẼ SỐ:

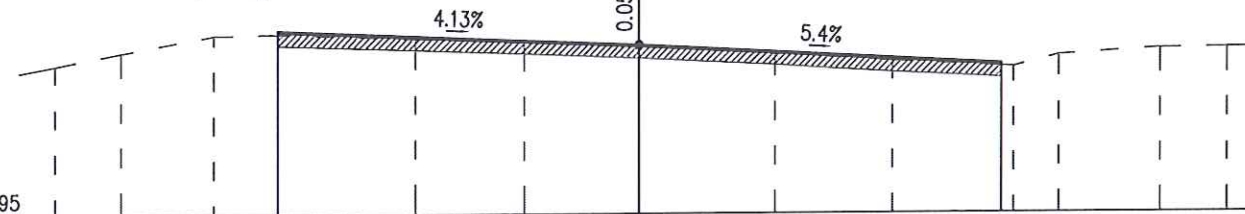
TRẮC NGANG THIẾT KẾ

TỶ LỆ 1:200

Cọc 14
Km 21 + 340.00

R = 225.00
it = 4.13%
ip = -5.40%
w = 0.00

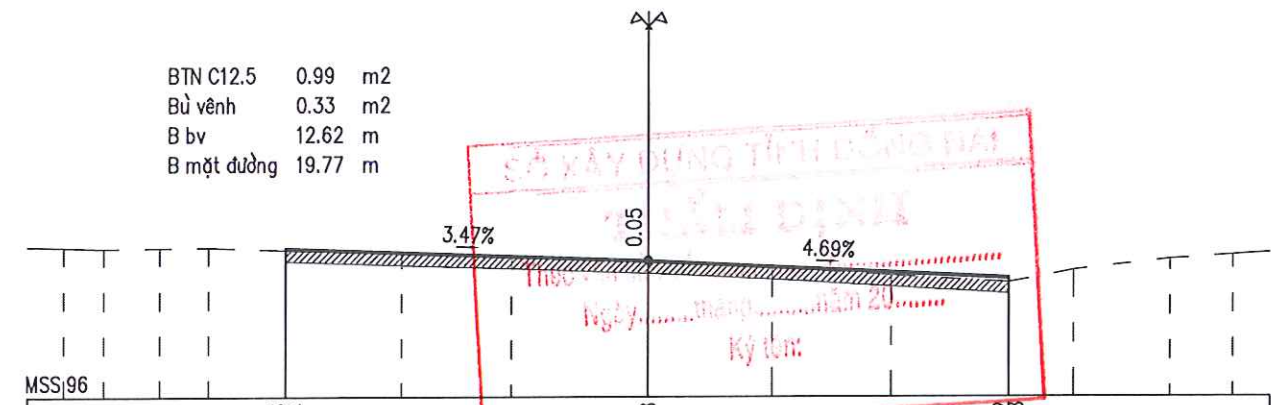
BTN C12.5 0.99 m2
Bù vênh 0.32 m2
B bv 12.93 m
B mặt đường 19.78 m



Cao độ thiết kế	99.86											
Khoảng cách lề thiết kế	9.92											
Cao độ tự nhiên	99.03	99.37	99.83	99.86	99.73	99.63	99.50	99.30	99.09	98.95	99.24	99.43
Khoảng cách mìa	1.81	2.54	1.73	3.80	2.97	3.14	3.70	3.20	2.95	1.25	2.76	1.81

Cọc TC1
Km 21 + 348.83

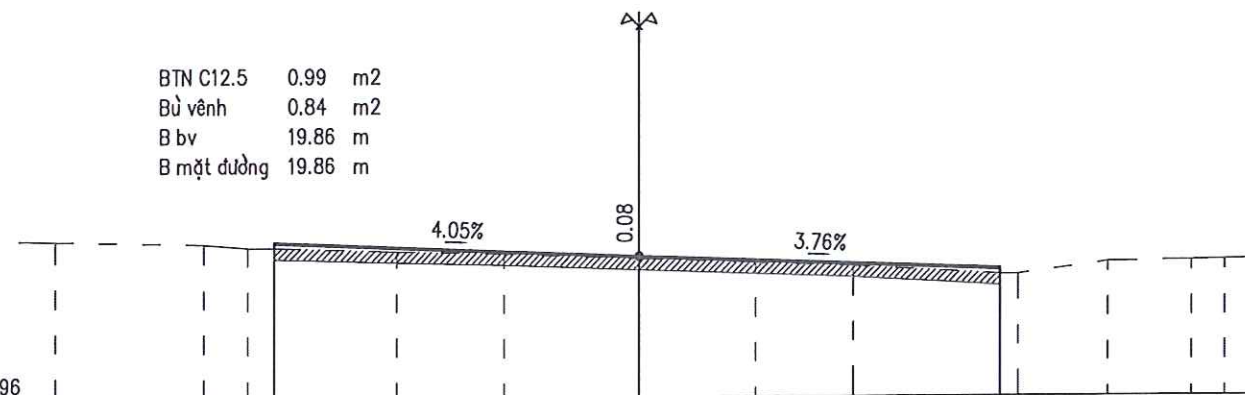
BTN C12.5 0.99 m2
Bù vênh 0.33 m2
B bv 12.62 m
B mặt đường 19.77 m



Cao độ thiết kế	99.86											
Khoảng cách lề thiết kế	9.92											
Cao độ tự nhiên	100.04	100.01	100.03	100.04	99.96	99.86	99.76	99.63	99.47	99.27	99.08	99.81
Khoảng cách mìa	1.10	1.54	1.33	2.10	3.17	3.01	3.74	3.41	3.23	3.20	1.80	2.64

Cọc 15
Km 21 + 360.00

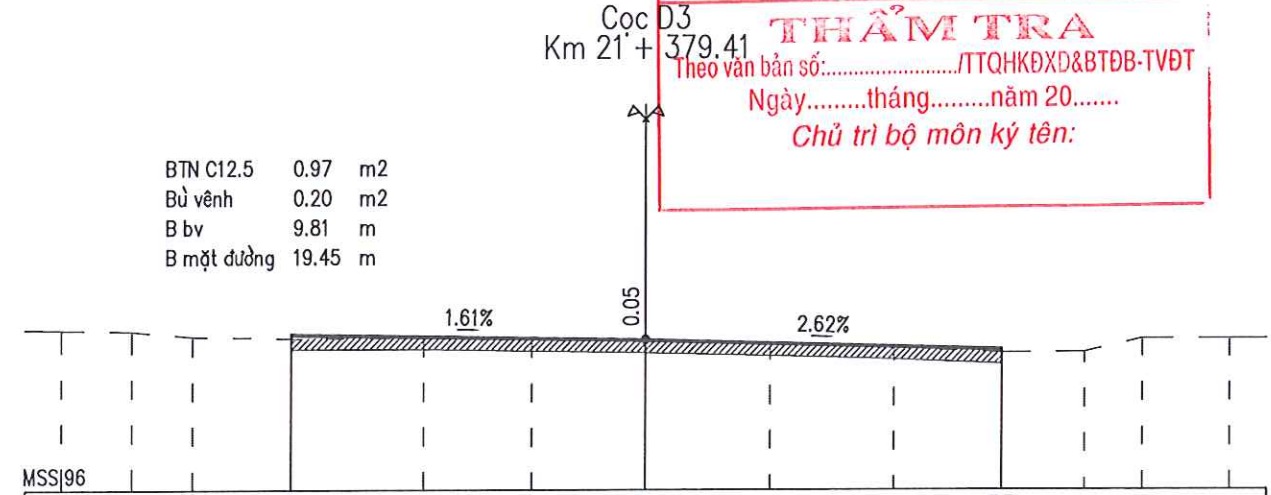
BTN C12.5 0.99 m2
Bù vênh 0.84 m2
B bv 19.86 m
B mặt đường 19.86 m



Cao độ thiết kế	99.82											
Khoảng cách lề thiết kế	10.01											
Cao độ tự nhiên	100.26	100.17	100.07	100.07	99.96	99.89	99.74	99.62	99.52	99.38	99.61	99.66
Khoảng cách mìa	4.08	1.19	0.71	3.36	2.95	3.70	3.19	2.67	4.00	2.47	2.29	0.90

Cọc 03
Km 21 + 379.41

BTN C12.5 0.97 m2
Bù vênh 0.20 m2
B bv 9.81 m
B mặt đường 19.45 m



Cao độ thiết kế	100.05											
Khoảng cách lề thiết kế	9.70											
Cao độ tự nhiên	100.32	100.29	100.14	100.09	100.10	100.05	100.00	99.91	99.82	99.69	99.71	100.07
Khoảng cách mìa	1.94	1.66	2.70	3.63	2.96	3.11	3.43	3.37	2.94	2.30	1.58	2.38

SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ
THẨM TRA
Theo văn bản số:/TTQHKĐXD&BTĐB-TVĐT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ

TRỤ SỞ: TỐ 2, KHU PHỐ TIẾN THÁNH B, P. BÌNH XÃI, TỈNH ĐỒNG NAI

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT
CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN BT.759B ĐOẠN TỪ
KM21+000 ĐẾN KM24+000
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIỆN HƯNG, TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨC DANH

HỌ VÀ TÊN

CHỮ KÝ

ĐỒNG NAI, THÁNG NĂM 2026

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

KS. VÕ MINH TÂM

THỰC HIỆN

KS. HÂN VĂN TỬ

KIỂM TRA

KS. VÕ MINH TÂM

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG
AZ
HÀ ĐỒNG ĐỊNH

BẢN VẼ THIẾT KẾ

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

TỶ LỆ:

BẢN VẼ SỐ:

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

TỶ LỆ 1:200

Cọc 16
Km 21 + 380.00

BTN C12.5 0.97 m2
Bù vênh 0.64 m2
B bv 19.42 m
B mặt đường 19.42 m

MSS 96

Cao độ thiết kế				100.15			100.06			99.86			
Khoảng cách lề thiết kế				0.00	9.68		9.74	0.00					
Cao độ tự nhiên	100.32	100.29	100.14	100.15	100.10	100.07	100.00	99.93	99.82	99.69	99.71	100.07	100.07
Khoảng cách mìa	1.85	1.71	2.75	3.59	2.95	3.14	3.41	3.33	3.00	2.31	1.57	2.38	

Cọc H4
Km 21 + 400.00

BTN C12.5 0.95 m2
Bù vênh 0.52 m2
B bv 19.03 m
B mặt đường 19.03 m

MSS 96

Cao độ thiết kế				100.18			100.23			99.98			
Khoảng cách lề thiết kế				0.00	9.34		9.69	0.00					
Cao độ tự nhiên	100.53	100.50	100.18	100.20	100.20	100.17	100.12	100.05	99.95	99.90	99.93	101.11	101.10
Khoảng cách mìa	1.09	5.57	3.16	2.89	3.30	3.20	3.03	3.46	1.17	2.05	2.94		

Cọc D4
Km 21 + 408.12

BTN C12.5 0.95 m2
Bù vênh 0.22 m2
B bv 12.44 m
B mặt đường 19.00 m

MSS 96

Cao độ thiết kế				100.28			100.30			99.87			
Khoảng cách lề thiết kế				0.00	9.24		9.76	0.00					
Cao độ tự nhiên	100.30	100.31	100.16	100.24	100.24	100.25	100.17	100.10	99.97	99.94	99.67	101.48	101.58
Khoảng cách mìa	2.50	4.26	3.17	2.58	3.48	3.42	3.15	3.20	2.55	2.61	2.66	0.42	

Cọc 17
Km 21 + 420.00

BTN C12.5 0.96 m2
Bù vênh 0.23 m2
B bv 19.13 m
B mặt đường 19.13 m

MSS 97

Cao độ thiết kế				100.17			100.38			100.18			
Khoảng cách lề thiết kế				0.00	9.34		9.78	0.00					
Cao độ tự nhiên	100.26	100.25	100.18	100.17	100.28	100.30	100.33	100.26	100.20	100.08	100.01	100.07	101.44
Khoảng cách mìa	0.88	3.06	2.71	3.26	2.67	3.41	3.38	2.95	3.45	1.73	1.29	2.07	1.12

SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ

THẨM TRA

Theo văn bản số:...../TTQHKĐXD&BTĐB-TVĐT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO
TRÌ ĐƯỜNG BỘ

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ

TRỤ SỞ: TỐ 2, KHU PHỐ TIẾN THÀNH B, P. BẾN
XOÀI, TỈNH ĐỒNG NAI

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT
CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.759B ĐOẠN TỪ
KM21+000 ĐẾN KM24+000
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIỆN HƯNG, TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨC DANH

HỌ VÀ TÊN

CHỮ KÝ

ĐỒNG NAI/THÁNG NĂM 2026

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

KS. VÕ MINH TÂM

THỰC HIỆN

KS. HÀN VĂN TỬ

KIỂM TRA

KS. VÕ MINH TÂM

CÔNG TY TƯ VẤN

TU VẤN XÂY DỰNG

HÀ CÔNG ĐỊNH

BẢN VẼ THIẾT KẾ

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

TỶ LỆ:

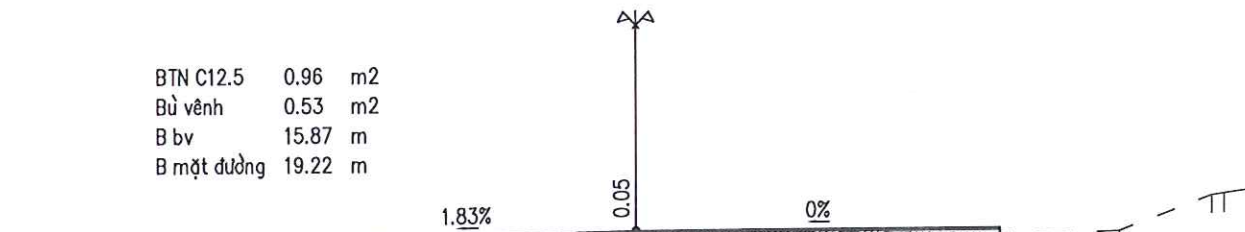
BẢN VẼ SỐ:

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

TỶ LỆ 1:200

Cọc 18
Km 21 + 440.00

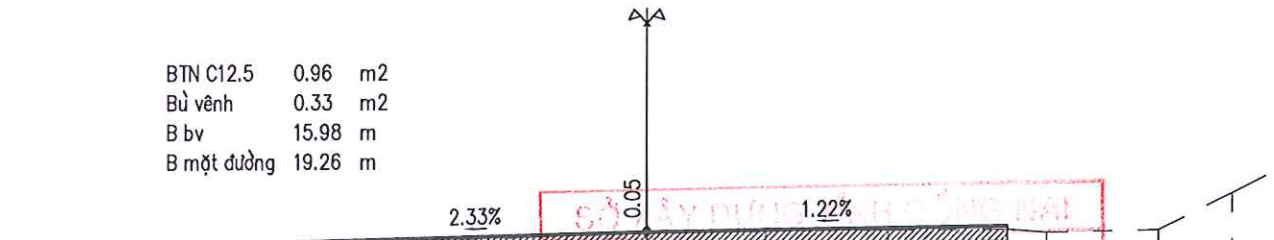
BTN C12.5 0.96 m²
Bù vênh 0.53 m²
B bv 15.87 m
B mặt đường 19.22 m



Cao độ thiết kế	99.88	100.14	100.24	100.21	100.22	100.24	100.30	100.39	100.39	100.33	100.28	100.23	100.33	101.32
Khoảng cách lề thiết kế				9.33										
Cao độ tự nhiên	99.88	100.14	100.24	100.21	100.22	100.24	100.30	100.39	100.39	100.33	100.28	100.23	100.33	101.32
Khoảng cách mìa	1.90	0.9	3.25	0.60	2.88	2.96	3.50	3.35	3.62	2.91	1.32	1.95	2.51	0.33

Cọc 19
Km 21 + 460.00

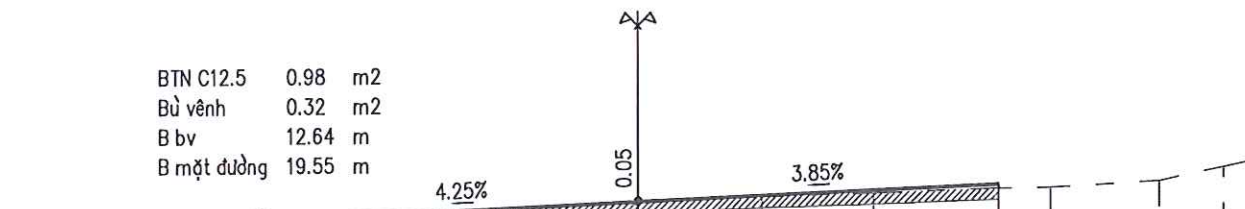
BTN C12.5 0.96 m²
Bù vênh 0.33 m²
B bv 15.98 m
B mặt đường 19.26 m



Cao độ thiết kế	99.89	100.12	100.10	100.15	100.22	100.32	100.36	100.37	100.38	100.29	100.35	101.35
Khoảng cách lề thiết kế				9.37								
Cao độ tự nhiên	99.89	100.12	100.10	100.15	100.22	100.32	100.36	100.37	100.38	100.29	100.35	101.35
Khoảng cách mìa	3.85	2.77	3.07	2.86	3.44	3.27	3.35	3.26	1.07	3.05	2.00	

Cọc 20
Km 21 + 480.00

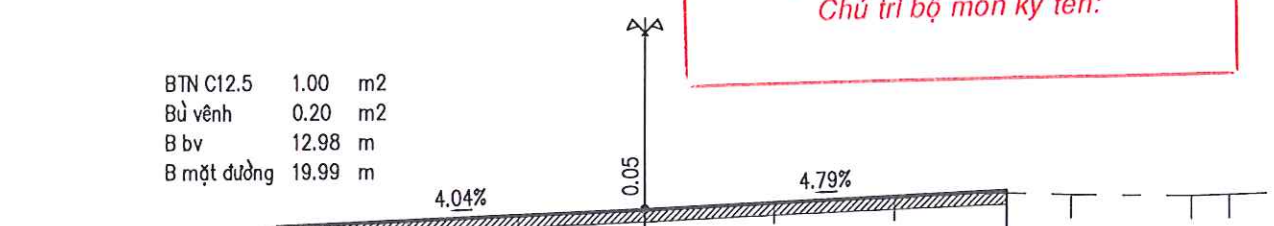
BTN C12.5 0.98 m²
Bù vênh 0.32 m²
B bv 12.64 m
B mặt đường 19.55 m



Cao độ thiết kế	98.59	98.80	98.86	99.59	100.07	100.22	100.35	100.42	100.52	100.53	100.69	101.06
Khoảng cách lề thiết kế				9.71								
Cao độ tự nhiên	98.59	98.80	98.86	99.59	100.07	100.22	100.35	100.42	100.52	100.53	100.69	101.06
Khoảng cách mìa	1.73	0.57	1.86	1.68	3.37	2.81	3.53	3.38	3.05	3.42	1.43	2.97

Cọc H5
Km 21 + 500.00

BTN C12.5 1.00 m²
Bù vênh 0.20 m²
B bv 12.98 m
B mặt đường 19.99 m



Cao độ thiết kế	98.22	98.31	98.87	99.63	100.05	100.19	100.36	100.50	100.63	100.58	100.54	100.58
Khoảng cách lề thiết kế				10.06								
Cao độ tự nhiên	98.22	98.31	98.87	99.63	100.05	100.19	100.36	100.50	100.63	100.58	100.54	100.58
Khoảng cách mìa	1.06	2.33	2.03	3.57	3.03	3.46	3.55	3.31	3.07	1.76	3.28	1.03

TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO
TRÌ ĐƯỜNG BỘ

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ

TRỤ SỞ: TỐ 2, KHU PHỐ TIẾN THÁNH B, P. ĐỒNG
XOÀI, TỈNH ĐỒNG NAI

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT
CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.759B ĐOẠN TỪ
KM21+000 ĐẾN KM24+000
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIỆN HƯNG, TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨC DANH

HỌ VÀ TÊN

CHỮ KÝ

ĐỒNG NAI, THÁNG NĂM 2026

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

KS. VÕ MINH TÂM

THỰC HIỆN

KS. HÀN VĂN TỬ

KIỂM TRA

KS. VÕ MINH TÂM

CHỮ KÝ

ĐỒNG NAI, THÁNG NĂM 2026

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ

HÀ CÔNG ĐỊNH

BẢN VẼ THIẾT KẾ

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

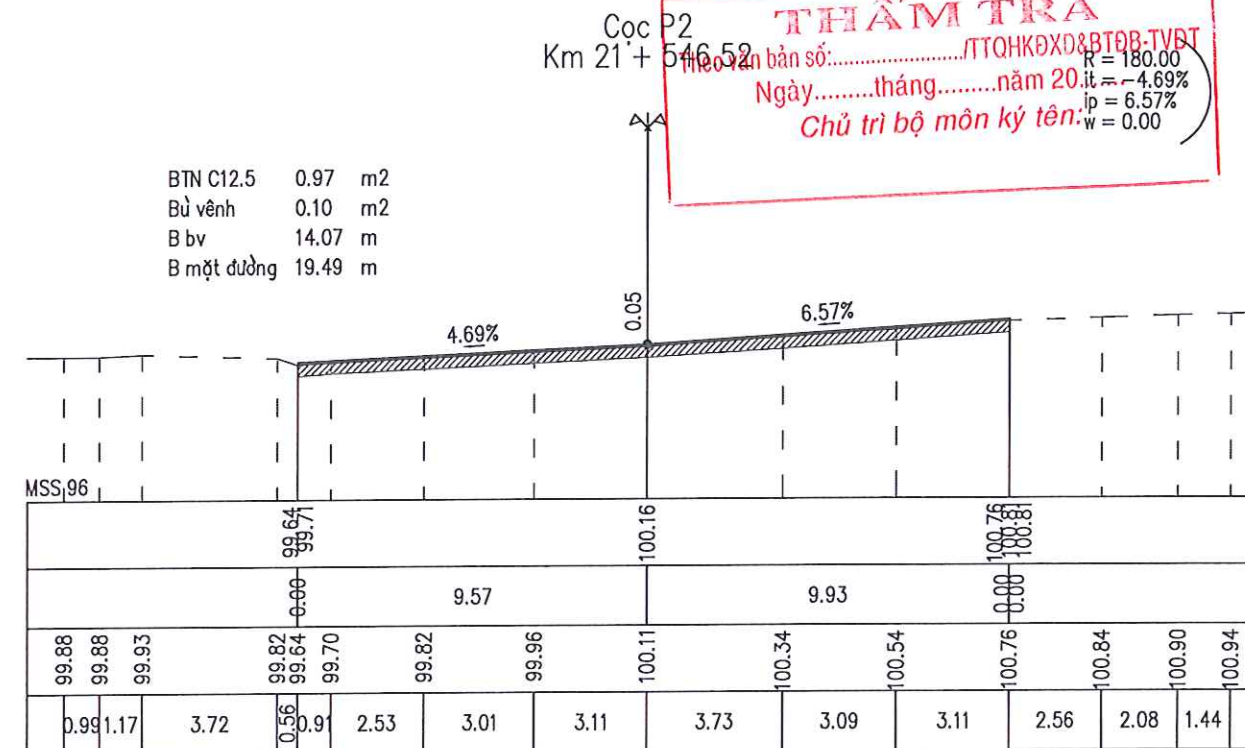
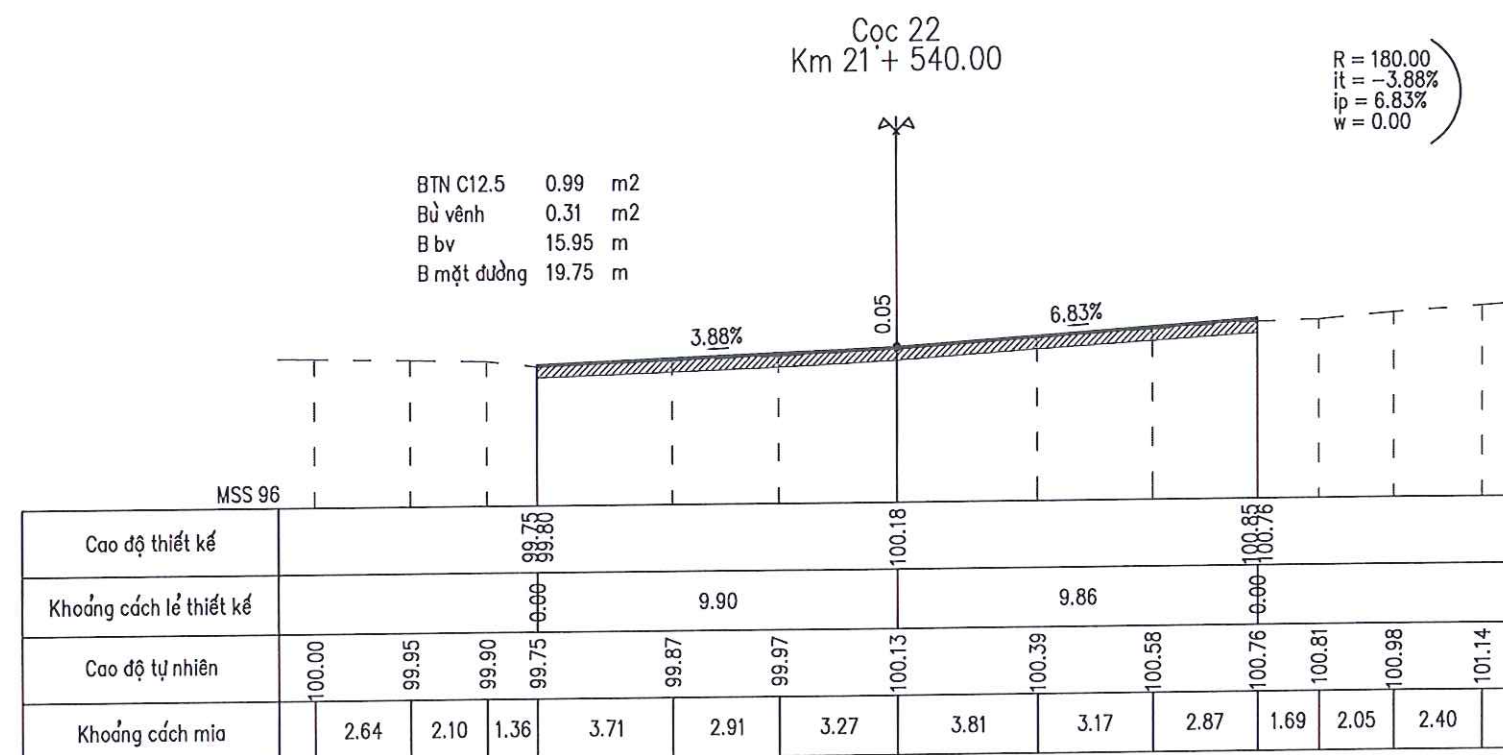
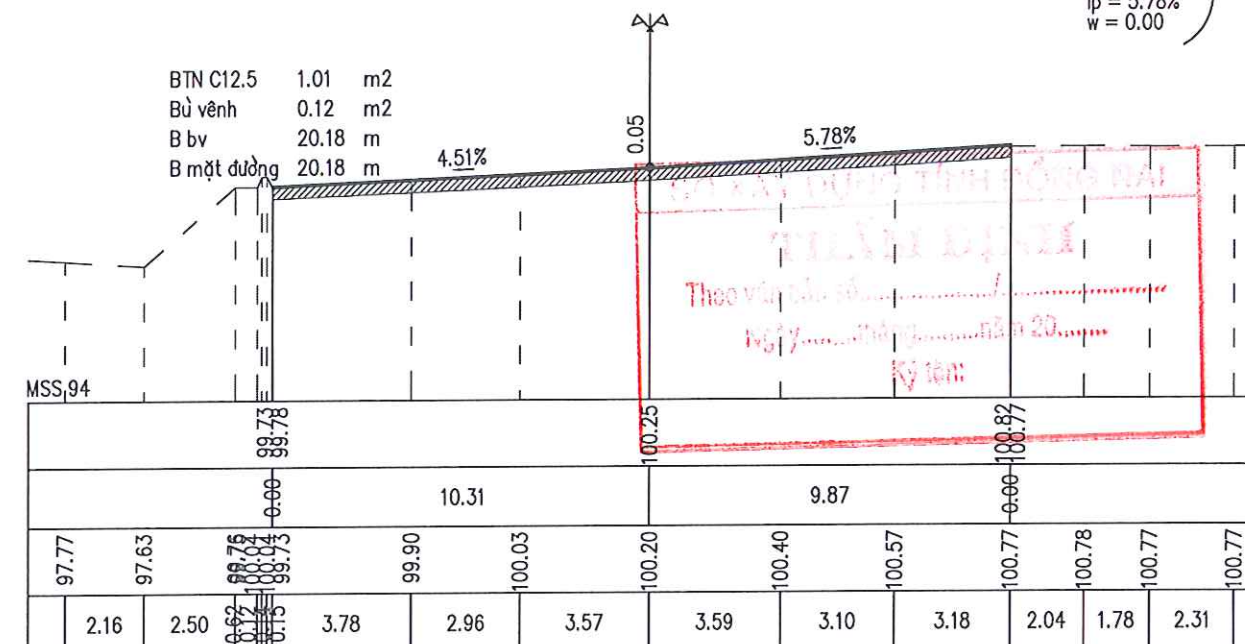
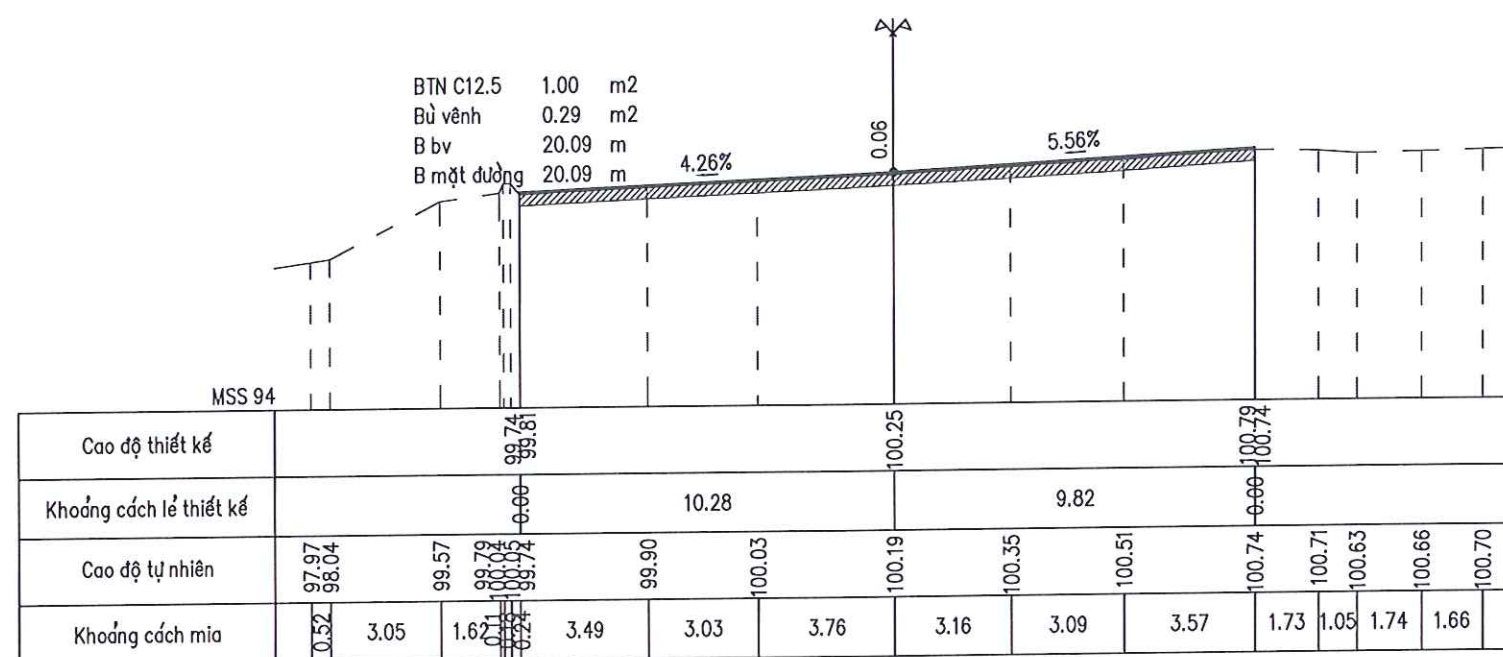
TỶ LỆ:

BẢN VẼ SỐ:

TỶ LỆ 1:200

Cọc 21
Km 21 + 520.00

R = 180.00
it = -4.51%
ip = 5.78%
w = 0.00



TRỤ SỞ: TỔ 2, KHU PHỐ TIẾN THÀNH 5, P. ĐỒNG
XOÀI, TỈNH ĐỒNG NAI

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT
CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.759B ĐOẠN TỪ
KM21+000 ĐẾN KM24+000
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIỆN HƯNG, TỈNH ĐỒNG NAI

KIỂM TRA

KS. VÕ MINH TÂM

1 mg

ĐOÀN CÔNG ĐOÀN
HÀ CÔNG ĐÌNH

TỶ LỆ:

BẢN VẼ SỐ:

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

TỶ LỆ 1:200

Cọc 23
Km 21 + 560.00

R = 180.00
it = -5.06%
ip = 7.43%
w = 0.00

BTN C12.5 0.99 m2
Bù vênh 0.27 m2
B bv 12.91 m
B mặt đường 19.71 m

MSS 95

Cao độ thiết kế												
Khoảng cách lẻ thiết kế												
Cao độ tự nhiên	98.31	98.41	99.79	99.54	99.73	99.90	100.06	100.33	100.54	100.72	100.78	101.03
Khoảng cách mìa	2.97	1.85	1.27	3.28	3.35	3.16	3.63	3.38	2.90	1.77	4.32	

Cọc TC2
Km 21 + 578.69

BTN C12.5 0.99 m2
Bù vênh 0.28 m2
B bv 12.57 m
B mặt đường 19.71 m

MSS 95

Cao độ thiết kế												
Khoảng cách lẻ thiết kế												
Cao độ tự nhiên	98.59	99.58	99.47	99.63	99.79	99.97	100.22	100.44	100.56	100.42	100.34	
Khoảng cách mìa	2.73	3.32	3.33	2.98	3.65	3.50	3.36	2.91	3.57	2.67		

SỞ XÂY DỰNG TỈNH ĐỒNG NAI

THẨM TRA

Theo văn bản số:/TTQHKĐXD&BTĐB-TVĐT

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

Cọc 24
Km 21 + 580.00

BTN C12.5 0.99 m2
Bù vênh 0.34 m2
B bv 19.71 m
B mặt đường 19.71 m

MSS 95

Cao độ thiết kế												
Khoảng cách lẻ thiết kế												
Cao độ tự nhiên	98.64	99.65	99.55	99.62	99.78	99.97	100.22	100.43	100.60	100.51	100.49	100.34
Khoảng cách mìa	2.74	2.83	0.50	3.36	2.95	3.61	3.56	3.36	2.87	0.51	1.44	4.27

Cọc TD3
Km 21 + 580.91

BTN C12.5 0.99 m2
Bù vênh 0.21 m2
B bv 19.71 m
B mặt đường 19.71 m

MSS 95

Cao độ thiết kế												
Khoảng cách lẻ thiết kế												
Cao độ tự nhiên	98.68	99.67	99.62	99.62	99.78	99.98	100.21	100.41	100.56	100.54	100.42	100.34
Khoảng cách mìa	2.80	2.73	0.56	3.33	2.89	3.69	3.58	3.00	3.22	0.49	3.19	2.53

SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ

THẨM TRA

Theo văn bản số:/TTQHKĐXD&BTĐB-TVĐT

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Chủ trì bộ môn ký tên:

TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ

TRỤ SỞ: TỐ 2, KHU PHỐ TIẾN THÀNH B, P. ĐỒNG XÁI, TỈNH ĐỒNG NAI

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.759B ĐOẠN TỪ KM21+000 ĐẾN KM24+000

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIỆN HƯNG, TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨC DANH

HỌ VÀ TÊN

CHỮ KÝ

ĐỒNG NAI, THÁNG NĂM 2026

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

KS. VÕ MINH TÂM

CHỮ KÝ

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

THỰC HIỆN

KS. HÂN VĂN TỬ

CHỮ KÝ

HA CÔNG ĐỊNH

KIỂM TRA

KS. VÕ MINH TÂM

CHỮ KÝ

HA CÔNG ĐỊNH

BẢN VẼ THIẾT KẾ

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

TỶ LỆ:

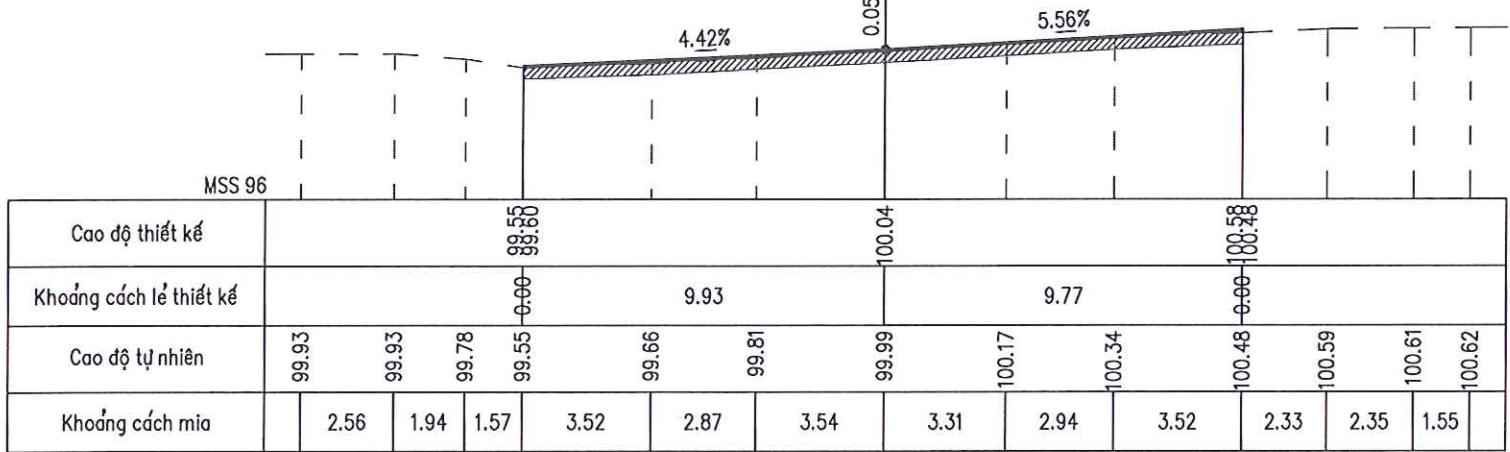
BẢN VẼ SỐ:

TRẮC NGANG THIẾT KẾ
TỶ LỆ 1:200

Cọc H6
Km 21 + 600.00

R = 115.00
it = -4.42%
ip = 5.56%
w = 0.00

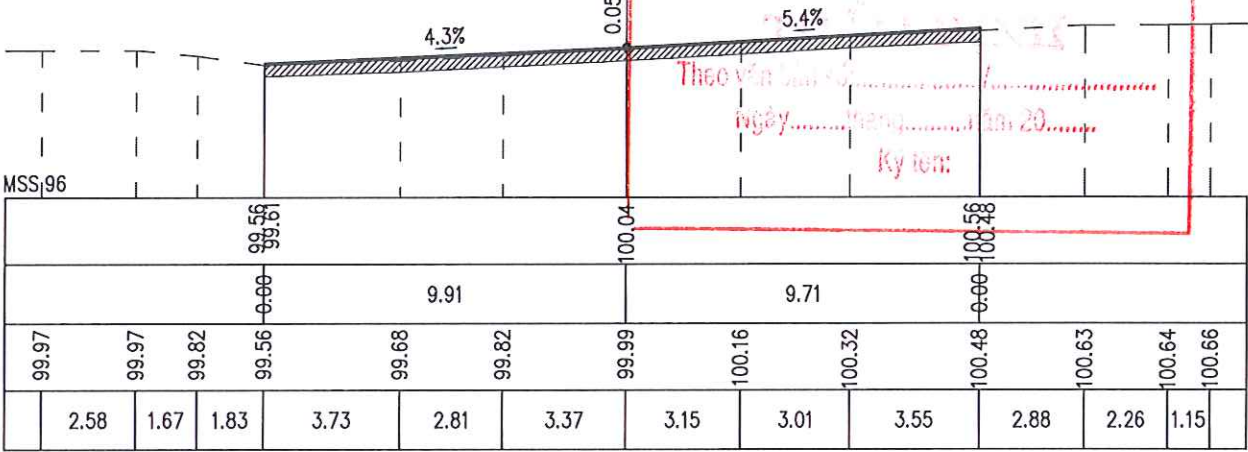
BTN C12.5 0.99 m2
Bù vênh 0.33 m2
B bv 18.28 m
B mặt đường 19.70 m



Cọc P3
Km 21 + 602.04

R = 115.00
it = -4.30%
ip = 5.40%
w = 0.00

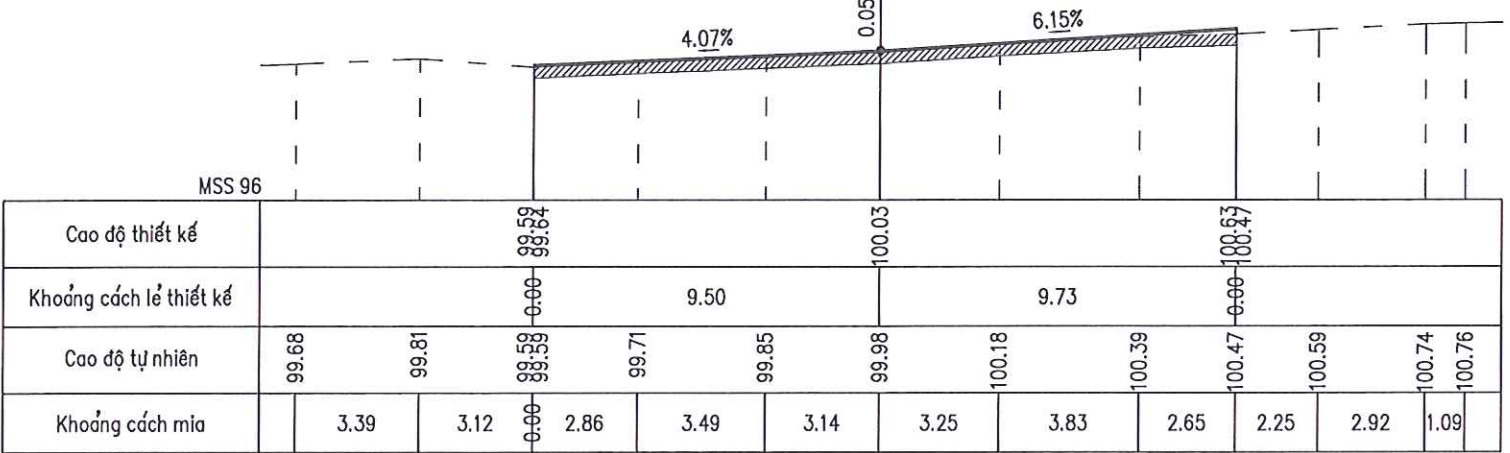
BTN C12.5 0.98 m2
Bù vênh 0.28 m2
B bv 15.16 m
B mặt đường 19.62 m



Cọc 25
Km 21 + 620.00

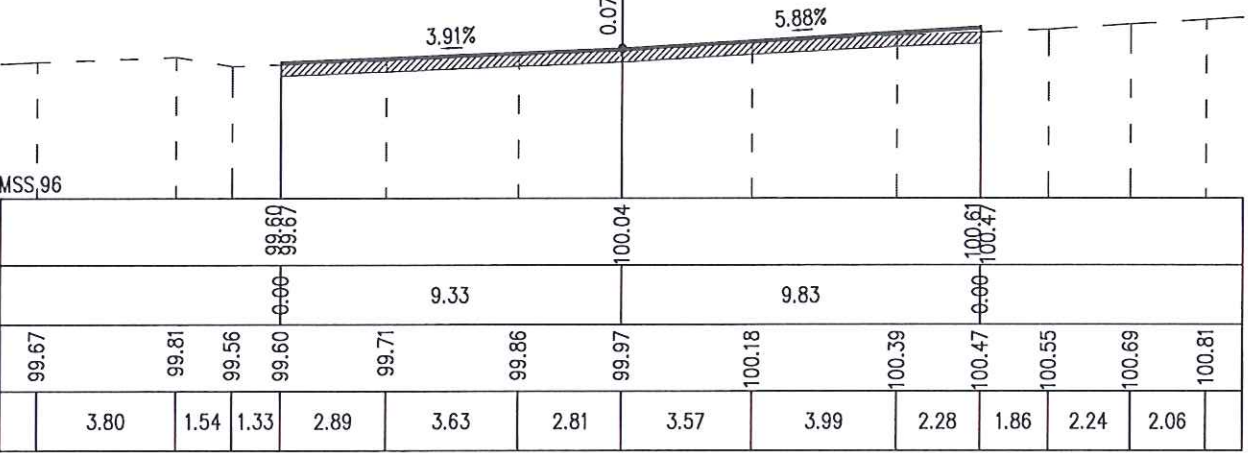
R = 115.00
it = -4.07%
ip = 6.15%
w = 0.00

BTN C12.5 0.96 m2
Bù vênh 0.23 m2
B bv 15.98 m
B mặt đường 19.23 m



Cọc TC3
Km 21 + 623.16

BTN C12.5 0.96 m2
Bù vênh 0.43 m2
B bv 19.16 m
B mặt đường 19.16 m



SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ
THẨM TRA
Theo văn bản số:/TTQHKĐXD&BTĐB-TVĐT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ	HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.750B ĐOẠN TỪ KM21+000 ĐẾN KM24+000 ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIÊN HƯNG, TỈNH BẮC NAI	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	CỘNG NAI, THÁNG NĂM 2026 ĐƠN TƯ VẤN TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ XOÀI-T. BÌNH PHƯỚC HÀ CÔNG ĐỊNH	BẢN VẼ THIẾT KẾ	
		CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. VÕ MINH TÂM				
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ TRỤ SỞ: TỐ 2, KHU PHỐ TIẾN THÀNH B, P. BÔNG XỎA, TỈNH BẮC NAI		THỰC HIỆN	KS. HÀN VĂN TÚ			TRẮC NGANG THIẾT KẾ	
		KIỂM TRA	KS. VÕ MINH TÂM				

TRẮC NGANG THIẾT KẾ
TỶ LỆ 1:200

Cọc 26
Km 21+ 640.00

BTN C12.5 0.98 m2
Bù vênh 0.16 m2
B bv 19.53 m
B mặt đường 19.53 m

MSS 96

Cao độ thiết kế	99.56 100.07 100.39												
Khoảng cách lề thiết kế	0.00 9.60 9.92 0.00												
Cao độ tự nhiên	99.36	99.52	99.57	99.50	99.65	99.83	100.02	100.10	100.25	100.31	100.34	100.36	100.37
Khoảng cách mìa	2.68	1.83	1.88	2.63	3.86	3.12	3.32	3.84	2.76	1.93	2.57	1.58	

Cọc 27
Km 21+ 660.00

BTN C12.5 0.98 m2
Bù vênh 0.49 m2
B bv 12.77 m
B mặt đường 19.51 m

MSS 96

Cao độ thiết kế	99.58 100.14 100.38												
Khoảng cách lề thiết kế	0.00 9.66 9.85 0.00												
Cao độ tự nhiên	99.42	99.56	99.67	99.64	99.76	99.95	100.09	100.18	100.19	100.20	100.21	100.08	100.10
Khoảng cách mìa	0.86	4.32	0.89	0.77	2.70	3.73	3.23	3.51	3.68	2.66	2.48	1.11	2.55

Cọc 28
Km 21+ 680.00

BTN C12.5 0.97 m2
Bù vênh 0.23 m2
B bv 16.20 m
B mặt đường 19.45 m

MSS 95

Cao độ thiết kế	99.80 100.28 100.15												
Khoảng cách lề thiết kế	0.00 9.74 9.70 0.00												
Cao độ tự nhiên	98.36	99.63	99.80	99.96	100.11	100.23	100.21	100.20	100.15	100.19	100.41	100.46	
Khoảng cách mìa	0.30	3.27	2.69	2.86	3.63	3.25	3.17	3.81	2.72	0.60	2.28	3.41	

Cọc H7
Km 21+ 700.00

BTN C12.5 0.97 m2
Bù vênh 0.39 m2
B bv 13.19 m
B mặt đường 19.41 m

MSS 95

Cao độ thiết kế	100.09 100.48 100.38												
Khoảng cách lề thiết kế	0.00 9.74 9.67 0.00												
Cao độ tự nhiên	98.51	98.60	99.47	99.92	100.00	100.17	100.33	100.43	100.40	100.36	100.29	100.32	100.56
Khoảng cách mìa	1.24	2.34	2.00	0.69	2.98	3.59	3.16	3.06	3.32	3.29	0.71	2.13	3.49

SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ

THẨM TRA

Theo văn bản số:/TTQHKĐXD&BTĐB-TVĐT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ TRỤ SỞ: TỔ 2, KHU PHỐ TIẾN THÁNH B, P. ĐỒNG XÔI, TỈNH ĐỒNG NAI	HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.759B ĐOẠN TỪ KM21+000 ĐẾN KM24+000 ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIỆN HƯNG, TỈNH ĐỒNG NAI	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	ĐỒNG NAI, THÁNG NĂM 2026 CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ ĐƠN VỊ TƯ VẤN HÀ CÔNG ĐỊNH	BẢN VẼ THIẾT KẾ	
		CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. VÕ MINH TÂM				
		THỰC HIỆN	KS. HÀN VĂN TỬ			TRẮC NGANG THIẾT KẾ	
		KIỂM TRA	KS. VÕ MINH TÂM			TỶ LỆ:	BẢN VẼ SỐ:

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

TỶ LỆ 1:200

Cọc 29
Km 21+ 720.00

BTN C12.5 0.96 m2
Bù vênh 0.17 m2
B bv 19.26 m
B mặt đường 19.26 m

MSS 96

Cao độ thiết kế	100.62											
Khoảng cách lề thiết kế	9.65											
Cao độ tự nhiên	99.03	99.53	99.95	100.11	100.32	100.45	100.57	100.50	100.44	100.30	100.57	100.64
Khoảng cách mìa	3.93	0.72	0.86	0.85	2.97	3.51	3.17	3.21	3.20	3.21	2.40	1.76

Cọc 30
Km 21+ 740.00

BTN C12.5 0.96 m2
Bù vênh 0.63 m2
B bv 12.51 m
B mặt đường 19.15 m

MSS 95

Cao độ thiết kế	100.50											
Khoảng cách lề thiết kế	9.57											
Cao độ tự nhiên	98.83	100.20	100.08	100.13	100.23	100.37	100.45	100.40	100.29	100.19	100.12	100.35
Khoảng cách mìa	4.61	1.20	0.62	2.43	3.72	3.43	3.21	3.41	2.96	0.78	2.57	3.08

Cọc 31
Km 21+ 760.00

BTN C12.5 0.95 m2
Bù vênh 0.68 m2
B bv 12.58 m
B mặt đường 19.00 m

MSS 96

Cao độ thiết kế	100.20											
Khoảng cách lề thiết kế	9.43											
Cao độ tự nhiên	99.48	99.79	99.96	99.99	100.11	100.15	100.12	100.00	99.99	99.97	100.07	100.42
Khoảng cách mìa	3.56	3.01	2.40	3.89	3.14	3.28	3.64	2.66	0.23	0.75	2.53	2.00

Cọc 32
Km 21+ 780.00

BTN C12.5 0.95 m2
Bù vênh 0.36 m2
B bv 12.07 m
B mặt đường 19.05 m

MSS 96

Cao độ thiết kế	99.84											
Khoảng cách lề thiết kế	9.48											
Cao độ tự nhiên	99.03	99.40	99.54	99.63	99.73	99.79	99.70	99.60	99.51	99.42	99.53	99.69
Khoảng cách mìa	3.07	3.45	2.19	4.03	3.26	3.71	2.40	3.45	0.50	0.82	5.12	

SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ

THẨM TRA

Theo bản số:/TTOHKĐXD&BTĐB-TVĐT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO
TRÌ ĐƯỜNG BỘ

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ
TRỤ SỞ: TỔ 2, KHU PHỐ TIẾN THÀNH B, P. BÓNH
XOÀI, TỈNH BÓNH NAI

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT
CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.759B ĐOẠN TỪ
KM21+000 ĐẾN KM24+000
ĐỊA BIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIỆN HƯNG, TỈNH BÓNH NAI

CHỨC DANH

HỌ VÀ TÊN

CHỮ KÝ

ĐỒNG NAI, THÁNG NĂM 2026

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

KS. VÕ MINH TÂM

THỰC HIỆN

KS. HÂN VĂN TỬ

KIỂM TRA

KS. VÕ MINH TÂM

CÔNG TY
TƯ VẤN XÂY DỰNG
AZ
HÀ CÔNG ĐỊNH

BẢN VẼ THIẾT KẾ

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

TỶ LỆ:

BẢN VẼ SỐ:

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

TỶ LỆ 1:200

Cọc D7
Km 21+ 869.08

BTN C12.5 0.94 m2
Bù vênh 0.44 m2
B bv 15.63 m
B mặt đường 18.83 m

MSS 92

Cao độ thiết kế	97.72													
Khoảng cách lề thiết kế	9.33													
Cao độ tự nhiên	95.50	95.50	96.85	97.22	97.57	97.59	97.57	97.52	97.44	97.30	97.16	97.12	97.29	97.24
Khoảng cách mìa	0.61	0.56	1.05	1.42	3.03	2.48	3.65	3.20	3.57	3.32	2.62	0.78	1.98	2.07

Cọc TD4
Km 21+ 878.82

BTN C12.5 0.94 m2
Bù vênh 0.30 m2
B bv 15.71 m
B mặt đường 18.77 m

MSS 93

Cao độ thiết kế	97.25													
Khoảng cách lề thiết kế	9.45													
Cao độ tự nhiên	97.05	97.08	97.36	97.37	97.34	97.28	97.20	97.06	96.95	96.87	97.02	97.01	96.65	96.58
Khoảng cách mìa	0.77	4.27	1.51	2.90	3.49	3.06	3.48	3.08	2.77	0.77	1.12	1.28	2.87	0.63

Cọc 36
Km 21+ 880.00

R = 145.00
it = 2.96%
ip = -3.51%
w = 0.00

BTN C12.5 0.94 m2
Bù vênh 0.52 m2
B bv 18.79 m
B mặt đường 18.79 m

MSS 93

Cao độ thiết kế	97.22													
Khoảng cách lề thiết kế	9.47													
Cao độ tự nhiên	97.09	97.36	97.34	97.31	97.25	97.16	97.03	96.92	96.85	97.02	97.01	96.65	96.57	96.57
Khoảng cách mìa	5.02	1.51	2.95	3.47	3.04	3.45	3.05	2.82	0.75	1.18	1.26	3.49		

Cọc P4
Km 21+ 895.18

R = 145.00
it = 2.66%
ip = -2.31%
w = 0.00

BTN C12.5 0.96 m2
Bù vênh 0.62 m2
B bv 19.13 m
B mặt đường 19.13 m

MSS 93

Cao độ thiết kế	96.89													
Khoảng cách lề thiết kế	9.71													
Cao độ tự nhiên	96.92	97.01	97.01	97.02	96.95	96.89	96.81	96.73	96.64	96.57	96.61	96.46	96.42	96.37
Khoảng cách mìa	3.53	1.89	0.87	3.65	3.06	3.00	3.46	3.31	2.65	0.52	2.27	1.90	1.89	

SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ
THẨM TRA
Theo văn bản số:/TTQHKBXD&BTĐB-TVĐT
Ngày:thángnăm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ

TRỤ SỞ: TỐ 2, KHU PHỐ TIẾN THÁNH B, P. BÌNH XÁ, TỈNH BẾN LÚC

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT
CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.759B ĐOẠN TỪ
KM21+000 ĐẾN KM24+000
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIỆN HƯNG, TỈNH BẾN LÚC

CHỨC DANH
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ
THỰC HIỆN
KIỂM TRA

HỌ VÀ TÊN
KS. VÕ MINH TÂM
KS. HÂN VĂN TỬ
KS. VÕ MINH TÂM

CHỮ KÝ
ĐỒNG NAI, THÁNG NĂM 2026
ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ
HÀ CÔNG ĐỊNH

BẢN VẼ THIẾT KẾ

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

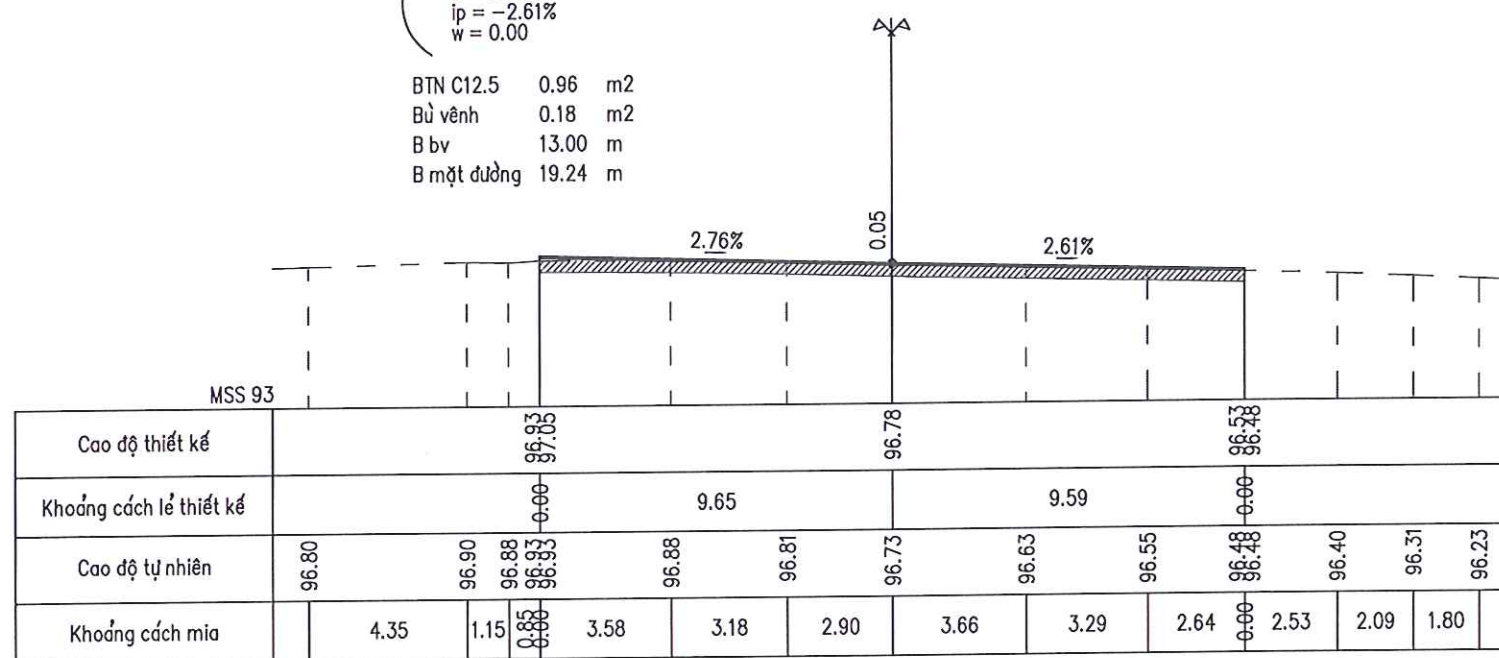
TỶ LỆ:

BẢN VẼ SỐ:

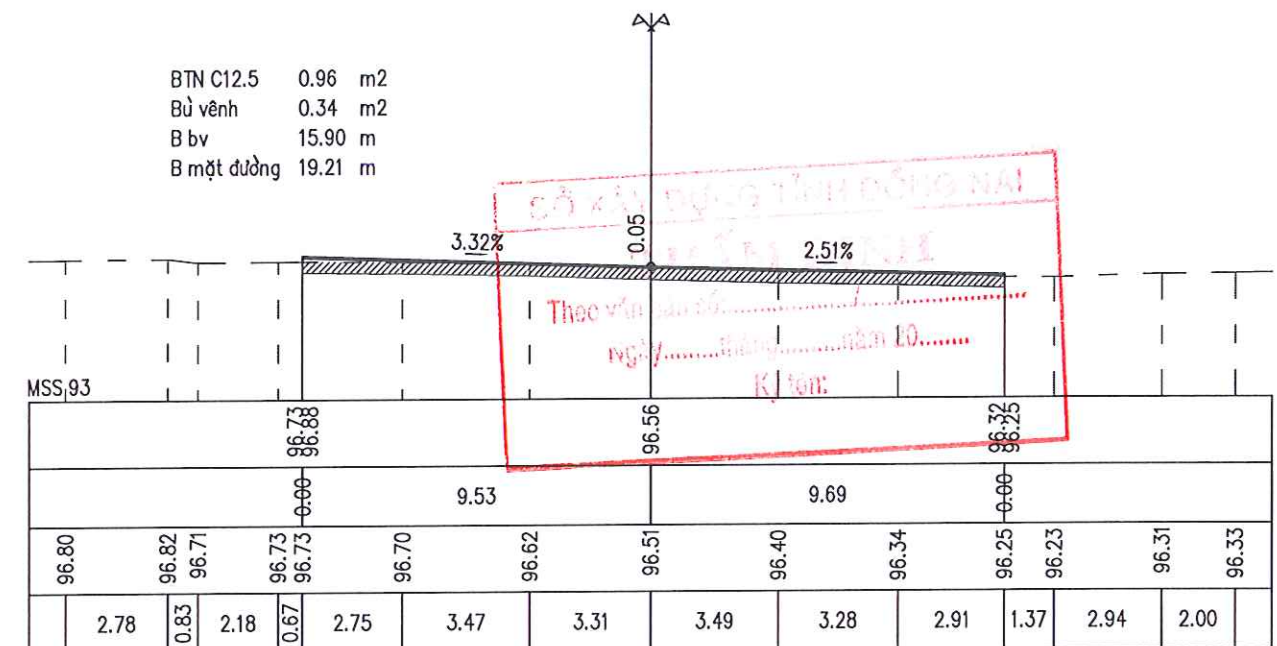
TỶ LỆ 1:200

(R = 145.00
it = 2.76%
ip = -2.61%
w = 0.00

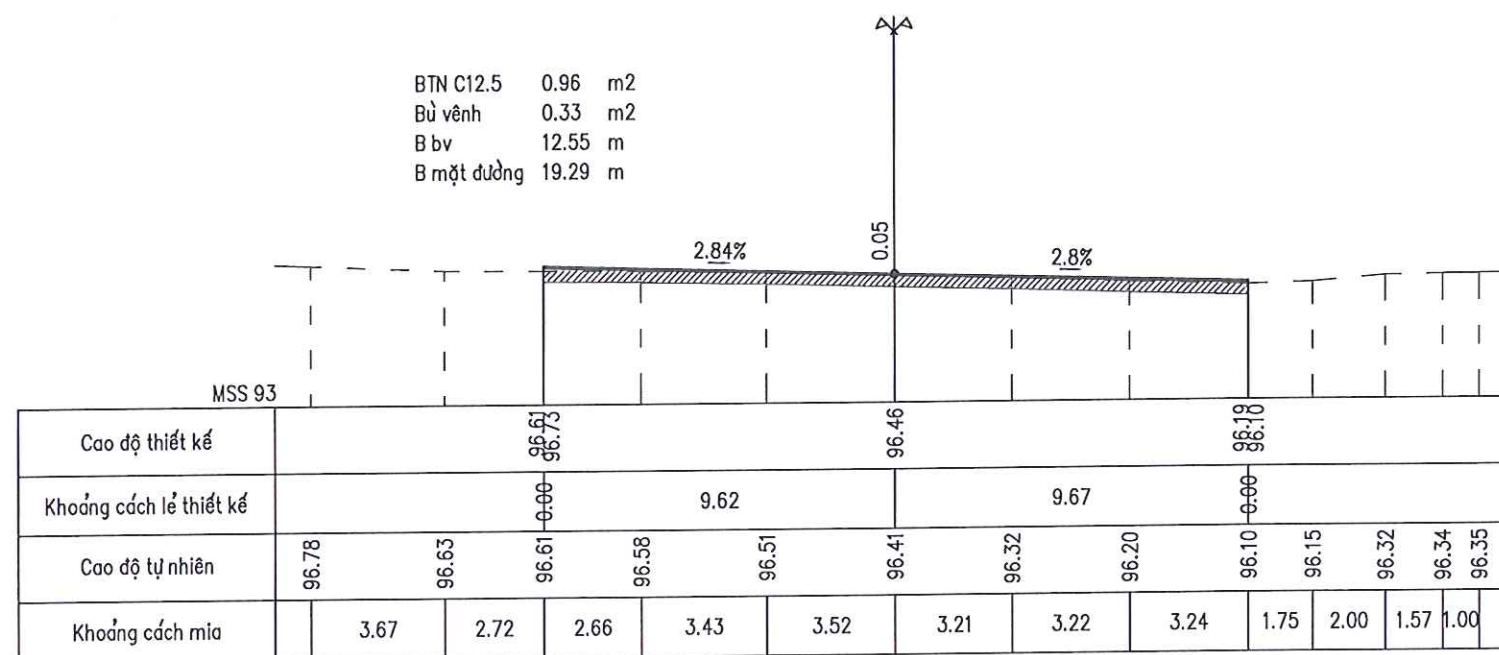
BTN C12.5	0.96	m2
Bù vênh	0.18	m2
B bv	13.00	m
B mặt đường	19.24	m



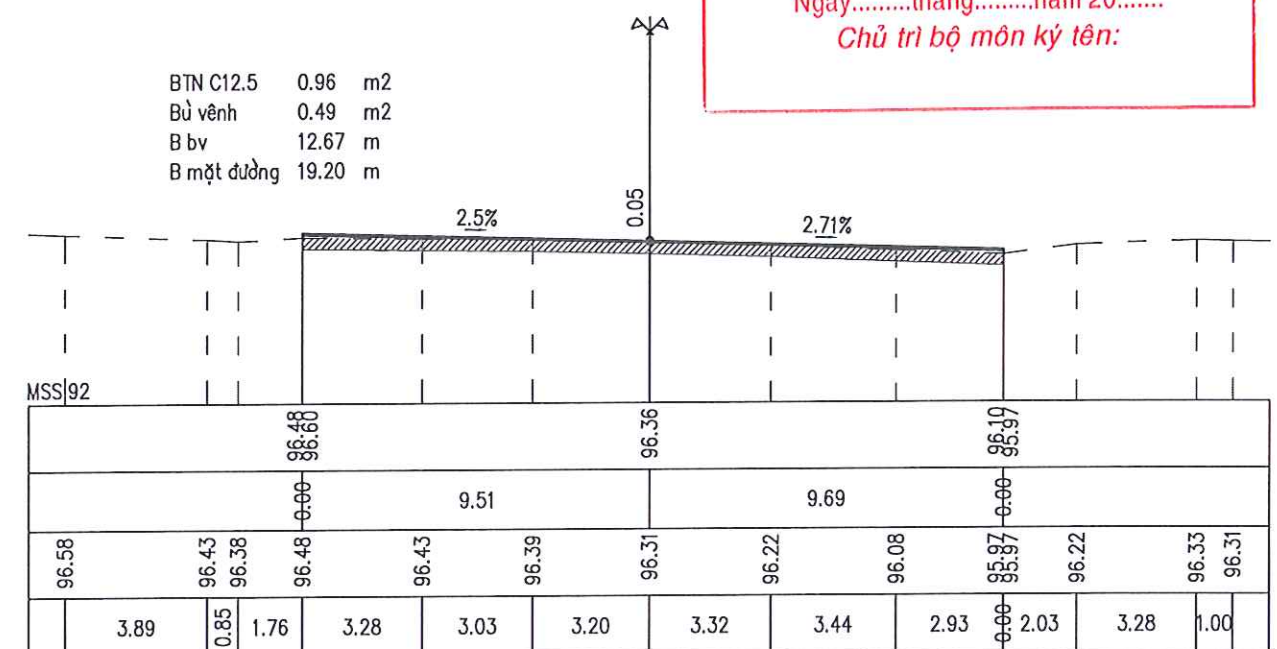
BTN C12.5	0.96	m2
Bù vênh	0.34	m2
B bv	15.90	m
B mặt đường	19.21	m



BTN C12.5	0.96	m ²
Bù vênh	0.33	m ²
B bv	12.55	m
B mặt đường	19.29	m



BTN C12.5	0.96	m ²
Bù vênh	0.49	m ²
B bv	12.67	m
B mặt đường	19.20	m



SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ

THẨM TRA

Theo văn bản số:/TTQHKXD&BTĐB-TVĐT

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Chủ trì bộ môn ký tên:

TRỤ SỞ: TỔ 2, KHU PHỐ TIẾN THÀNH B, P. BÓNG
XOÀI, TỈNH BÓNG NAI

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT
CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.759B ĐOẠN TỪ
KM21+000 ĐẾN KM24+000
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIÊN HƯNG, TỈNH ĐỒNG NAI

HÀ CÔNG ĐỊNH

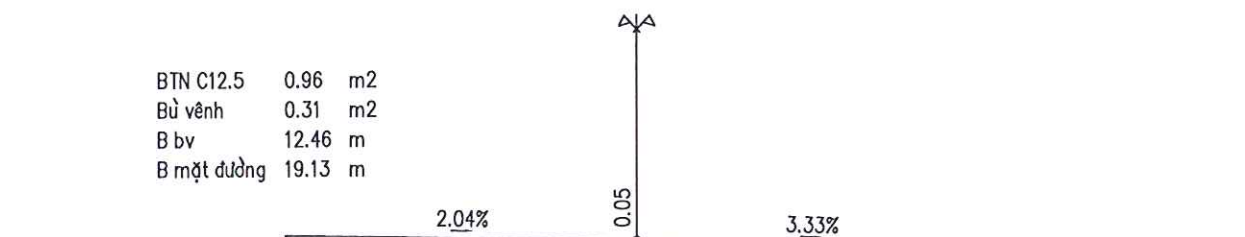
BẢN VẼ SỐ:

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

TỶ LỆ 1:200

Cọc 38
Km 21+ 940.00

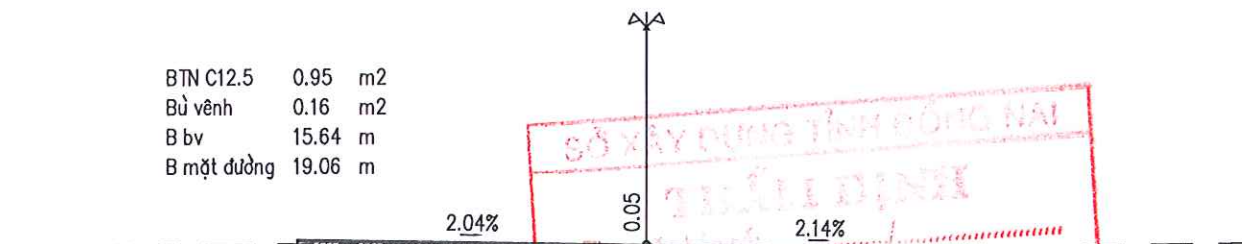
BTN C12.5 0.96 m2
Bù vênh 0.31 m2
B bv 12.46 m
B mặt đường 19.13 m



MSS 92													
Cao độ thiết kế	96.29												
Khoảng cách lề thiết kế	9.61												
Cao độ tự nhiên	95.95	95.90	95.91	96.36	96.31	96.30	96.24	96.13	96.02	95.92	96.06	96.09	
Khoảng cách mìa	0.94	2.39	0.77	2.87	0.02	3.72	2.95	2.93	3.15	3.52	2.86	2.72	3.76

Cọc 39
Km 21+ 960.00

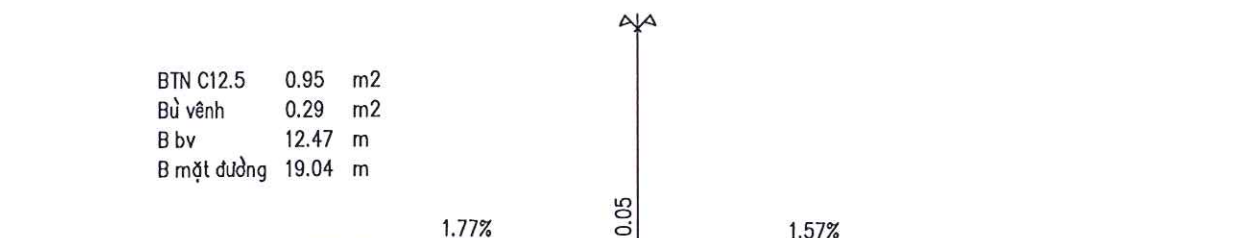
BTN C12.5 0.95 m2
Bù vênh 0.16 m2
B bv 15.64 m
B mặt đường 19.06 m



Cao độ thiết kế	96.11											
Khoảng cách lề thiết kế	9.53											
Cao độ tự nhiên	96.15	96.15	96.20	96.19	96.13	96.06	95.99	95.92	95.83	96.03	96.06	96.08
Khoảng cách mìa	4.69	1.78	2.81	3.30	3.43	2.93	3.60	3.00	0.00	2.75	2.37	1.35

Cọc 40
Km 21+ 980.00

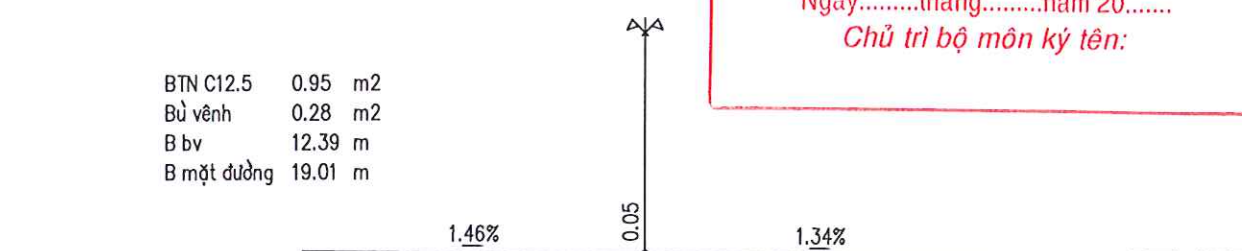
BTN C12.5 0.95 m2
Bù vênh 0.29 m2
B bv 12.47 m
B mặt đường 19.04 m



MSS 92																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																		</
--------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	----

Cọc D10
Km 21+ 988.37

BTN C12.5 0.95 m2
Bù vênh 0.28 m2
B bv 12.39 m
B mặt đường 19.01 m



MSS\92													
			96.05				96.01				95.88		
			9.34				9.67						
96.05		96.05		95.98 96.00		96.01		96.01		95.96		95.91	
96.05		96.05		95.98 96.00		96.01		96.01		95.96		95.91	
96.05		96.05		95.98 96.00		96.01		96.01		95.96		95.91	
96.05		96.05		95.98 96.00		96.01		96.01		95.96		95.91	
96.05		96.05		95.98 96.00		96.01		96.01		95.96		95.91	
96.05		96.05		95.98 96.00		96.01		96.01		95.96		95.91	
96.05		96.05		95.98 96.00		96.01		96.01		95.96		95.91	
96.05		96.05		95.98 96.00		96.01		96.01		95.96		95.91	
96.05		96.05		95.98 96.00		96.01		96.01		95.96		95.91	
96.05		96.05		95.98 96.00		96.01		96.01		95.96		95.91	
96.05		96.05		95.98 96.00		96.01		96.01		95.96		95.91	
96.05		96.05		95.98 96.00		96.01		96.01		95.96		95.91	
96.05		96.05		95.98 96.00		96.01		96.01		95.96		95.91	
96.05		96.05		95.98 96.00		96.01		96.01		95.96		95.91	
96.05		96.05		95.98 96.00		96.01		96.01		95.96		95.91	
96.05		96.05		95.98 96.00		96.01		96.01		95.96		95.91	
96.05		96.05		95.98 96.00		96.01		96.01		95.96		95.91	
96.05		96.05		95.98 96.00		96.01		96.01		95.96		95.91	
96.05		96.05		95.98 96.00		96.01		96.01		95.96		95.91	
96.05		96.05		95.98 96.00		96.01		96.01		95.96		95.91	
96.05		96.05		95.98 96.00		96.01		96.01		95.96		95.91	
96.05		96.05		95.98 96.00		96.01		96.01		95.96		95.91	
96.05		96.05		95.98 96.00		96.01		96.01		95.96		95.91	
96.05		96.05		95.98 96.00		96.01		96.01		95.96		95.91	
96.05		96.05		95.98 96.00		96.01		96.01		95.96		95.91	
96.05		96.05		95.98 96.00		96.01		96.01		95.96		95.91	
96.05		96.05		95.98 96.00		96.01		96.01		95.96		95.91	
96.05		96.05		95.98 96.00		96.01		96.01		95.96		95.91	
96.05		96.05		95.98 96.00		96.01		96.01		95.96		95.91	
96.05		96.05		95.98 96.00		96.01		96.01		95.96		95.91	
96.05		96.05		95.98 96.00		96.01		96.01		95.96		95.91	
96.05		96.05		95.98 96.00		96.01		96.01		95.96		95.91	
96.05		96.05		95.98 96.00		96.01		96.01		95.96		95.91	
96.05		96.05		95.98 96.00		96.01		96.01		95.96		95.91	
96.05		96.05		95.98 96.00		96.01		96.01		95.96		95.91	
96.05		96.05		95.98 96.00		96.01		96.01		95.96		95.91	
96.05		96.05		95.98 96.00		96.01		96.01		95.96		95.91	
96.05		96.05		95.98 96.00		96.01		96.01		95.96		95.91	
96.05		96.05		95.98 96.00		96.01		96.01		95.96		95.91	
96.05		96.05		95.98 96.00		96.01		96.01		95.96		95.91	
96.05		96.05		95.98 96.00		96.01		96.01		95.96		95.91	
96.05		96.05		95.98 96.00		96.01		96.01		95.96		95.91	
96.05		96.05		95.98 96.00		96.01		96.01		95.96		95.91	
96.05		96.05		95.98 96.00		96.01		96.01		95.96		95.91	
96.05		96.05		95.98 96.00		96.01		96.01		95.96		95.91	
96.05		96.05		95.98 96.00		96.01		96.01		95.96		95.91	
96.05		96.05		95.98 96.00		96.01		96.01		95.96		95.91	
96.05		96.05		95.98 96.00		96.01		96.01		95.96		95.91	
96.05		96.05		95.98 96.00		96.01		96.01		95.96		95.91	
96.05		96.05		95.98 96.00		96.01		96.01		95.96		95.91	
96.05		96.05		95.98 96.00		96.01		96.01		95.96		95.91	
96.05		96.05		95.98 96.00		96.01		96.01		95.96		95.91	
96.05		96.05		95.98 96.00		96.01		96.01		95.96		95.91	
96.05		96.05		95.98 96.00		96.01		96.01		95.96		95.91	
96.05		96.05		95.98 96.00		96.01		96.01		95.96		95.91	
96.05		96.05		95.98 96.00		96.01		96.01		95.96		95.91	
96.05		96.05		95.98 96.00		96.01		96.01		95.96		95.91	
96.05		96.05		95.98 96.00		96.01		96.01		95.96		95.91	
96.05		96.05		95.98 96.00		96.01		96.01		95.96		95.91	
96.05		96.05		95.98 96.00		96.01		96.01		95.96		95.91	
96.05		96.05		95.98 96.00		96.01		96.01		95.96		95.91	
96.05		96.05		95.98 96.00		96.01		96.01		95.96		95.91	
96.05													

SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ

THẨM TRA

Theo văn bản số:/TTQH&XD&BT&B-TV&DT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ

TRỤ SỞ: TỐ 2, KHU PHỐ TIẾN THÁNH B, P. ĐỒNG XÁI, TỈNH ĐỒNG NAI

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT
CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.759B ĐOẠN TỪ
KM21+000 ĐẾN KM24+000
BỊA BIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIỆN HƯNG, TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨC DANH

HỌ VÀ TÊN

CHỮ KÝ

ĐỒNG NAI, THÁNG NĂM 2026

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

KS. VÕ MINH TÂM

THỰC HIỆN

KS. HÂN VĂN TỬ

KIỂM TRA

KS. VÕ MINH TÂM

CHỮ KÝ

CHỮ KÝ

CHỮ KÝ

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG

BẢN VẼ THIẾT KẾ

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

TỶ LỆ:

BẢN VẼ SỐ:

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

TỶ LỆ 1:200

Cọc Km 22
Km 22 + 0.00

BTN C12.5 0.95 m2
Bù vênh 0.37 m2
B bv 12.35 m
B mặt đường 18.97 m

MSS 92

Cao độ thiết kế	95.91 95.96 95.92													
Khoảng cách lề thiết kế	0.00 9.36 9.61 0.00													
Cao độ tự nhiên	95.18	95.20	95.36	95.88	95.91	95.95	95.95	95.91	95.89	95.86	95.82	95.82	96.04	96.09
Khoảng cách mìa	0.90	0.84	2.00	2.91	2.62	3.54	3.20	3.43	3.08	3.11	0.44	3.48	2.06	

Cọc 41
Km 22 + 20.00

BTN C12.5 0.95 m2
Bù vênh 0.17 m2
B bv 15.63 m
B mặt đường 18.90 m

MSS 92

Cao độ thiết kế	95.78 95.91 95.75													
Khoảng cách lề thiết kế	0.00 9.39 9.51 0.00													
Cao độ tự nhiên	95.13	95.17	95.38	95.77	95.79	95.81	95.85	95.86	95.81	95.78	95.75	95.68	95.27	95.23
Khoảng cách mìa	0.99	1.42	2.38	1.82	3.03	3.09	3.28	3.31	3.60	2.60	0.63	3.04	2.82	

Cọc 42
Km 22 + 40.00

BTN C12.5 0.94 m2
Bù vênh 0.39 m2
B bv 12.41 m
B mặt đường 18.85 m

MSS 92

Cao độ thiết kế	95.88 95.85 95.79													
Khoảng cách lề thiết kế	0.00 9.41 9.44 0.00													
Cao độ tự nhiên	95.50	95.50	95.53	95.81	95.66	95.68	95.75	95.79	95.80	95.78	95.74	95.69	95.82	96.08
Khoảng cách mìa	0.61	1.57	2.03	1.73	0.65	3.44	2.62	3.35	3.08	3.16	3.19	1.60	2.26	2.71

Cọc 43
Km 22 + 60.00

BTN C12.5 0.94 m2
Bù vênh 0.12 m2
B bv 15.64 m
B mặt đường 18.82 m

MSS 92

Cao độ thiết kế	95.69 95.85 95.67													
Khoảng cách lề thiết kế	0.00 9.43 9.39 0.00													
Cao độ tự nhiên	95.51	95.57	95.62	95.92	95.88	95.86	95.69	95.74	95.77	95.80	95.74	95.66	95.61	95.63
Khoảng cách mìa	1.91	1.63	0.68	1.04	0.69	0.63	2.64	3.56	3.23	3.18	3.20	3.02	1.73	1.61

SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ

THẨM TRA

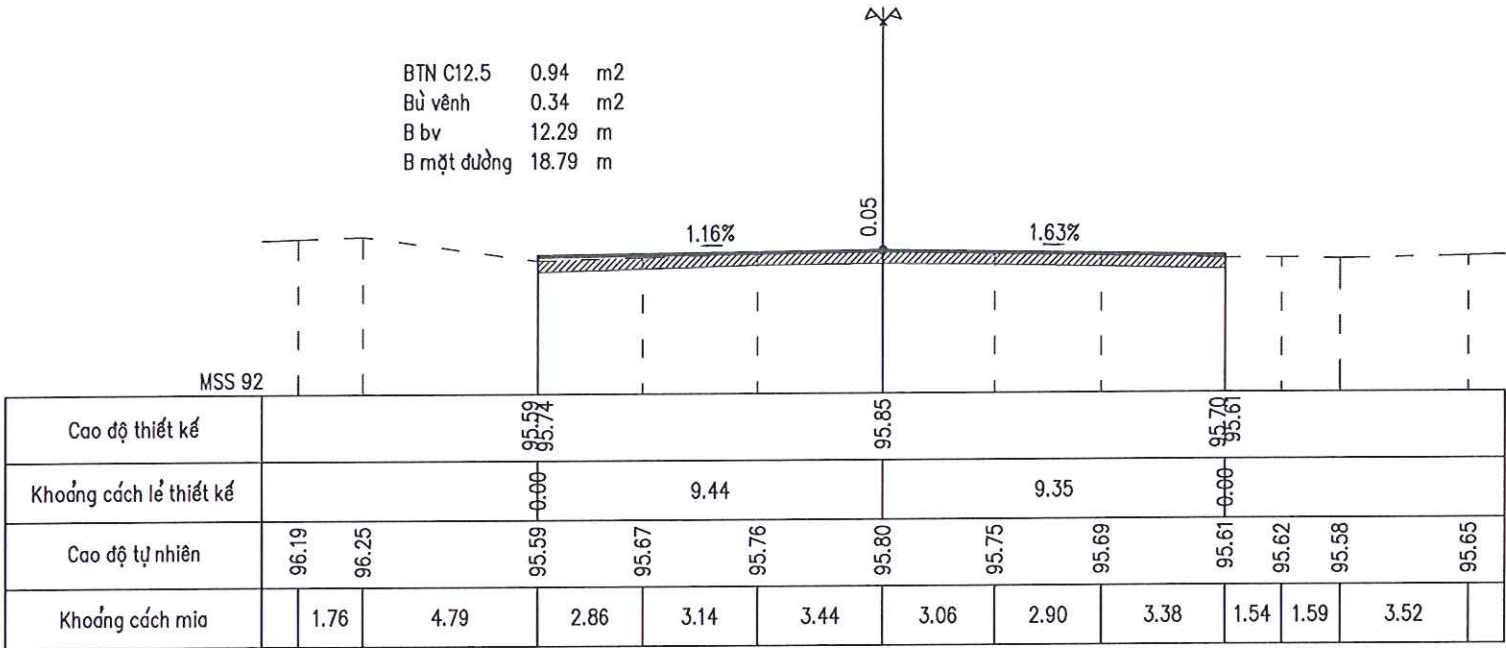
Theo văn bản số:/TTQH&XD&BT&DB-TV&DT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ	HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.759B ĐOẠN TỪ KM21+000 ĐẾN KM24+000 ĐỊA BIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIỆN HƯNG, TỈNH ĐỒNG NAI	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	ĐỒNG NAI, THÁNG..... NĂM 2026 TNHH ĐƠN VỊ TƯ VẤN TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ SỞ XÂY DỰNG - T. KIỂM ĐỊNH	BẢN VẼ THIẾT KẾ
		CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. VÕ MINH TÂM			
		THỰC HIỆN	KS. HÀN VĂN TỬ			
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ TRỤ SỞ: TỔ 2, KHU PHỐ TIẾN THÁNH B, P. ĐỒNG XÁI, TỈNH ĐỒNG NAI		KIỂM TRA	KS. VÕ MINH TÂM			TỶ LỆ:
						BẢN VẼ SỐ:

TRẮC NGANG THIẾT KẾ
TỶ LỆ 1:200

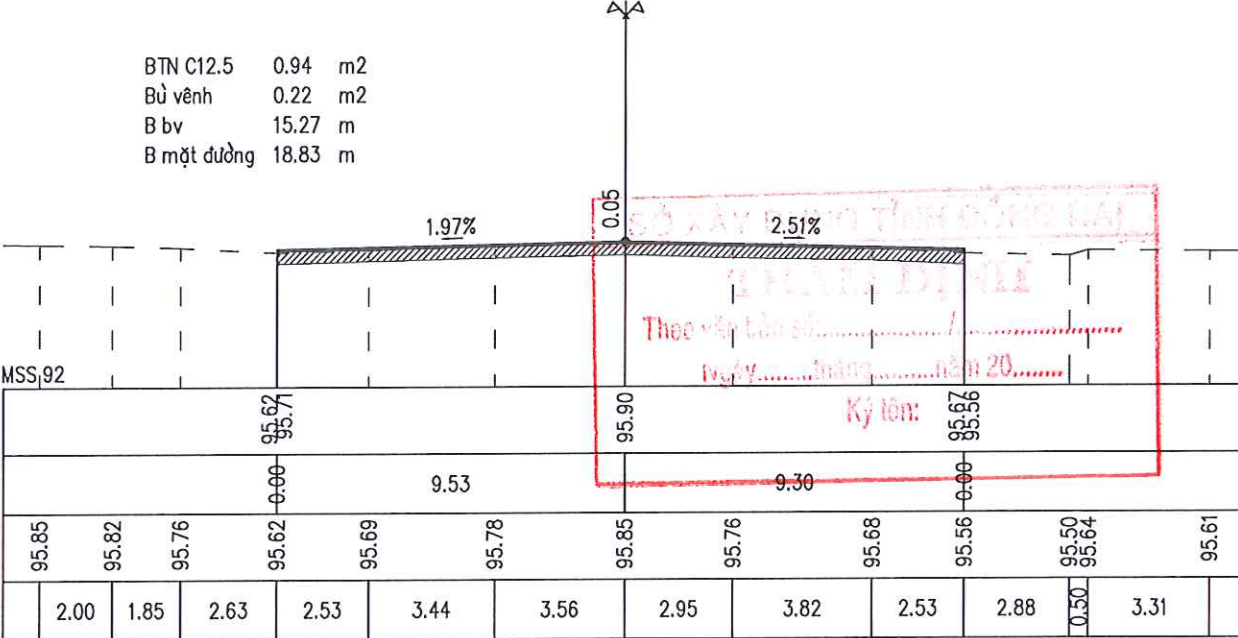
Cọc 44
Km 22 + 80.00

BTN C12.5 0.94 m2
Bù vênh 0.34 m2
B bv 12.29 m
B mặt đường 18.79 m



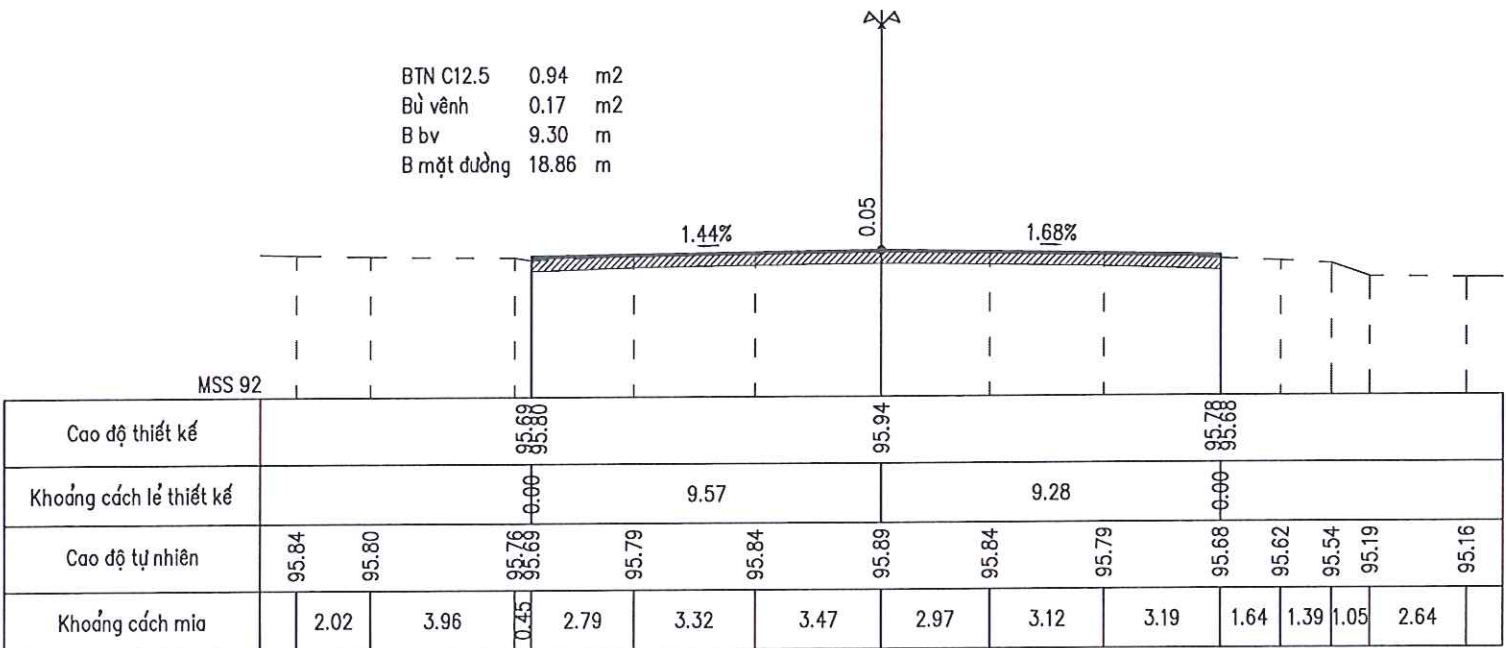
Cọc H1
Km 22 + 100.00

BTN C12.5 0.94 m2
Bù vênh 0.22 m2
B bv 15.27 m
B mặt đường 18.83 m



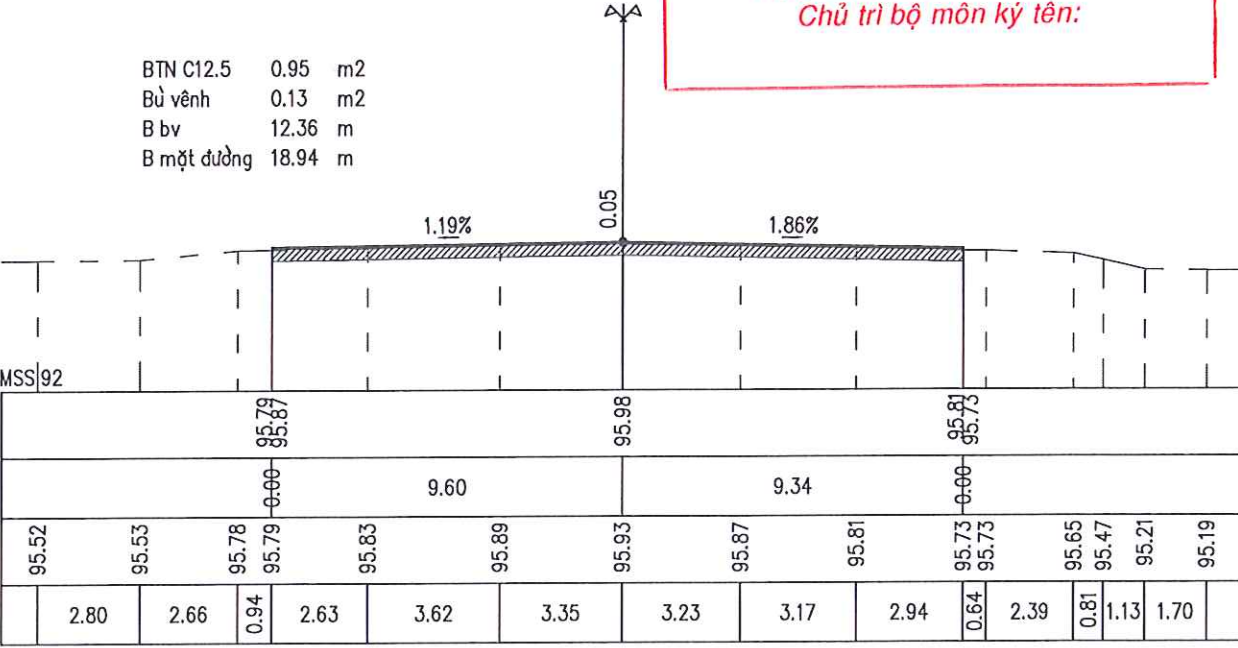
Cọc 45
Km 22 + 120.00

BTN C12.5 0.94 m2
Bù vênh 0.17 m2
B bv 9.30 m
B mặt đường 18.86 m



Cọc 46
Km 22 + 140.00

BTN C12.5 0.95 m2
Bù vênh 0.13 m2
B bv 12.36 m
B mặt đường 18.94 m



SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ
THẨM TRA
Văn bản số:/TTOHKĐXD&BTĐB-TVĐT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ
TRỤ SỞ: TỐ 2, KHU PHỐ TIẾN THÀNH B, P. BÔNG XỎI, TỈNH ĐỒNG NAI

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT
CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN BT.750B ĐOẠN TỪ KM21+000 ĐẾN KM24+000
BỊA BIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIỆN HƯNG, TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. VÕ MINH TÂM	
THỰC HIỆN	KS. HÂN VĂN TỬ	
KIỂM TRA	KS. VÕ MINH TÂM	

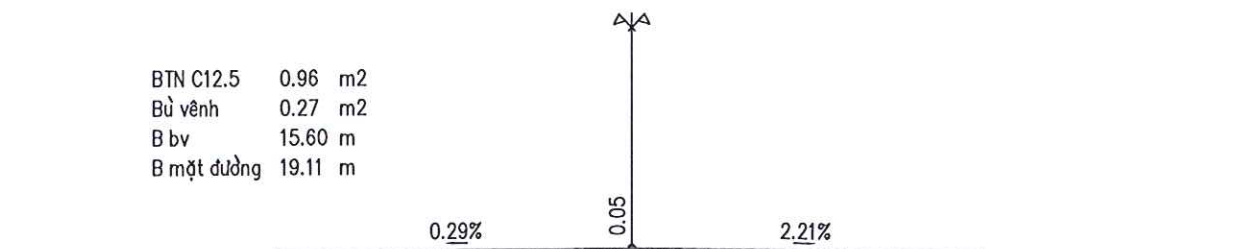
ĐỒNG NAI, THÁNG NĂM 2026
ĐƠN VỊ TƯ VẤN
TƯ VẤN XÂY DỰNG
AZ
XÃ THIỆN HƯNG, TỈNH ĐỒNG NAI

BẢN VẼ THIẾT KẾ
TRẮC NGANG THIẾT KẾ
TỶ LỆ:
BẢN VẼ SỐ:

TRẮC NGANG THIẾT KẾ
TỶ LỆ 1:200

Cọc 47
Km 22 + 160.00

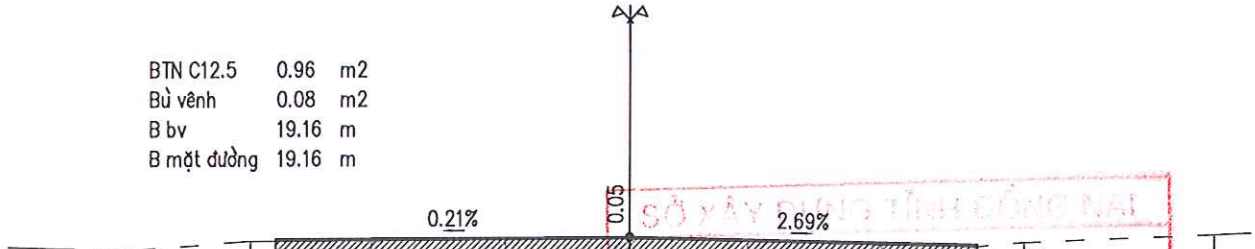
BTN C12.5 0.96 m2
Bù vênh 0.27 m2
B bv 15.60 m
B mặt đường 19.11 m



MSS 92												
Cao độ thiết kế		95.87		96.03		95.82						
Khoảng cách lề thiết kế		0.00		9.69		9.41		0.00				
Cao độ tự nhiên	95.91	95.82	95.87	95.93	95.97	95.98	95.91	95.84	95.72	95.54	95.39	95.35
Khoảng cách mìa		4.66	1.65	2.33	3.85	3.51	2.99	3.34	3.09	1.96	2.22	2.41

Cọc 48
Km 22 + 180.00

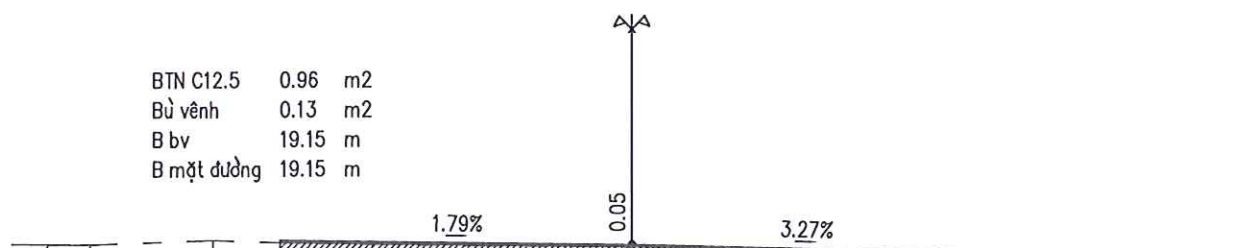
BTN C12.5 0.96 m2
Bù vênh 0.08 m2
B bv 19.16 m
B mặt đường 19.16 m



MSS 92												
Cao độ thiết kế		96.07		96.12		96.14		95.88				
Khoảng cách lề thiết kế		0.00		9.67		9.50		0.00				
Cao độ tự nhiên	95.88	95.81	96.07	96.07	96.07	96.08	96.09	96.00	95.89	95.83	95.94	96.14
Khoảng cách mìa		2.29	3.36	0.68	2.63	3.63	3.41	3.27	3.65	2.58	1.30	5.20

Cọc H2
Km 22 + 200.00

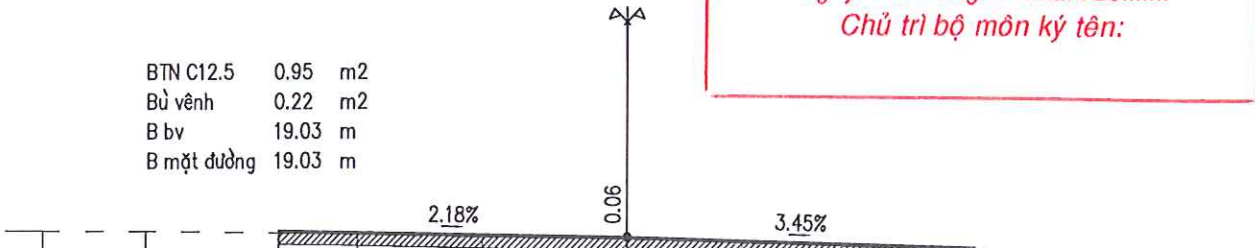
BTN C12.5 0.96 m2
Bù vênh 0.13 m2
B bv 19.15 m
B mặt đường 19.15 m



MSS 92												
Cao độ thiết kế		96.30		96.18		95.87						
Khoảng cách lề thiết kế		0.00		9.63		9.52		0.00				
Cao độ tự nhiên	96.29	96.27	96.37	96.30	96.25	96.18	96.13	96.02	95.91	95.81	95.69	95.43
Khoảng cách mìa		1.18	3.35	1.83	2.50	3.01	4.12	3.23	3.50	2.79	1.72	2.91

Cọc D11
Km 22 + 206.40

BTN C12.5 0.95 m2
Bù vênh 0.22 m2
B bv 19.03 m
B mặt đường 19.03 m



MSS 92												
Cao độ thiết kế		96.34		96.19		95.98						
Khoảng cách lề thiết kế		0.00		9.51		9.52		0.00				
Cao độ tự nhiên	96.42	96.40	96.34	96.30	96.21	96.13	96.02	95.89	95.79	95.72	95.68	95.40
Khoảng cách mìa		2.84	3.65	2.17	3.39	3.96	3.19	3.52	2.81	0.57	2.72	1.66

SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ
THẨM TRA
Theo văn bản số:/TTQHKĐXD&BTĐB-TVĐT
Ngày:tháng:năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ TRỤ SỞ: TỔ 2, KHU PHỐ TIẾN THẠNH B, P. BÌNH XÃ, TỈNH ĐỒNG NAI	HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.759B ĐOẠN TỪ KM21+000 ĐẾN KM24+000 ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIỆN HƯNG, TỈNH ĐỒNG NAI	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	ĐỒNG NAI, THÁNG NĂM 2026	BẢN VẼ THIẾT KẾ TRẮC NGANG THIẾT KẾ TỶ LỆ: BẢN VẼ SỐ:
		CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. VÕ MINH TÂM		CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ	
		THỰC HIỆN	KS. HÂN VĂN TỬ			
		KIỂM TRA	KS. VÕ MINH TÂM		TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ	

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

TỶ LỆ 1:200

Cọc 49
Km 22 + 220.00

BTN C12.5 0.94 m2
Bù vênh 0.03 m2
B bv 9.03 m
B mặt đường 18.89 m

MSS 92

Cao độ thiết kế	96.48													
Khoảng cách lề thiết kế	9.55													
Cao độ tự nhiên	96.48	96.44	96.43	96.40	96.37	96.27	96.16	96.04	95.91	95.80	95.77	95.72	95.35	95.33
Khoảng cách mìa	2.39	2.16	1.90	1.94	3.67	3.94	3.07	3.38	2.88	2.63	1.11	1.80	1.13	

Cọc TD5
Km 22 + 227.86

BTN C12.5 0.94 m2
Bù vênh 0.12 m2
B bv 15.82 m
B mặt đường 18.78 m

MSS 92

Cao độ thiết kế	96.45													
Khoảng cách lề thiết kế	9.55													
Cao độ tự nhiên	96.45	96.46	96.46	96.40	96.30	96.20	96.07	95.94	95.84	95.87	95.80	95.46	95.44	
Khoảng cách mìa	3.05	3.41	2.27	3.32	3.95	2.75	3.70	2.79	0.82	2.96	1.47	1.51		

Cọc 50
Km 22 + 240.00

R = 160.00
it = 3.24%
ip = -3.66%
w = 0.00
BTN C12.5 0.93 m2
Bù vênh 0.18 m2
B bv 18.55 m
B mặt đường 18.55 m

MSS 92

Cao độ thiết kế	96.57													
Khoảng cách lề thiết kế	9.41													
Cao độ tự nhiên	96.81	96.71	96.66	96.52	96.44	96.32	96.21	96.10	95.97	95.87	95.81	96.03	96.00	95.99
Khoảng cách mìa	1.22	2.92	2.45	2.28	3.37	3.76	3.00	3.20	2.95	2.72	1.61	2.07	0.45	

Cọc P5
Km 22 + 244.1

R = 160.00
it = 3.49%
ip = -3.72%
w = 0.00
BTN C12.5 0.92 m2
Bù vênh 0.20 m2
B bv 18.49 m
B mặt đường 18.49 m

MSS 92

Cao độ thiết kế	96.60													
Khoảng cách lề thiết kế	9.39													
Cao độ tự nhiên	96.86	96.84	96.63	96.55	96.44	96.34	96.22	96.11	95.98	95.88	95.86	95.80	95.86	95.84
Khoảng cách mìa	1.30	4.27	1.04	2.21	3.35	3.83	2.72	3.37	3.01	1.24	1.83	0.72	2.09	1.02

TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ

TRỤ SỞ: TỶ 2, KHU PHỐ TIẾN THÀNH B, P. ĐÔNG XÒAI, TỈNH ĐỒNG NAI

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT
CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.759B ĐOẠN TỪ
KM21+000 ĐẾN KM24+000
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIỆN HƯNG, TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨC DANH
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ
THỰC HIỆN
KIỂM TRA

HỌ VÀ TÊN
KS. VÕ MINH TÂM
KS. HÀN VĂN TỬ
KS. VÕ MINH TÂM

CHỖ KÝ
ĐỒNG NAI, THÁNG NĂM 2026
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG
AZ
HÀ CÔNG ĐỊNH

BẢN VẼ THIẾT KẾ

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

TỶ LỆ:

BẢN VẼ SỐ:

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

TỶ LỆ 1:200

Cọc 51
Km 22 + 260.00

$R = 160.00$
 $i_t = 3.59\%$
 $i_p = -3.28\%$
 $w = 0.00$

BTN C12.5 0.94 m²
Bù vênh 0.20 m²
B bv 14.89 m
B mặt đường 18.78 m

MSS 92

Cao độ thiết kế	96.62											
Khoảng cách lề thiết kế	9.63											
Cao độ tự nhiên	96.54	96.53	96.55	96.48	96.36	96.22	96.08	95.98	95.92	95.93	95.84	95.54
Khoảng cách mìa	3.34	3.03	2.38	3.35	3.90	3.32	3.17	2.67	1.01	3.34	1.81	0.69

Cọc TC5
Km 22 + 260.36

BTN C12.5 0.94 m²
Bù vênh 0.21 m²
B bv 18.36 m
B mặt đường 18.79 m

MSS 92

Cao độ thiết kế	96.62											
Khoảng cách lề thiết kế	9.64											
Cao độ tự nhiên	96.54	96.53	96.55	96.48	96.36	96.22	96.08	95.98	95.92	95.93	95.84	95.54
Khoảng cách mìa	3.33	3.03	2.41	3.29	3.94	3.28	3.19	2.69	1.01	3.33	1.78	0.73

Cọc TD6
Km 22 + 261.50

BTN C12.5 0.94 m²
Bù vênh 0.34 m²
B bv 18.82 m
B mặt đường 18.82 m

MSS 92

Cao độ thiết kế	96.62											
Khoảng cách lề thiết kế	9.66											
Cao độ tự nhiên	96.54	96.53	96.55	96.48	96.36	96.21	96.08	95.98	95.92	95.93	95.84	95.54
Khoảng cách mìa	3.33	3.00	2.46	3.30	3.90	3.32	3.18	2.65	1.06	3.35	1.74	0.71

Cọc 52
Km 22 + 280.00

$R = 350.00$
 $i_t = 3.87\%$
 $i_p = -3.49\%$
 $w = 0.00$

BTN C12.5 0.94 m²
Bù vênh 0.18 m²
B bv 14.88 m
B mặt đường 18.75 m

MSS 92

Cao độ thiết kế	96.62											
Khoảng cách lề thiết kế	9.61											
Cao độ tự nhiên	96.46	96.56	96.55	96.48	96.36	96.21	96.07	95.96	95.89	95.85	95.75	95.65
Khoảng cách mìa	4.24	2.15	2.31	3.43	3.87	3.55	3.07	2.51	1.44	2.27	2.44	0.72

SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ

THẨM TRA
Theo văn bản số:/TTQHKĐXD&BTĐB-TVĐT
Ngày:thángnăm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ

TRỤ SỞ: TỔ 2, KHU PHỐ TIẾN THÁNH B, P. BÔNG XỎI, TỈNH ĐỒNG NAI

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT
CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.759B ĐOẠN TỪ KM21+000 ĐẾN KM24+000
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIỆN HƯNG, TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨC DANH

HỌ VÀ TÊN

CHỮ KÝ

ĐỒNG NAI, THÁNG NĂM 2026

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

KS. VÕ MINH TÂM

THỰC HIỆN

KS. HÂN VĂN TỬ

KIỂM TRA

KS. VÕ MINH TÂM

CHỮ KÝ

ĐỒNG NAI, THÁNG NĂM 2026

CHỮ KÝ

ĐỒNG NAI, THÁNG NĂM 2026

CHỮ KÝ

ĐỒNG NAI, THÁNG NĂM 2026

BẢN VẼ THIẾT KẾ

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

TỶ LỆ:

BẢN VẼ SỐ:

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

TỶ LỆ 1:200

Cọc P6
Km 22+ 295.68

R = 350.00
it = 3.47%
ip = -4.05%
w = 0.00

BTN C12.5 0.92 m2
Bù vênh 0.20 m2
B bv 14.56 m
B mặt đường 18.30 m

MSS 90

Cao độ thiết kế	96.36											
Khoảng cách lề thiết kế	9.40											
Cao độ tự nhiên	95.85	95.95	96.35	96.45	96.40	96.31	96.18	96.05	95.92	95.82	95.80	95.58
Khoảng cách mìa	0.90	3.24	2.46	2.60	3.05	3.74	3.01	3.00	2.90	1.28	2.07	0.91

Cọc H3
Km 22+ 300.00

R = 350.00
it = 3.08%
ip = -3.58%
w = 0.00

BTN C12.5 0.91 m2
Bù vênh 0.23 m2
B bv 14.68 m
B mặt đường 18.26 m

MSS 90

Cao độ thiết kế	96.22											
Khoảng cách lề thiết kế	9.33											
Cao độ tự nhiên	93.49	93.44	96.29	96.41	96.42	96.37	96.28	96.17	96.03	95.92	95.85	95.81
Khoảng cách mìa	0.80	0.47	2.08	1.04	2.33	2.76	2.99	3.58	3.10	3.08	2.75	0.17

Cọc 53
Km 22+ 320.00

R = 350.00
it = 2.16%
ip = -3.41%
w = 0.00

BTN C12.5 0.95 m2
Bù vênh 0.12 m2
B bv 15.78 m
B mặt đường 19.00 m

MSS 91

Cao độ thiết kế	96.36											
Khoảng cách lề thiết kế	9.46											
Cao độ tự nhiên	95.02	95.18	96.19	96.30	96.25	96.18	96.11	96.00	95.87	95.76	95.76	95.58
Khoảng cách mìa	2.22	1.62	2.70	2.97	2.99	3.50	3.22	3.40	2.92	0.83	3.33	2.31

Cọc TC6
Km 22+ 329.86

BTN C12.5 0.96 m2
Bù vênh 0.27 m2
B bv 19.14 m
B mặt đường 19.14 m

MSS 91

Cao độ thiết kế	96.14											
Khoảng cách lề thiết kế	9.60											
Cao độ tự nhiên	95.59	95.62	96.20	96.28	96.28	96.19	96.13	96.09	95.96	95.87	95.76	95.72
Khoảng cách mìa	2.09	2.62	1.10	0.59	3.09	3.10	3.41	3.12	3.41	3.01	0.84	1.87

SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ

THẨM TRA

Theo văn bản số:/TTQHKĐXD&BTĐB-TVĐT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ

TRỤ SỞ: TỐ 2, KHU PHỐ TIẾN THÁNH B, P. ĐỒNG XOÀI, TỈNH ĐỒNG NAI

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT
CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.759B ĐOẠN TỪ KM21+000 ĐẾN KM24+000
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIỆN HƯNG, TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨC DANH

HỌ VÀ TÊN

CHỮ KÝ

ĐỒNG NAI, THÁNG NĂM 2026

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

KS. VÕ MINH TÂM

THỰC HIỆN

KS. HÀN VĂN TỬ

KIỂM TRA

KS. VÕ MINH TÂM

CHỖ CHỮ KÝ

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CHỖ CHỮ KÝ

HÀ CÔNG ĐỊNH

BẢN VẼ THIẾT KẾ

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

TỶ LỆ:

BẢN VẼ SỐ:

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

TỶ LỆ 1:200

Cọc 54
Km 22 + 340.00

BTN C12.5 0.96 m2
Bù vênh 0.17 m2
B bv 12.46 m
B mặt đường 19.11 m

MSS 91

Cao độ thiết kế	96.14 96.20										96.09		95.84 95.75			
Khoảng cách lề thiết kế	9.67										9.45		0.00			
Cao độ tự nhiên	95.55	95.57	95.58 96.28	96.12	96.14	96.11	96.08	96.04	95.96	95.83	95.75	95.76	95.85	94.67		
Khoảng cách mìa	1.64	1.48	0.25	1.88	1.08	2.63	3.43	3.61	3.04	3.89	2.51	2.92	1.16	2.47		

Cọc 55
Km 22 + 360.00

BTN C12.5 0.95 m2
Bù vênh 0.15 m2
B bv 15.40 m
B mặt đường 18.97 m

MSS 92

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Cọc 56
Km 22 + 380.00

BTN C12.5 0.94 m2
Bù vênh 0.13 m2
B bv 12.19 m
B mặt đường 18.80 m

MSS 92

Cao độ thiết kế	95.77	95.94	95.74	95.65	95.84	95.78	95.75	95.71	95.76	95.83	95.89	95.82	95.73	95.65	95.63	95.60	95.41	95.23
Khoảng cách lề thiết kế	0.00	9.36	9.44	0.00														
Cao độ tự nhiên	95.84	95.78	95.75	95.71	95.76	95.83	95.89	95.82	95.73	95.65	95.63	95.60	95.41	95.23				
Khoảng cách mìa	2.71	2.19	1.74	2.47	3.57	3.32	3.29	3.50	2.65	3.46	0.71	1.64	0.74					

Cọc D14
Km 22 + 395.18

BTN C12.5 0.93 m2
Bù vênh 0.39 m2
B bv 15.03 m
B mặt đường 18.53 m

MSS 92

Cao độ thiết kế	95.65	95.89	95.73	95.62	96.27	96.17	95.99	95.65	95.66	95.74	95.84	95.78	95.70	95.62	95.71	95.71	95.70
Khoảng cách lề thiết kế	0.00	9.19	9.34	0.00													
Cao độ tự nhiên	95.65	95.66	95.74	95.84	95.78	95.70	95.62	95.71	95.71	95.70							
Khoảng cách mìa	3.30	0.57	2.94	2.64	3.21	3.34	3.51	3.05	2.79	0.77	2.86	3.03					

SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ

THẨM TRA

Theo văn bản số:/TTQHKĐXD&BTĐB-TVĐT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ

TRụ sở: TỐ 2, KHU PHỐ TIẾN THẠNH B, P. ĐỒNG XÁI, TỈNH ĐỒNG NAI

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT
CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.759B ĐOẠN TỪ KM21+000 ĐẾN KM24+000
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIỆN HƯNG, TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨC DANH

HỌ VÀ TÊN

CHỮ KÝ

ĐỒNG NAI, THÁNG NĂM 2026

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

KS. VÕ MINH TÂM

THỰC HIỆN

KS. HÂN VĂN TỬ

KIỂM TRA

KS. VÕ MINH TÂM

CHỮ KÝ

ĐỒNG NAI, THÁNG NĂM 2026

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

KS. VÕ MINH TÂM

THỰC HIỆN

KS. HÂN VĂN TỬ

KIỂM TRA

KS. VÕ MINH TÂM

BẢN VẼ THIẾT KẾ

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

TỶ LỆ:

BẢN VẼ SỐ:

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

TỶ LỆ 1:200

Cọc H4
Km 22 + 400.00

BTN C12.5 0.93 m2
Bù vênh 0.60 m2
B bv 18.50 m
B mặt đường 18.50 m

MSS 92

Cao độ thiết kế	95.64 95.63 95.65 95.72 95.82 95.77 95.69 95.60 95.73 95.76													
Khoảng cách lẻ thiết kế	0.00 9.22 9.29 0.00													
Cao độ tự nhiên	96.11	96.11	96.01	95.64	95.63	95.65	95.72	95.82	95.77	95.69	95.60	95.73	95.76	
Khoảng cách mìa	1.97	2.17	2.65	1.82	1.30	2.82	3.28	3.31	3.27	2.70	3.34	3.37		

Cọc 57
Km 22 + 420.00

BTN C12.5 0.93 m2
Bù vênh 0.18 m2
B bv 15.18 m
B mặt đường 18.52 m

MSS 92

Cao độ thiết kế	95.58 95.63 95.83 95.64 95.57 95.60 95.63													
Khoảng cách lẻ thiết kế	0.00 9.32 9.21 0.00													
Cao độ tự nhiên	96.00	95.93	95.85	95.58	95.63	95.70	95.78	95.71	95.63	95.57	95.60	95.63		
Khoảng cách mìa	3.46	2.36	0.87	3.21	2.91	3.19	3.35	2.75	3.10	4.10	2.70			

Cọc 58
Km 22 + 440.00

BTN C12.5 0.93 m2
Bù vênh 0.14 m2
B bv 15.51 m
B mặt đường 18.68 m

MSS 91

Cao độ thiết kế	95.52 95.60 95.78 95.58 95.51 95.55 95.72 95.67													
Khoảng cách lẻ thiết kế	0.00 9.41 9.27 0.00													
Cao độ tự nhiên	94.90	94.97	95.43	95.52	95.59	95.66	95.73	95.66	95.57	95.48	95.59	95.63	95.67	
Khoảng cách mìa	2.83	2.85	0.91	2.26	3.67	3.49	3.17	3.40	2.69	2.30	2.49	1.95		

Cọc 59
Km 22 + 460.00

BTN C12.5 0.94 m2
Bù vênh 0.21 m2
B bv 11.95 m
B mặt đường 18.75 m

MSS 92

Cao độ thiết kế	95.51 95.62 95.78 95.58 95.51 95.55 95.72 95.79													
Khoảng cách lẻ thiết kế	0.00 9.41 9.34 0.00													
Cao độ tự nhiên	95.80	95.77	95.70	95.51	95.59	95.67	95.73	95.66	95.58	95.51	95.55	95.72	95.79	
Khoảng cách mìa	3.82	1.82	0.94	2.64	3.23	3.55	3.25	3.27	2.82	1.94	1.29	3.42		

SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ
THẨM TRA
Theo văn bản số:...../TTQHKĐXD&BTĐB-TVĐT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ
TRỤ SỞ: TỐ 2, KHU PHỐ TIẾN THÀNH B, P. BÌNH XÃI, TỈNH ĐỒNG NAI

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT
CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.759B ĐOẠN TỪ KM21+000 ĐẾN KM24+000
BỊA BIỂM XÂY DỰNG: XÃ THỊNH HƯNG, TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. VÕ MINH TÂM	
THỰC HIỆN	KS. HÂN VĂN TỬ	
KIỂM TRA	KS. VÕ MINH TÂM	

ĐỒNG NAI, THÁNG..... NĂM 2026
TƯ VẤN XÂY DỰNG
AZ
HÀ CÔNG ĐỊNH

BẢN VẼ THIẾT KẾ
TRẮC NGANG THIẾT KẾ
TỶ LỆ: BẢN VẼ SỐ:

TRẮC NGANG THIẾT KẾ
TỶ LỆ 1:200

Cọc 60
Km 22+ 480.00

BTN C12.5 0.94 m2
Bù vênh 0.11 m2
B bv 15.43 m
B mặt đường 18.86 m

MSS 92

Cao độ thiết kế	95.58												95.78												95.51																							
Khoảng cách lề thiết kế	0.00												9.38												9.48												0.00											
Cao độ tự nhiên	95.67	95.68	95.61	95.49	95.49	95.57	95.65	95.73	95.64	95.57	95.51	95.50	95.70	95.82	95.83	95.56	95.56	95.56	95.56	95.56	95.56	95.56	95.56	95.56	95.56	95.56	95.56	95.56																				
Khoảng cách mìa	1.58	3.03	1.05	0.96	2.91	3.04	3.42	3.39	3.31	2.77	0.59	1.74	3.64	0.56																																		

Cọc H5
Km 22+ 500.00

BTN C12.5 0.95 m2
Bù vênh 0.09 m2
B bv 15.42 m
B mặt đường 18.92 m

MSS 92

95.56		95.84		95.50		95.49		95.58		95.67		95.76		95.68		95.62		95.54		95.58		95.64		95.63	
4.10		1.89		0.64		2.71		3.16		3.50		3.26		3.01		3.28		1.93		1.99		2.53			
																						</			

Cọc 61
Km 22+ 520.00

BTN C12.5 0.95 m2
Bù vênh 0.14 m2
B bv 11.08 m
B mặt đường 18.91 m

MSS 92

M33 92												
Cao độ thiết kế	95.54 95.60											
Khoảng cách lề thiết kế	9.40						9.52					
Cao độ tự nhiên	95.23	95.52	95.54	95.61	95.69	95.76	95.69	95.62	95.55	95.62	95.67	95.72
Khoảng cách mìa	5.52	1.08	3.10	2.74	3.56	3.08	3.37	3.06	2.25	1.97	2.26	

Cọc 62
Km 22+ 540.00

BTN C12.5 0.94 m2
Bù vênh 0.12 m2
B bv 11.81 m
B mặt đường 18.85 m

MSS 92

355.92													95.57													95.82													95.63																																																																																																																				
													0.00													9.37													9.48													0.00																																																																																																							
95.68													95.71													95.57													95.64													95.71													95.77													95.72													95.66													95.63													95.81													95.95													95.96												
3.57													3.06													2.38													3.78													3.21													2.97													3.20													3.31													1.43													2.06													3.03																									

SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ
THẨM TRA
Theo văn bản số:...../TTQHKD&BTĐB-TVĐT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO
TRÌ ĐƯỜNG BỘ

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ
TRỤ SỞ: TỐ 2, KHU PHỐ TIẾN THÁNH B, P. ĐỒNG
XOÀI, TỈNH ĐỒNG NAI

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT
CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.759B ĐOẠN TỪ
KM21+000 ĐẾN KM24+000
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIỆN HƯNG, TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨC DANH
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ
THỰC HIỆN
KIỂM TRA

HỌ VÀ TÊN
KS. VÕ MINH TÂM
KS. HÂN VĂN TỬ
KS. VÕ MINH TÂM

CHỮ KÝ

ĐỒNG NAI, THÁNG NĂM 2026
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG
AZ
XOÀI T. BÌNH PHƯỚC
H. CÔNG ĐỊNH

BẢN VẼ THIẾT KẾ

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

TỶ LỆ:

BẢN VẼ SỐ:

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

TỶ LỆ 1:200

Cọc 63
Km 22 + 560.00

BTN C12.5 0.94 m2
Bù vênh 0.13 m2
B bv 15.38 m
B mặt đường 18.88 m

MSS 92

Cao độ thiết kế	95.63											
Khoảng cách lề thiết kế	9.34											
Cao độ tự nhiên	95.62	95.64	95.63	95.68	95.74	95.78	95.73	95.68	95.63	95.69	95.85	95.88
Khoảng cách mìa	3.51	3.15	2.40	3.45	3.49	3.11	3.02	3.41	0.97	3.23	2.26	

Cọc 64
Km 22 + 580.00

BTN C12.5 0.95 m2
Bù vênh 0.27 m2
B bv 12.68 m
B mặt đường 19.02 m

MSS 92

Cao độ thiết kế	95.65											
Khoảng cách lề thiết kế	9.42											
Cao độ tự nhiên	95.79	95.75	95.65	95.72	95.77	95.81	95.76	95.68	95.59	95.57	95.59	95.61
Khoảng cách mìa	2.84	3.74	2.64	3.25	3.53	2.81	3.26	3.52	2.60	2.25	1.55	

Cọc D15
Km 22 + 585.15

BTN C12.5 0.95 m2
Bù vênh 0.70 m2
B bv 19.06 m
B mặt đường 19.06 m

MSS 92

Cao độ thiết kế	95.68											
Khoảng cách lề thiết kế	9.44											
Cao độ tự nhiên	95.71	95.61	95.65	95.68	95.72	95.77	95.79	95.75	95.68	95.60	95.59	95.65
Khoảng cách mìa	2.58	2.51	1.47	2.35	3.46	3.63	3.29	3.19	3.14	2.03	2.58	1.78

Cọc H6
Km 22 + 600.00

BTN C12.5 0.96 m2
Bù vênh 0.28 m2
B bv 12.37 m
B mặt đường 19.11 m

MSS 92

Cao độ thiết kế	95.66											
Khoảng cách lề thiết kế	9.47											
Cao độ tự nhiên	95.75	95.77	95.66	95.74	95.78	95.80	95.75	95.70	95.59	95.54	95.58	95.60
Khoảng cách mìa	2.74	3.79	2.66	3.28	3.54	3.20	2.99	3.45	1.31	3.16	1.89	

SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ
THẨM TRA
Theo văn bản số:...../TTQHKĐXD&BTĐB-TVĐT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO
TRÌ ĐƯỜNG BỘ

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ

TRỤ SỞ: TỐ 2, KHU PHỐ TIẾN THÁNH B, P. ĐỒNG
XOÀI, TỈNH ĐỒNG NAI

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT
CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.759B ĐOẠN TỪ
KM21+000 ĐẾN KM24+000
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIỆN HƯNG, TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨC DANH

HỌ VÀ TÊN

CHỮ KÝ

ĐỒNG NAI, THÁNG NĂM 2026

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

KS. VÕ MINH TÂM

THỰC HIỆN

KS. HÂN VĂN TỬ

KIỂM TRA

KS. VÕ MINH TÂM

CÔNG TY

TƯ VẤN XÂY DỰNG

AZ

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

HA CÔNG ĐỊNH

BẢN VẼ THIẾT KẾ

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

TỶ LỆ:

BẢN VẼ SỐ:

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

TỶ LỆ 1:200

Cọc 65
Km 22 + 620.00

BTN C12.5 0.96 m2
Bù vênh 0.37 m2
B bv 12.67 m
B mặt đường 19.11 m

MSS 92

Cao độ thiết kế	95.92											
Khoảng cách lề thiết kế	9.47											
Cao độ tự nhiên	95.66	95.73	95.68	95.70	95.80	95.84	95.87	95.82	95.73	95.66	95.68	95.62
Khoảng cách mìa	2.42	2.05	2.07	2.82	3.36	3.29	3.15	3.14	3.36	0.69	2.81	2.86

Cọc 66
Km 22 + 640.00

BTN C12.5 0.95 m2
Bù vênh 0.42 m2
B bv 16.11 m
B mặt đường 19.09 m

MSS 92

Cao độ thiết kế	95.93											
Khoảng cách lề thiết kế	9.45											
Cao độ tự nhiên	95.63	95.62	95.77	95.71	95.77	95.82	95.88	95.85	95.75	95.70	95.76	95.71
Khoảng cách mìa	0.73	3.10	2.73	2.35	4.04	3.06	2.97	3.55	3.11	3.06	2.50	0.80

Cọc 67
Km 22 + 660.00

BTN C12.5 0.95 m2
Bù vênh 0.29 m2
B bv 12.36 m
B mặt đường 19.00 m

MSS 92

Cao độ thiết kế	95.97											
Khoảng cách lề thiết kế	9.36											
Cao độ tự nhiên	95.53	95.43	95.67	95.75	95.82	95.87	95.92	95.89	95.82	95.77	95.83	95.90
Khoảng cách mìa	1.98	3.03	1.63	2.81	3.04	3.51	3.12	3.15	3.37	3.96	2.40	

Cọc 68
Km 22 + 680.00

BTN C12.5 0.95 m2
Bù vênh 0.57 m2
B bv 12.26 m
B mặt đường 18.90 m

MSS 92

Cao độ thiết kế	96.02											
Khoảng cách lề thiết kế	9.26											
Cao độ tự nhiên	96.11	95.92	95.83	95.85	95.92	95.97	95.93	95.83	95.73	95.80	95.80	95.69
Khoảng cách mìa	4.91	1.62	2.86	2.93	3.47	3.17	3.52	2.96	2.24	1.65	2.47	

SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ
THẨM TRA
Theo văn bản số:...../TTQHKĐXD&BTĐB-TVĐT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ

TRỤ SỞ: TỔ 2, KHU PHỐ TIẾN THÁNH B, P. BÌNH XÃI, TỈNH ĐỒNG NAI

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT
CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.759B ĐOẠN TỪ
KM21+000 ĐẾN KM24+000
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIỆN HƯNG, TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨC DANH

HỌ VÀ TÊN

CHỮ KÝ

ĐỒNG NAI, THÁNG NĂM 2026
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

KS. VÕ MINH TÂM

THỰC HIỆN

KS. HÂN VĂN TỬ

KIỂM TRA

KS. VÕ MINH TÂM

BẢN VẼ THIẾT KẾ

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

TỶ LỆ:

BẢN VẼ SỐ:

TRẮC NGANG THIẾT KẾ
TỶ LỆ 1:200

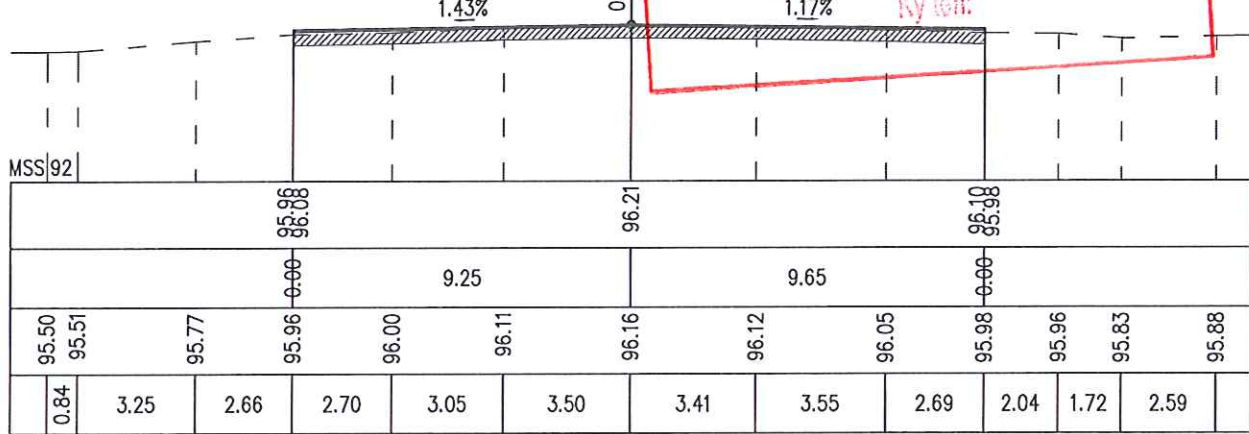
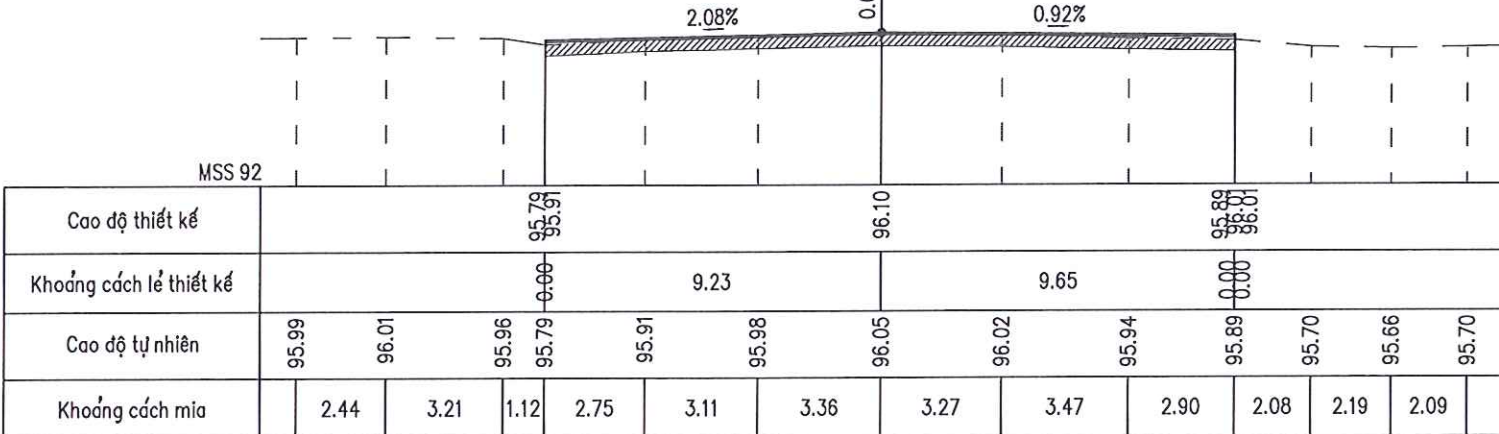
Cọc H7
Km 22 + 700.00

BTN C12.5 0.94 m2
Bù vênh 0.37 m2
B bv 12.24 m
B mặt đường 18.88 m

Cọc 69
Km 22 + 720.00

BTN C12.5 0.95 m2
Bù vênh 0.47 m2
B bv 11.99 m
B mặt đường 18.90 m

SỞ XÂY DỰNG TỈNH ĐỒNG NAI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:



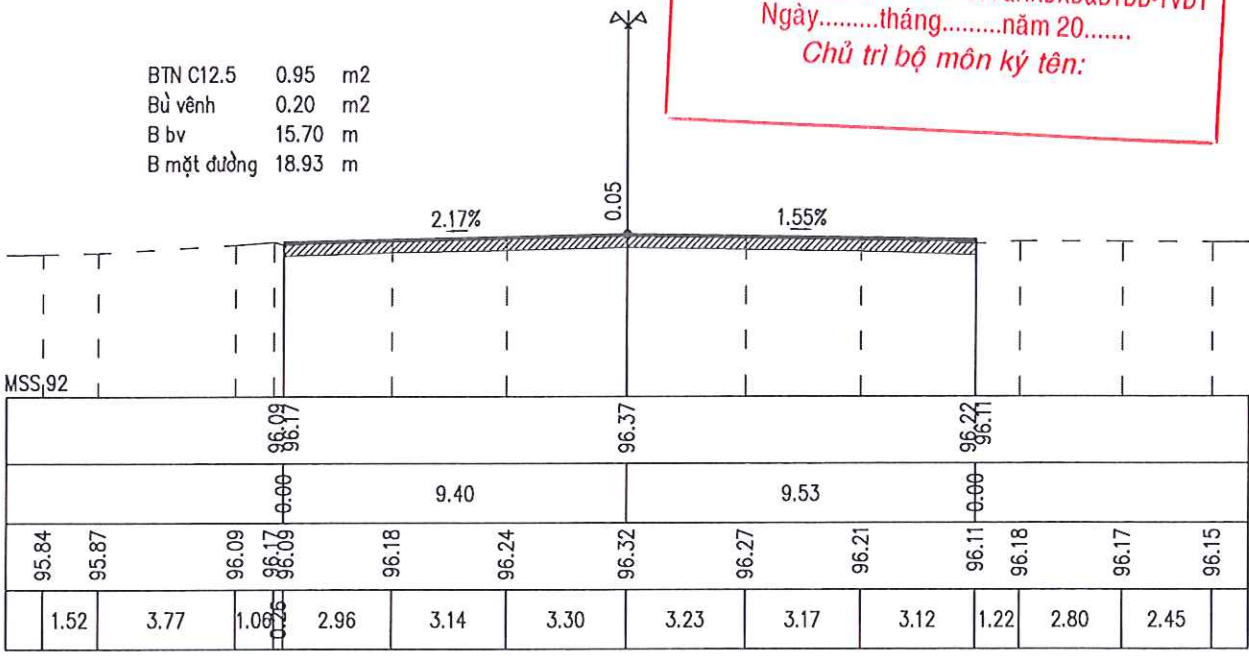
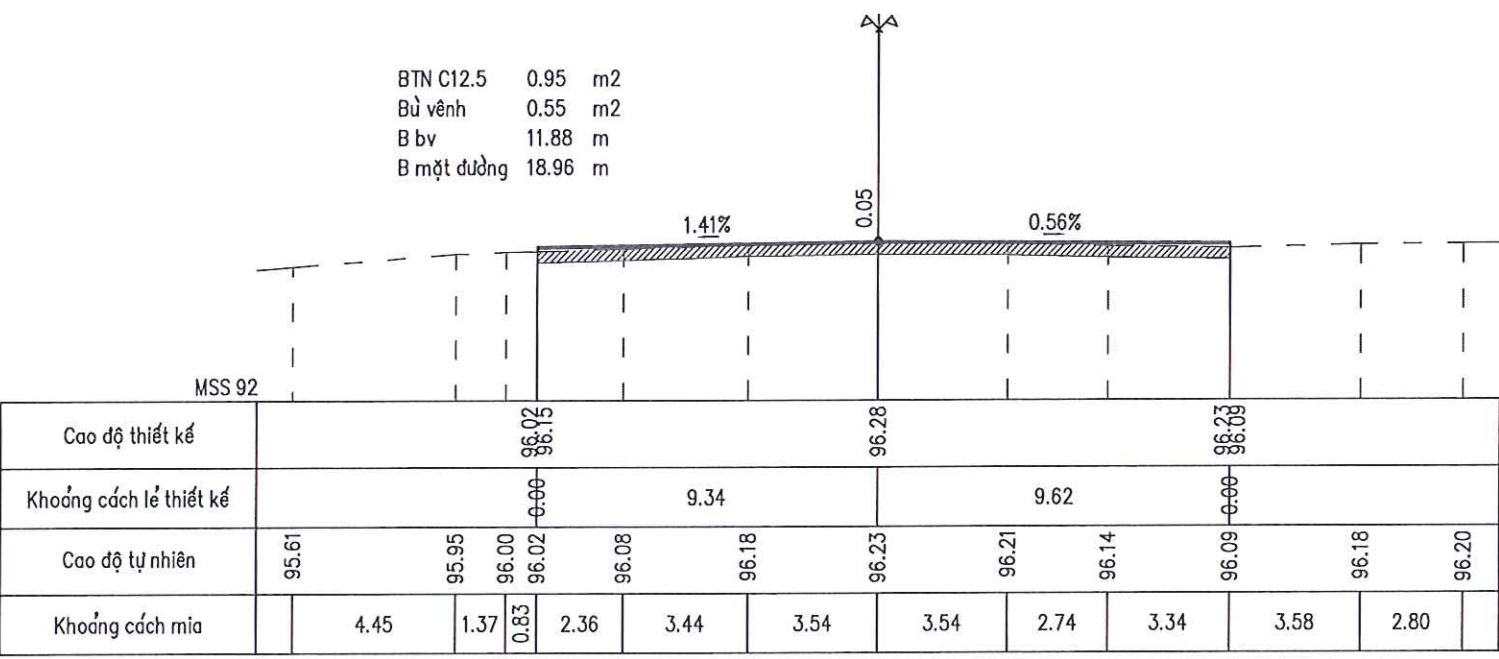
Cọc 70
Km 22 + 740.00

BTN C12.5 0.95 m2
Bù vênh 0.55 m2
B bv 11.88 m
B mặt đường 18.96 m

Cọc 71
Km 22 + 760.00

BTN C12.5 0.95 m2
Bù vênh 0.20 m2
B bv 15.70 m
B mặt đường 18.93 m

SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ
THẨM TRA
Theo văn bản số:/TTQH&XD&BT&ĐB-TV&ĐT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:



TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ	HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.759B ĐOẠN TỪ KM21+000 ĐẾN KM24+000 ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIỆN HƯNG, TỈNH ĐỒNG NAI	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ ĐỒNG NAI, THÁNG NĂM 2026 ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ HÀ CÔNG ĐỊNH	BẢN VẼ THIẾT KẾ	
		CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. VÕ MINH TÂM		TRẮC NGANG THIẾT KẾ	
		THỰC HIỆN	KS. HÂN VĂN TÚ			
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ TRỤ SỞ: TỐ 2, KHU PHỐ TIẾN THÀNH B, P. ĐỒNG XÔI, TỈNH ĐỒNG NAI		KIỂM TRA	KS. VÕ MINH TÂM		TỶ LỆ:	BẢN VẼ SỐ:

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

TỶ LỆ 1:200

Cọc 72
Km 22 + 780.00

BTN C12.5 0.95 m2
Bù vênh 0.28 m2
B bv 12.25 m
B mặt đường 18.91 m

MSS 92

Cao độ thiết kế	96.16 96.48 96.33											
Khoảng cách lề thiết kế	0.00 9.47 9.43 0.00											
Cao độ tự nhiên	96.06	96.10	96.16	96.16	96.24	96.34	96.43	96.38	96.30	96.21	96.17	95.91
Khoảng cách mìa	1.70	2.57	2.26	2.41	3.59	3.48	3.18	2.89	3.37	3.02	1.06	2.49

Cọc H8
Km 22 + 800.00

BTN C12.5 0.95 m2
Bù vênh 0.42 m2
B bv 12.63 m
B mặt đường 18.90 m

MSS 93

Cao độ thiết kế	96.27 96.54 96.29											
Khoảng cách lề thiết kế	0.00 9.55 9.35 0.00											
Cao độ tự nhiên	96.07	96.08	96.18	96.14	96.27	96.35	96.44	96.49	96.45	96.37	96.29	96.57
Khoảng cách mìa	1.12	4.16	0.29	0.87	2.20	3.82	3.53	2.73	3.25	3.36	3.15	1.96

Cọc 73
Km 22 + 820.00

BTN C12.5 0.94 m2
Bù vênh 0.13 m2
B bv 15.18 m
B mặt đường 18.84 m

MSS 93

Cao độ thiết kế	96.35 96.60 96.40											
Khoảng cách lề thiết kế	0.00 9.52 9.32 0.00											
Cao độ tự nhiên	96.38	96.34	96.35	96.40	96.48	96.55	96.49	96.46	96.40	96.42	96.20	96.18
Khoảng cách mìa	5.94	0.53	2.23	3.62	3.66	3.07	3.13	3.13	2.60	2.95	1.13	

Cọc 74
Km 22 + 840.00

BTN C12.5 0.94 m2
Bù vênh 1.00 m2
B bv 18.75 m
B mặt đường 18.75 m

MSS 93

Cao độ thiết kế	96.47 96.70 96.48											
Khoảng cách lề thiết kế	0.00 9.46 9.30 0.00											
Cao độ tự nhiên	96.65	96.65	96.59	96.47	96.49	96.59	96.62	96.61	96.59	96.49	96.65	96.68
Khoảng cách mìa	2.66	1.93	1.95	2.65	3.45	3.35	2.79	2.88	3.63	2.73	2.16	1.81

SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ
THẨM TRA
Theo văn bản số:/TTQHKĐXD&BTĐB-TVĐT
Ngày:thángnăm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ

TRỤ SỞ: TỔ 2, KHU PHỐ TIẾN THÀNH B, P. BÔNG
XOÀI, THỊNH ĐỒNG NAI

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT
CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.750B ĐOẠN TỪ
KM21+000 ĐẾN KM24+000
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIỆN HƯNG, TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨC DANH

HỌ VÀ TÊN

CHỮ KÝ

ĐỒNG NAI, THÁNG NĂM 2026

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

KS. VÕ MINH TÂM

THỰC HIỆN

KS. HÀN VĂN TÚ

KIỂM TRA

KS. VÕ MINH TÂM

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG
AZ
CÔNG ĐỊNH

BẢN VẼ THIẾT KẾ

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

TỶ LỆ:

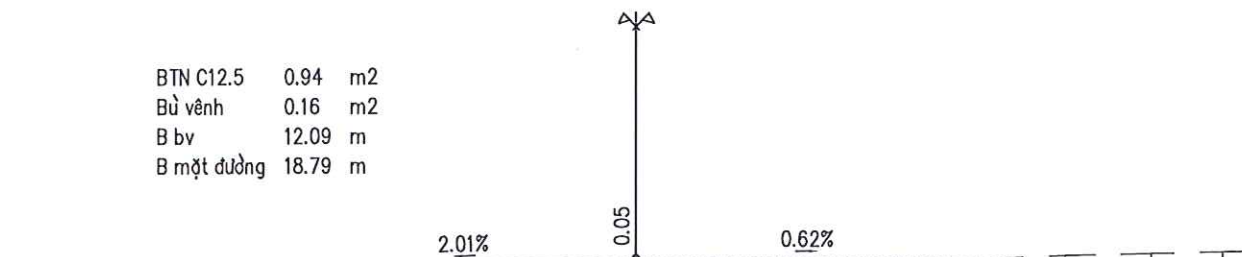
BẢN VẼ SỐ:

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

TỶ LỆ 1:200

Cọc D16
Km 22 + 846.93

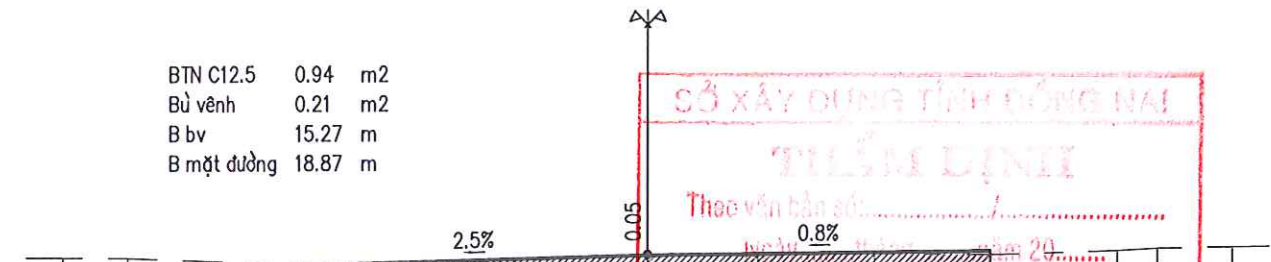
BTN C12.5 0.94 m²
Bù vênh 0.16 m²
B bv 12.09 m
B mặt đường 18.79 m



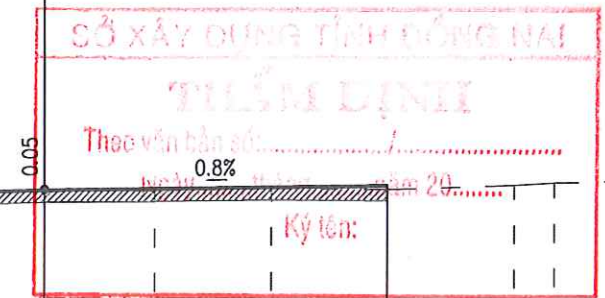
Cao độ thiết kế	96.73													
Khoảng cách lề thiết kế	9.51													
Cao độ tự nhiên	96.70	96.67	96.64	96.45	96.52	96.61	96.68	96.66	96.64	96.58	96.68	96.74	96.78	96.81
Khoảng cách mìa	1.86	2.39	2.24	2.48	3.55	3.48	3.23	3.03	3.03	0.79	1.60	2.36	1.96	

Cọc 75
Km 22 + 860.00

BTN C12.5 0.94 m²
Bù vênh 0.21 m²
B bv 15.27 m
B mặt đường 18.87 m

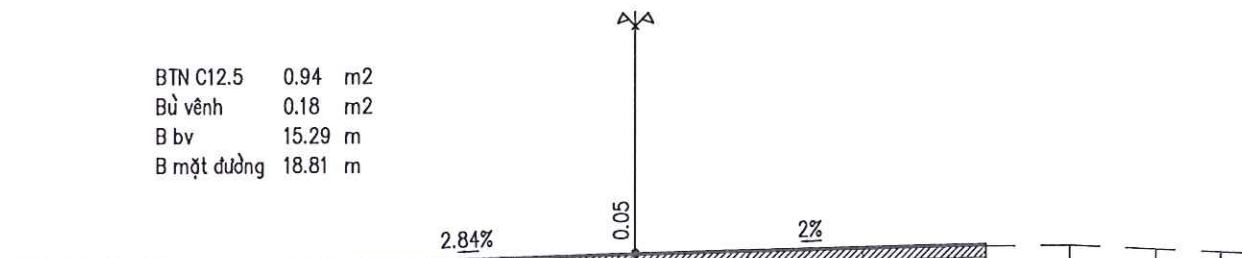


Cao độ thiết kế	96.79													
Khoảng cách lề thiết kế	9.47													
Cao độ tự nhiên	96.76	96.74	96.64	96.50	96.55	96.65	96.74	96.75	96.79	96.74	96.84	96.90	96.94	
Khoảng cách mìa	1.76	2.30	2.47	2.46	3.41	3.60	3.04	3.19	3.17	3.46	1.10	2.05		



Cọc 76
Km 22 + 880.00

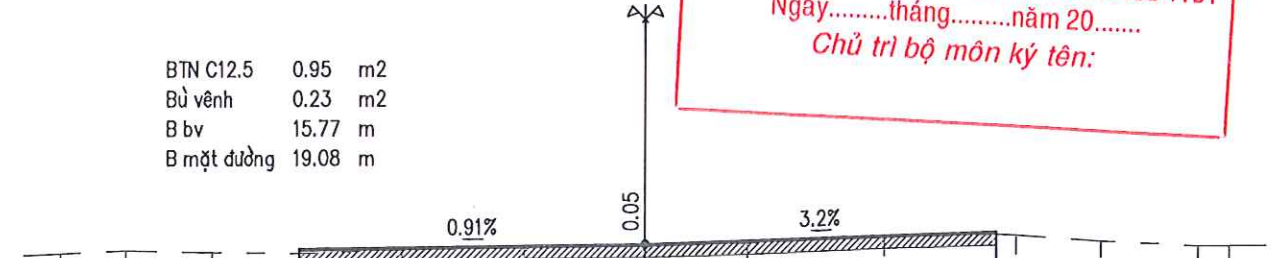
BTN C12.5 0.94 m²
Bù vênh 0.18 m²
B bv 15.29 m
B mặt đường 18.81 m



Cao độ thiết kế	96.87													
Khoảng cách lề thiết kế	9.26													
Cao độ tự nhiên	96.70	96.60	96.45	96.49	96.62	96.72	96.82	96.88	96.93	97.01	97.02	96.90	96.81	
Khoảng cách mìa	3.23	2.34	1.16	2.71	3.03	3.52	3.09	3.12	3.34	2.31	2.36	1.78		

Cọc TD7
Km 22 + 894.53

BTN C12.5 0.95 m²
Bù vênh 0.23 m²
B bv 15.77 m
B mặt đường 19.08 m



Cao độ thiết kế	96.93													
Khoảng cách lề thiết kế	9.46													
Cao độ tự nhiên	96.73	96.81	96.75	96.72	96.81	96.85	96.88	96.95	97.09	97.17	97.14	96.97	96.84	96.85
Khoảng cách mìa	1.78	2.35	2.41	2.82	3.33	3.31	2.82	3.75	3.05	0.55	2.30	2.68	0.85	



TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ

TRỤ SỞ: TỔ 2, KHU PHỐ TIẾN THÀNH B, P. BÔNG XỎ, TỈNH ĐỒNG NAI

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT
CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.759B ĐOẠN TỪ
KM21+000 ĐẾN KM24+000
ĐỊA BIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIỆN HƯNG, TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨC DANH

HỌ VÀ TÊN

CHỮ KÝ

ĐỒNG NAI, THÁNG NĂM 2020

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

KS. VÕ MINH TÂM

THỰC HIỆN

KS. HÂN VĂN TỬ

KIỂM TRA

KS. VÕ MINH TÂM

HÀ CÔNG ĐỊNH

BẢN VẼ THIẾT KẾ

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

TỶ LỆ:

BẢN VẼ SỐ:

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

TỶ LỆ 1:200

Cọc H9
Km 22 + 900.00

R = 240.00
it = -2.92%
ip = 3.40%
w = 0.00

BTN C12.5 0.95 m2
Bù vênh 0.36 m2
B bv 15.68 m
B mặt đường 19.10 m

MSS 93

Cao độ thiết kế	96.58													
Khoảng cách lề thiết kế	9.47													
Cao độ tự nhiên	97.11	97.07	96.92	96.74	96.69	96.81	96.91	96.99	97.13	97.22	97.21	97.02	96.74	96.75
Khoảng cách mìa	1.18	2.17	2.84	0.34	2.88	3.17	3.42	3.11	3.36	3.15	0.59	1.32	2.74	1.72

Cọc P7
Km 22 + 914.67

R = 240.00
it = -3.46%
ip = 3.01%
w = 0.00

BTN C12.5 0.95 m2
Bù vênh 0.11 m2
B bv 15.56 m
B mặt đường 19.03 m

MSS 93

Cao độ thiết kế	96.88													
Khoảng cách lề thiết kế	9.42													
Cao độ tự nhiên	97.10	97.05	96.77	96.73	96.60	96.72	96.84	96.96	97.04	97.15	97.25	96.99	96.72	96.63
Khoảng cách mìa	2.32	0.38	1.13	2.24	0.51	2.76	3.19	3.47	3.07	3.26	3.28	2.93	2.59	0.86

Cọc 77
Km 22 + 920.00

R = 240.00
it = -3.14%
ip = 3.31%
w = 0.00

BTN C12.5 0.95 m2
Bù vênh 0.29 m2
B bv 19.04 m
B mặt đường 19.04 m

MSS 92

Cao độ thiết kế	96.92													
Khoảng cách lề thiết kế	9.45													
Cao độ tự nhiên	95.01	95.01	96.85	96.79	96.64	96.72	96.85	96.96	97.05	97.17	97.29	97.35	97.50	97.52
Khoảng cách mìa	1.25	0.48	2.23	2.22	0.36	2.62	3.32	3.51	3.21	3.06	3.31	2.19	2.66	1.56

Cọc TC7
Km 22 + 934.81

BTN C12.5 0.97 m2
Bù vênh 0.16 m2
B bv 19.38 m
B mặt đường 19.38 m

MSS 93

Cao độ thiết kế	96.70													
Khoảng cách lề thiết kế	9.79													
Cao độ tự nhiên	96.83	96.86	96.83	96.65	96.75	96.87	96.99	97.07	97.18	97.28	97.30	97.16	96.99	
Khoảng cách mìa	3.79	1.95	0.47	3.39	3.17	3.23	3.16	3.28	3.15	0.00	0.26	1.75	3.40	

SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ
THẨM TRA
Theo văn bản số:/TTQHKĐXD&BTĐB-TVĐT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ

TRỤ SỞ: TỔ 2, KINH PHỐ TIẾN THÀNH B, P. BÓNH
XOÀI, TỈNH BÓNH NAI

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT
CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.759B ĐOẠN TỪ
KM21+000 ĐẾN KM24+000
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIÊN HƯNG, TỈNH BÓNH NAI

CHỨC DANH
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ
THỰC HIỆN
KIỂM TRA

HỌ VÀ TÊN
KS. VÕ MINH TÂM
KS. HÀN VĂN TỬ
KS. VÕ MINH TÂM

CHỮ KÝ

ĐỒNG NAI, THÁNG NĂM 2026
BỘ MÔN TƯ VẤN
TƯ VẤN XÂY DỰNG
AZ
HÀ CÔNG ĐỊNH

BẢN VẼ THIẾT KẾ

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

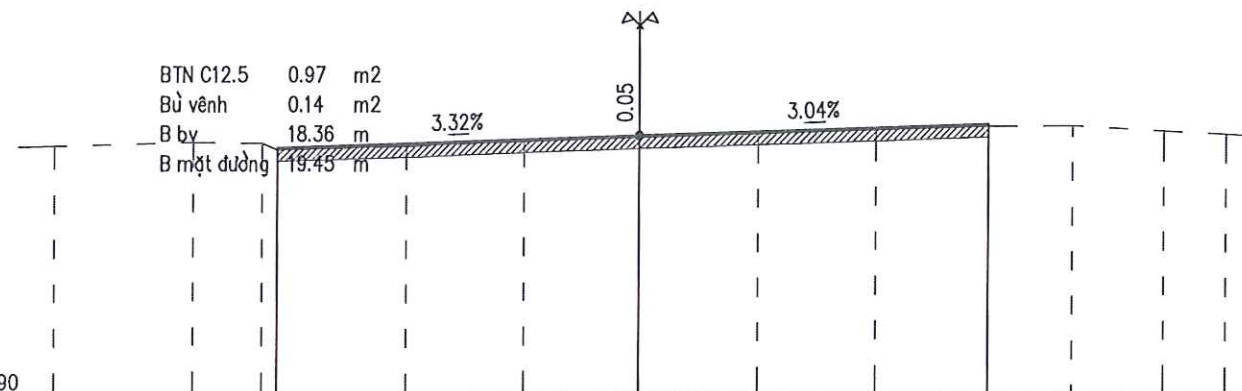
TỶ LỆ:

BẢN VẼ SỐ:

TRẮC NGANG THIẾT KẾ
TỶ LỆ 1:200

Cọc TD8
Km 22 + 937.84

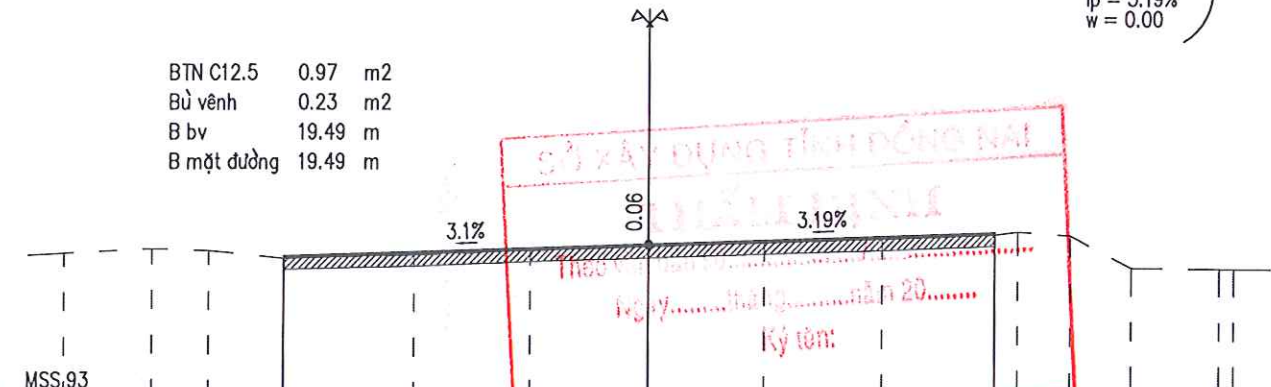
BTN C12.5 0.97 m2
Bù vênh 0.14 m2
B bv 18.36 m
B mặt đường 19.45 m



MSS 90													
Cao độ thiết kế	96.66 96.66 97.04 97.28 97.33												
Khoảng cách lề thiết kế	0.00 9.92 9.53 0.00												
Cao độ tự nhiên	96.76	96.86	96.83 96.86	96.75	96.88	96.99	97.08	97.18	97.28	97.28	97.14	97.05	
Khoảng cách mìa		3.77	1.90 0.41	3.56	3.23	3.14	3.25	3.20	3.07	2.28	2.48	1.71	

Cọc 78
Km 22 + 940.00

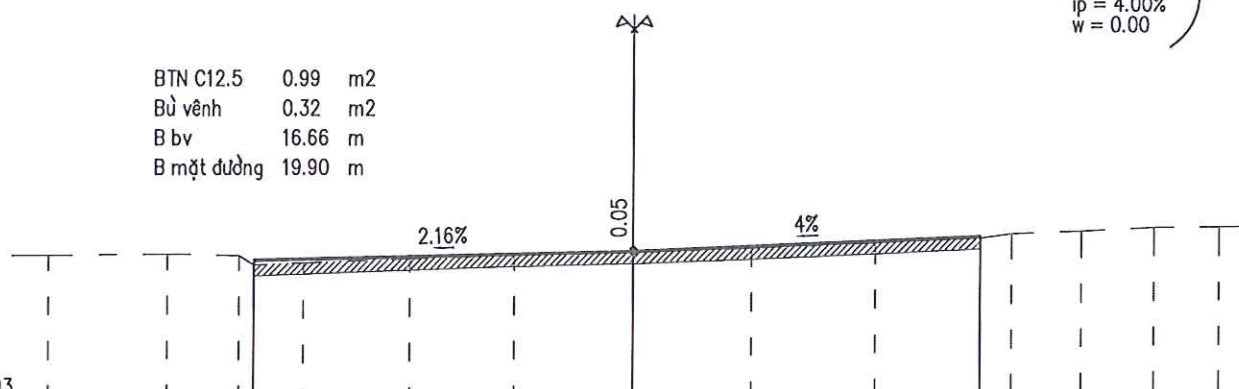
BTN C12.5 0.97 m2
Bù vênh 0.23 m2
B bv 19.49 m
B mặt đường 19.49 m



MSS.93													
				96.67		96.76		96.88		96.98		97.08	
				96.67		96.76		96.88		96.98		97.08	
				96.67		96.76		96.88		96.98		97.08	
				96.67		96.76		96.88		96.98		97.08	
				96.67		96.76		96.88		96.98		97.08	
				96.67		96.76		96.88		96.98		97.08	
				96.67		96.76		96.88		96.98		97.08	
				96.67		96.76		96.88		96.98		97.08	
				96.67		96.76		96.88		96.98		97.08	
				96.67		96.76		96.88		96.98		97.08	
				96.67		96.76		96.88		96.98		97.08	
				96.67		96.76		96.88		96.98		97.08	
				96.67		96.76		96.88		96.98		97.08	
				96.67		96.76		96.88		96.98		97.08	
				96.67		96.76		96.88		96.98		97.08	
				96.67		96.76		96.88		96.98		97.08	
				96.67		96.76		96.88		96.98		97.08	
				96.67		96.76		96.88		96.98		97.08	
				96.67		96.76		96.88		96.98		97.08	
				96.67		96.76		96.88		96.98		97.08	
				96.67		96.76		96.88		96.98		97.08	
				96.67		96.76		96.88		96.98		97.08	
				96.67		96.76		96.88		96.98		97.08	
				96.67		96.76		96.88		96.98		97.08	
				96.67		96.76		96.88		96.98		97.08	
				96.67		96.76		96.88		96.98		97.08	
				96.67		96.76		96.88		96.98		97.08	
				96.67		96.76		96.88		96.98		97.08	
				96.67		96.76		96.88		96.98		97.08	
				96.67		96.76		96.88		96.98		97.08	
				96.67		96.76		96.88		96.98		97.08	
				96.67		96.76		96.88		96.98		97.08	
				96.67		96.76		96.88		96.98		97.08	
				96.67		96.76		96.88		96.98		97.08	
				96.67		96.76		96.88		96.98		97.08	
				96.67		96.76		96.88		96.98		97.08	
				96.67		96.76		96.88		96.98		97.08	
				96.67		96.76		96.88		96.98		97.08	
				96.67		96.76		96.88		96.98		97.08	
				96.67		96.76		96.88		96.98		97.08	
				96.67		96.76		96.88		96.98		97.08	
				96.67		96.76		96.88		96.98		97.08	
				96.67		96.76		96.88		96.98		97.08	
				96.67		96.76		96.88		96.98		97.08	
				96.67		96.76		96.88		96.98		97.08	
				96.67		96.76		96.88		96.98		97.08	
				96.67		96.76		96.88		96.98		97.08	
				96.67		96.76		96.88		96.98		97.08	
				96.67		96.76		96.88		96.98		97.08	
				96.67		96.76		96.88		96.98		97.08	
				96.67		96.76		96.88		96.98		97.08	
				96.67		96.76		96.88		96.98		97.08	
				96.67		96.76		96.88		96.98		97.08	
				96.67		96.76		96.88		96.98		97.08	
				96.67		96.76		96.88		96.98		97.08	
				96.67		96.76		96.88		96.98		97.08	
				96.67		96.76		96.88		96.98		97.08	
				96.67		96.76		96.88		96.98		97.08	
				96.67		96.76		96.88		96.98		97.08	
				96.67		96.76		96.88		96.98		97.08	
				96.67		96.76		96.88		96.98		97.08	
				96.67		96.76		96.88		96.98		97.08	
				96.67		96.76		96.88		96.98		97.08	
				96.67		96.76		96.88		96.98		97.08	
				96.67		96.76		96.88		96.98		97.08	
				96.67		96.76		96.88		96.98		97.08	
				96.67		96.76		96.88		96.98		97.08	
				96.67		96.76		96.88		96.98		97.08	

Cọc 79
Km 22 + 960.00

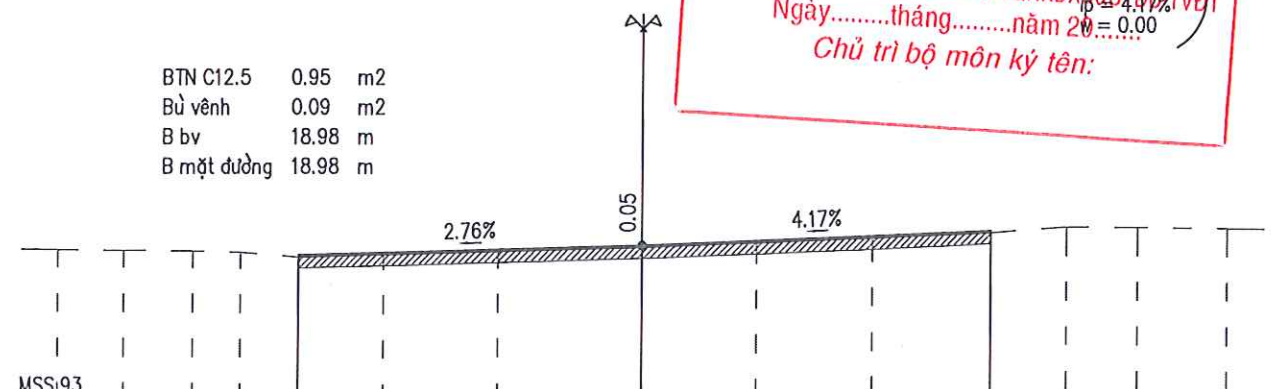
BTN C12.5 0.99 m2
Bù vênh 0.32 m2
B bv 16.66 m
B mặt đường 19.90 m



MSS 93																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																							
--------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Cọc P8
Km 22 + 979.79

BTN C12.5 0.95 m2
Bù vênh 0.09 m2
B bv 18.98 m
B mặt đường 18.98 m



MSS:93																
					96.84						97.15					
					96.89						97.50					
					0.00	9.43					9.55					0.00
97.05	97.02	97.00	96.97	96.84	96.90	96.99	97.10	97.22	97.35	97.50	97.66	97.65	97.62			
1.82	1.89	1.30	1.56	2.34	3.15	3.95	3.14	3.16	3.25	2.08	1.94	2.43				



R = 255.00
it = -2.16%
ip = 4.00%
w = 0.00

R = 255.00
it = -3.10%
ip = 3.19%
w = 0.00

R = 255.00
it = -2.76%
ip = 4.17%
w = 0.00

TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ TRỤ SỞ: TỔ 2, KHU PHỐ TIẾN THÀNH B, P. BÓNG XỎA, TỈNH ĐỒNG NAI	HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.750B ĐOẠN TỪ KM21+000 ĐẾN KM24+000 ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIỆN HƯNG, TỈNH ĐỒNG NAI	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	ĐỒNG NAI, THÁNG... NĂM 2028 CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ HA CÔNG ĐỊNH	BẢN VẼ THIẾT KẾ	
		CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. VÕ MINH TÂM			TRẮC NGANG THIẾT KẾ	
		THỰC HIỆN	KS. HÂN VĂN TỬ			TỶ LỆ:	BẢN VẼ SỐ:

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

TỶ LỆ 1:200

Cọc 80
Km 22 + 980.00

R = 255.00
it = -2.86%
ip = 4.08%
w = 0.00

BTN C12.5 0.95 m2
Bù vênh 0.14 m2
B bv 18.98 m
B mặt đường 18.98 m

MSS 93

Cao độ thiết kế	97.16													
Khoảng cách lề thiết kế	9.43													
Cao độ tự nhiên	97.05	96.99	96.97	96.84	96.90	96.99	97.11	97.22	97.35	97.43	97.50	97.66	97.65	97.62
Khoảng cách mìa	4.12	0.86	1.58	0.00	2.27	3.19	3.98	3.14	3.11	1.73	1.57	2.06	1.93	2.45

Cọc Km 23
Km 23 + 0.00

R = 255.00
it = -2.75%
ip = 3.62%
w = 0.00

BTN C12.5 0.93 m2
Bù vênh 0.23 m2
B bv 11.58 m
B mặt đường 18.61 m

MSS 93

Cao độ thiết kế	97.33													
Khoảng cách lề thiết kế	9.30													
Cao độ tự nhiên	97.02	97.27	97.15	96.98	97.04	97.17	97.28	97.39	97.49	97.59	97.66	97.59	97.53	97.50
Khoảng cách mìa	1.44	3.14	1.72	2.00	3.31	3.99	3.04	3.22	3.05	0.80	1.80	1.58	2.51	

Cọc 81
Km 23 + 20.00

R = 255.00
it = -3.70%
ip = 2.45%
w = 0.00

BTN C12.5 0.94 m2
Bù vênh 0.14 m2
B bv 15.93 m
B mặt đường 18.78 m

MSS 93

Cao độ thiết kế	97.54													
Khoảng cách lề thiết kế	9.54													
Cao độ tự nhiên	96.97	97.06	97.16	97.11	97.23	97.35	97.49	97.56	97.63	97.68	97.66	97.59	97.60	
Khoảng cách mìa	2.49	3.13	0.84	2.51	3.41	3.62	2.86	3.19	3.20	1.28	2.63	2.85		

Cọc TC8
Km 23 + 21.74

BTN C12.5 0.94 m2
Bù vênh 0.28 m2
B bv 18.85 m
B mặt đường 18.85 m

MSS 93

Cao độ thiết kế	97.55													
Khoảng cách lề thiết kế	9.55													
Cao độ tự nhiên	96.94	97.08	97.18	97.10	97.24	97.37	97.50	97.58	97.64	97.69	97.66	97.59	97.60	
Khoảng cách mìa	2.64	2.80	1.00	2.53	3.51	3.51	2.92	3.14	3.23	1.44	2.49	2.77		



TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ

TRỤ SỞ: TỔ 2, KHU PHỐ TIẾN THÁNH B, P. ĐỒNG XOÀI, TỈNH ĐỒNG NAI

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT
CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.759B ĐOẠN TỪ
KM21+000 ĐẾN KM24+000
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIỆN HƯNG, TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨC DANH

HỌ VÀ TÊN

CHỮ KÝ

ĐỒNG NAI, THÁNG 01, NĂM 2026

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

KS. VÕ MINH TÂM

THỰC HIỆN

KS. HÂN VĂN TỬ

KIỂM TRA

KS. VÕ MINH TÂM

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

TƯ VẤN XÂY DỰNG

TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ

BẢN VẼ THIẾT KẾ

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

TỶ LỆ:

BẢN VẼ SỐ:

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

TỶ LỆ 1:200

Cọc 82
Km 23 + 40.00

BTN C12.5 0.95 m²
Bù vênh 0.37 m²
B bv 12.74 m
B mặt đường 18.92 m

MSS 94

Cao độ thiết kế	97.36													
Khoảng cách lề thiết kế	9.32													
Cao độ tự nhiên	97.24	97.30	97.36	97.18	97.26	97.37	97.51	97.63	97.70	97.76	97.82	97.76	97.67	97.25
Khoảng cách mìa	1.11	2.87	1.85	0.86	2.52	3.27	3.53	2.65	3.51	3.44	1.11	1.90	1.63	1.76

Cọc D19
Km 23 + 48.51

BTN C12.5 0.95 m²
Bù vênh 0.24 m²
B bv 12.54 m
B mặt đường 19.01 m

MSS 94

Cao độ thiết kế	97.34													
Khoảng cách lề thiết kế	9.60													
Cao độ tự nhiên	97.58	97.61	97.66	97.34	97.43	97.56	97.68	97.73	97.79	97.84	97.80	97.67	97.46	97.46
Khoảng cách mìa	0.70	2.96	2.75	2.31	3.28	4.01	2.46	3.51	3.45	1.90	1.56	3.12		

Cọc 83
Km 23 + 60.00

BTN C12.5 0.95 m²
Bù vênh 0.09 m²
B bv 12.14 m
B mặt đường 19.08 m

MSS 94

Cao độ thiết kế	97.52													
Khoảng cách lề thiết kế	9.52													
Cao độ tự nhiên	98.04	98.07	97.47	97.51	97.62	97.74	97.78	97.83	97.86	97.85	97.66	97.60		
Khoảng cách mìa	2.73	3.74	2.05	3.29	4.18	2.68	3.51	3.37	2.20	2.87	1.37			

Cọc 84
Km 23 + 80.00

BTN C12.5 0.95 m²
Bù vênh 0.27 m²
B bv 15.78 m
B mặt đường 18.95 m

MSS 94

Cao độ thiết kế	97.94													
Khoảng cách lề thiết kế	9.48													
Cao độ tự nhiên	97.84	97.80	97.73	97.67	97.69	97.79	97.89	97.90	97.89	97.85	97.93	97.95	98.15	98.16
Khoảng cách mìa	2.10	3.54	0.88	2.17	3.32	3.99	3.17	3.43	2.87	0.81	2.03	2.97	0.72	



TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ

TRỤ SỞ: TỐ 2, KHU PHỐ TIẾN THÁNH B, P. BÌNH XÃ, TỈNH ĐỒNG NAI

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT
CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.759B ĐOẠN TỪ
KM21+000 ĐẾN KM24+000
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIỆN HƯNG, TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨC DANH

HỌ VÀ TÊN

CHỮ KÝ

ĐỒNG NAI, THÁNG NĂM 2026

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

KS. VÕ MINH TÂM

THỰC HIỆN

KS. HÀN VĂN TỬ

KIỂM TRA

KS. VÕ MINH TÂM

TNHH ĐƠN VỊ TƯ VẤN

TU VẤN XÂY DỰNG

AZ

XOÀI-T.BÌNH THƯỜNG

HÀ CÔNG ĐỊNH

BẢN VẼ THIẾT KẾ

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

TỶ LỆ:

BẢN VẼ SỐ:

TRẮC NGANG THIẾT KẾ
TỶ LỆ 1:200

Cọc H1
Km 23 + 100.00

BTN C12.5 0.94 m2
Bù vênh 0.33 m2
B bv 15.00 m
B mặt đường 18.81 m

MSS 94

Cao độ thiết kế	97.83 98.05 98.88													
Khoảng cách lề thiết kế	0.00 9.51 9.30 0.00													
Cao độ tự nhiên	97.84	97.97	97.93	97.78	97.86	97.95	98.00	97.98	97.97	97.90	97.95	98.05	98.11	98.02
Khoảng cách mìa	2.17	2.08	2.24	2.32	3.37	3.81	3.19	2.67	3.45	2.01	1.27	2.12	1.30	

Cọc 85
Km 23 + 120.00

BTN C12.5 0.95 m2
Bù vênh 0.28 m2
B bv 12.39 m
B mặt đường 18.90 m

MSS 94

Cao độ thiết kế	97.81 98.19 98.96													
Khoảng cách lề thiết kế	0.00 9.53 9.37 0.00													
Cao độ tự nhiên	97.98	98.06	98.09	97.91	98.00	98.07	98.14	98.10	98.06	97.91	97.98	98.06	98.02	
Khoảng cách mìa	2.72	3.12	0.63	2.66	3.28	3.60	2.91	2.59	3.87	0.00	1.91	1.78	2.95	

Cọc 86
Km 23 + 140.00

BTN C12.5 0.95 m2
Bù vênh 0.44 m2
B bv 12.06 m
B mặt đường 19.00 m

MSS 94

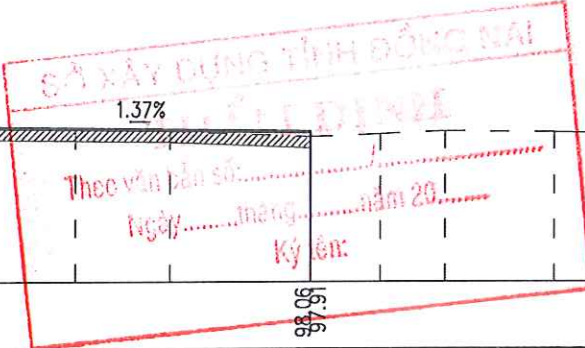
Cao độ thiết kế	98.09 98.32 98.25													
Khoảng cách lề thiết kế	0.00 9.54 9.45 0.00													
Cao độ tự nhiên	97.88	97.91	97.99	98.19	98.09	98.18	98.22	98.27	98.25	98.17	98.12	98.07	98.24	98.38
Khoảng cách mìa	0.96	2.21	1.51	1.78	2.56	2.75	4.24	2.70	3.11	3.65	0.97	1.72	2.06	1.80

Cọc 87
Km 23 + 160.00

BTN C12.5 0.95 m2
Bù vênh 0.15 m2
B bv 15.83 m
B mặt đường 19.04 m

MSS 95

Cao độ thiết kế	98.24 98.47 98.23													
Khoảng cách lề thiết kế	0.00 9.54 9.50 0.00													
Cao độ tự nhiên	98.30	98.27	98.25	98.24	98.24	98.33	98.42	98.34	98.26	98.11	98.23	98.59	98.61	
Khoảng cách mìa	0.85	2.51	2.20	0.45	2.16	3.75	3.63	3.21	3.02	3.28	1.16	3.31	1.58	0.45



TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ TRỤ SỞ: TỐ 2, KHU PHỐ TIẾN THÁNH B, P. ĐỒNG XÁI, TỈNH ĐỒNG NAI	HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.759B ĐOẠN TỪ KM21+000 ĐẾN KM24+000 ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIỆN HƯNG, TỈNH ĐỒNG NAI	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	ĐỒNG NAI, THÁNG ... NĂM 2026 TƯ VẤN XÂY DỰNG HA CÔNG ĐỊNH	BẢN VẼ THIẾT KẾ	
		CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. VÕ MINH TÂM			TRẮC NGANG THIẾT KẾ	
		THỰC HIỆN	KS. HÂN VĂN TỬ			TỶ LỆ:	BẢN VẼ SỐ:
		KIỂM TRA	KS. VÕ MINH TÂM				

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

TỶ LỆ 1:200

Cọc 88
Km 23+180.00

BTN C12.5 0.95 m2
Bù vênh 0.19 m2
B bv 12.43 m
B mặt đường 19.04 m

MSS 95

Cao độ thiết kế	98.55													
Khoảng cách lề thiết kế	9.50													
Cao độ tự nhiên	98.68	98.68	98.37	98.33	98.27	98.33	98.42	98.50	98.43	98.35	98.22	98.30	98.36	98.49
Khoảng cách mìa	1.65	2.41	1.27	1.14	2.61	3.48	3.41	3.19	3.12	3.22	2.99	1.99	1.48	

Cọc H2
Km 23+200.00

BTN C12.5 0.95 m2
Bù vênh 0.12 m2
B bv 8.84 m
B mặt đường 19.02 m

MSS 95

Cao độ thiết kế	98.71													
Khoảng cách lề thiết kế	9.46													
Cao độ tự nhiên	98.49	98.47	98.45	98.39	98.37	98.48	98.57	98.66	98.59	98.52	98.40	98.45	98.44	98.43
Khoảng cách mìa	2.57	2.81	0.58	0.57	2.32	3.58	3.57	3.03	3.00	3.53	2.67	2.00	1.78	

Cọc 89
Km 23+220.00

BTN C12.5 0.95 m2
Bù vênh 0.12 m2
B bv 12.64 m
B mặt đường 19.02 m

MSS 95

Cao độ thiết kế	98.84													
Khoảng cách lề thiết kế	9.46													
Cao độ tự nhiên	98.72	98.67	98.60	98.55	98.56	98.64	98.71	98.79	98.72	98.65	98.53	98.70	98.78	98.75
Khoảng cách mìa	1.84	2.26	1.76	0.68	2.19	3.65	3.62	3.10	3.28	3.17	1.38	1.27	1.87	1.94

Cọc 90
Km 23+240.00

BTN C12.5 0.95 m2
Bù vênh 0.19 m2
B bv 12.17 m
B mặt đường 19.05 m

MSS 95

Cao độ thiết kế	98.98													
Khoảng cách lề thiết kế	9.50													
Cao độ tự nhiên	98.67	98.67	98.87	98.83	98.68	98.79	98.86	98.93	98.85	98.78	98.64	98.63	98.82	98.85
Khoảng cách mìa	0.66	2.10	1.62	2.12	2.58	3.49	3.43	3.45	2.85	3.25	0.50	1.10	3.24	1.62



TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ

TRỤ SỞ: TỔ 2, KHU PHỐ TIẾN THÀNH B, P. BÔNG XỎI, TỈNH ĐỒNG NAI

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT
CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.759B ĐOẠN TỪ KM21+000 ĐẾN KM24+000
BỊA BIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIỆN HƯNG, TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨC DANH

HỌ VÀ TÊN

CHỮ KÝ

ĐỒNG NAI, THÁNG NĂM 2026

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

KS. VÕ MINH TÂM

THỰC HIỆN

KS. HÀN VĂN TỬ

KIỂM TRA

KS. VÕ MINH TÂM

TƯ VẤN XÂY DỰNG

AZ

TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ

HÀ CÔNG ĐỊNH

BẢN VẼ THIẾT KẾ

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

TỶ LỆ:

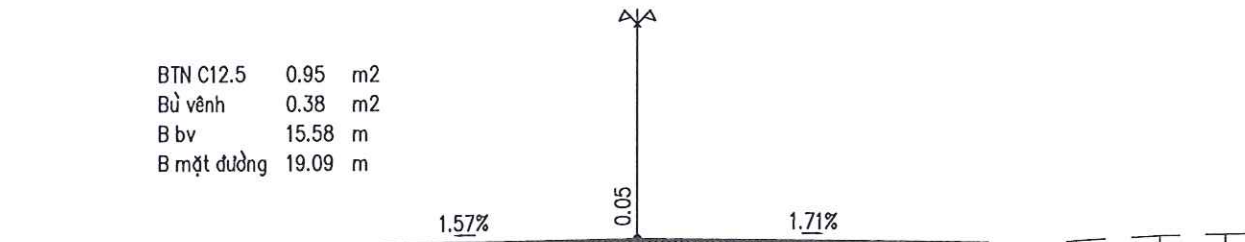
BẢN VẼ SỐ:

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

TỶ LỆ 1:200

Cọc 91
Km 23 + 260.00

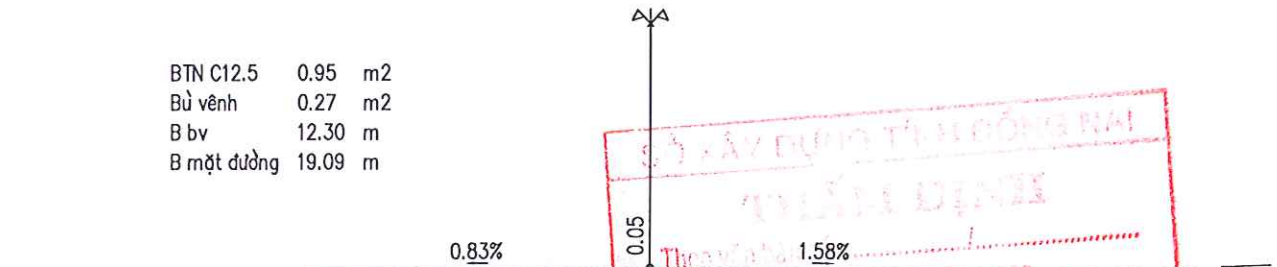
BTN C12.5 0.95 m2
Bù vênh 0.38 m2
B bv 15.58 m
B mặt đường 19.09 m



MSS 95														
Cao độ thiết kế				99.04				99.19					99.03	
Khoảng cách lề thiết kế				0.00		9.54		9.55				0.00		
Cao độ tự nhiên	99.02	99.10	99.05	99.01	99.06	99.03	99.08	99.14	99.08	99.07	99.08	99.06	99.18	99.21
Khoảng cách mìa	1.46	2.29	1.98	0.74	2.51	3.61	3.42	3.51	2.97	3.07	1.17	1.25	2.27	1.77

Cọc 92
Km 23 + 280.00

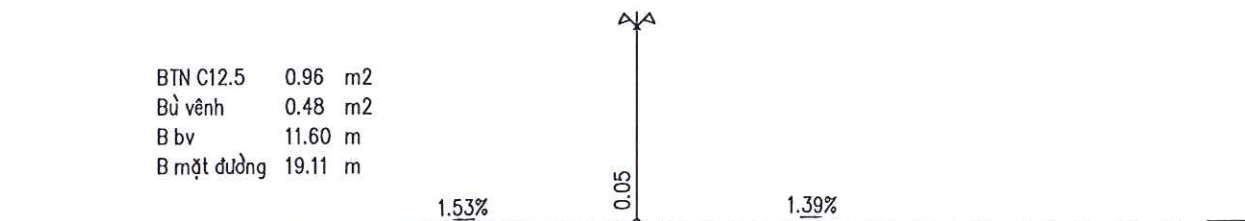
BTN C12.5 0.95 m2
Bù vênh 0.27 m2
B bv 12.30 m
B mặt đường 19.09 m



MSS 96														
Cao độ thiết kế				99.18				99.38					99.10	
Khoảng cách lề thiết kế				0.00		9.54		9.55				0.00		
Cao độ tự nhiên	99.25	99.19	99.19	99.19	99.27	99.30	99.33	99.28	99.21	99.10	99.11	99.25	99.36	99.40
Khoảng cách mìa	2.82	1.81	1.83	2.40	3.51	3.63	3.16	3.04	3.36	0.48	1.64	2.94	1.39	

Cọc H3
Km 23 + 300.00

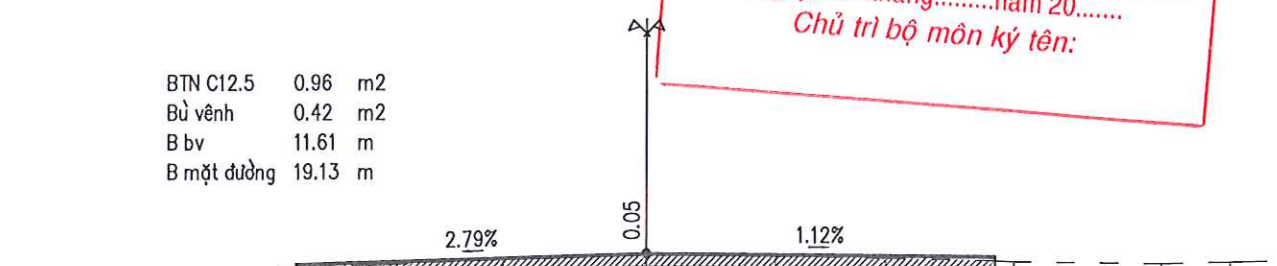
BTN C12.5 0.96 m2
Bù vênh 0.48 m2
B bv 11.60 m
B mặt đường 19.11 m



MSS 95														
Cao độ thiết kế				99.38				99.69					99.42	
Khoảng cách lề thiết kế				0.00		9.55		9.56				0.00		
Cao độ tự nhiên	98.86	99.15	99.37	99.38	99.45	99.58	99.64	99.59	99.53	99.42	99.44	99.59	99.65	
Khoảng cách mìa	3.39	2.40	0.66	1.93	3.70	3.92	3.59	3.20	2.76	0.58	0.74	5.12		

Cọc 93
Km 23 + 320.00

BTN C12.5 0.96 m2
Bù vênh 0.42 m2
B bv 11.61 m
B mặt đường 19.13 m



MSS 96														
Cao độ thiết kế				99.68				100.07					99.84	
Khoảng cách lề thiết kế				0.00		9.57		9.56				0.00		
Cao độ tự nhiên	99.32	99.39	99.50	99.68	99.78	99.91	100.02	99.98	99.91	99.84	99.81	99.75	99.80	
Khoảng cách mìa	1.48	2.32	2.63	2.39	3.25	3.94	3.58	3.00	2.98	0.53	4.04	1.87		



TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ

TRỤ SỞ: SỐ 2, KHU PHỐ TIẾN THÀNH B, P. ĐỒNG XÁ, TỈNH ĐỒNG NAI

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT
CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.759B ĐOẠN TỪ
KM21+000 ĐẾN KM24+000
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIỆN HƯNG, TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨC DANH

HỌ VÀ TÊN

CHỮ KÝ

ĐỒNG NAI, THÁNG NĂM 2026

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

KS. VÕ MINH TÂM

THỰC HIỆN

KS. HÂN VĂN TỬ

KIỂM TRA

KS. VÕ MINH TÂM

CHỮ KÝ

ĐỒNG NAI, THÁNG NĂM 2026

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

KS. VÕ MINH TÂM

THỰC HIỆN

KS. HÂN VĂN TỬ

KIỂM TRA

KS. VÕ MINH TÂM

BẢN VẼ THIẾT KẾ

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

TỶ LỆ:

BẢN VẼ SỐ:

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

TỶ LỆ 1:200

Cọc 94
Km 23+340.00

BTN C12.5 0.95 m2
Bù vênh 0.36 m2
B bv 11.87 m
B mặt đường 18.97 m

MSS 97

Cao độ thiết kế	100.50													
Khoảng cách lề thiết kế	9.46													
Cao độ tự nhiên	100.31	100.34	100.30	100.18	100.30	100.37	100.45	100.38	100.29	100.16	100.39	100.59	100.64	100.75
Khoảng cách mìa	3.73	1.45	1.35	0.00	2.97	2.79	3.71	3.40	2.95	3.17	0.00	2.41	2.27	1.80

Cọc 95
Km 23+360.00

BTN C12.5 0.94 m2
Bù vênh 0.47 m2
B bv 11.97 m
B mặt đường 18.80 m

MSS 97

Cao độ thiết kế	100.85													
Khoảng cách lề thiết kế	9.33													
Cao độ tự nhiên	100.70	100.67	100.62	100.64	100.76	100.80	100.75	100.69	100.58	100.60	100.60	100.66	100.75	100.75
Khoảng cách mìa	3.37	3.29	2.34	3.37	3.62	3.21	3.17	3.09	1.03	2.13	2.14	1.23	1.23	1.23

Cọc 96
Km 23+380.00

BTN C12.5 0.94 m2
Bù vênh 0.32 m2
B bv 12.27 m
B mặt đường 18.83 m

MSS 97

Cao độ thiết kế	101.22													
Khoảng cách lề thiết kế	9.40													
Cao độ tự nhiên	101.05	101.02	101.01	101.00	100.88	100.96	101.09	101.17	101.12	101.05	100.98	101.17	101.29	101.40
Khoảng cách mìa	1.76	2.12	1.60	1.11	2.16	3.66	3.59	2.96	3.30	3.16	1.46	2.10	1.95	1.07

Cọc H4
Km 23+400.00

BTN C12.5 0.94 m2
Bù vênh 0.20 m2
B bv 11.95 m
B mặt đường 18.86 m

MSS 98

Cao độ thiết kế	101.51													
Khoảng cách lề thiết kế	9.48													
Cao độ tự nhiên	101.39	101.30	101.21	101.29	101.38	101.46	101.42	101.37	101.31	101.57	101.71	101.71	101.71	101.71
Khoảng cách mìa	3.64	2.53	2.68	3.19	3.60	3.31	3.13	2.94	4.02	2.60	2.60	2.60	2.60	2.60

SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ
THẨM TRA
Theo văn bản số:...../TTQH&XD&BT&B-TV&DT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ

TRụ sở: TỐ 2, KHU PHỐ TIẾN THÀNH B, P. BÔNG XỎI, TỈNH ĐỒNG NAI

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT
CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.759B ĐOẠN TỪ KM21+000 ĐẾN KM24+000
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIỆN HƯNG, TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨC DANH

HỌ VÀ TÊN

CHỮ KÝ

ĐỒNG NAI, THÁNG..... NĂM 2026

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

KS. VÕ MINH TÂM

THỰC HIỆN

KS. HÂN VĂN TỬ

KIỂM TRA

KS. VÕ MINH TÂM

CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG

TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ

HÀ CÔNG ĐỊNH

BẢN VẼ THIẾT KẾ

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

TỶ LỆ:

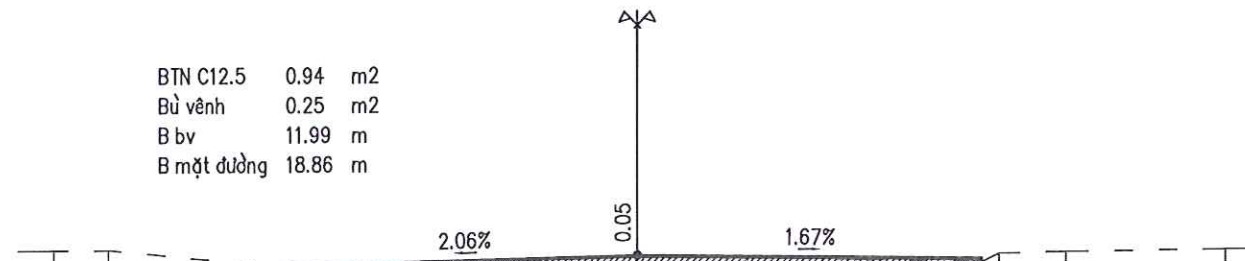
BẢN VẼ SỐ:

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

TỶ LỆ 1:200

Cọc 97
Km 23 + 420.00

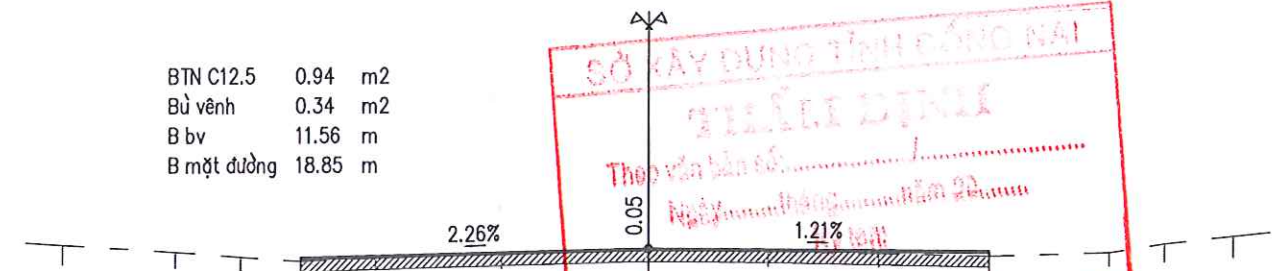
BTN C12.5 0.94 m2
Bù vênh 0.25 m2
B bv 11.99 m
B mặt đường 18.86 m



Cao độ thiết kế	101.58	101.78	101.52
Khoảng cách lề thiết kế	9.50	9.36	0.00
Cao độ tự nhiên	102.01	101.49	101.52
Khoảng cách mìa	1.50	5.00	1.83

Cọc 98
Km 23 + 440.00

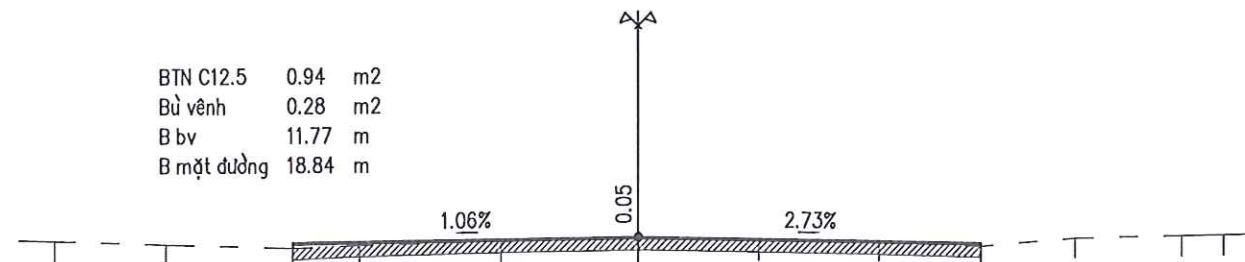
BTN C12.5 0.94 m2
Bù vênh 0.34 m2
B bv 11.56 m
B mặt đường 18.85 m



Cao độ thiết kế	101.69	102.00	101.69
Khoảng cách lề thiết kế	9.49	9.36	0.00
Cao độ tự nhiên	102.16	101.95	101.83
Khoảng cách mìa	3.06	1.80	1.86

Cọc 99
Km 23 + 460.00

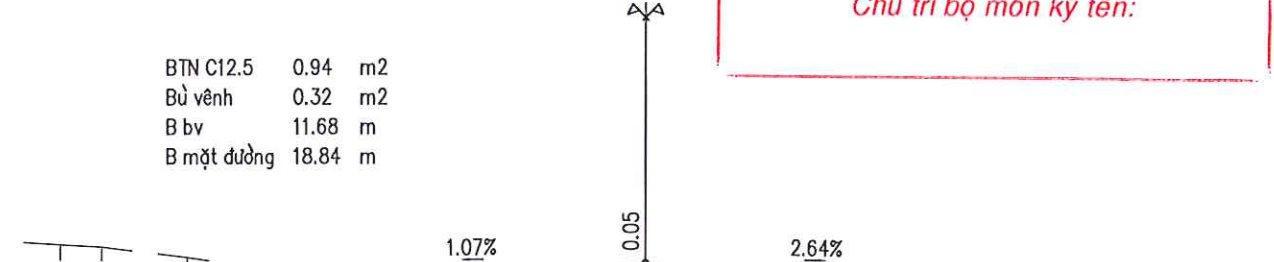
BTN C12.5 0.94 m2
Bù vênh 0.28 m2
B bv 11.77 m
B mặt đường 18.84 m



Cao độ thiết kế	102.28	102.30	102.23
Khoảng cách lề thiết kế	9.48	9.36	0.00
Cao độ tự nhiên	102.28	102.17	102.23
Khoảng cách mìa	3.04	3.48	1.15

Cọc D20
Km 23 + 462.85

BTN C12.5 0.94 m2
Bù vênh 0.32 m2
B bv 11.68 m
B mặt đường 18.84 m



Cao độ thiết kế	102.09	102.34	102.08
Khoảng cách lề thiết kế	9.48	9.36	0.00
Cao độ tự nhiên	102.93	102.86	102.23
Khoảng cách mìa	1.13	2.33	1.09

SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ
THẨM TRA
Theo văn bản số:/TTQHKĐXD&BTĐB-TVĐT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO
TRÌ ĐƯỜNG BỘ

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ
TRỤ SỞ: TỐ 2, KHU PHỐ TIẾN THÁNH B, P. ĐỒNG
XOÀI, TỈNH ĐỒNG NAI

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT
CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.759B ĐOẠN TỪ
KM21+000 ĐẾN KM24+000
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIỆN HƯNG, TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨC DANH
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ
THỰC HIỆN
KIỂM TRA

HỌ VÀ TÊN
KS. VÕ MINH TÂM
KS. HÂN VĂN TỬ
KS. VÕ MINH TÂM

CHỮ KÝ
[Signature]
[Signature]
[Signature]

ĐỒNG NAI, THÁNG NĂM 2026
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG
AZ
HÀ CÔNG ĐỊNH

BẢN VẼ THIẾT KẾ

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

TỶ LỆ:

BẢN VẼ SỐ:

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

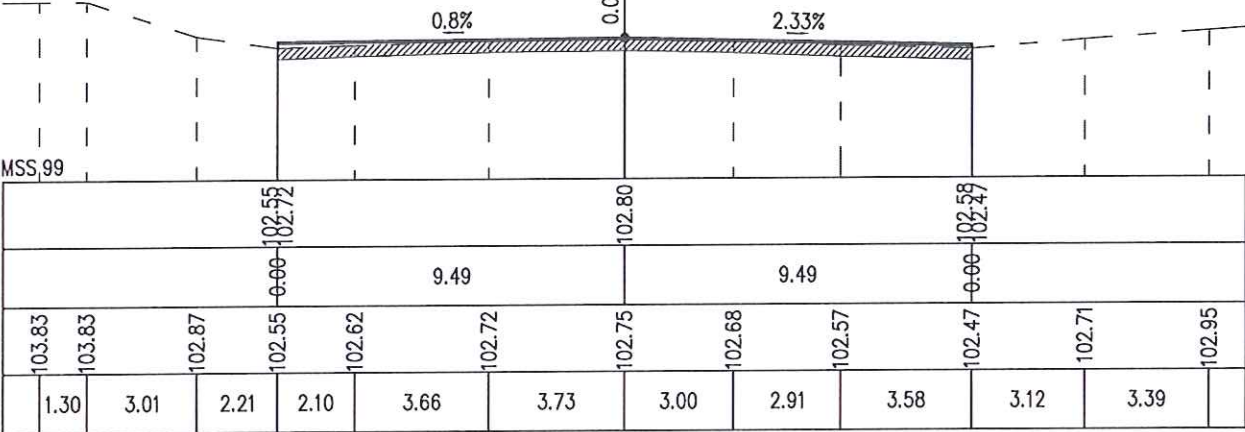
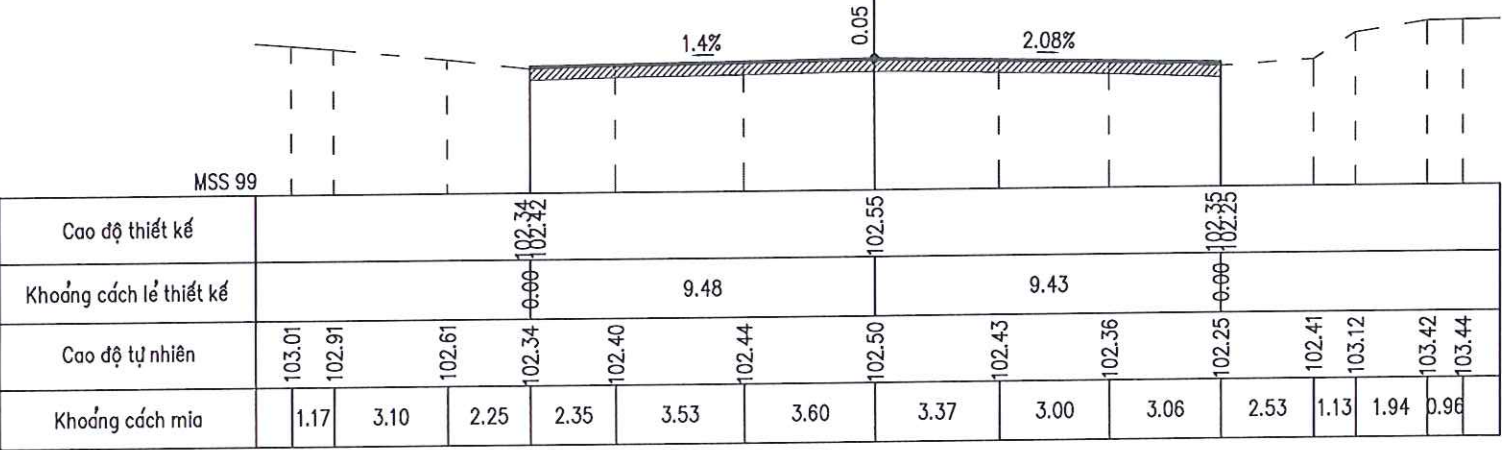
TỶ LỆ 1:200

Cọc 100
Km 23 + 480.00

BTN C12.5 0.95 m2
Bù vênh 0.16 m2
B bv 15.54 m
B mặt đường 18.91 m

Cọc H5
Km 23' + 500.00

BTN C12.5 0.95 m2
Bù vênh 0.57 m2
B bv 12.26 m
B mặt đường 18.98 m

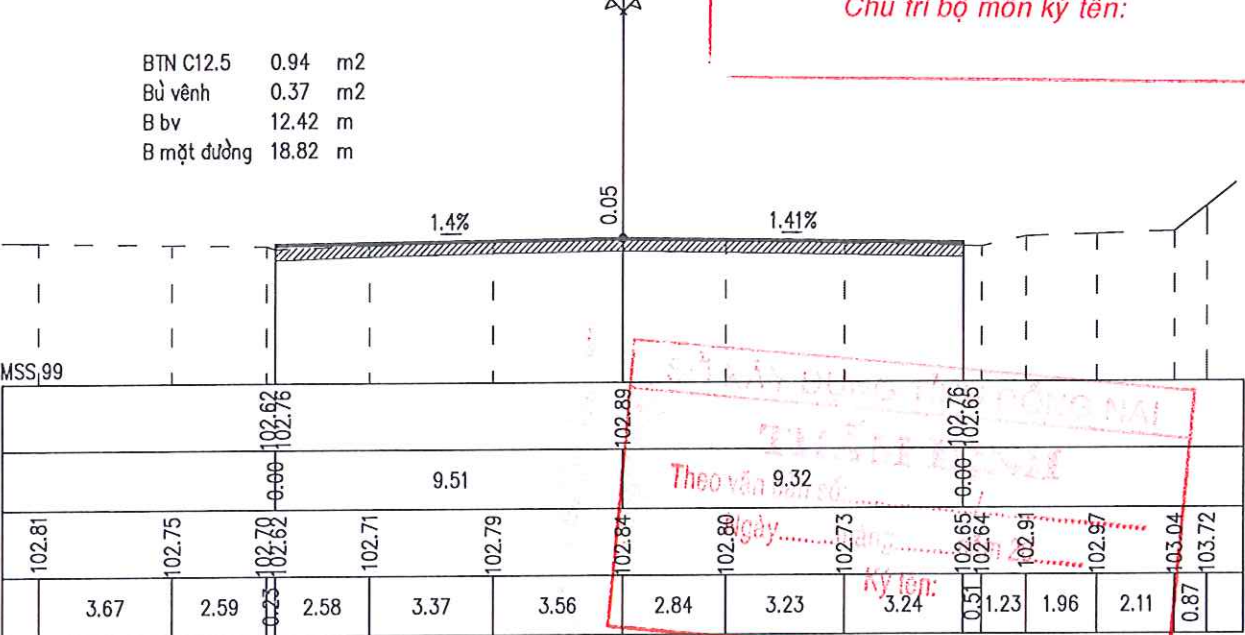
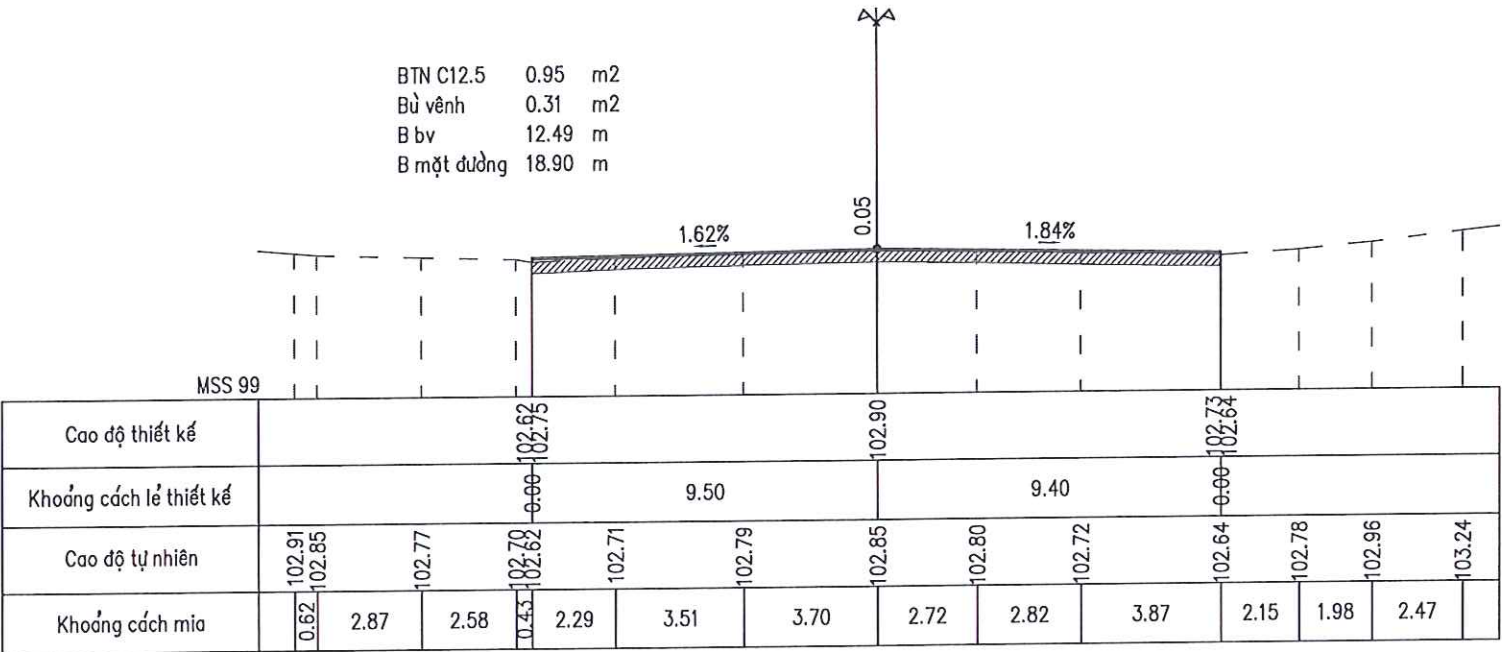


Cọc 101
Km 23 + 520.00

BTN C12.5 0.95 m2
Bù vênh 0.31 m2
B bv 12.49 m
B mặt đường 18.90 m

Cọc 102
Km 23 + 540.00

BTN C12.5 0.94 m2
Bù vênh 0.37 m2
B bv 12.42 m
B mặt đường 18.82 m



SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ

THẨM TRA

Theo văn bản số:...../TTQHKĐXD&BTĐB-TVĐT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

Theo văn bản số:.....
Ngày.....
Ký tên:

ĐỒNG NAI, THÁNG.....NĂM 2026
TƯ VẤN XÂY DỰNG
HÀ CÔNG ĐỊNH

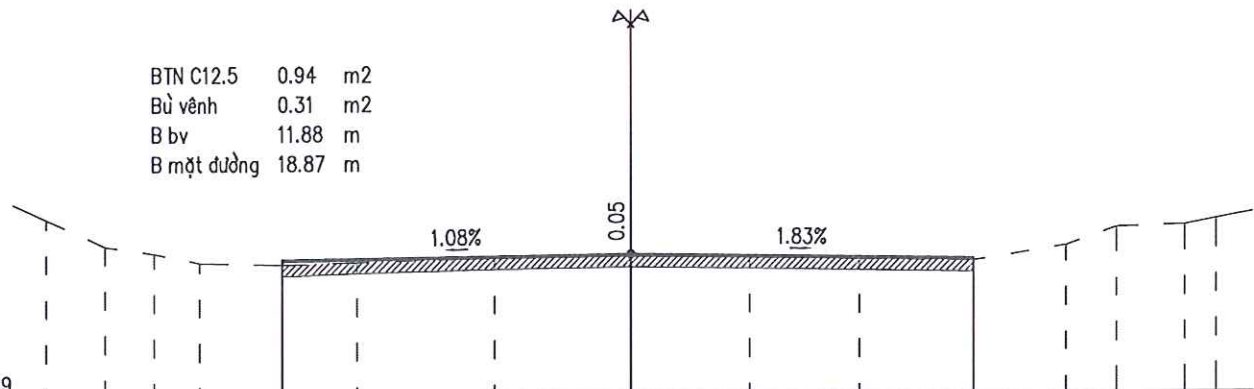
TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ	CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ TRỤ SỞ: TÙ 2, KHU PHỐ TIẾN THÁNH B, P. ĐỒNG XOÀI, TỈNH ĐỒNG NAI	HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.759B ĐOẠN TỪ KM21+000 ĐẾN KM24+000 ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIỆN HƯNG, TỈNH ĐỒNG NAI	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	BẢN VẼ THIẾT KẾ
			CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. VÕ MINH TÂM		
			THỰC HIỆN	KS. HÀN VĂN TỬ		
			KIỂM TRA	KS. VÕ MINH TÂM		TRẮC NGANG THIẾT KẾ
						TỶ LỆ: BẢN VẼ SỐ:

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

TỶ LỆ 1:200

Cọc 103
Km 23 + 560.00

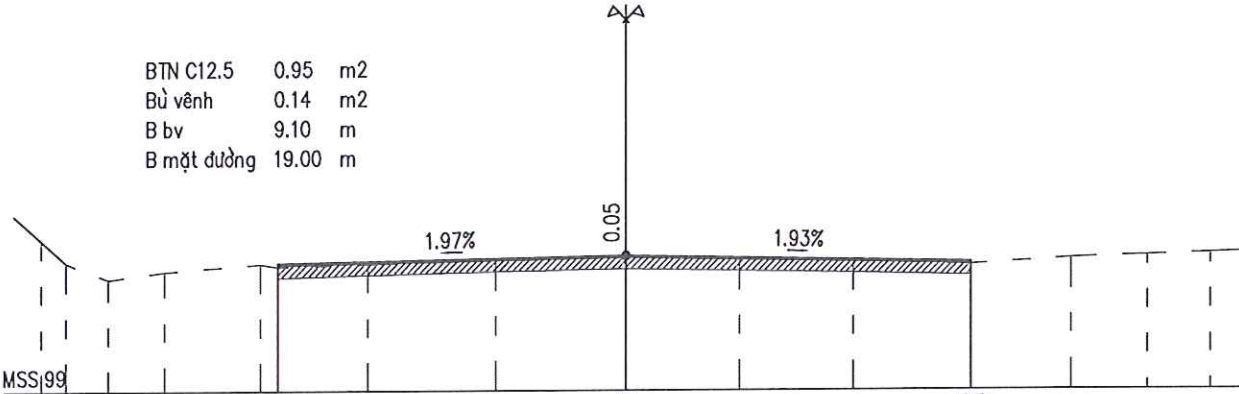
BTN C12.5 0.94 m2
Bù vênh 0.31 m2
B bv 11.88 m
B mặt đường 18.87 m



Cao độ thiết kế	102.56													
Khoảng cách lề thiết kế	9.52													
Cao độ tự nhiên	103.81	103.07	102.87	102.62	102.56	102.62	102.71	102.75	102.69	102.62	102.56	102.96	103.45	103.51
Khoảng cách mìa	1.61	1.35	1.25	2.28	2.05	3.75	3.72	3.28	2.97	3.11	2.53	1.38	1.88	0.85

Cọc 104
Km 23 + 580.00

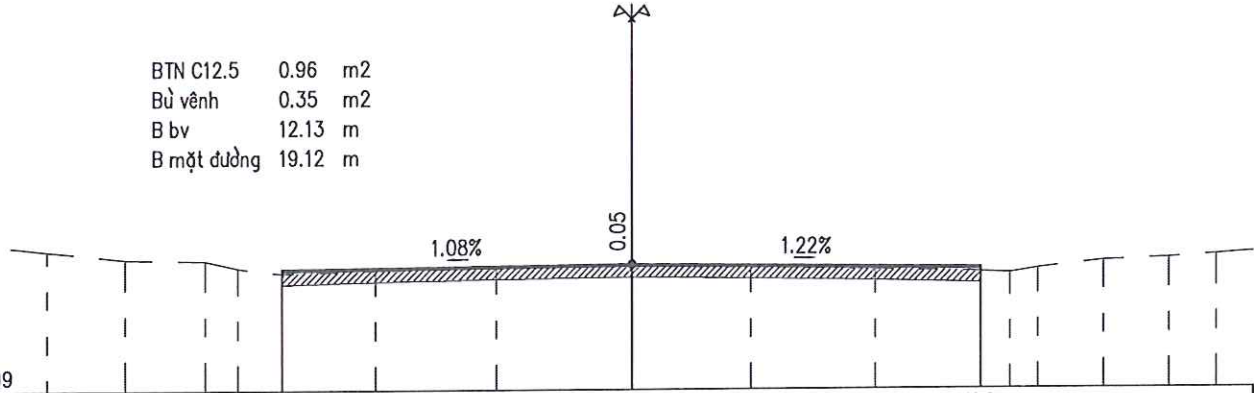
BTN C12.5 0.95 m2
Bù vênh 0.14 m2
B bv 9.10 m
B mặt đường 19.00 m



Cao độ thiết kế	102.35													
Khoảng cách lề thiết kế	9.54													
Cao độ tự nhiên	103.07	102.47	102.02	102.23	102.43	102.35	102.42	102.51	102.58	102.52	102.46	102.38	102.54	102.61
Khoảng cách mìa	0.68	1.16	1.54	2.60	0.48	2.49	3.51	3.55	3.10	3.14	3.22	2.76	2.07	1.71

Cọc H6
Km 23 + 600.00

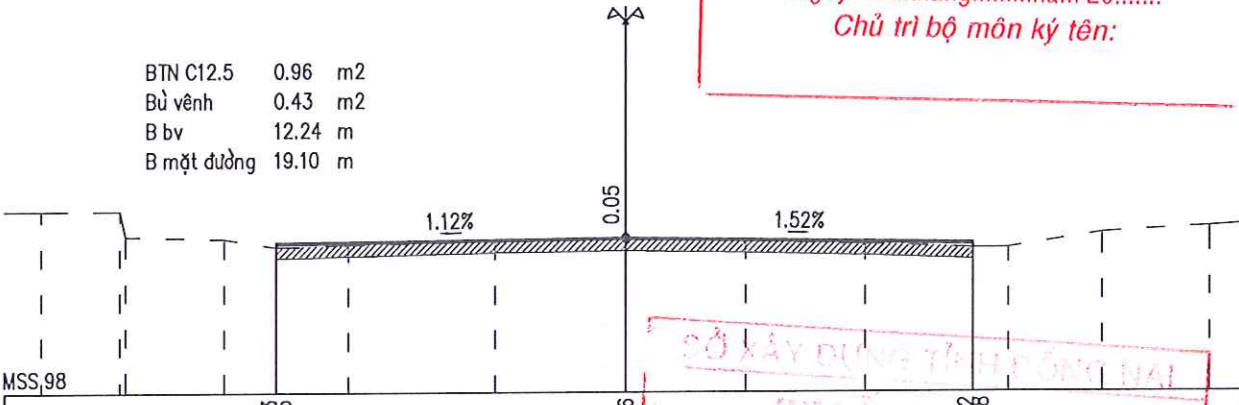
BTN C12.5 0.96 m2
Bù vênh 0.35 m2
B bv 12.13 m
B mặt đường 19.12 m



Cao độ thiết kế	102.16													
Khoảng cách lề thiết kế	9.56													
Cao độ tự nhiên	102.78	102.55	102.51	102.31	102.16	102.23	102.29	102.33	102.29	102.22	102.15	102.11	102.23	102.43
Khoảng cách mìa	2.11	2.21	0.90	1.22	0.00	2.56	3.30	3.70	3.29	3.38	2.89	0.79	0.77	1.79

Cọc 105
Km 23 + 620.00

BTN C12.5 0.96 m2
Bù vênh 0.43 m2
B bv 12.24 m
B mặt đường 19.10 m



Cao độ thiết kế	101.83													
Khoảng cách lề thiết kế	9.58													
Cao độ tự nhiên	102.92	102.93	102.16	101.93	101.83	101.98	102.07	102.11	102.06	101.98	101.88	101.88	102.28	102.46
Khoảng cách mìa	2.16	2.69	1.41	1.99	4.02	3.57	3.29	3.29	2.94	0.97	2.58	2.93		

SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ
THẨM TRA
Theo văn bản số:...../TTQHKĐXD&BTĐB-TVĐT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

SỞ XÂY DỰNG TP. HỒ CHÍ MINH
THẨM TRA
Theo văn bản số:...../TTQHKĐXD&BTĐB-TVĐT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ
TRỤ SỞ: TỐ 2, KHU PHỐ TIẾN THẠNH B, P. BẾN XÀ, TỈNH ĐỒNG NAI

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT
CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.759B ĐOẠN TỪ KM21+000 ĐẾN KM24+000
BỊA BIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIỆN HƯNG, TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. VÕ MINH TÂM	
THỰC HIỆN	KS. HÂN VĂN TỬ	
KIỂM TRA	KS. VÕ MINH TÂM	

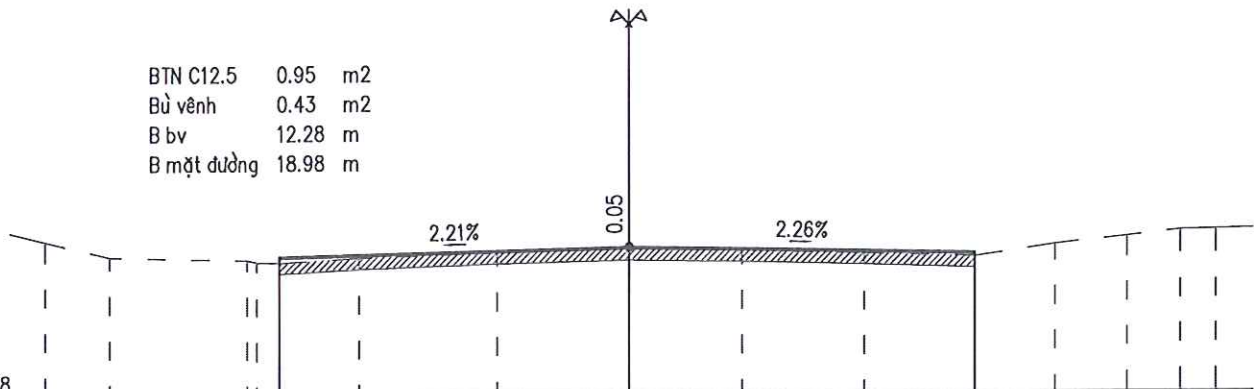
ĐỒNG NAI, THÁNG..... NĂM 2026
TƯ VẤN XÂY DỰNG
AZ
ĐỒNG XÃI - ĐỒNG PHƯỚC

BẢN VẼ THIẾT KẾ
TRẮC NGANG THIẾT KẾ
TỶ LỆ:
BẢN VẼ SỐ:

TRẮC NGANG THIẾT KẾ
TỶ LỆ 1:200

Cọc 106
Km 23 + 640.00

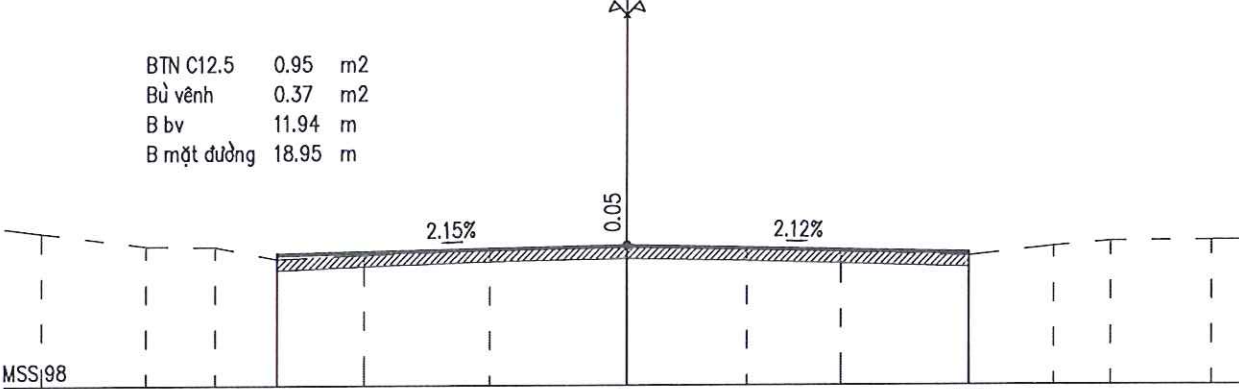
BTN C12.5 0.95 m2
Bù vênh 0.43 m2
B bv 12.28 m
B mặt đường 18.98 m



Cao độ thiết kế	102.20	101.77	101.68	101.60	101.72	101.85	101.93	101.86	101.76	101.66	101.98	102.19	102.35	102.37
Khoảng cách lề thiết kế			0.00	0.00	9.59			9.40		0.00				
Cao độ tự nhiên	102.20	101.77	101.68	101.60	101.72	101.85	101.93	101.86	101.76	101.66	101.98	102.19	102.35	102.37
Khoảng cách mìa	1.78	3.76	0.21	0.21	2.20	3.78	3.61	3.09	3.32	2.99	2.21	1.97	1.45	0.97

Cọc 107
Km 23 + 660.00

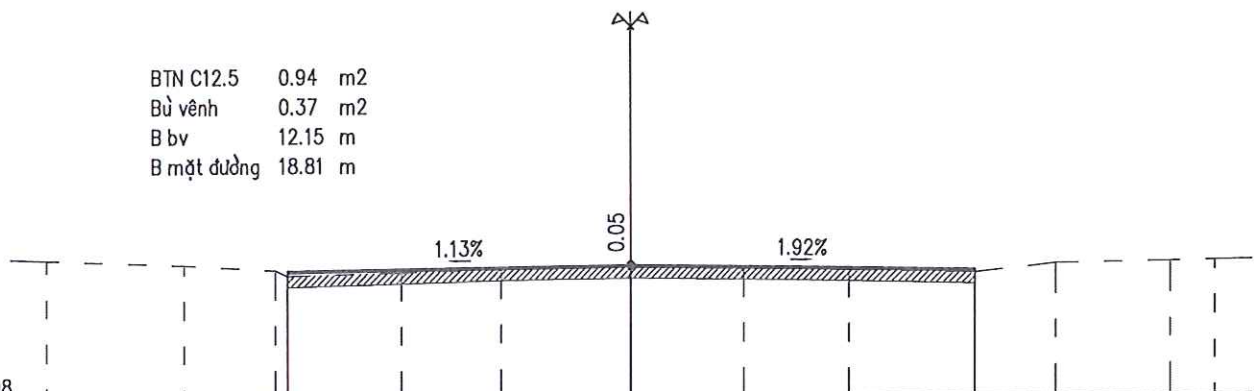
BTN C12.5 0.95 m2
Bù vênh 0.37 m2
B bv 11.94 m
B mặt đường 18.95 m



Cao độ thiết kế	102.13	101.77	101.75	101.42	101.52	101.64	101.72	101.65	101.58	101.48	101.73	101.86	101.89
Khoảng cách lề thiết kế				0.00	9.56			9.39		0.00			
Cao độ tự nhiên	102.13	101.77	101.75	101.42	101.52	101.64	101.72	101.65	101.58	101.48	101.73	101.86	101.89
Khoảng cách mìa	2.85	1.91	1.68	2.39	3.46	3.72	3.30	2.58	3.51	0.00	2.30	1.56	2.75

Cọc 108
Km 23 + 680.00

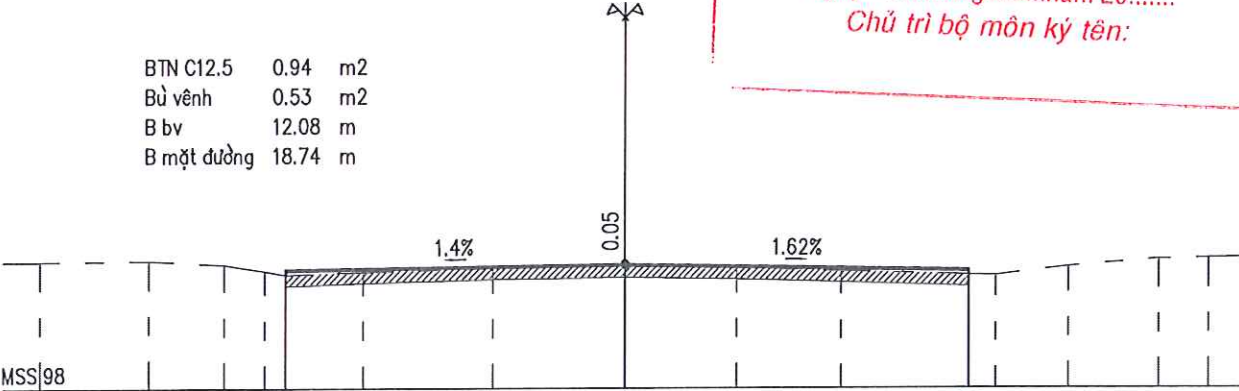
BTN C12.5 0.94 m2
Bù vênh 0.37 m2
B bv 12.15 m
B mặt đường 18.81 m



Cao độ thiết kế	101.77	101.62	101.45	101.32	101.39	101.47	101.51	101.45	101.38	101.30	101.53	101.58	101.60
Khoảng cách lề thiết kế			0.00	0.00	9.40			9.41		0.00			
Cao độ tự nhiên	101.77	101.62	101.45	101.32	101.39	101.47	101.51	101.45	101.38	101.30	101.53	101.58	101.60
Khoảng cách mìa	3.77	2.50	0.34	0.34	3.13	2.73	3.54	3.12	2.87	3.42	2.23	3.15	1.22

Cọc H7
Km 23 + 700.00

BTN C12.5 0.94 m2
Bù vênh 0.53 m2
B bv 12.08 m
B mặt đường 18.74 m



Cao độ thiết kế	101.43	101.46	101.34	101.17	101.06	101.14	101.24	101.29	101.24	101.15	101.05	101.03	101.27	101.47	101.50
Khoảng cách lề thiết kế				0.00	9.29			9.45		0.00					
Cao độ tự nhiên	101.43	101.46	101.34	101.17	101.06	101.14	101.24	101.29	101.24	101.15	101.05	101.03	101.27	101.47	101.50
Khoảng cách mìa	2.97	2.07	1.11	0.36	0.36	2.13	3.58	3.58	2.86	3.51	0.73	1.99	2.46	1.36	

SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ
THẨM TRA
Theo văn bản số:...../TTQH&XD&BTĐB-TVĐT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ
TRỤ SỞ: TỐ 2, KHU PHỐ TIẾN THÁNH B, P. BÔNG XÀI, TỈNH BẾN LÊ

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT
CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.759B ĐOẠN TỪ KM21+000 ĐẾN KM24+000
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIỆN HƯNG, TỈNH BẾN LÊ

CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. VÕ MINH TÂM	
THỰC HIỆN	KS. HÂN VĂN TỬ	
KIỂM TRA	KS. VÕ MINH TÂM	

ĐỒNG NAI, THÁNG..... NĂM 2026
ĐƠN VỊ TƯ VẤN
TƯ VẤN XÂY DỰNG
AZ
HÀ CÔNG ĐỊNH

BẢN VẼ THIẾT KẾ
TRẮC NGANG THIẾT KẾ
TỶ LỆ:
BẢN VẼ SỐ:

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

TỶ LỆ 1:200

Cọc 109
Km 23 + 720.00

BTN C12.5 0.94 m2
Bù vênh 0.36 m2
B bv 12.23 m
B mặt đường 18.84 m

MSS 97

Cao độ thiết kế	101.05													
Khoảng cách lề thiết kế	9.36													
Cao độ tự nhiên	101.43	101.43	100.96	100.93	100.76	100.83	100.94	101.00	100.94	100.85	100.79	100.89	100.92	100.96
Khoảng cách mìa	1.74	1.72	1.79	1.19	2.13	3.62	3.60	3.01	3.02	3.45	0.97	2.14	3.40	

Cọc 110
Km 23 + 740.00

BTN C12.5 0.95 m2
Bù vênh 0.17 m2
B bv 9.10 m
B mặt đường 18.91 m

MSS 97

Cao độ thiết kế	100.64													
Khoảng cách lề thiết kế	9.44													
Cao độ tự nhiên	100.84	100.89	100.77	100.58	100.39	100.47	100.54	100.59	100.53	100.48	100.41	100.52	100.55	100.64
Khoảng cách mìa	1.51	3.53	0.90	0.61	2.47	3.42	3.56	3.38	2.87	3.22	1.71	2.48	2.07	

Cọc 111
Km 23 + 760.00

BTN C12.5 0.96 m2
Bù vênh 0.35 m2
B bv 12.66 m
B mặt đường 19.15 m

MSS 96

Cao độ thiết kế	100.29													
Khoảng cách lề thiết kế	9.63													
Cao độ tự nhiên	100.58	100.38	100.29	100.22	100.09	100.09	100.21	100.24	100.19	100.14	100.06	100.08	99.95	99.94
Khoảng cách mìa	2.17	1.89	1.09	1.21	1.93	4.00	3.70	2.78	2.64	4.09	1.77	4.18	0.53	

Cọc 112
Km 23 + 780.00

BTN C12.5 0.96 m2
Bù vênh 0.60 m2
B bv 12.31 m
B mặt đường 19.25 m

MSS 96

Cao độ thiết kế	99.95													
Khoảng cách lề thiết kế	9.82													
Cao độ tự nhiên	99.98	99.87	99.75	99.68	99.75	99.86	99.90	99.90	99.84	99.74	99.64	99.60	99.61	
Khoảng cách mìa	3.23	2.66	2.19	4.13	3.50	3.44	2.96	3.02	3.31	3.27				

SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ

THẨM TRA

Theo văn bản số:/TTQHKĐXD&BTĐB-TVĐT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO
TRÌ ĐƯỜNG BỘ

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ

TRỤ SỞ: TỔ 2, KHU PHỐ TIẾN THÀNH B, P. ĐỒNG
XOÀI, TỈNH ĐỒNG NAI

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT
CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.759B ĐOẠN TỪ
KM21+000 ĐẾN KM24+000
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIỆN HƯNG, TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨC DANH

HỌ VÀ TÊN

CHỮ KÝ

ĐỒNG NAI, THÁNG NĂM 2026

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

KS. VÕ MINH TÂM

THỰC HIỆN

KS. HÀN VĂN TỬ

KIỂM TRA

KS. VÕ MINH TÂM

TƯ VẤN XÂY DỰNG

AZ

ĐOÀN T. BÌNH THƯỜNG

HA CÔNG ĐỊNH

BẢN VẼ THIẾT KẾ

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

TỶ LỆ:

BẢN VẼ SỐ:

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

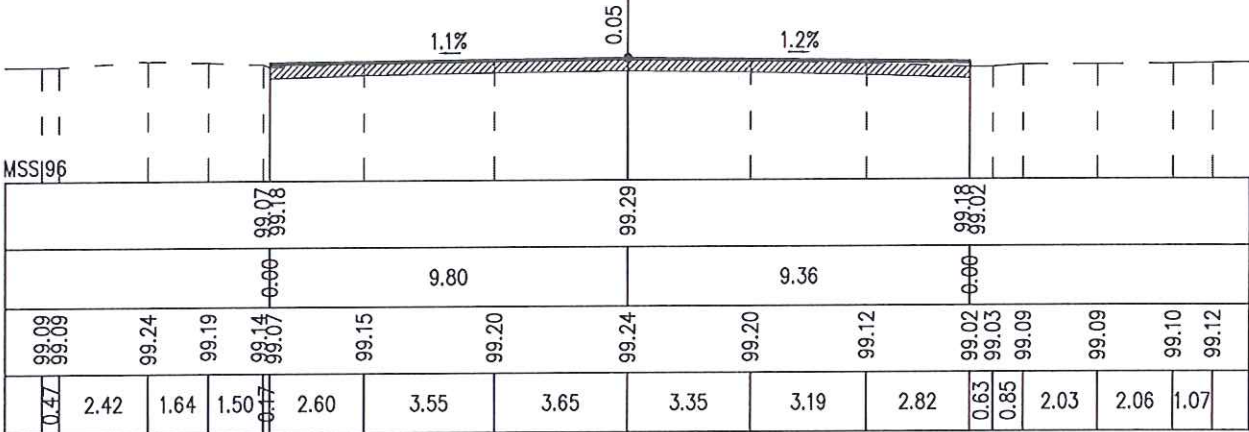
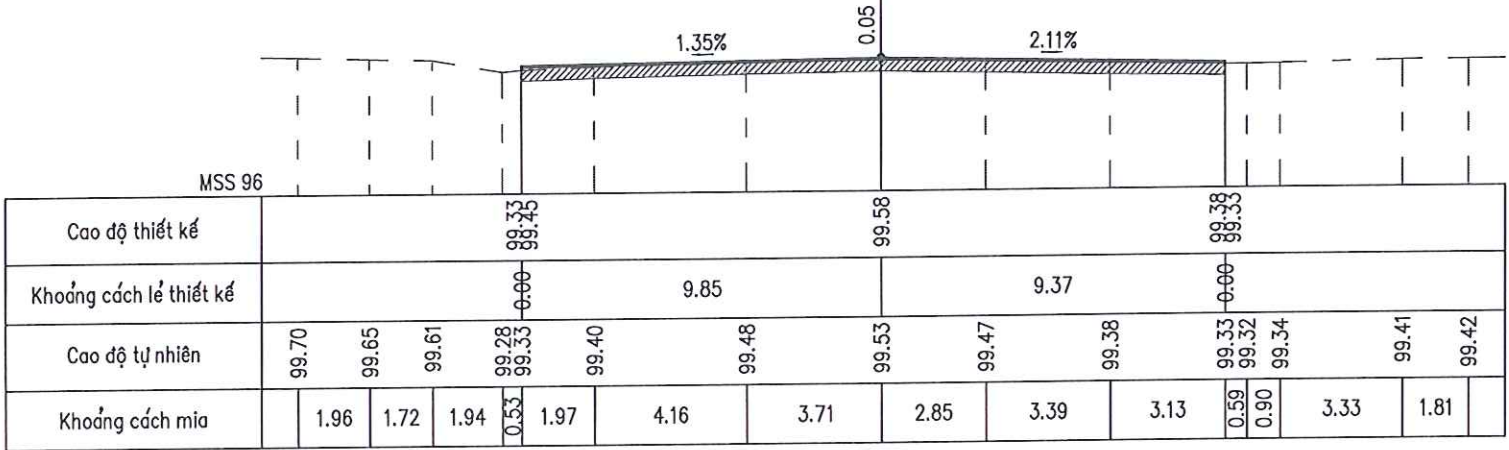
TỶ LỆ 1:200

Cọc H8
Km 23 + 800.00

BTN C12.5 0.96 m2
Bù vênh 0.20 m2
B bv 12.66 m
B mặt đường 19.21 m

Cọc 113
Km 23 + 820.00

BTN C12.5 0.96 m2
Bù vênh 0.39 m2
B bv 12.16 m
B mặt đường 19.16 m

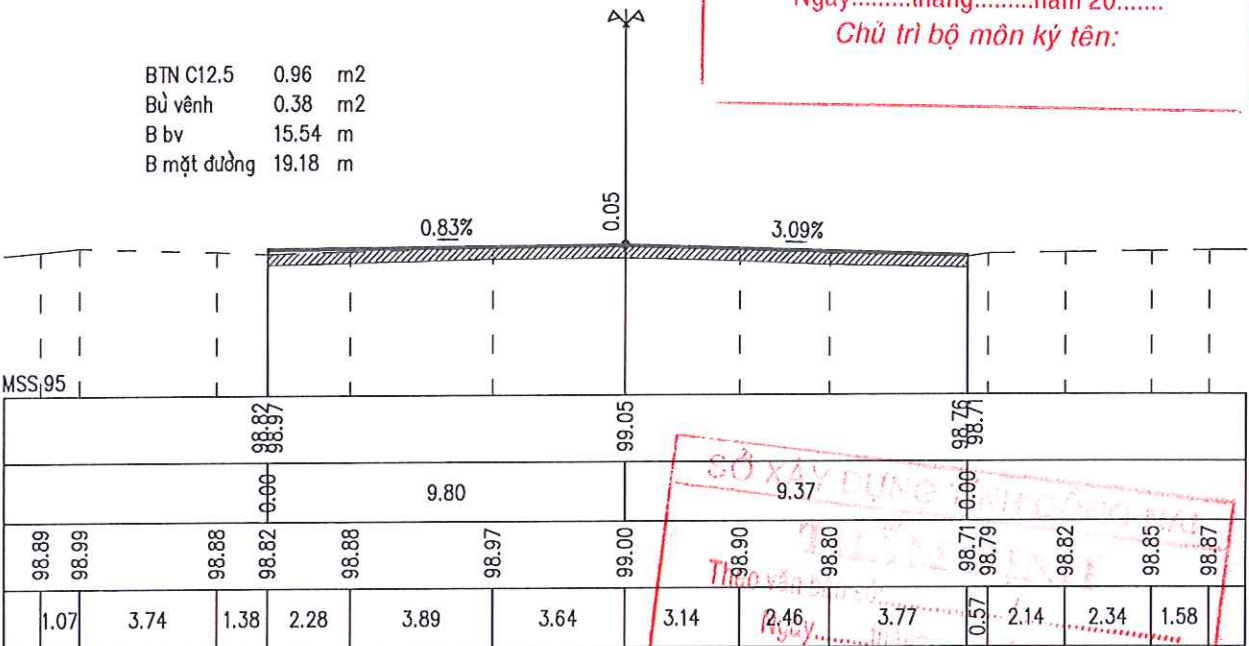
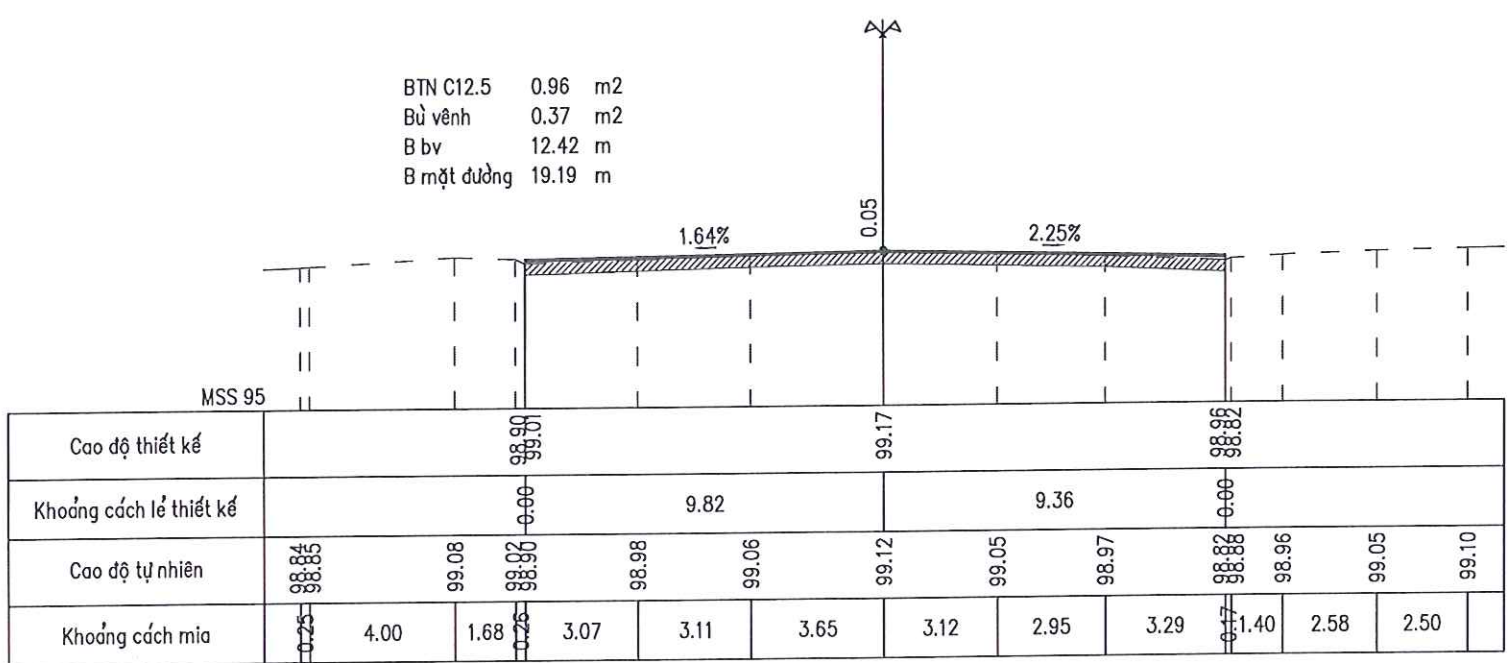


Cọc 114
Km 23 + 840.00

BTN C12.5 0.96 m2
Bù vênh 0.37 m2
B bv 12.42 m
B mặt đường 19.19 m

Cọc 115
Km 23 + 860.00

BTN C12.5 0.96 m2
Bù vênh 0.38 m2
B bv 15.54 m
B mặt đường 19.18 m



SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ

THẨM TRA

Theo văn bản số:...../TTQHKĐXD&BTĐB-TVĐT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

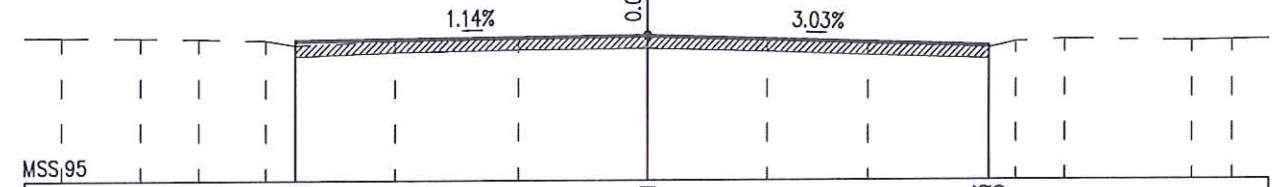
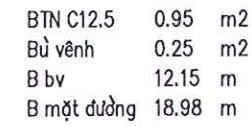
Ký tên:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ
ĐỒNG NAI, THÁNG.....NĂM 2026
TƯ VẤN XÂY DỰNG
HÀ CÔNG ĐỊNH

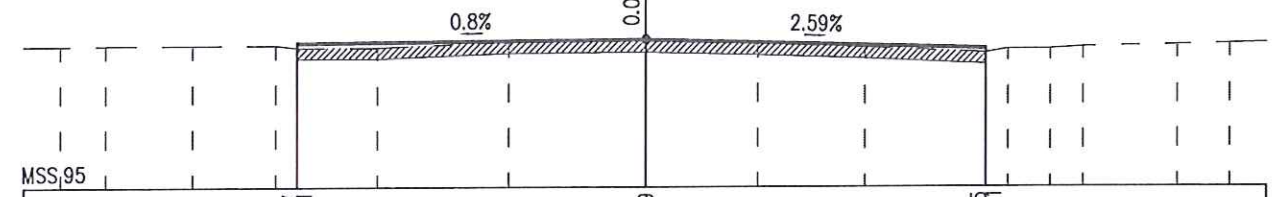
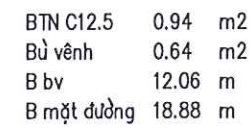
TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ	CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ TRỤ SỞ: TỐ 2, KHU PHỐ TIẾN THÁNH 6, P. ĐỒNG XOÀI, TỈNH ĐỒNG NAI	HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.759B ĐOẠN TỪ KM21+000 ĐẾN KM24+000 ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIỆN HƯNG, TỈNH ĐỒNG NAI	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	ĐỒNG NAI, THÁNG 05, NĂM 2026 TRÌNH ĐƠN VỊ TƯ VẤN TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ T.Đ
---	--	---	-----------	-----------	--------	--

TỶ LỆ 1:200

Cọc H9
Km 23+900.00

[illegible]

Coc 118
Km 23 + 940.00



98.82	98.83	98.84	98.84	98.77	98.77	98.91	98.94	98.86	98.76	98.61	98.72	98.72	98.77	98.82	98.85
1.23	2.36	2.29	0.58	2.21	3.59	3.73	3.09	2.94	3.32	0.59	1.15	0.90	2.58	1.43	
			98.67	98.69			98.99			98.75	98.76				
			0.00		9.53			9.35		0.00					

[illegible]

CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	ĐỒNG NẠI, THÁNG ... NĂM 2026
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. VÕ MINH TÂM		
THỰC HIỆN	KS. HÀN VĂN TỬ		
KIỂM TRA	KS. VÕ MINH TÂM		

TỶ LỆ:	BẢN VẼ SỐ:
--------	------------

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

TỶ LỆ 1:200

Cọc 119
Km 23 + 960.00

BTN C12.5 0.94 m2
Bù vênh 0.48 m2
B bv 11.99 m
B mặt đường 18.83 m

MSS 95

Cao độ thiết kế	99.12													
Khoảng cách lề thiết kế	9.52													
Cao độ tự nhiên	99.06	99.01	99.03	98.82	98.91	99.02	99.07	99.03	98.98	98.86	98.98	98.98	98.95	98.99
Khoảng cách mìa	2.48	2.28	1.72	2.16	3.74	3.61	3.22	2.98	3.11	0.76	0.96	1.56	0.98	1.80

Cọc 120
Km 23 + 980.00

BTN C12.5 0.95 m2
Bù vênh 0.16 m2
B bv 15.16 m
B mặt đường 18.90 m

MSS 96

Cao độ thiết kế	99.42													
Khoảng cách lề thiết kế	9.58													
Cao độ tự nhiên	99.52	99.51	99.46	99.30	99.20	99.29	99.37	99.30	99.24	99.15	99.27	99.33	99.39	99.43
Khoảng cách mìa	0.73	2.86	2.51	0.32	2.20	3.65	3.74	3.24	3.25	2.84	0.34	1.14	1.28	1.60

Cọc Km 24
Km 24 + 0.00

BTN C12.5 0.95 m2
Bù vênh 0.22 m2
B bv 12.16 m
B mặt đường 18.98 m

MSS 96

Cao độ thiết kế	99.75													
Khoảng cách lề thiết kế	9.61													
Cao độ tự nhiên	99.79	99.69	99.60	99.53	99.55	99.64	99.70	99.65	99.60	99.49	99.60	99.73	99.80	99.82
Khoảng cách mìa	3.61	1.55	1.23	0.99	3.91	3.71	3.12	2.66	3.59	0.67	0.93	0.67	2.62	1.75

Cọc 121
Km 24 + 20.00

BTN C12.5 0.94 m2
Bù vênh 0.38 m2
B bv 11.85 m
B mặt đường 18.83 m

MSS 96

Cao độ thiết kế	100.18													
Khoảng cách lề thiết kế	9.44													
Cao độ tự nhiên	100.13	100.09	99.92	99.83	99.92	100.04	100.13	100.08	100.00	99.90	100.00	100.03	100.09	100.12
Khoảng cách mìa	3.14	2.85	0.57	1.61	4.06	3.78	3.20	2.75	3.43	0.47	1.39	2.72	2.04	

SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ
THẨM TRA
Theo văn bản số:...../TTQHKĐXD&BTĐB-TVĐT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ
THẨM TRA
Theo văn bản số:...../TTQHKĐXD&BTĐB-TVĐT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ

TRỤ SỞ: TỐ 2, KHU PHỐ TIẾN THÀNH B, P. ĐÔNG XOÀI, TỈNH ĐỒNG NAI

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT
CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.759B ĐOẠN TỪ KM21+000 ĐẾN KM24+000
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIỆN HƯNG, TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨC DANH

HỌ VÀ TÊN

CHỮ KÝ

ĐỒNG NAI, THÁNG NĂM 2028

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

KS. VÕ MINH TÂM

THỰC HIỆN

KS. HÂN VĂN TỬ

KIỂM TRA

KS. VÕ MINH TÂM

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

HA CÔNG ĐỊNH

BẢN VẼ THIẾT KẾ

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

TỶ LỆ:

BẢN VẼ SỐ:

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

TỶ LỆ 1:200

Cọc 125
Km 24 + 120.00

BTN C12.5 0.95 m2
Bù vênh 0.15 m2
B bv 14.66 m
B mặt đường 18.90 m

MSS 99

Cao độ thiết kế	103.87											
Khoảng cách lề thiết kế	9.45											
Cao độ tự nhiên	103.13	103.05	103.02	102.97	103.06	103.24	103.43	103.41	103.40	103.35	103.38	103.79
Khoảng cách mìa	2.28	2.34	1.93	1.62	3.59	4.24	3.25	3.00	3.21	0.27	0.41	2.65

Cọc 126
Km 24 + 140.00

BTN C12.5 0.96 m2
Bù vênh 0.30 m2
B bv 11.89 m
B mặt đường 19.11 m

MSS 99

Cao độ thiết kế	103.79											
Khoảng cách lề thiết kế	9.53											
Cao độ tự nhiên	103.99	103.49	103.45	103.35	103.45	103.61	103.74	103.77	103.76	103.77	103.69	104.10
Khoảng cách mìa	3.30	1.46	1.55	1.80	4.02	3.71	3.50	3.33	2.75	0.25	0.72	1.60

Cọc 127
Km 24 + 160.00

BTN C12.5 0.98 m2
Bù vênh 0.35 m2
B bv 12.65 m
B mặt đường 19.52 m

MSS 99

Cao độ thiết kế	103.62											
Khoảng cách lề thiết kế	9.74											
Cao độ tự nhiên	104.01	103.98	103.85	103.62	103.72	103.87	104.00	103.99	103.97	103.87	103.99	104.08
Khoảng cách mìa	1.93	0.74	3.58	2.48	3.56	3.71	3.17	2.60	4.01	0.55	0.32	1.14

Cọc D21
Km 24 + 161.53

BTN C12.5 0.98 m2
Bù vênh 0.58 m2
B bv 19.68 m
B mặt đường 19.68 m

MSS 99

Cao độ thiết kế	104.09											
Khoảng cách lề thiết kế	9.86											
Cao độ tự nhiên	104.02	103.99	103.83	103.62	103.74	103.89	104.02	104.00	103.99	103.99	103.96	103.64
Khoảng cách mìa	1.68	0.88	3.57	2.56	3.47	3.84	3.58	3.40	2.83	0.55	0.66	3.10

SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ
THẨM TRA
Theo văn bản số:/TTQH&XD&BT&B-TV&DT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ
Theo văn bản số:/TTQH&XD&BT&B-TV&DT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ
TỌA ĐỘ: TỐ 2, KHU PHỐ TIẾN THÀNH B, P. ĐỒNG XÁI, TỈNH ĐỒNG NAI

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT
CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.759B ĐOẠN TỪ KM21+000 ĐẾN KM24+000
ĐỊA BIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIỆN HƯNG, TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨC DANH

HỌ VÀ TÊN

CHỮ KÝ

ĐỒNG NAI, THÁNG NĂM 2026

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

KS. VÕ MINH TÂM

THỰC HIỆN

KS. HÂN VĂN TỬ

KIỂM TRA

KS. VÕ MINH TÂM

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ

HÀ CÔNG ĐỊNH

BẢN VẼ THIẾT KẾ

TRẮC NGANG THIẾT KẾ

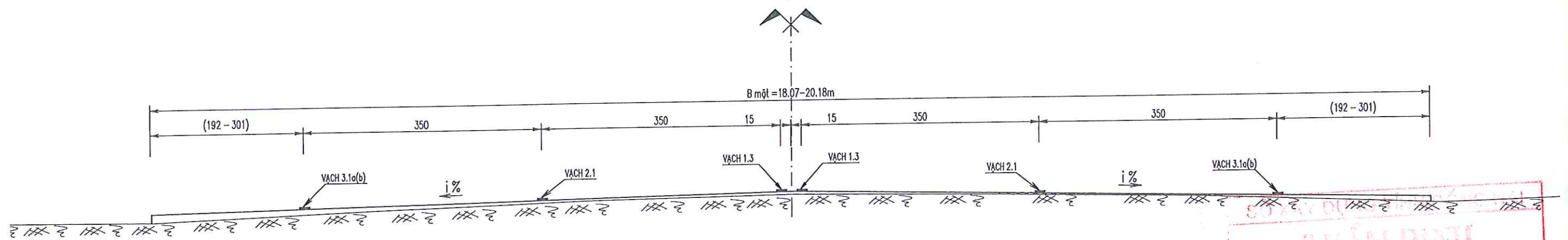
TỶ LỆ:

BẢN VẼ SỐ:

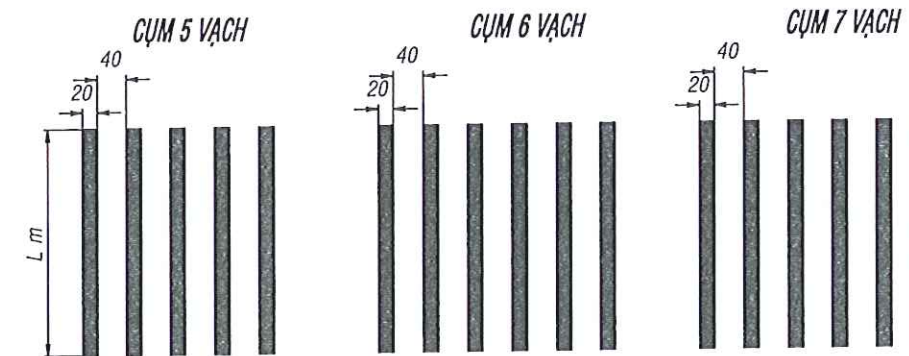
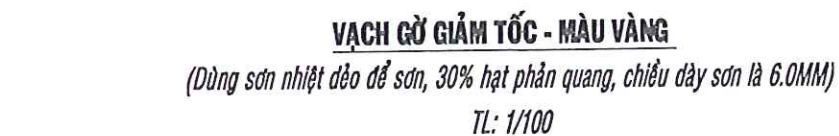
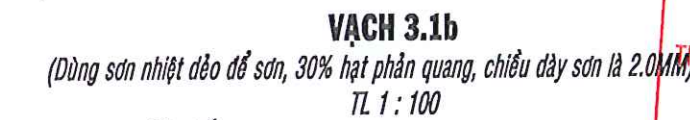
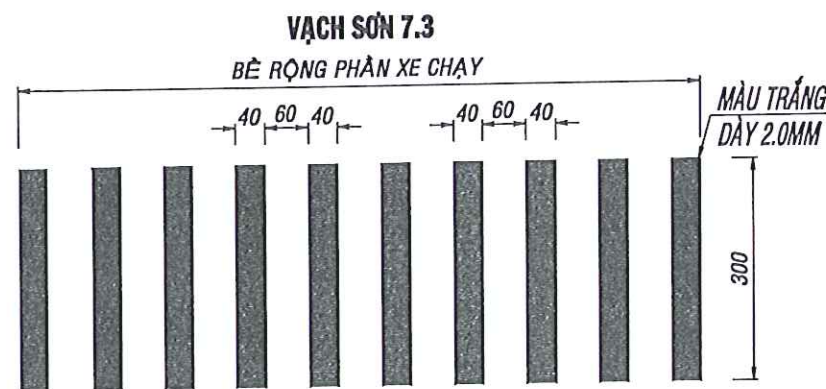
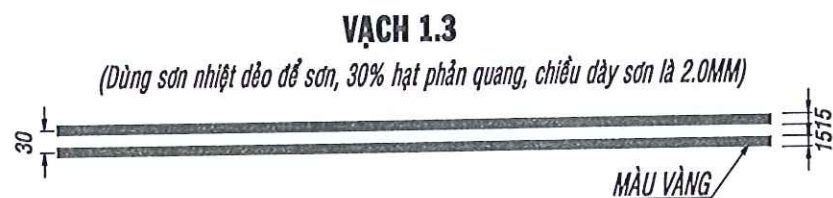
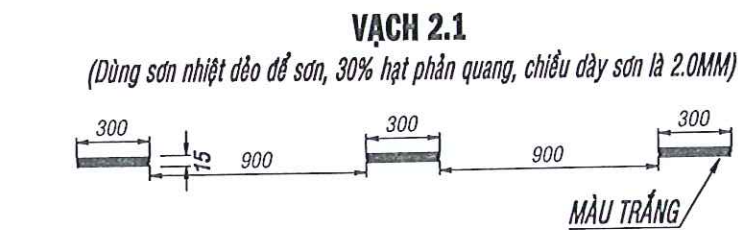
BÌNH ĐỒ ATGT

ĐI XÂY DỰNG THẠCH DÔNG AI	
THẠCH DÔNG	
Theo văn bản số...../.....	
Ngày.....Tháng.....Năm 20.....	
Ký tên:	

TRẮC NGANG MẪU VẠCH SƠN
TỶ LỆ: 1/75



CHI TIẾT VẠCH SƠN



GHI CHÚ:

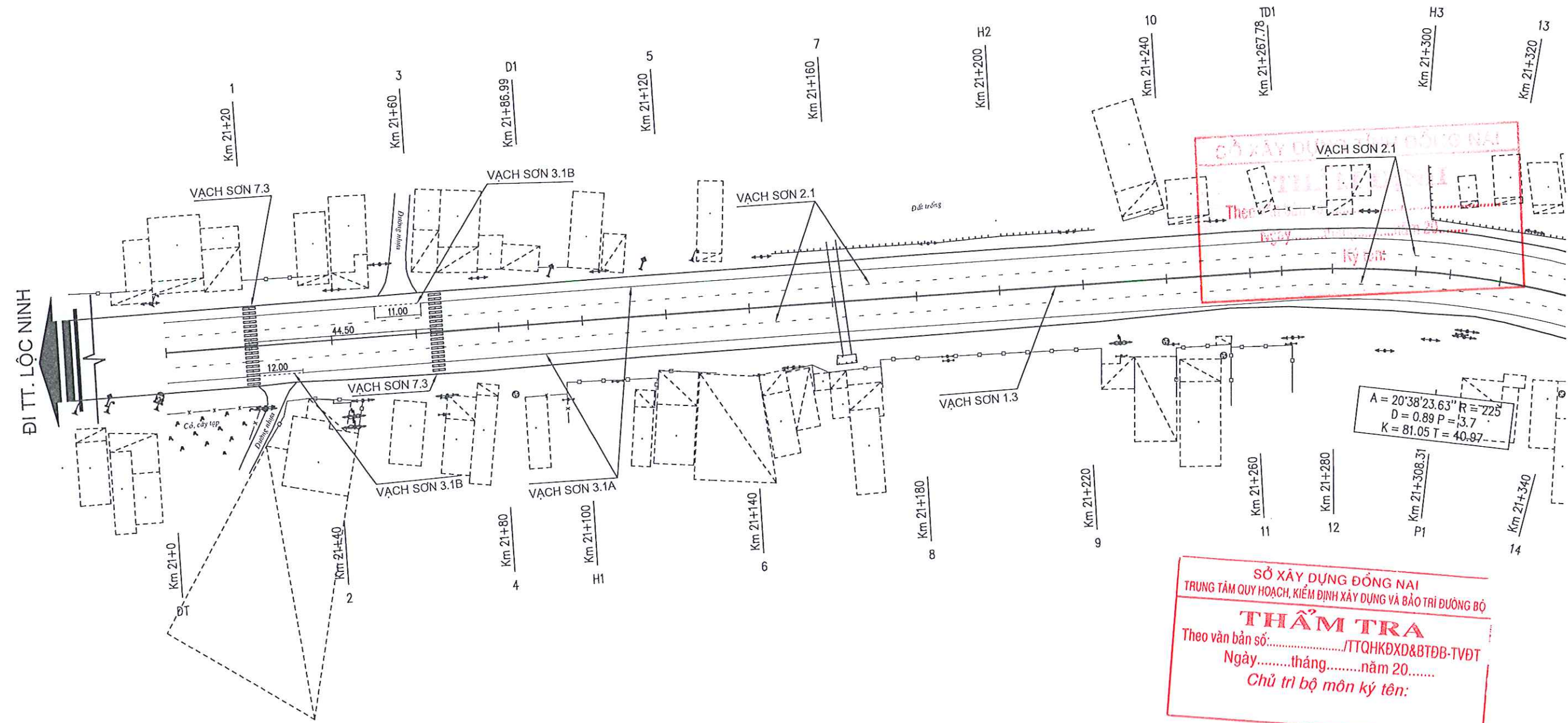
- Kích thước trong bản vẽ dùng đơn vị cm.
- Hệ thống biển báo hiệu đường bộ được bố trí theo "quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ" QCVN 41: 2024/BGTVT.

TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ	HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.759B ĐOẠN TỪ KM21+000 ĐẾN KM24+000 ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIỆN HƯNG, TỈNH ĐỒNG NAI	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	ĐỒNG NAI, THÁNG NĂM 2026 CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BON VẬT TƯ VẤN AZ	BẢN VẼ THIẾT KẾ	
		CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. VÕ MINH TÂM			CHI TIẾT VẠCH SƠN	
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ TRỤ SỞ: TỐ 2, KHU PHỐ TIẾN THÀNH B, P. BÓNG XỎA, TỈNH ĐỒNG NAI		THỰC HIỆN	KS. HÂN VĂN TỬ			TỶ LỆ:	BẢN VẼ SỐ:
		KIỂM TRA	KS. VÕ MINH TÂM				

ĐI TT LỘC NINH

BÌNH ĐỒ ATGT
TỶ LỆ 1:1000

ĐI TT XÃ HƯNG PHƯỚC



TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ	HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.759B ĐOẠN TỪ KM21+000 ĐẾN KM24+000 ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIỆN HƯNG, TỈNH ĐỒNG NAI	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐỒNG NAI, THÁNG NĂM 2026 BỘ MÔN TƯ VẤN HÀ CÔNG ĐỊNH	BẢN VẼ THIẾT KẾ	
		CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. VÕ MINH TÂM			BÌNH ĐỒ ATGT	
		THỰC HIỆN	KS. HÂN VĂN TỬ				
		KIỂM TRA	KS. VÕ MINH TÂM				
						TỶ LỆ:	BẢN VẼ SỐ:
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ TRỤ SỞ: TỔ 2, KHU PHỐ TIẾN THÀNH B, P. BÓNG XOÀI, TỈNH ĐỒNG NAI							

ĐI TT XÃ HUNG PHƯỚC >

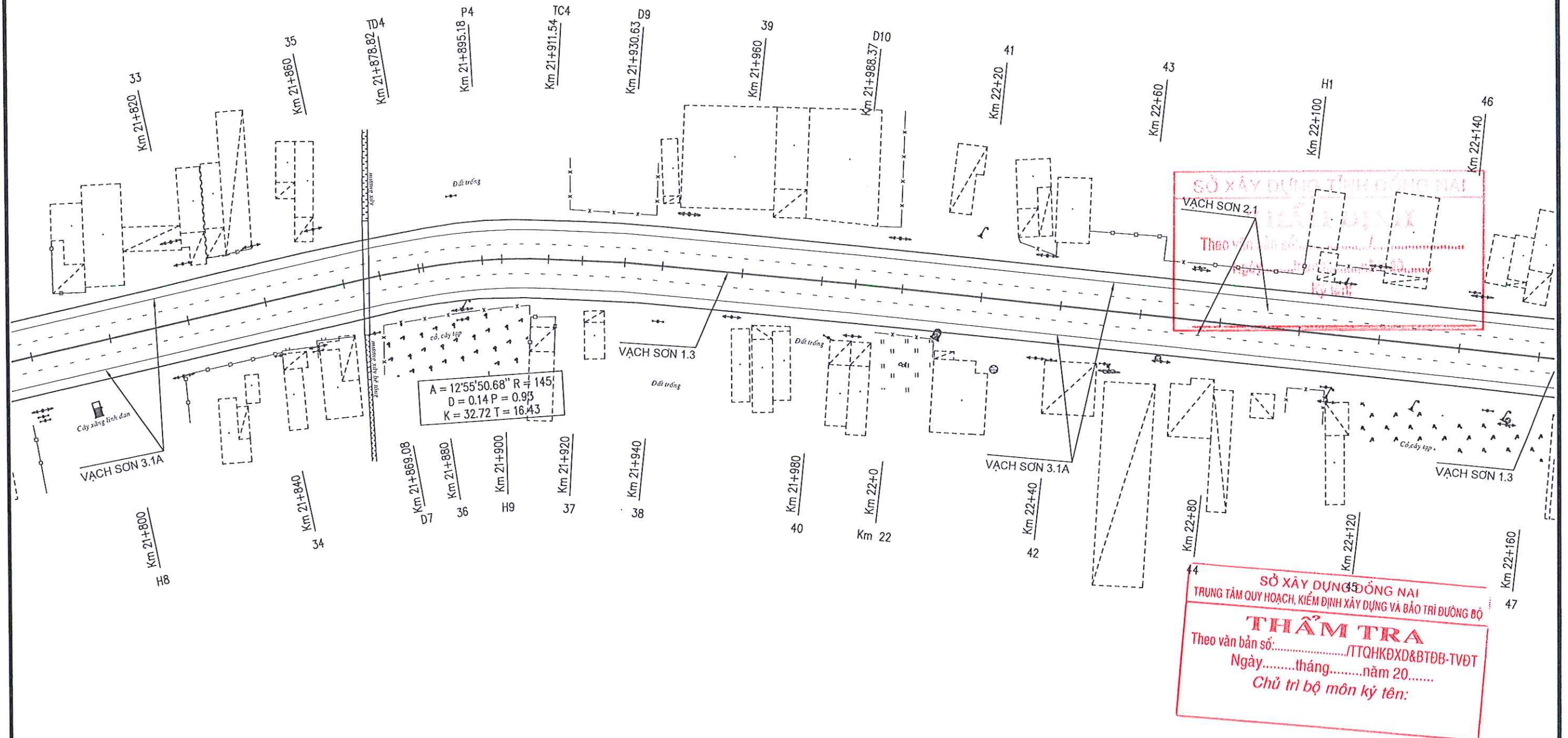


TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ TRỤ SỞ: TỐ 2, KHU PHỐ TIẾN THÀNH B, P. BỜ RA XÃ LẠ, TỈNH BẮC NAI	HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.759B ĐOẠN TỪ KM21+000 ĐẾN KM24+000 ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIỆN HƯNG, TỈNH ĐỒNG NAI	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	ĐỒNG NAI, THÁNG NĂM 2026 TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ CÔNG XÃ LẠ - BÌNH PHƯỚC HÀ CÔNG ĐỊNH	BẢN VẼ THIẾT KẾ	
		CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. VÕ MINH TÂM			BÌNH ĐỒ ATGT	
		THỰC HIỆN	KS. HÂN VĂN TỬ				
		KIỂM TRA	KS. VÕ MINH TÂM			TỶ LỆ:	BẢN VẼ SỐ:

BÌNH ĐỒ ATGT
TỶ LỆ 1:1000

ĐI TT LỘC NINH

ĐI TT XÃ HƯNG PHƯỚC



TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ

TRỤ SỞ: TỔ 2, KHU PHỐ TIẾN THÀNH 5, P. BÔNG
XOÀI, TP. BẾN LỬNG

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT
CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.759B ĐOẠN TỪ
KM21+000 ĐẾN KM24+000

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIỆN HƯNG, TỈNH BẾN LỬNG

CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. VÕ MINH TÂM	
THỰC HIỆN	KS. HÂN VĂN TỬ	
KIỂM TRA	KS. VÕ MINH TÂM	



BẢN VẼ THIẾT KẾ

BÌNH ĐỒ ATGT

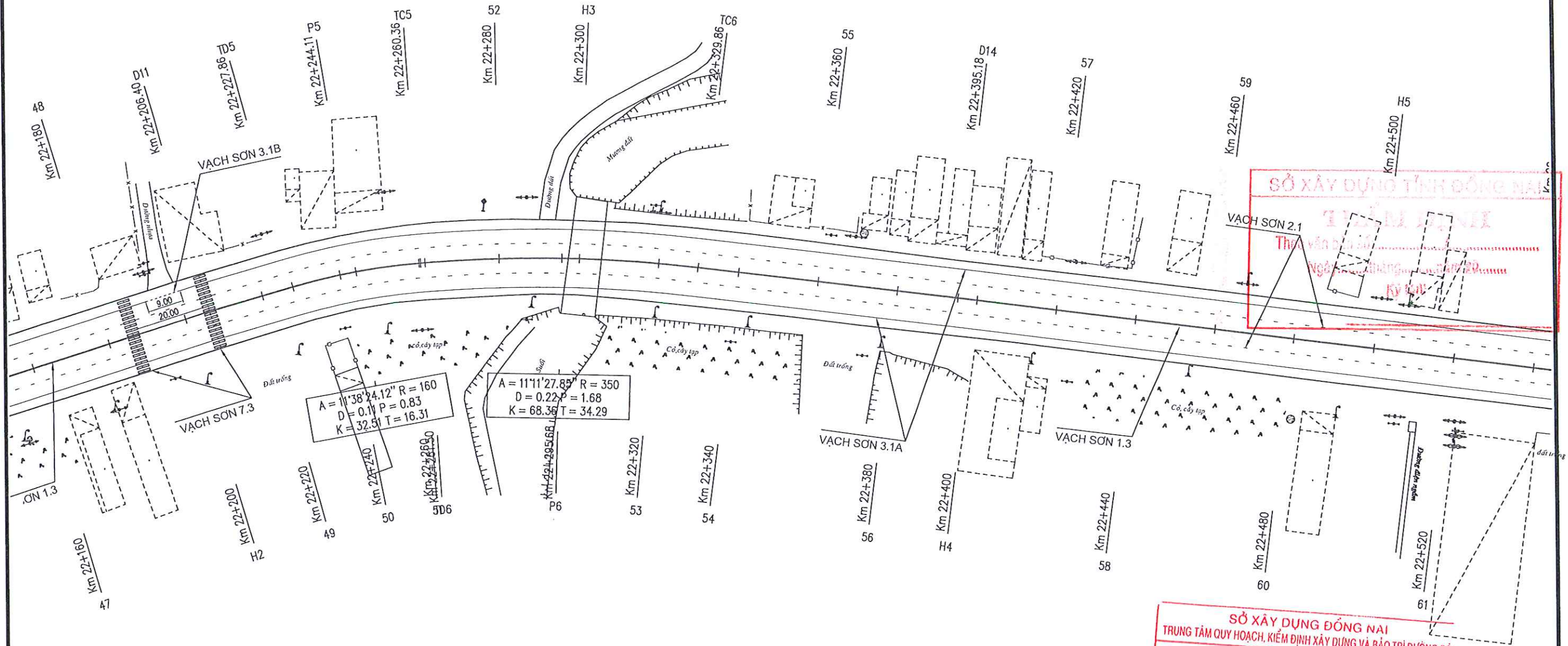
TỶ LỆ:

BẢN VẼ SỐ:

BÌNH ĐỒ ATGT
TỶ LỆ 1:1000

ĐI TT XÃ HƯNG PHƯỚC

ĐI TT LỘC NINH



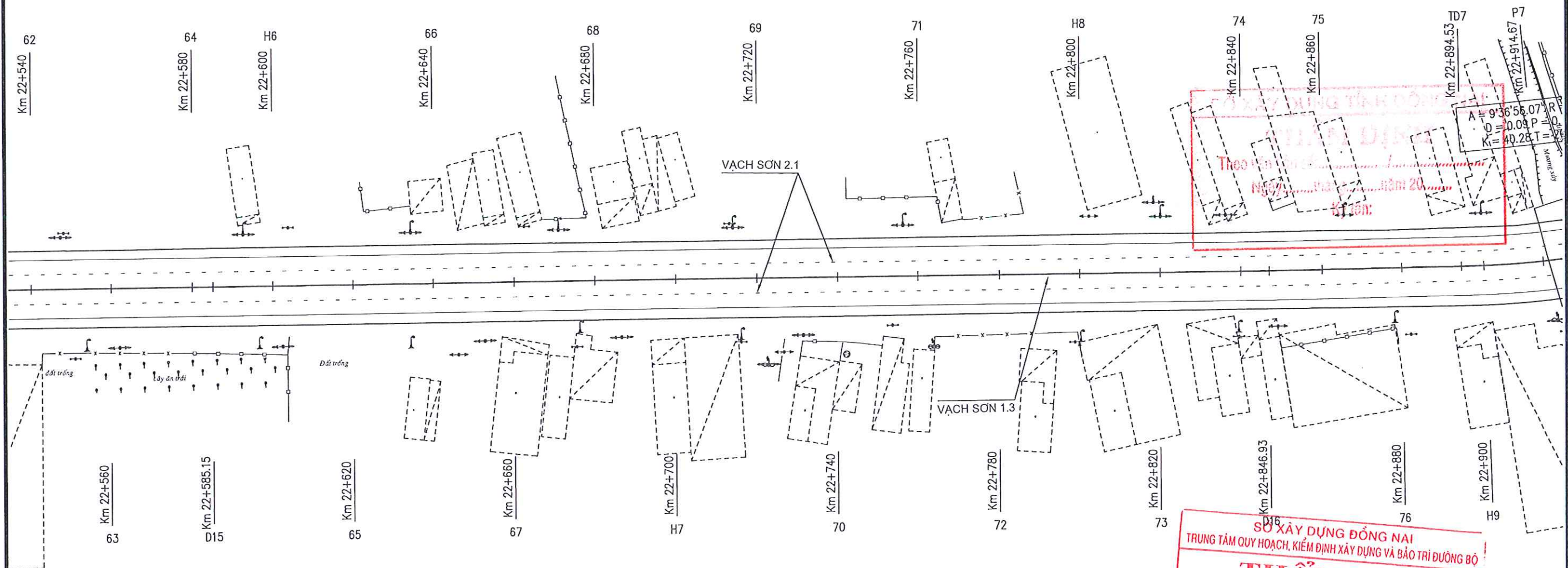
SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ
THẨM TRA
Theo văn bản số:/TTQHKĐXD&BTĐB-TVĐT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ TRỤ SỞ: TỐ 2, KHU PHỐ TIẾN THÀNH B, P. BÓNG XỎAI, TỈNH ĐỒNG NAI	HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.750B ĐOẠN TỪ KM21+000 ĐẾN KM24+000 ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIÊN HƯNG, TỈNH ĐỒNG NAI	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	ĐỒNG NAI, THÁNG NĂM 2026 CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ ĐƠN VỊ TƯ VẤN	BẢN VẼ THIẾT KẾ	
		CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. VÕ MINH TÂM			BÌNH ĐỒ ATGT	
		THỰC HIỆN	KS. HÂN VĂN TỬ			TỶ LỆ:	BẢN VẼ SỐ:
		KIỂM TRA	KS. VÕ MINH TÂM				

ĐI TT LỘC NINH

BÌNH ĐỒ ATGT
TỶ LỆ 1:1000

ĐI TT XÃ HƯNG PHƯỚC



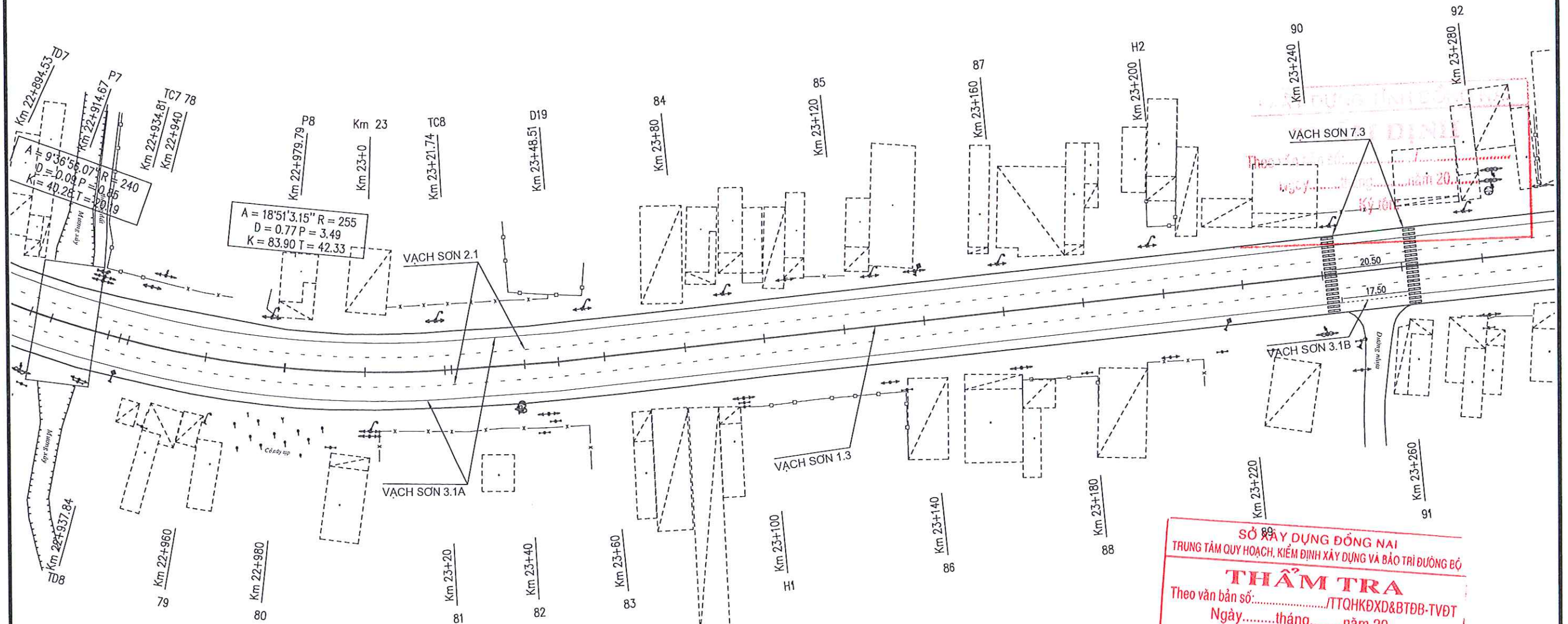
SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ
THẨM TRA
Theo văn bản số:/TTQHKĐXD&BTĐB-TVĐT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ	HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.759B ĐOẠN TỪ KM21+000 ĐẾN KM24+000 ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIÊN HƯNG, TỈNH ĐỒNG NAI	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐỒNG NAI, THÁNG NĂM 2026 BỘ VỊ TƯ VẤN TP. ĐỒNG XOÀI - T. BÌNH PHƯỚC HÀ CÔNG ĐỊNH	BẢN VẼ THIẾT KẾ	
		CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. VÕ MINH TÂM			BÌNH ĐỒ ATGT	
THỰC HIỆN		KS. HÂN VĂN TỬ					
KIỂM TRA		KS. VÕ MINH TÂM					
				TỶ LỆ:		BẢN VẼ SỐ:	
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ TRỤ SỞ: TỐ 2, KHU PHỐ TIẾN THÀNH 5, P. BÚM BÀ XOÀI, TỈNH ĐỒNG NAI							

BÌNH ĐỒ ATGT
TỶ LỆ 1:1000

ĐI TT LỘC NINH

ĐI TT XÃ HUNG PHƯỚC



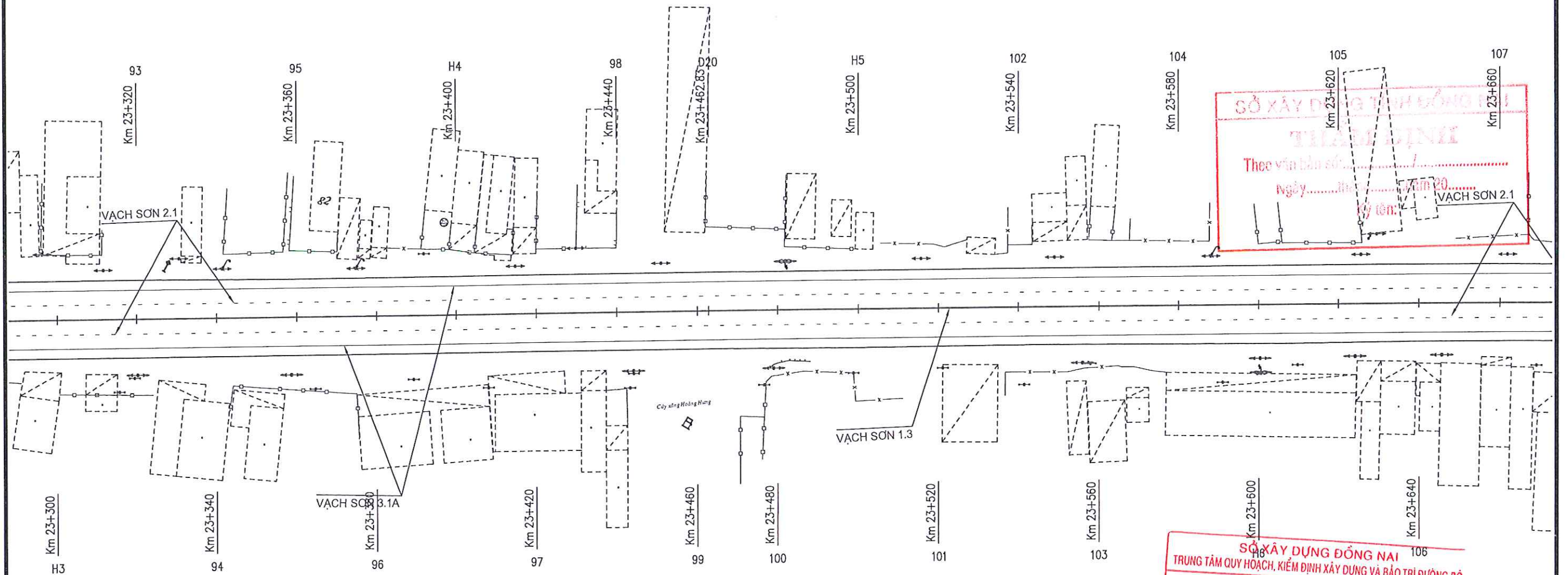
SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ
THẨM TRA
Theo văn bản số:/TTQHKĐXD&BTĐB-TVĐT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ TRỤ SỞ: TỔ 2, KHU PHỐ TIẾN THÀNH B, P. BÓNG XỎÀI, TỈNH ĐỒNG NAI	HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.759B ĐOẠN TỪ KM21+000 ĐẾN KM24+000 ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIỆN HUNG, TỈNH ĐỒNG NAI	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	ĐỒNG NAI, THÁNG NĂM 2026 BỘ VỊ TƯ VẤN	BẢN VẼ THIẾT KẾ	
		CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. VÕ MINH TÂM			BÌNH ĐỒ ATGT	
		THỰC HIỆN	KS. HÂN VĂN TÚ			TỶ LỆ:	BẢN VẼ SỐ:
		KIỂM TRA	KS. VÕ MINH TÂM				

BÌNH ĐỒ ATGT
TỶ LỆ 1:1000

ĐI TT LỘC NINH

ĐI TT XÃ HƯNG PHƯỚC



SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ
THẨM TRA
Theo văn bản số:/TTQHKBXD&BTĐB-TVĐT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ TRỤ SỞ: TỔ 2, KHU PHỐ TIẾN THÀNH B, P. BỐNH XỎAI, TỈNH ĐỒNG NAI	HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.759B ĐOẠN TỪ KM21+000 ĐẾN KM24+000 ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIỆN HƯNG, TỈNH ĐỒNG NAI	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	BẢN VẼ THIẾT KẾ BÌNH ĐỒ ATGT TỶ LỆ: BẢN VẼ SỐ:
		CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. VÕ MINH TÂM		
		THỰC HIỆN	KS. HÀN VĂN TỬ		
		KIỂM TRA	KS. VÕ MINH TÂM		

TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ	HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.750B ĐOẠN TỪ KM21+000 ĐẾN KM24+000 ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIỆN HƯNG, TỈNH ĐỒNG NAI	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	ĐỒNG NAI, THÁNG NĂM 2026 CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ HẠ CÔNG ĐỊNH	BẢN VẼ THIẾT KẾ
		CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. VÕ MINH TÂM			
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ TRỤ SỞ: TỐ 2, KHU PHỐ TIẾN THẠNH B, P. BÔNG HOÀI, THỊNH BÔNG NAI		THỰC HIỆN	KS. HÀN VĂN TÚ			BÌNH ĐỒ ATGT
		KIỂM TRA	KS. VÕ MINH TÂM			
					TỶ LỆ:	BẢN VẼ SỐ:

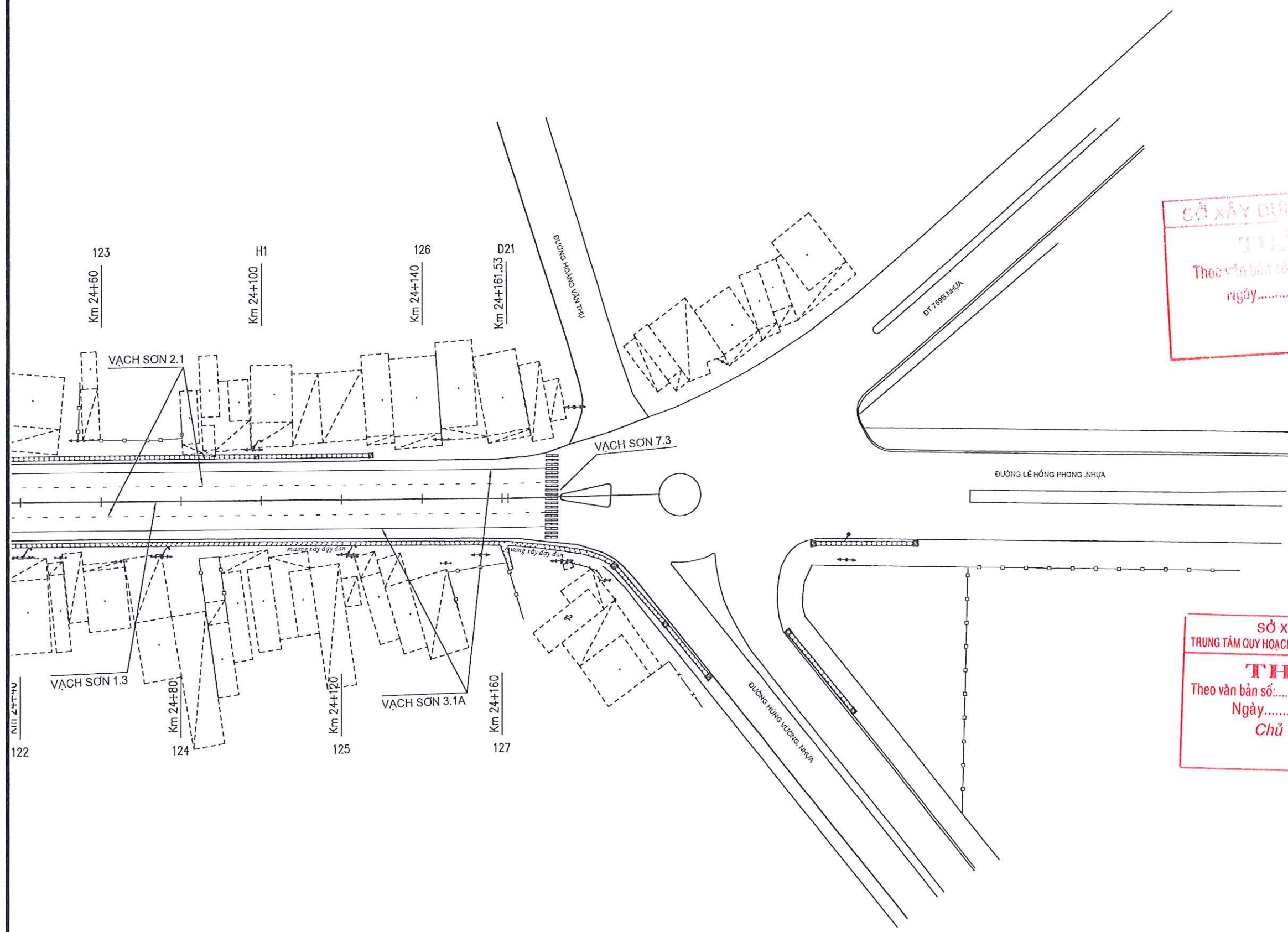
ĐI TT LỘC NINH

BÌNH ĐỒ ATGT
TỶ LỆ 1:1000

ĐI TT XÃ HƯNG PHƯỚC

CƠ XÂY DỰNG TỈNH ĐỒNG NAI
T. THIÊN HƯƠNG
Theo văn bản số:
ngày tháng năm 20.....
Ký tên:

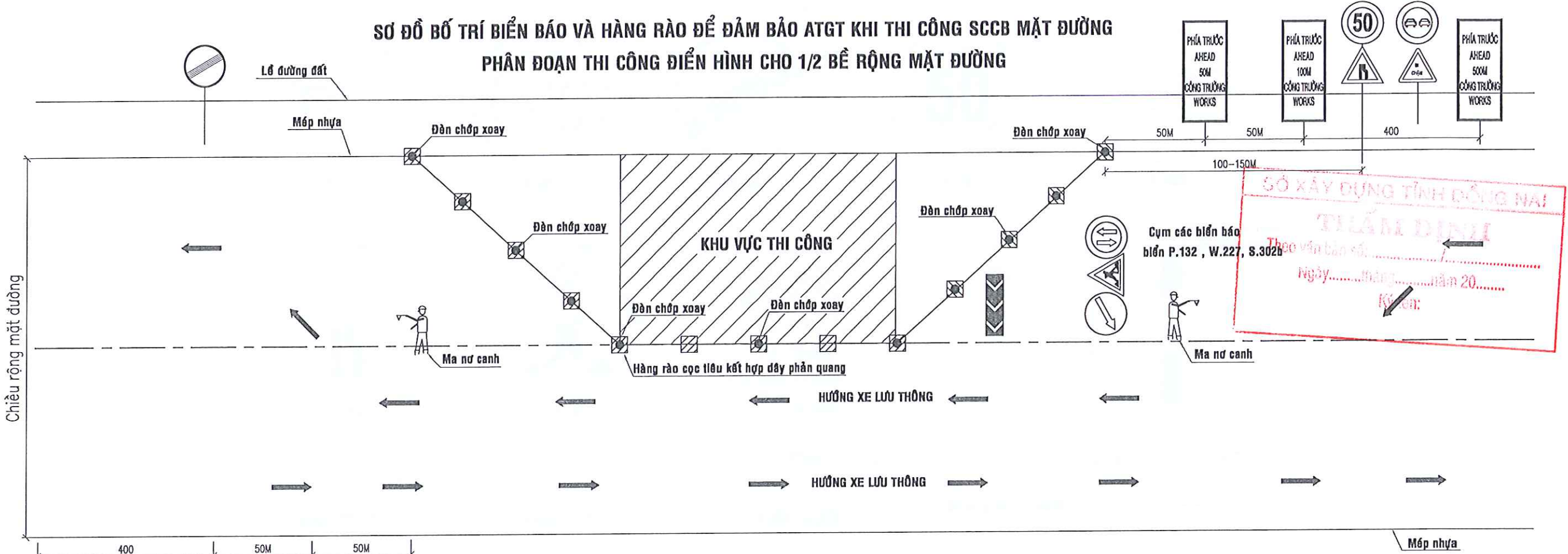
SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ
THẨM TRA
Theo văn bản số:/TTQHKĐXD&BTĐB-TVĐT
Ngày tháng năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:



TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ	HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.759B ĐOẠN TỪ KM21+000 ĐẾN KM24+000 ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIỆN HƯƠNG, TỈNH BẾN LÚC	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	ĐỒNG NAI, THÁNG NĂM 2026 BỘ TƯ VẤN CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ XOÀI, T. BÌNH THƯỜNG	BẢN VẼ THIẾT KẾ	
		CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. VÕ MINH TÂM			BÌNH ĐỒ ATGT	
		THỰC HIỆN	KS. HÀN VĂN TỬ				
		KIỂM TRA	KS. VÕ MINH TÂM				
						TỶ LỆ:	BẢN VẼ SỐ:
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ TRỤ SỞ: TỔ 2, KHU PHỐ TIẾN THÀNH B, P. BẾN XOÀI, TỈNH BẾN LÚC							

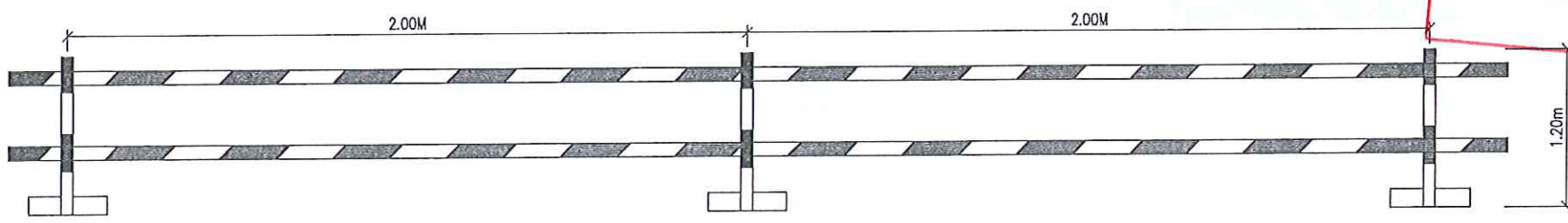
ĐẢM BẢO AN TOÀN GIAO THÔNG

SƠ ĐỒ BỐ TRÍ BIỂN BÁO VÀ HÀNG RÀO ĐỂ ĐẢM BẢO ATGT KHI THI CÔNG SCCB MẶT ĐƯỜNG
PHÂN ĐOẠN THI CÔNG ĐIỂN HÌNH CHO 1/2 BỀ RỘNG MẶT ĐƯỜNG



SỞ XÂY DỰNG TỈNH ĐỒNG NAI
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

SƠ ĐỒ BỐ TRÍ HÀNG RÀO CỌC TIÊU KẾT HỢP DÂY PHẢN QUANG



SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ
THẨM TRA
Theo văn bản số:/TTQHKĐXD&BTĐB-TVĐT
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

ĐƠN VỊ TRÊN BẢN VẼ TÍNH BẰNG M

TRUNG TÂM QUY HOẠCH, KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ TRỤ SỞ: TỔ 2, KHU PHỐ TIẾN THÁNH B, P. BÓN XOÀI, TỈNH ĐỒNG NAI	HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐT.759B ĐOẠN TỪ KM21+000 ĐẾN KM24+000 ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ THIỆN HƯNG, TỈNH ĐỒNG NAI	CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	ĐỒNG NAI, THÁNG NĂM 2026 CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG AZ TÀI TRỢ TÀI CHÍNH HÀ CÔNG ĐỊNH	BẢN VẼ THIẾT KẾ ĐẢM BẢO AN TOÀN GIAO THÔNG HẠNG MỤC THI CÔNG NỀN MẶT ĐƯỜNG TỶ LỆ: BẢN VẼ SỐ:
		CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. VÕ MINH TÂM			
		THỰC HIỆN	KS. HÂN VĂN TỬ			
		KIỂM TRA	KS. VÕ MINH TÂM			